SỞ VĂN HÓA TT-TT TỈNH THÁI NGUYÊN
VIỆN SỬ HỌC VIỆT NAM

Khởi nghĩa Thái Nguyên

80 NĂM NHÌN LẠI

THÁI NGUYÊN - 1997

SỞ VĂN HÓA TT-TT TỈNH THÁI NGUYÊN
VIỆN SỬ HỌC VIỆT NAM

Khởi nghĩa Thái Nguyên

80 NĂM NHÌN LẠI

THÁI NGUYÊN - 1997

LỜI GIỚI THIỆU

NGUYỄN NGÔ HAI

Uỷ Viên BCHTU Đảng Cộng Sản Việt Nam

Bí thư Tỉnh uỷ tỉnh Thái Nguyên

" Bắc sơn cùng Đô Lương, Thái Nguyên..." - đó là câu kết lời bài hát Tiến quân ca mà sau cách mạng tháng Tám đã được chọn làm Quốc ca của nước ta. Lời ca ấy đã động viên, cổ vũ toàn dân ta đứng lên giành lại độc lập dân tộc, đánh thắng thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược và đang còn cùng cả dân tộc ta bước tiếp những chặng đường xây dựng đất nước theo định hướng XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam quang vinh.

Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên bùng nổ và diễn ra quyết liệt với những kết cục đầy bi hùng đã cách nay 80 năm. Lợi dụng những điều kiện thuận lợi nhất định do đế quốc Pháp đang tham chiến ở châu Âu,

những binh sĩ yêu nước trong quân đội Pháp đồn trú ở Thái Nguyên cùng các chính trị phạm bị giam cầm ở nhà lao tỉnh lỵ và nhân dân địa phương, dưới sự chỉ huy của Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến đã nổi dậy, đập tan chính quyền thực dân ở tỉnh lỵ, hiên ngang tuyên bố "Thái Nguyên độc lập", đặt quốc hiệu là " Đại Hùng ", lấy lá cờ 5 sao làm quốc kỳ, tổ chức ra đội " Việt Nam Quang phục quân " với lá cờ " Nam Binh Phục Quốc" để " bắt đầu từ tỉnh Thái Nguyên" hợp nhau lại thành " những đạo quân đi giải phóng đất nước".

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử cận đại Việt Nam, một cuộc khởi nghĩa diễn ra thành công tại một tỉnh, tuyên bố nền độc lập, đặt ra quốc kỳ. Thành lập quân đội riêng... Đúng như cố Giáo sư Viện sĩ Trần Huy Liệu đã từng viết :"Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên là cuộc khởi nghĩa lớn nhất nổ ra ở Việt Nam trong thời kỳ thế giới đại chiến thứ nhất".

Khởi nghĩa Thái Nguyên đã làm rung động chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương và làm chấn động dư luận ở Pháp và thế giới. Bọn thực dân Pháp ở Đông Dương đã phải huy động hàng ngàn quân tinh nhuệ có đại pháo, cơ giới yểm trợ quyết đàn áp cho được cuộc khởi nghĩa. Mặc dù yếu hơn kẻ địch nhiều lần về lực lượng, với tinh thần chiến đấu ngoan cường, nghĩa quân Thái Nguyên đã giữ tỉnh thành được một tuần lễ và tiếp tục hành quân, đánh du kích trong suốt nửa năm trời. Cuộc khởi nghĩa mặc dù cuối cùng đã thất bại nhưng đã viết thêm một trang sử oanh liệt chống thực dân Pháp của nhân dân Thái Nguyên nói riêng, dân tộc ta nói chung.

Để ghi công người anh hùng khởi nghĩa Thái Nguyên, ngay sau cuộc cách mạng tháng Tám-1945, tỉnh Thái Nguyên đã được đặt tên

là tỉnh Đội Cấn. Trong cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp xâm lược, mảnh đất Thái Nguyên lại được vinh dự là Thủ Đô kháng chiến của cả nước. Chính từ nơi đây, bộ tham mưu cao nhất của cuộc kháng chiến đã lãnh đạo nhân dân cả nước làm nên trận Điện Biên Phủ chấn động hoàn cầu. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhân dân Thái Nguyên tự hào đã bắn rơi chiếc máy bay thứ 1000 của không lực Hoa Kỳ; tự hào về hàng chục ngàn con em các dân tộc mình đã có mặt trên khắp mọi miền của đất nước, cùng cả nước giành thắng lợi cuối cùng...

Trên mảnh đất Thái Nguyên giàu truyền thống lịch sử và văn hoá này, nhiều năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thái Nguyên đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm hướng về cội nguồn, tôn vinh quá khứ vẻ vang của cha ông mà nhiều thế hệ đã dày công vun đắp. Các thành tựu của sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hoá xã hội đã và đang từng ngày góp phần làm đổi thay bộ mặt của quê hương. Nhân dịp kỷ niệm 80 năm Khởi nghĩa Thái Nguyên, Sở Văn hoá Thông tin Thể thao Thái Nguyên phối hợp với Viện Sử học Việt Nam cho ra mắt bạn đọc tập chuyên luận " Khởi nghĩa Thái Nguyên-Tám mươi năm nhìn lại". Cuốn sách do một đội ngũ các tác giả, các giáo sư, phó tiến sĩ, nhà nghiên cứu quen biết, nhiều người là những chuyên gia đầu ngành ở Trung ương và địa phương viết.Trong điều kiện hiện nay, việc tổ chức biên soạn và xuất bản cuốn sách này là một sự cố gắng lớn, rất đáng trân trọng của Viện Sử học Việt Nam, Sở Văn hoá Thông tin Thể thao cũng như của tất cả các tác giả.

Việc biên soạn cuốn sách về cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 lần này chẳng những nói lên lòng tự hào, biết ơn của nhân dân Thái Nguyên đối với các nghĩa sĩ của cuộc khởi nghĩa mà còn là dịp

thúc đẩy thêm tinh thần của những thế hệ con cháu các nghĩa sĩ Thái Nguyên vào công cuộc xoá đói, giảm nghèo, xây dựng đất nước, quê hương hôm nay. Trên ý nghĩa đó tôi xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc xa gần công trình khoa học rất có ý nghĩa này. Nhân dịp này tôi cũng mong muốn ngày càng có thêm nhiều công trình khoa học có chất lượng cao, góp phần làm cho "Dân ta phải biết sử ta" như Bác Hồ từng dạy./.

Thái Nguyên ngày 1 tháng 4 năm 1997

Trịnh Văn Cấn, tức Trịnh Văn Đạt, tức Đội Cấn (1881 - 1918).
Ảnh của Bảo tàng Thái Nguyên.

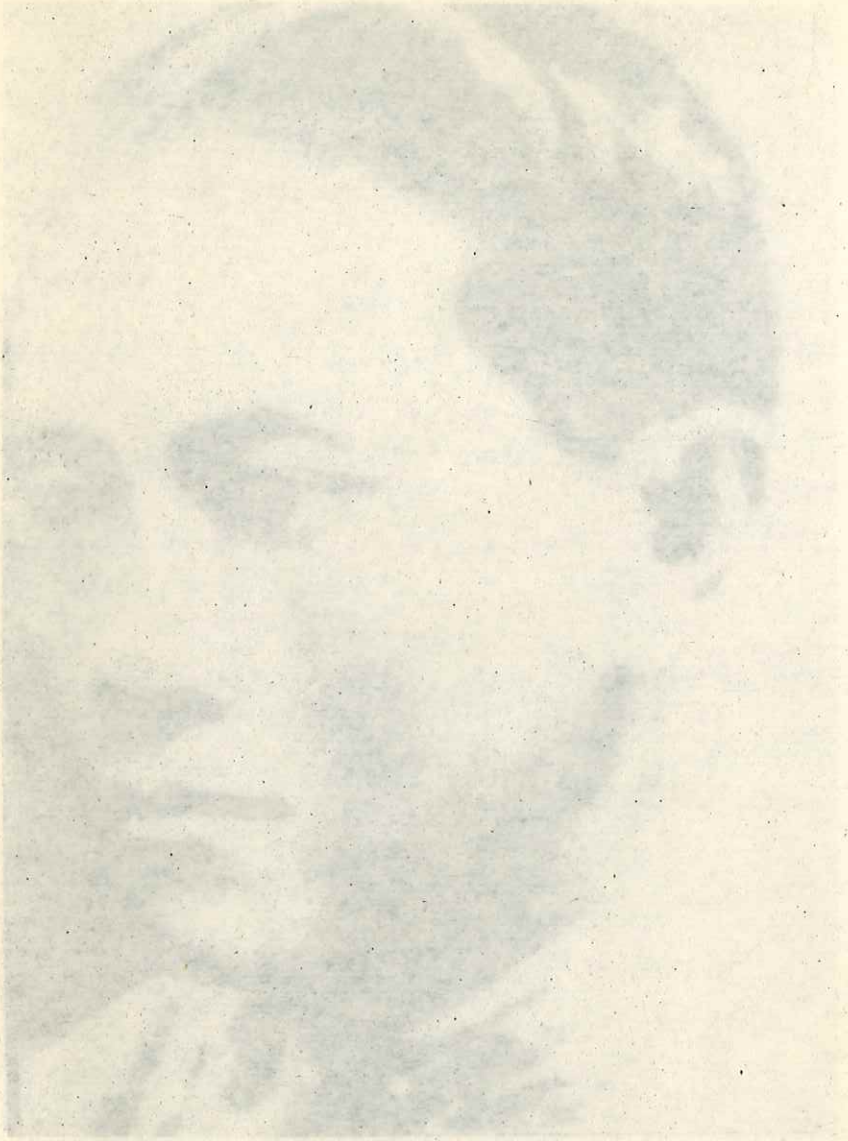

Trịnh Văn Cấn, tức Trịnh Văn Bát, tức Đội Cấn (1881 - 1918).
Ảnh của Bảo tàng Thái Nguyên.

Lương Ngọc Quyến, tức Lương Lập Nham, tức Ba Quyến (1885 - 1917).

Ảnh trích trong *"Lương Ngọc Quyến và cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917"* của Đào Trinh Nhất, Quốc dân thư xã xuất bản.

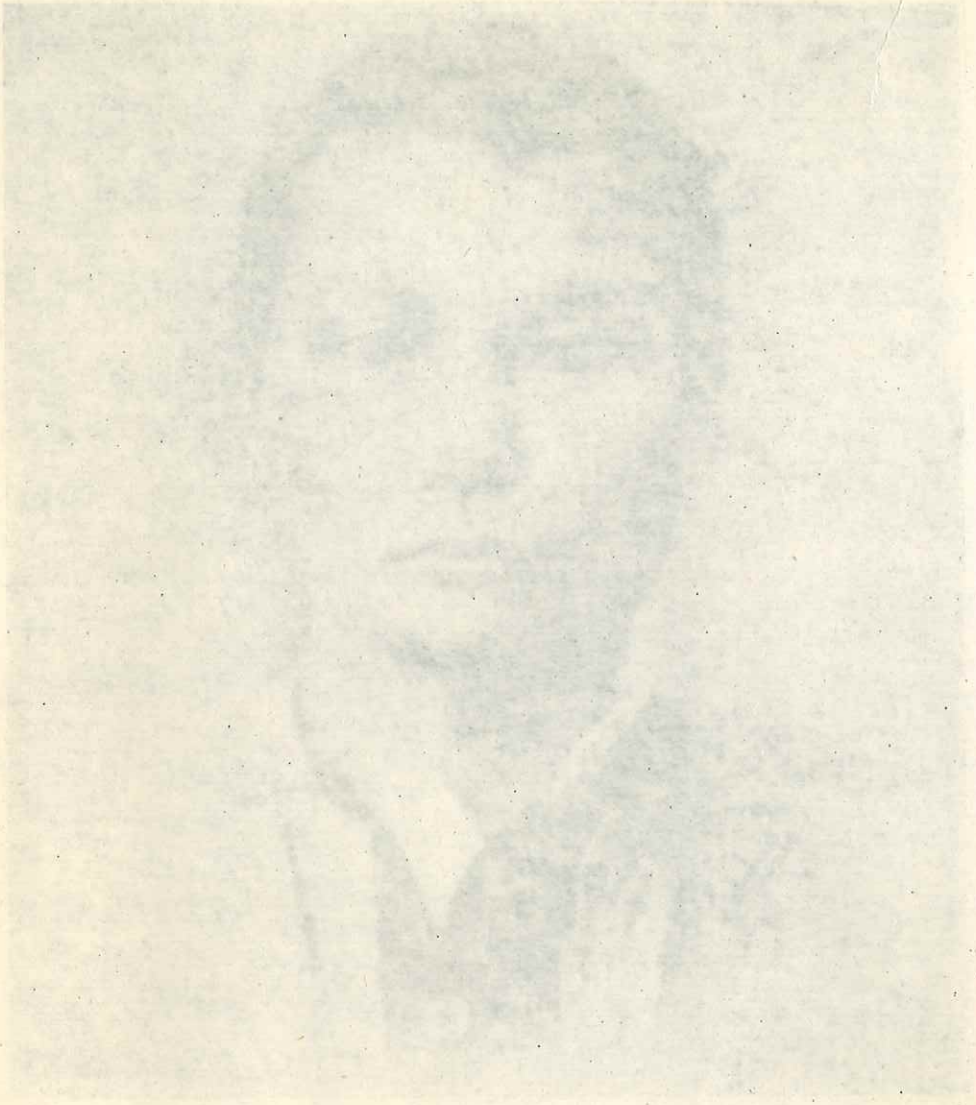

CENTRE-URBAIN
DE
THAI-NGUYEN
Annee 1990

BẢN ĐỒ
THỊ XÃ THÁI NGUYÊN
NĂM 1900

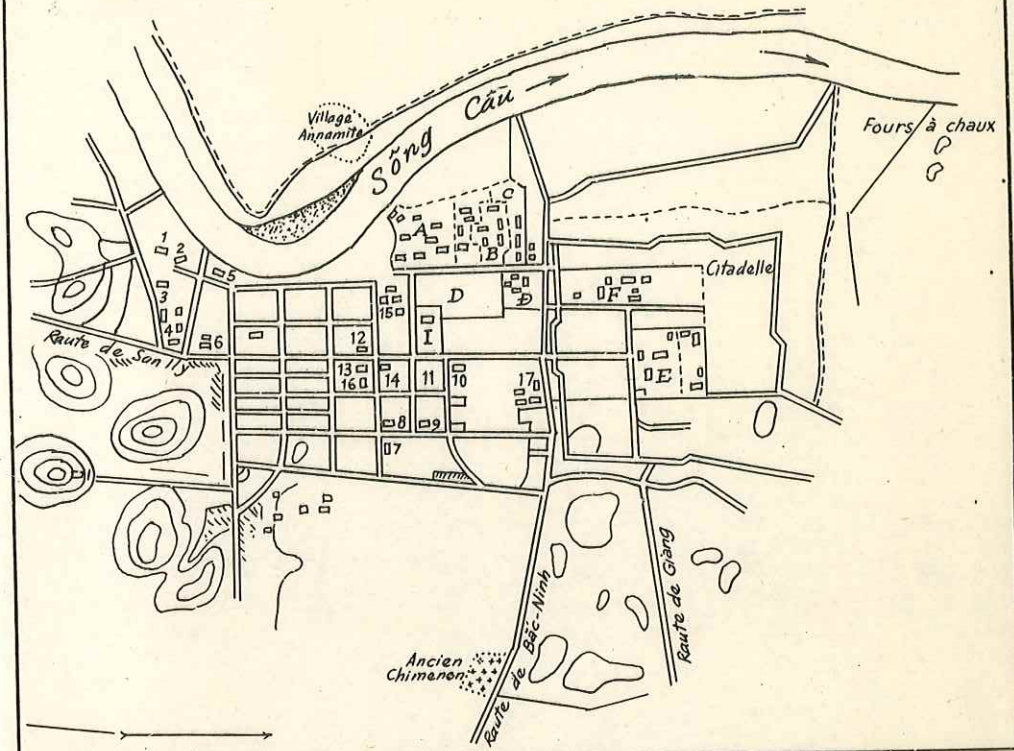

CHÚ THÍCH:

1 Tòa công sứ
2 Văn phòng làm việc của công sứ - Nơi ở của Phó công sứ
3 Trại lính khố xanh
4 Nơi ở của kế toán
5 Sở cẩm
6 Nơi ở của Chánh đoan
7 Câu lạc bộ
8 Chỗ ở của Án sát
9 Nhà dây thép (bưu điện)
10 Văn phòng lục lộ (công chính)
11 Nơi ở của lục lộ
12 Bất động sản của ông Phú Xa
13 Bất động sản của ông Sô Hua
14: Bất động sản của ông Brét Phô
15: Bất động sản của ông Bang Xuân
16 : Bất động sản của ông Án Triệu

A : Trại lính CeSa Ri
B : Kho pháo binh
C : Kho Hậu cần
D : Khu nhà sỹ quan
E : Bệnh viện
G : Công sư ở đồi C
I : Nhà Bộ chỉ huy quân đội

Dòng chảy, ao hồ
Công trình đang xây dựng
Đồi, núi

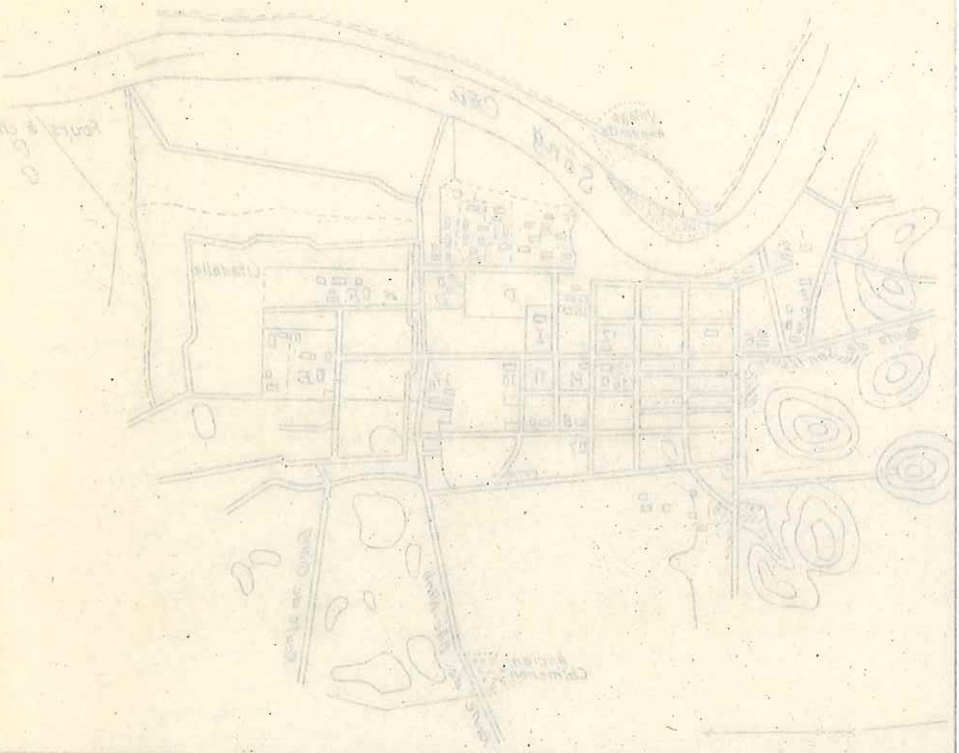

PHẦN THỨ NHẤT

TỈNH THÁI NGUYÊN
VÀ
KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN

PHẦN THỨ NHẤT

TÍNH THÁI NGUYÊN
VÀ
KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN

ĐẤT THÁI NGUYÊN VÀ CON NGƯỜI THÁI NGUYÊN TRONG LỊCH SỬ VỚI CUỘC KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN NĂM 1917

NGUYỄN THÀNH LUẬN & NGUYỄN THANH BÌNH

Sở Văn hoá Thông tin Thể thao Thái Nguyên

Viết về nguyên nhân bùng nổ cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, cố giáo sư viện sĩ Trần Huy Liệu đã nhấn mạnh : "*Riêng ở Thái Nguyên, một nơi từ trước đã in nhiều dấu vết chiến đấu của các thổ hào văn thân chống xâm lược Pháp,... nhân dân Thái Nguyên sẵn có một truyền thống anh dũng...*"[1]. Nhận xét này là hoàn toàn đúng với thực tế lịch sử.

[1] Trần Huy Liệu : *Thái Nguyên khởi nghĩa (8-1917)*, Tài liệu lưu trữ tại Viện Sử Học, Phông Trần Huy Liệu.

Có thể nói Thái Nguyên là một trong những tỉnh ở nước ta có bề dày lịch sử và truyền thống văn hoá lâu đời.

Nguồn sử liệu từ xa xưa cho biết, vào thời Hùng Vương, vùng đất Thái Nguyên ngày nay thuộc bộ Vũ Định - một trong 15 bộ của nước Văn Lang[2]. Trải qua hơn một ngàn năm Bắc thuộc và chống Bắc thuộc, diên cách dựng đặt của miền đất ngày nay gọi là Thái Nguyên này hầu như rất ít thay đổi, có chăng chỉ là thay tên gọi của nó trong từng thời kỳ lịch sử.

Thời thuộc Hán, Thái Nguyên lệ vào quận Giao chỉ, sang đời Đường (thế kỷ VIII-IX-X), Thái Nguyên thuộc Châu Long và Châu Vũ Nga[3]. Thời Đinh, Tiền Lê (thế kỷ X) chia đơn vị hành chính trong nước ra làm 10 đạo, đến khi Lý Thái tổ lên ngôi (năm 1010) rời kinh đô từ Hoa Lư ra Thăng Long đã đổi 10 đạo thời Đinh, Tiền Lê thành 24 lộ[4]. Tuy nhiên, trong các bộ sử cũ, địa danh của 24 lộ thời Lý chỉ liệt kê được 12 lộ[5] có cả đất Thái Nguyên. Theo các tác giả sách "*Đại Nam Nhất Thống Chí*" (thế kỷ XIX) thì đời Lý, đất Thái Nguyên gọi là *Châu Thái Nguyên và Châu Vũ Lặc*[6]. Học giả Đào Duy Anh căn cứ vào tên các

---

[2] *Cương mục tiền biên*, Quyển 1 tờ 3 :"*Thái Nguyên, Cao Bằng xưa là bộ Vũ Định nội ngoại*"

[3] *Cương mục*, Quyển 21, tờ 32 : Theo Đường thư Địa lí chí : Vũ Nga Châu Vũ Nga quận có 7 huyện.

[4] *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, NXB KHXH, Hà Nội, 1993, tr.242.

[5] Theo *Cương mục*, Quyển 2 tờ 12a : 12 lộ là các lộ Thiên Trường, Long Hưng, Quốc Oai, Bắc Giang, Hải Đông, Trường An, Kiến Xương, Hồng, Khoái, Thanh Hoá, Hoàng Giang, Diễn Châu.

[6] *Đại Nam Nhất Thống Chí*, Tập 4, NXB KHXH, Hà Nội, 1971, tr.146.

phủ chép trong *Việt Sử Lược* và *Toàn Thư* đã xác định :"*Phủ Phú Lương... là ở trên sông Cầu tức là miền tỉnh Thái Nguyên cũ*"[7]. Về Phủ Phú Lương, học giả Hoàng Xuân Hãn cũng đã khảo sát rất kỹ và cho kết luận ''*Phú Lương là tên một phủ thời Lý (theo Lĩnh Ngoại đại đáp và Việt sử lược, Toàn thư). Nay cũng còn châu Phú Lương thuộc tỉnh Thái Nguyên. Thượng lưu sông Cầu chảy qua đó. Đời Lý, phủ Phú Lương còn gồm địa phận cả tỉnh Thái Nguyên bây giờ và cả huyện Đa Phúc nữa. Sông Phú Lương là khúc sông Cầu chảy qua đó. Nối với sông Phú Lương có sông Như Nguyệt, chảy từ ngã ba Như Nguyệt qua làng Như Nguyệt đến vùng Thị Cầu. Tiếp đó là Khau Túc chảy xuống Phả Lại, Vạn Kiếp...*''[8].

Đến thời nhà Trần, vào năm Thiên ứng chính bình thứ 11 (1242) Nhà nước chia đặt lại các đơn vị hành chính, đổi 24 lộ thời Lý thành 12 lộ[9]. Nhưng trong sách An Nam chí lược (phần quận ấp), tác giả Lê Trắc (thời Trần) có ghi danh sách 15 lộ. Theo sách này thì Thái Nguyên thuộc về Như Nguyệt Giang Lộ, gồm miền thượng lưu sông Cầu, Yên Thế và Thái Nguyên. Về phương diện hành chính rất có thể Thái Nguyên vẫn gọi là châu Thái Nguyên như cuối thời Lý nằm trong Như Nguyện Giang lộ. Năm Quang Thái thứ 10 (1397) thời Trần đổi châu Thái Nguyên thành Trấn

[7] Đào Duy Anh : *Đất nước Việt Nam qua các đời*, NXB Thuận Hoá, 1994, tr.119

[8] Hoàng Xuân Hãn : *Lý Thường Kiệt*, NXB Văn Học, Hà Nội, 1995, tr.197.

[9] *Cương mục*, Chính biên, Quyển 6 tờ 22.

Thái Nguyên. Theo Đào Duy Anh :"*Đại thể trấn Thái Nguyên là tương đương với tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Bắc Cạn và nửa tỉnh Cao Bằng ngày nay*"[10]. Trong thời kỳ thuộc Minh (1407-1427), năm Vĩnh Lạc thứ 5 (1407) đổi trấn Thái Nguyên làm phủ Thái Nguyên (Nhất Thống chí chép là Châu thái Nguyên) lệ thuộc vào ty Bố Chính. Phủ này nằm ở phía Tây Bắc phủ Giao Châu, cách 450 dặm (theo An Nam bị lục). Phủ Thái Nguyên lĩnh 11 huyện là Phú Lương, Tư Nông, Vũ Lễ, Động Hỷ, Vĩnh Thông, Tuyên Hoá, Lộng Thạch, Đại Từ, An Định, Cảm Hoá, Thái Nguyên[11]. Từ năm Tuyên Đức (niên hiệu của Minh Tuyên Tông từ 1426 đến 1434) về sau vẫn lấy đất phủ Thái Nguyên làm Thái Nguyên Thừa chính ty coi ba phủ là Thái Nguyên, Phú Bình, Thông Hoá. Năm 1428, vương triều Lê được thành lập. Lê Thái Tổ chia cả nước thành 5 Đạo là Tây đạo, Đông Đạo, Bắc đạo, Nam Đạo và Hải Tây Đạo. Thái Nguyên thuộc về Bắc Đạo gồm các lộ trấn Bắc Giang, Lạng Giang và Thái Nguyên. Đến năm Quang Thuận thứ 7 (1466), Lê Thánh Tông định bản đồ cả nước gồm 12 đạo Thừa tuyên. ở mỗi đạo đặt ba chức Thừa chính, Tham chính, Tham nghị gọi là Thừa ty; Hiến sát sứ, Hiến sát phó sứ gọi là Hiến ty; Đô tổng binh sứ ty 10 xứ đều đặt Tổng binh sứ, Đồng tổng binh và Thiên sự[12]. Năm Quang Thuận thứ 10 (1469) đổi Thái Nguyên Thừa tuyên làm Ninh Sóc

[10]Đào Duy Anh, sách đã dẫn, tr.144.
[11]Nguyễn Văn Siêu : *Phương Đình địa dư toàn biên*, Hà Nội, 1977, tr.57
[12]Nguyễn Văn Siêu : *Đại Việt địa dư toàn biên*, Hà Nội, 1977, tr.153-154

thừa tuyên quản lĩnh ba phủ, 8 huyện, 7 châu. Trong đó: Phủ Phú Bình 7 huyện 2 châu : Phổ An (Yên) 21 xã; Đại Từ (10 xã, 30 trang); Tư Nông (25 xã 17 trang); Bình Tuyền (28 xã 1 trang); Động Hỷ (20 xã 30 trang); Phú Lương (20 trang); Văn Lãng 7 xã 14 trang); Định Hoá châu (46 xã 27 trang) và Vũ Nhai châu (65 xã 35 trang). Phủ Thông Hóa có 1 huyện 1 châu là huyện Cẩm Hoá (50 xã 10 trang), châu Bạch Thông (70 xã 3 trang). Phủ Cao Bằng có 4 châu : Thượng Lang (29 xã); Hạ Lang (29 xã); Thạch Lâm (92 xã, 4 thôn 8 trang); Quảng Uyên (22 xã, 4 trang)[13].

Như vậy theo *Cương mục* (Quyển 20 tờ 22), *Đại Nam Nhất Thống Chí* (Tập IV) và *Đại Việt địa dư toàn biên* thì thời Lê sơ Thừa tuyên Thái Nguyên gồm 3 phủ là phủ Phú Bình, Thông Hoá và Cao Bằng (Cương Mục chép là Bắc Bình phủ). Tuy nhiên, trong *Dư địa chí* do Nguyễn Trãi soạn năm 1438 lại chép riêng Cao Bằng là một đạo và phần chép về Thái Nguyên không có phủ Cao Bằng ! Sách ấy chép :"*Thái Nguyên xưa là đất bộ Vũ Định, đông và bắc giáp Cao, Lạng, tây và nam giáp kinh bắc, có hai lộ phủ chín huyện, hai châu và 336 xã*"[14]. Đối chiếu số huyện, châu, xã trong phần "*Cẩn án*" của *Dư Địa Chí* thấy khác rất nhiều so với số liệu mà Phương Đình Nguyễn Văn Siêu đã dẫn.

Sang đến giai đoạn khoảng giữa niên hiệu Hồng Đức (1470-1497) đổi Bắc Bình phủ làm Cao Bằng phủ vẫn lệ

[13]Nguyễn Văn Siêu : Như trên đã dẫn.
[14]*Nguyễn Trãi Toàn tập*, NXB KHXH, Hà Nội, 1976, tr.238.

thuộc vào Ninh Sóc thừa tuyên. Năm 1592, tình hình nội chiến Nam-Bắc triều ở nước ta đã cơ bản chấm dứt, Nhà Mạc bị quân Nam triều đánh bật ra khỏi Thăng Long đã chạy lên Cao Bằng dựa vào nhà Minh, nhà Thanh (Trung Quốc) xây dựng lực lượng cát cứ chống lại triều đình Lê-Trịnh và tồn tại được gần 1 thế kỷ. Vào năm Vĩnh Trị thứ 2 (1677), triều đình Lê -Trịnh sai tướng Đinh Văn Tả đưa quân lên Cao Bằng tiến đánh dư đảng nhà Mạc, bình định được 4 châu : Thạch Lâm, Quảng Uyên, Thượng Lang và Hạ Lang của phủ Cao Bằng, bèn đặt riêng Cao Bằng làm trấn, chỉ để hai phủ Phú Bình và Thông Hoá lệ thuộc vào trấn Thái Nguyên.

Đầu triều Nguyễn, niên hiệu Gia Long năm đầu (1802), Thái Nguyên vẫn gọi là trấn, lệ thuộc vào Bắc Thành. Đến năm Minh Mạng 12 (1831) đổi trấn Thái Nguyên làm tỉnh Thái Nguyên. Tỉnh thành đặt tại xã Đồng Mỗ, huyện Động Hỷ[15]. Năm Minh Mệnh thứ 16 (1835) tách châu Định và ba huyện Văn Lãng, Đại Từ, Phú Lương đặt thêm phủ Tòng Hoá. Phủ Phú Bình gồm 5 huyện là Tư Nông (do phủ kiêm lý), Phổ Yên, Động Hỷ, Vũ Nhai, Bình Tuyền, Phủ Thông Hoá gồm huyện Quảng Hoá và châu Bạch Thông. Thời thuộc Pháp, năm 1900 chính quyền thực dân cho tách phủ Thông Hoá đặt ra tỉnh Bắc Cạn gồm 5 huyện Bạch Thông, Na Rì, Ngân Sơn, Chợ Rã và Chợ Đồn. Tỉnh Bắc Thái được thành lập vào năm 1965 trên cơ sở hợp nhất hai tỉnh Bắc

[15] *Đại Nam Nhất Thống Chí*, Tập IV, Sđd, tr. 167.

Cạn và Thái Nguyên. Đến cuối năm 1978, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam chuyển hai huyện Ngân Sơn và Chợ Rã (của Bắc Cạn cũ) về tỉnh Cao Bằng và năm 1985 lập thêm 1 đơn vị hành chính nữa, đó là thị xã Sông Công.

Tại kỳ họp thứ II Quốc Hội khoá IX tháng 11.1996, Nhà nước đã quyết định tách tỉnh Bắc Thái thành hai tỉnh là Bắc Cạn và Thái Nguyên. Ngày nay tỉnh Thái Nguyên có 1 thành phố tỉnh lỵ, 1 thị xã, 7 huyện, bao gồm 177 phường xã, thị trấn với dân số 1.019.000 người thuộc 8 dân tộc anh em trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Thái Nguyên là một tỉnh có đủ cả ba vùng : miền núi, trung du và đồng bằng. Từ xa xưa đất Thái nguyên đã từng nổi tiếng nhờ có nhiều sản vật quý. *Huyện Bạch Thông có quế, nhung, sâm và da thú. Huyện Định Hoá có bạc, đồng, chì, vàng. Huyện Đại Từ có Trăn. Huyện Phổ Yên có vượn trắng. Huyện Đồng Hỷ có cá ngọc châu và nhiều thứ quý...* [16]. Con người Thái Nguyên vốn có "*tập tục cần kiệm không xa hoa*"[17], và đặc biệt người dân Thái Nguyên đã đóng góp một phần công sức không nhỏ trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Trong khuôn khổ luận văn ngắn này, chúng tôi xin được nêu một vài nhân vật tiêu biểu :

---

[16] Như trên, sách đã dẫn, tr. 239.
[17] Như trên, sách đã dẫn, tr. 154.

1. Trên tấm bia "*Quang vinh phúc thần sự lục bi ký*" ở phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên khắc dựng năm Giáp Thìn, niên hiệu Cảnh Hưng 45 (1784) ghi sự tích vị phúc thần được thờ ở đình làng Quang Vinh là phò mã Dương Tự Minh cho biết : Dương Tự Minh làm thổ tù phủ Phú Lương dưới 3 triều vua Lý: Nhân Tông, Thần Tông và Anh Tông. Ông được lấy công chúa Diên Bình và công chúa Thiều Dung. Năm Đại Định thứ 6 (1145) ông có công dẹp giặc Tống là bọn Đàm Hữu Lượng sang quấy phá nước ta. Năm Đại Định thứ 12 (1151), Dương Tự Minh cùng bọn Vũ Đái, Trí Minh Vương, Bảo Ninh Vương trị tội Đỗ Anh Vũ lộng hành và tư thông với Thái hậu. Ông tha cho Vũ. Sau Vũ được phục chức, ông bị Vũ đày đi nơi xa và chết ở đó. Vì những công lao của mình, Dương Tự Minh được sắc phong là Thượng đẳng Phúc thần và được nhân dân lập miếu thờ cúng. Trong sách *Vịnh sử thi tập*, Đặng Minh Khiêm ca ngợi ông là bậc Trung thần[18].

Đôi dòng sử cũ chép về Dương Tự Minh như sau :

Mùa đông tháng 10 năm Đại Định thứ 3 (1142) "sai thủ lĩnh phủ Phú Lương là Dương Tự Minh đến châu Quảng Nguyên để chiêu tập người châu ấy.

[18] *Văn khắc Hán -Nôm Việt Nam*, NXB KHXH, Hà Nội, 1993, tr.30-31.

Tháng 8 năm Đại Định thứ 4 (1143) "xuống chiếu cho Dương Tự Minh cai quản các công việc khe động dọc theo biên giới về đường bộ"

Đầu năm Đại Định thứ 5 (1144) gả công chúa Thiều Dung cho Dương Tự Minh. Phong Tự Minh làm Phò mã lang.

Tháng 8 năm 1144 có kẻ yêu thuật người nước Tống là Đàm Hữu Lượng trốn sang châu Tư Lang tự xưng là Triệu Tiên Sinh nói dối là vâng mệnh đi sứ, để dụ nước An Nam. Các khe động dọc biên giới có nhiều người theo. Hữu Lượng bèn đem đồ đảng đến cướp châu Quảng Nguyên... Vua xuống chiếu cho Phò mã lang Dương Tự Minh và văn thần Nguyễn Như Mai, Lý Nghĩa Vinh đi đánh... lấy được ải Lũng Đồ, châu Thông Nông, bắt được bọn bè đảng của Hữu Lượng là bọn Bá Đại 21 người...

Năm Đại Định 11 (1150) Dương Tự Minh cùng với Điện tiền chỉ huy sứ Vũ Đái, Trí Minh Vương, Bảo Ninh Hầu bắt gian thần Đỗ Anh Vũ, nhưng không giết được. Sau khi Anh Vũ được tha đã trả thù một cách rất hèn hạ. Dương Tự Minh cùng 30 người bị tội lưu đày nơi xa độc, một số người đồng mưu bị sát hại[19]

Có thể nói Phò mã Dương Tự Minh, người con ưu tú của quê hương Thái nguyên là một trong những tấm gương tiêu biểu cho tinh thần tận trung báo quốc, làm việc nghĩa, chống gian tà. Hơn thế nữa, cuộc đời và sự nghiệp của ông

[19] *Đại Việt sử ký Toàn thư*, Tập I, sdd, tr.314-315,318-319.

là biểu tượng tượng trưng cho tinh thần đoàn kết gắn bó giữa các dân tộc trong buổi đầu xây dựng quốc gia phong kiến Đại Việt.

2.Đầu thế kỷ XV, quốc gia phong kiến Đại Việt bị giày xéo dưới gót giày của quân xâm lược nhà Minh. Không cam chịu kiếp sống nô nệ, nhân dân Đại Việt đã vùng lên đấu tranh chống lại kẻ thù hung bạo. Trên địa bàn Thái Nguyên, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đã bùng lên mạnh mẽ. Mở đầu cho phong trào này là cuộc khởi nghĩa của Trần Nguyên Khoáng, Nguyễn Đa Bí nổ ra năm 1408. Tiếp theo đó là hàng loạt cuộc nổi dậy lẻ tẻ của Chu Sư Nhan, Bùi Quý Thăng, Nguyễn Khắc Chẩn, Nguyễn Trà, Dương Khắc Chung, Dương Thế Chân, Ông Lão, v.v... Trong số các thủ lĩnh nói trên, Ông Lão là người có thế lực nhất và đã xây dựng được căn cứ ở huyện Đồng Hỷ. Nhà Minh buộc phải ra lệnh cho tên ngụy quan Ma Bá Hổ giữ chức đồng tri phủ Thái Nguyên tuyển thêm ngụy binh để đàn áp cuộc đấu tranh của nhân dân trong vùng. Tháng 6 năm 1410, quân Ma Bá Hổ tấn công huyện Đồng Hỷ, đánh bại được nghĩa quân Ông Lão, nhưng thủ lĩnh Ông Lão thoát được và tiếp tục củng cố xây dựng lực lượng. Từ giữa tháng 11 năm 1411, nghĩa quân của Ông Lão lại hoạt động trở lại trên một địa bàn lớn rộng hơn và đã gây cho giặc Minh những thiệt hại đáng kể. Quân Ông Lão từng đánh vào huyện Cổ Lũng (Hữu Lũng-Bắc Giang), Tư Nông và

tập kích quân giặc ở huyện Đồng Hỷ. Cuộc khởi nghĩa kéo dài mãi đến đầu tháng 3 năm 1412.

Nằm trong phong trào đấu tranh của nhân dân miền núi, những hoạt động của nghĩa binh áo đỏ (Hồng Y) là đặc biệt rộng lớn và kéo dài hơn cả. Địa bàn hoạt động ban đầu của nghĩa binh áo đỏ là phủ Thái Nguyên. Tháng11 năm 1410 nghĩa quân tiến về huyện Đại Từ. Chính quyền đô hộ đã buộc phải huy động một lực lượng rất lớn để đối phó. Tên Ma Bá Hổ, tri phủ Thái Nguyên trực tiếp đôn quân đàn áp.

Khi Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn (Thanh Hoá) đã nhanh chóng quy tụ được hào kiệt bốn phương. Từ miền Thái Nguyên xa xôi, Lưu Nhân Chú đã tìm về Lam Sơn tụ nghĩa, và là một trong những người có mặt sớm nhất của cuộc khởi nghĩa. Lưu Nhân Chú đã tham dự Hội thề Lũng Nhai lịch sử năm 1416 [20]. Sau hơn 10 năm "nếm mật, nằm gai" vào sinh ra tử, cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi. Trong đợt ban thưởng đầu tiên sau khi đất nước vừa sạch bóng thù, ba cha con họ Lưu được Lê Thái Tổ ban quốc tính cho đổi sang họ vua (họ Lê) và xếp vào hạng công thần khai quốc. Theo gia phả dòng họ Lưu ở xã Vân Yên, huyện Đại Từ, Lưu Trung được phong tước Quốc Công [21], Lưu Nhân Chú được ban

---

[20] Đặng Nghiêm Vạn *"Tìm thấy gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú"* NCLS số 105 tháng12-1967

[21] *Đại Nam nhất thống chí*.Sđd, tr 170

tước Đình thượng hầu và Phạm Cuống tước Quan nội hầu[22]. Họ đã trở thành những vị quan thanh liêm, góp phần to lớn cùng nhân dân cả nước trong công cuộc phục hồi và xây dựng đất nước sau chiến tranh.

3. Trong các thế kỷ XVI-XVII-XVIII quốc gia Đại Việt bước vào thời kỳ phân liệt kéo dài. Chiến tranh liên miên giữa các thế lực phong kiến Lê Trịnh-Mạc rồi Trịnh-Nguyễn đã làm cho dân tình điêu đứng và hậu quả tất yếu đã diễn ra: nửa đầu thế kỷ XVIII chiến tranh nông dân chống lại triều đình Lê Trịnh đã nổ ra hầu khắp ở Đàng ngoài. Thái Nguyên là một trong những địa bàn hoạt động của nghĩa quân Nguyễn Danh Phương trong suốt 10 năm ròng (1740-1750).

Theo ghi chép của Đại Nam nhất thống chí thì nghĩa quân của Nguyễn Danh Phương đã xây dựng căn cứ, đắp thành luỹ ở núi Độc tôn (cách huyện Phổ Yên 66 dặm về phía nam) và núi Ngọc Bội (cách huyện Bình Xuyên 29 dặm về phía nam) để chống nhau với quân triều đình[23].

Trong cuộc khởi nghĩa của Nông Văn Vân chống lại triều đình nhà Nguyễn (1833-1835) nhân dân Thái Nguyên đã tham gia rất tích cực. Thái Nguyên là địa bàn hoạt động của nghĩa quân vừa là tấm lá chắn ở phía nam bảo vệ cho

---

[22] *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập I. Sdd, tr 301-302. Toàn thư chép Lưu Nhân Chú là Lê Thụ

[23] Nguyễn Phan Quang: *Phong trào nông dân nửa đầu thế kỷ XIX*. NXB KHXH, Hà Nội.1986

căn cứ địa cua cuộc khởi nghĩa ở Vân Trung, Ngọc Mạo (Bảo Lạc, Cao Bằng).

Cuộc khởi nghĩa của Nông Văn Vân nổ ra ngày 2-7 năm Quý Tỵ (1833). Từ châu Bảo Lạc (Cao Bằng) cuộc khởi nghĩa đã nhanh chóng mở rộng ra các tỉnh Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên. Tại Bắc Cạn và Thái Nguyên nghĩa quân hoạt động ở nhiều nơi: đánh chiếm Bắc Cạn, vây tỉnh thành Thái Nguyên, chiến đấu nhiều trận với quân nhà Nguyễn ở chợ Đồn, chợ Chu, Đại Từ, Ngân Sơn, Đình Cả... Triều đình nhà Nguyễn đã ba lần đưa quân đến đàn áp, nhưng không thu được kết quả. Trong lần đàn áp thứ 3, nghĩa quân đãđánh một trận lớn trong thung lũng Bắc Phấn. Bằng những bẫy đá và mưa tên, nghĩa quân đã tiêu diệt vô số quân triều đình. Nhà Nguyễn mặc dù tập trung tới hơn 3000 quân nhưng không tiêu diệt được phong trào, trái lại phải tháo chạy. Tới năm 1835 cuộc khởi nghĩa mới bị dập tắt.

4. Trong phong trào Cần Vương kháng Pháp (cuối thế kỷ XIX), mặc dù Thái Nguyên không phải là trung tâm của các cuộc khởi nghĩa , nhưng lại là địa bàn nghĩa quân thường xuyên hoạt động, tổ chức tập kích, phục kích địch ở nhiều nơi , xin được điểm qua một vài trận đánh tiêu biểu[24]:

[24] Trần Huy Liệu-Văn Tạo-Nguyễn Khắc Đạm : *Phong trào Văn thân khởi nghĩa*, NXB Sử Học, Hà Nội, 1957.

Ngày 17 tháng 12 năm 1889 một đoàn vận tải Pháp từ Thái Nguyên đến chợ Mới bị nghĩa quân phục kích ở làng Cao. Ngày hôm ấy diễn ra ba trận giao chiến giữa nghĩa quân với binh lính Pháp.

Ngày 20 tháng 12 năm 1889, một toán quân Pháp ở đồn Kép Ba hộ tống đoàn vận tải đi An Châu khi trở về bị nghĩa quân phục kích ở Núi Bóp.

Ngày 30 tháng 12 năm 1889, 24 lính Pháp hộ tống đoàn vận tải từ Chợ Chu đi Chợ Mới bị nghĩa quân hai lần phục kích. Kể từ đó trên đường Chợ Chu-Chợ Mới và đoạn đường giữa Hùng Sơn và Chợ Chu, nghĩa quân luôn tổ chức những cuộc phục kích, cắt đứt đường liên lạc của Pháp.

Đêm ngày 14 rạng ngày 15 tháng 1 năm 1890, một lần nữa đồn Chợ Mới bị một toán nghĩa quân với khoảng 40 tay súng tập kích.

Đặc biệt, tromg cuộc khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo kéo dài gần 30 năm, tỉnh Thái Nguyên là một trong những địa bàn hoạt động chủ yếu của nghĩa quân. Trên mảnh đất Thái Nguyên đã từng diễn ra nhiều trận đánh nổi tiếng. Tiêu biểu nhất là các trận Hùng Sơn ngày 21.7.1896 và trận Phổ Yên ngày 4.8.1896. Nhân dân và núi rừng Thái Nguyên đã nhiều lần che chở cho nghĩa quân Yên Thế trong những lần bị giặc vây ráp. Thái Nguyên không chỉ là chiến trường nóng bỏng mà còn là

nơi cung cấp trực tiếp sức người, sức của cho cuộc khởi nghĩa nổi tiếng này.

Bước sang thế kỷ XX, hầu hết các cuộc khởi nghĩa chống Pháp của nhân dân ta đều thất bại kể cả cuộc khởi nghĩa Yên Thế (kéo dài đến năm 1913). Trong bối cảnh thực dân tư bản Pháp bắt tay vào cuộc khai thác thuộc địa trên quy mô lớn lần thứ nhất ở nước ta, tình hình kinh tế xã hội ở Thái Nguyên cũng có nhiều chuyển biến đáng kể. Tuyến đường quốc lộ số 3 chạy giữa tỉnh Thái Nguyên, nối liền vùng Việt Bắc bao la với miền xuôi được chính quyền thực dân cho xây dựng. Nhiều hầm mỏ, đồn điền, công xưởng, v.v... của tư bản Pháp được mở ra trên đất Thái Nguyên. Thái Nguyên trở thành một trong những miếng mồi béo bở của nhiều thế lực thực dân, địa chủ khác nhau Để bảo vệ cho quyền lợi của thực dân tư bản Pháp và trấn giữ một vùng vừa quan yếu về mặt chiến lược vừa là địa bàn nhân dân có truyền thống nổi tiếng bất khuất, chính quyền thuộc địa đã cho bố trí một hệ thống đồn bốt dày đặc tại khắp Thái Nguyên. Tuy nhiên, ngọn lửa đấu tranh bất khuất của nhân dân Thái Nguyên vẫn không phải vì thế mà bị dập tắt. Trong bối cảnh kinh tế xã hội đã có sự thay đổi, những cuộc đấu tranh của nhân dân Thái Nguyên vẫn nối tiếp truyền thống và có những bước phát triển mới, với những lực lượng mới và dưới những hình thức mới. Tháng 6 năm 1913, gần 500 công nhân mỏ Lang Hít đã công khai

bỏ việc để phản đối bọn chủ mỏ giảm mức lương công nhật...

Với một truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm bất khuất, kiên cường từ lâu đời, nhân dân Thái Nguyên sôi nổi hưởng ứng cuộc khởi nghĩa năm 1917 do Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo là một điều dễ hiểu. Quả thực, trên phạm vi toàn quốc, vào thời điểm cuộc chiến tranh thế giới đang đi đến kết thúc, đã có những cuộc nổi dậy và những hoạt động vũ trang chống Pháp. Nhưng chỉ duy nhất có khởi nghĩa Thái Nguyên là bùng lên mạnh mẽ nhất, trở thành một sự kiện có tầm vóc to lớn không chỉ trong nước ta mà còn có tiếng vang trên thế giới. Cố viện sĩ Trần Huy Liệu từng khẳng định, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên "*là cuộc khởi nghĩa lớn nhất, chiến đấu dẻo dai nhất trong thời kỳ đại chiến lần thứ nhất ở nước ta* "[25]. Rõ ràng cuộc khởi nghĩa chống Pháp năm 1917 nổ ra tại Thái Nguyên không phải là một sự kiện ngẫu nhiên...

Trong thực tế lịch sử, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã nhanh chóng trở thành trung tâm tập trung, thu hút các tầng lớp nhân dân Thái Nguyên vào cuộc đấu tranh vũ trang quyết liệt chống lại chính quyền thực dân Pháp xâm lược, thống trị. Các cứ liệu lịch sử cho thấy, có tới trên 300 những người nông dân, công nhân trực tiếp tham gia vào

[25]Trần Huy Liệu : *Năm thứ 40 cuộc Thái Nguyên khởi nghĩa*, tài liệu lưu trữ, Phông Trần Huy Liệu, Viện Sử Học.

đội ngũ nghĩa quân của cuộc khởi nghĩa. Mặt khác, dù chính quyền thực dân Pháp đương thời đã cho thực hiện một chính sách khủng bố rất gắt gao đối với những ai có liên quan đến cuộc khởi nghĩa, nhân dân Thái Nguyên tại nhiều nơi vẫn bất chấp mọi hiểm nguy, hăng hái giúp nghĩa quân dưới nhiều hình thức khác nhau như dẫn đường, tiếp tế lương thảo...

Như vậy, Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 và cuộc chiến đấu ngoan cường của các nghĩa sĩ Thái Nguyên chống lại kẻ thù mạnh hơn gấp trăm lần kéo dài được trên 6 tháng là dựa vào nhân dân Thái Nguyên vốn có truyền thống yêu nước, có truyền thống đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm. Cuộc khởi nghĩa Thái nguyên, một lần nữa, tô thắm thêm cho tinh thần yêu nước, truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của nhân dân các dân tộc Thái Nguyên.

VÀI NÉT VỀ THÁI NGUYÊN NHỮNG NĂM THÁNG TRƯỚC CUỘC KHỞI NGHĨA CỦA ĐỘI CẤN (8-1917)

PGS-PTS DƯƠNG KINH QUỐC

Viện Sử Học

I.- Địa bàn THÁI NGUYÊN được chính thức gọi là *tỉnh* THÁI NGUYÊN kể từ năm 1831, dưới triều vua Minh Mạng. Lúc mới thành lập, *tỉnh* THÁI NGUYÊN được chia làm hai phủ, là : phủ Phú Bình và phủ Thông Hoá. Năm 1835, Minh Mạng cho điều chỉnh lại địa bàn các phủ đó để lập thêm một phủ mới : phủ Tòng Hoá. Từ đó, tỉnh Thái Nguyên có 3 phủ, gồm tổng cộng : 2 châu, 9 huyện; và được phân bố như sau :

- *Phủ Phú Bình*, có 5 huyện :

1.Huyện Tư Nông (do phủ kiêm lý)

2.Huyện Phổ Yên

3.Huyện Đồng Hỷ

4.Huyện Vũ Nhai

5.Huyện Bình Xuyên (trước là Bình Nguyên, rồi Bình Tuyền)

-*Phủ Tòng Hoá*, có 3 huyện và 1 châu :

1.Huyện Đại Từ

2.Huyện Văn Lãng

3.Huyện Phú Lương

4.Châu Định (tức Định Hoá sau đó)

-*Phủ Thông Hoá*, có 1 huyện và 1 châu :

1.Huyện Cảm Hoá

2.Châu Bạch Thông

Với cương vực đó, THÁI NGUYÊN đã trở thành một trong số *13 tỉnh*[1] của toàn miền Bắc nước ta cho tới khoảng giữa năm 1890, khi thực dân Pháp bắt đầu điều chỉnh địa giới một số tỉnh để thiết lập một số *tỉnh mới* ở Bắc Kỳ

[1] 13 tỉnh (xếp theo thứ tự ABC) đó là : Bắc Ninh, Cao Bằng, Hà Nội, Hải Dương, Hưng Hoá, Hưng Yên, Lạng Sơn, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Yên, Sơn Tây, Thái Nguyên, Tuyên Quang.

nhằm phục vụ cho chính sách *vừa bình định, vừa thống trị và khai thác thuộc địa* của chúng.

II - Trong 10 năm cuối thế kỷ XIX, cương vực tỉnh THÁI NGUYÊN bị xáo động mạnh. Có thời gian, khoảng hai năm, dường như tỉnh Thái nguyên không còn tồn tại với tư cách là *cấp tỉnh* nữa; mà toàn bộ địa bàn của nó đã bị phân tán vào các đơn vị hành chính khác. Cụ thể là:

a/. Huyện *Bình Xuyên* thuộc phủ Phú Bình bị tách khỏi tỉnh THÁI NGUYÊN để *góp phần* tạo nên địa bàn cuả đạo *Vĩnh Yên* được thành lập ngày 20-10-1890. Khi bãi bỏ *đạo Vĩnh Yên* (12-4-1891), thì toàn bộ địa bàn của *đạo Vĩnh Yên* đó (trong đó có huyện Bình Xuyên của tỉnh Thái Nguyên) được sát nhập vào *tỉnh Sơn Tây*. Tỉnh Sơn Tây đã quản lý địa bàn này trong khoảng thời gian ngót 9 năm (từ 4-1891). Cho đến ngày *29-12-1899*, tỉnh Sơn Tây đã tách địa bàn đó ra để thành lập nên một tỉnh độc lập : *tỉnh Vĩnh Yên*.

Như vậy là xét về nguồn gốc, tỉnh THÁI NGUYÊN đã đóng góp một phần đất của mình là huyện Bình Xuyên từ tháng 10-1890 vào quá trình lập tỉnh mới Vĩnh Yên vào cuối năm 1899.

b/ Toàn bộ hai *phủ Phú Bình* (trừ huyện Bình Xuyên đã đề cập ở trên) và *phủ Tòng Hoá* đã bị tách ra khỏi tỉnh THÁI NGUYÊN để góp phần tạo nên địa bàn của *Tiểu Quân khu THÁI NGUYÊN* là một trong 3 Tiểu Quân khu

thuộc *Đạo Quan binh I Phả Lại*, được thành lập ngày 9-9-1891.

c) *Châu Bạch Thông* (thuộc phủ Thông Hoá) đã bị tách khỏi tỉnh Thái Nguyên để góp phần tạo nên địa bàn của *Tiểu Quân khu Lạng Sơn*; và *huyện Cảm Hoá* (thuộc phủ Thông Hoá) cũng bị tách khỏi tỉnh Thái Nguyên để góp phần tạo nên địa bàn của *Tiểu Quân khu Cao Bằng*. Đấy là 2 trong số 3 Tiểu Quân khu thuộc *Đạo Quan binh II Lạng Sơn*, được thiết lập cùng ngày *9-9-1891*.

Rõ ràng là : từ 10-1890 cho tới trước khi *lập lại* tỉnh Thái Nguyên vào cuối năm 1892, tỉnh dân sự Thái Nguyên cũ dường như đã bị xoá bỏ, bị phân tán vào các địa bàn khác nhau, và chủ yếu đặt dưới quyền quản lý của giới cầm quyền quân sự.

Đến tháng 10-1892, giới cầm quyền thực dân cho *thiết lập lại tỉnh dân sự THÁI NGUYÊN*, tức : lấy lại *phủ Tòng Hoá* và *phủ Phú Bình* (từ Đạo Quan binh I Phả Lại); lấy lại châu Bạch Thông và huyện Cảm Hoá (từ Đạo Quan binh II Lạng Sơn), để tạo nên địa bàn của tỉnh THÁI NGUYÊN mới được tái lập đó.

Hơn 7 năm sau khi được tái lập, tỉnh THÁI NGUYÊN lại cắt toàn bộ *phủ Thông Hoá* (bao gồm châu Bạch Thông và huyện Cảm Hoá) để góp phần tạo nên địa bàn của tỉnh mới BẮC CẠN, được thiết lập ngày *11-4-1900*. Tiếp đó, ngày 25-6-1901, Thái Nguyên còn cắt tổng Yên Bình khỏi huyện Phú Lương (thuộc phủ Tòng Hoá) để mở rộng địa

bàn cho châu Bạch Thông lúc này đã thuộc đất tỉnh Bắc Cạn. Từ đây, địa bàn tỉnh THÁI NGUYÊN chỉ còn lại về đại cục là phủ Tòng Hoá và phủ Phú Bình, với những sự điều chỉnh nội bộ giữa các huyện, châu cấu thành.

III. Tư liệu cho biết một số thông tin về tỉnh THÁI NGUYÊN ở vào thời điểm cuối 1904 - đầu 1905 như sau : Dân số toàn tỉnh khoảng 70.000 người, trong đó có 18.000 người thuộc các dân tộc Mường, Mán, Thổ (theo sự phân chia thành phần dân tộc lúc đó), và gần 100 người Hoa. Thái Nguyên được chia thành 7 huyện, 1 châu, với tổng số tổng là 51, và 199 làng bản :

Số thứ tự	*Huyện, châu*	*Số tổng*	*Số làng bản*	*Số dân đinh*	*Tổng dân số*
1	*huyện Tư Nông*	*8*	*45*	*x*	*2.528*
2	*huyện Phổ Yên*	*6*	*24*	*348*	*x*
3	*huyện Đồng Hỷ*	*5*	*28*	*366*	*x*
4	*huyện vũ Nhai*	*5*	*15*	*x*	*x*
5	*huyện Đại Từ*	*5*	*21*	*390*	*x*
6	*huyện Văn Lãng*	*6*	*12*	*95*	*x*
7	*huyện Phú Lương*	*7*	*21*	*247*	*x*
8	*châu Định Hoá*	*9*	*33*	*x*	*x*

Ngoài tỉnh lỵ là Thái Nguyên, và các huyện lỵ , châu lỵ ra, giới cầm quyền thực dân còn đặt thêm 3 trung tâm hành chính (Centre adminnistratif) nữa là Chợ Chu, Phương Độ,

và Hùng Sơn để dễ bề thống trị. Bộ máy cai trị thực dân tại Thái Nguyên có thể tóm lược như sau :

A. Về viên chức thực dân, có :

- 1 Công sứ, thuộc ngạch quan cai trị hạng ba, làm chủ tỉnh;
- 1 Phó Công sứ, thuộc ngạch quan cai trị hạng tư;
- 2 Tham tá;
- 3 Thanh tra lính khố xanh (trong đó có một đại diện công sứ tại *Hùng Sơn*);
-8 Trưởng trại lính khố xanh;
-1 Trưởng đồn lính sen đầm;
-2 Nhân viên thuế đoan và độc quyền
-1 Nhân viên ngành công chính;
-1 Nhân viên bưu điện;
-1 Viên chức thuộc ngạch quan cai trị hạng 5, đại diện công sứ tại *Chợ Chu*;
-1 Tham tá bậc nhất, đại diện Công sứ tại *Phương Độ*; chủ đồn điền Văn Giá phụ tá.

B.Về quan lại người Việt, có :

-1 Án sát, phụ trách chung toàn tỉnh Thái Nguyên;
-1 Thương tá, phụ tá cho án sát;
-2 Tri phủ (phủ lị đặt tại : Phú Bình và Đại Từ)
-4 Tri huyện (tại các huyện Phú Lương, Phổ Yên, Võ Nhai, Đồng Hỷ)
-1 Tri châu (châu Định Hoá)

-1 mang hàm Tri phủ, phụ trách trung tâm *Phương Độ* cùng với đại diện của công sứ;

-1 Giáo thụ, tại trung tâm hành chính Phương Độ;

-1 Thông ngôn, tại trung tâm hành chính Phương Độ;

-1 Lại mục, tại trung tâm hành chính Phương Độ;

-1 nhân viên bưu điện ở Chợ Chu;

-1 nhân viên Bưu điện ở Chợ Mới

Trại lính khố xanh được thiết lập tại 7 điểm: Phương Độ, Chợ Chu, Hùng Sơn, Đình Cả, Đồn Đu, Lang Dang, Quảng Nạp. Ngoài ra, *ở tỉnh lỵ* còn có một trại lính bộ binh thuộc địa (infanterie coloniale), một đồn lính sen đầm; ở *Chợ Chu* và *Phương Độ*, mỗi nơi còn có một đồn lính dân vệ (garde civile). Ngay ở thời điểm đầu thế kỷ XX này, giới cầm quyền thực dân đã cho xây dựng nhiều lô cốt (blockhauss), mà chủ yếu tại địa bàn Chợ Chu và Chợ Mới. Tư liệu cho biết, ở địa bàn *Chợ Chu* và Đại Từ đã có 5 lô cốt đặt tại các điểm:Chợ Chu, Hùng Sơn, Cù Vân, Hà Lam, Quảng Nạp; ở Chợ Mới (Phú Lương) có 4 lô cốt đặt tại: Chợ Mới, Đồn Đu, Giang Tiên, Ban Mua. Tất cả các điểm lô cốt đó nằm chủ yếu bảo vệ các tuyến đường giao thông nội tỉnh và liên tỉnh.

Thời kỳ này chưa có đường sắt, chỉ có đường thuỷ và đường bộ. Việc cung cấp lương thực, quân trang, quân dụng cho binh lính, cũng như vận chuyển phục vụ dân sự, đều dựa vào xí nghiệp vận tải (entreprise de transports) trên *sông Cầu*. Vào mùa nước lên, từ Thái Nguyên đi Đáp Cầu phải mất 4 ngày; mùa nước xuống chỉ mất 2 ngày. Đến

Đáp Cầu, có thể đi tiếp xà lan tới Phủ Lạng Thương, tới Phả Lại, hay tới Hải Phòng; hoặc có thể đi tiếp bằng xe lửa từ Đáp Cầu về Hà Nội.

Về đường bộ : thời kỳ này đã có một màng lưới, tuy chưa được hoàn thiện, nhưng phần lớn đã có thể phục vụ cho xe cộ đi lại. Ngoài con đường được gọi là "*đường chiến lược*" (route stratégique) *từ Hà Nội đi Cao Bằng* (qua Phủ Lỗ, THÁI NGUYÊN, Bắc Cạn, Nguyên Bình) - mà từ giữa tháng 6 năm 1918, Toàn quyền Đông Dương đã ra nghị định xếp loại là "*đường thuộc địa số 3*" (Route Coloniale N.3), dài 231 km thì Thái Nguyên còn có những tuyến đường nối từ tỉnh lỵ đi các nơi : Đáp Cầu, Phủ Đa Phúc, Sơn Tây, Chơ Chu. Các trung tâm hành chính và các đồn binh cũng đều được nối lại với nhau bằng những tuyến đường có thể xử dụng cho xe cộ các loại vận hành.

Cho tới nững năm chót của thập niên thứ 2 thế kỷ XX, tư liệu cho biết một số thông tin về tỉnh THÁI NGUYÊN như sau:

Dân số toàn tỉnh có 67.118 người, phân ra các thành phần dân tộc theo cách gọi lúc đó là :

1- Người Việt : 47.676 người
2- Dân tộc Thổ : 9.243
3- Dân tộc Nùng : 518
4- Dân tộc Mán 7.997
5- Người Hoa : 1.574 người
6- Người Minh Hương : 10

7- Người Âu : 100

Toàn tỉnh THÁI NGUYÊN được chia thành : 2 phủ, 3 huyện, 3 châu; tổng cộng toàn tỉnh có : 51 tổng, gồm 227 làng bản... Cụ thể là :

Thứ tự	Tên: Phủ - Huyện - Châu	Số Tổng	Số làng bản	Số dân Nội đinh	Số dân Ngoại đinh	Số người được miễn giảm thuế
1	Phủ Phú Bình	7	44	1.203	2.113	500
2	Phủ Phổ Yên	8	36	864	1.584	305
3	Huyện Đồng Hỷ	6	34	302	911	182
4	Huyện Đại Từ	5	23	360	916	225
5	Huyện Phú Lương	7	21	365	606	114
6	Châu Vũ Nhai	6	29	485	1.002	197
7	Châu Văn Lãng	4	13	178	378	127
8	Châu Định Hoá	8	27	772[2]	109	32
Cộng		51	227	4.529	7.619	1682

Bộ máy cai trị toàn tỉnh đại để được bảo lưu như 1905 :

- 1 công sứ Pháp, chủ tỉnh
- 1 phó công sứ Pháp
- 1 Án sát, mang hàm Tuần phủ
- 2 Tri phủ (Phú Bình, Phổ Yên)
- 3 Tri huyện (Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương)
- 3 Tri châu (Vũ Nhai, Văn Lãng, Định Hoá)

[2] 772 không phải là con số tính theo đầu người, mà là con số tính theo "gia đình" để chính quyền đánh thuế : mỗi gia đình phải chịu 2,5 đồng Đông Dương, tương đương với mức thuế thân của một "nội đinh"

-1 Bang tá (làm việc tại Làng Hít)

Có 6 trại lính khố xanh đóng tại 6 địa điểm : Thái Nguyên (tỉnh lỵ), Đình Cả, Chợ Chu, Hà Châu, Đồn Đu, và Làng Hít. Mỗi trại đều do một trại trưởng người Pháp chỉ huy.

Có một Ban y tế cho toàn tỉnh. Ban này do Công sứ làm chủ tịch, gồm 6 uỷ viên là:

1 thày thuốc người Pháp
1 nhân viên công chính người Pháp
1 thầu khoan ngành vận tải người Pháp
3 người Việt là : án sát, tri huyện Đông Hỷ, và trưởng phố

Cũng như thời kỳ đầu thế kỷ XX nói trên, thực dân Pháp vẫn duy trì tại Thái Nguyên 1 đồn lính sen đầm, một cơ sở phụ trách Thuế đoan và độc quyền, 3 trạm bưu điện (đặt tại: Thái Nguyên, Chợ Chu, Làng Hít). Về các trung tâm hành chính, chỉ còn giữ lại trung tâm hành chính Chợ Chu. Ở vào thời điểm cuối thập niên thứ hai của thế kỷ XX này, tại Thái Nguyên đã thấy xuất hiện: *1 Kho bạc* (Trésorerie), do 1 tham tá người Pháp phụ trách; và 1 *nhà tù* lớn (Pénitencier) do một viên gác ngục người Pháp đã được xếp hạng "Gác ngục chính" (Gardien principal) của ngạch lao ngục (Service pénitencier) làm Giám ngục.

IV. Sau khi công cuộc "bình định" kết thúc, thực dân Pháp bắt tay ngay vào chính sách khai thác thuộc địa một cách quy mô. THÁI NGUYÊN là một trong số tỉnh thuộc miền trung du, được 4 Đạo Quan binh trải dài suốt vùng Đông Bắc và Tây Bắc bao bọc, che chắn; điều đó dường

như đã tạo ra được một tâm lý yên ổn cho giới kinh doanh thực dân tìm đến THÁI NGUYÊN làm ăn.

Tài liệu cho biết, từ 1897 đến 1918, thực dan Pháp đã chiếm của Thái Nguyên 80.756, 5625 ha đất để lập thành 24 đồn điền lớn nhỏ: đồn điền nhỏ nhất chỉ có 0,4100 ha; đồn điền lớn nhất chiếm 14.605 ha. Nếu tính số lượng đồn điền được lập trong từng năm, thì :

Năm	*Số đồn điền*	*Tổng diện tích đồn điền*
1897	*5*	*21.555 ha 4100*
1898	*7*	*53497 ha 8850*
1899	*2*	*216 ha 0000*
1900	*1*	*24 ha 0000*
1901	*2*	*334 ha 0000*
1902	*1*	*3.650 ha 0000*
1903	*4*	*908 ha 9800*
1904	*1*	*120 ha 2875*
1908	*1*	*450 ha 0000*
9 năm	*24*	*80756 ha 5625*[3]

Thế lực của đại điền chủ Pháp tại Thái Nguyên ngày càng mạnh. Năm 1905, theo tư liệu chỉ biết thì một đại điền chủ Pháp đã được giới cầm quyền thực dân đưa vào bộ máy chính quyền địa phương. Đó là trường hợp của đại

[3] Tổng hợp và hệ thống lại số liệu theo: Tạ Thị Thuý" Đồn điền của người Pháp ở Bắc Kỳ 1884-1918". Nxb Thế giới, Hà Nội, 1996; tr. 370-404, bảng" Danh sách các điền chủ người Pháp ở Bắc Kỳ từ 1888 - 1918"

điền chủ Xôê Gôđa (Sauer GODARD, chủ đồn điền Văn Gia và là chủ một công ty khai thác đồn điền mang tên Gôđa (Société GODARD et Cie). Gôđa đã cùng với tên Tham tá hạng nhất, người đại diện cho Công sứ chủ tỉnh, thống trị trung tâm hành chính Phương Độ, nơi có nhiều đồn điền nông nghiệp của điền chủ Pháp, cách tỉnh lỵ Thái Nguyên khoảng 22 km[4].

Về công nghiệp, từ năm 1903, cùng với "cơn sốt mỏ" (fièvre minière) bước chân thực dân đã lùng sục khắp tỉnh Thái Nguyên[5]. Vào năm 1911, tư liệu cho biết ở Thái Nguyên đã có 4 mỏ đang hoạt động và sử dụng ngót 4 nghìn công nhân. Cụ thể là[6]:

- Mỏ than (Phấn Mễ): 163 công nhân
- Mỏ kẽm (Métis) : 166 ha
- Mỏ kẽm (Lucie) : 216 ha
- Mỏ kẽm (Moba) : 396 ha

Cộngsố ba mỏ kẽm dưới cùng này có 3848 công nhân với 778 ha.

V. Từ những năm đầu thời cận đại, tỉnh THÁI NGUYÊN đã từng bị nạn Cờ Đen và những đội quân thiện

---

[4] Annuaire général de l'Iindochine- Année 1905
[5] Bulletin économique de l'Indochine. Số 80, năm 1909; số 86, năm 1910
[6] Bulletin économique de l'Indochine. Số 97, năm 1912, tr. 616-623

chiến của nhà Thanh do Triều đình Huế "mời vào" để "dẹp loạn"làm cho điêu tàn, hồi cuối những năm 60- đầu những năm 70 thế kỷ XIX. Song, người dân THÁI NGUYÊN cũng đã từng nổi dậy thét vang khẩu ngữ "*giết hết bọn quan lại tham ô*" (1870), dưới sự chỉ huy của một số "*tướng lĩnh tự phong*" như : Hậu quân Tham tán *Nguyễn Đức Hoành* (người Thái Nguyên), Hữu quân Phó thống *Nguyễn Đức Bình* (người Sơn Tây) và 4 người của tỉnh Bắc Ninh là Trung quân Chánh tổng vụ *Nguyễn Văn Duyên*, Tiền quân Chánh đề đốc *Nguyễn Văn Trận*, Trung quân Chánh đề đốc *Đồng Văn Trung*, và Trung quân Phó đề đốc *Nguyễn Văn Hổ*.

Khi Tổ quốc lâm nguy trước nạn ngoại xâm, người dân THÁI NGUYÊN lại đã cùng với quân đội triều đình tổ chức đánh du kích, tiêu hao dần lực lượng quân đội Pháp đóng chiếm tỉnh thành Thái Nguyên lần thứ hai, hồi giữa tháng 3-1884, khiến cho quân Pháp chỉ trụ lại được gần một tuần lễ thì phải tháo chạy khỏi Thái Nguyên để rút về cố thủ Bắc Ninh.

THÁI NGUYÊN cũng còn là một tỉnh đã góp phần hình thành nên một *đội ngũ đầu tiên* của giai cấp công nhân Việt Nam: đó là *đội ngũ công nhân ngành mỏ*. Đội ngũ này cũng đã để lại dấu ấn trên trang sử đấu tranh từ tự phát đến tự giác của giai cấp công nhân Việt Nam chúng ta, với

cuộc đấu tranh hồi tháng 6-1913 của 450 đến 500 công nhân mỏ Làng Hít.

THÁI NGUYÊN kiên cường và bất khuất đó, lại một lần nữa làm cho giới cầm quyền thực dân phải lúng túng , khiếp sợ bởi lá cờ 5 ngôi sao "*Nam bình phục quốc*", bởi lời *"Tuyên ngôn" Thái Nguyên độc lập* của ĐỘI CẤN- người tổng chỉ huy cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 mà chúng ta đang kỷ niệm tròn 80 năm.

Trên đây chỉ là mấy nết về tỉnh Thái Nguyên những năm tháng trước khởi nghĩa . Xin đóng góp để chúng ta cùng tham khảo./.

Hà Nội, 3.1997

THÁI NGUYÊN KHỞI NGHĨA*

TRẦN HUY LIỆU

Lời biên tập :

Năm 1957, để chuẩn bị cho cuộc mít tinh kỷ niệm 40 năm ngày khởi nghĩa Thái Nguyên, đồng thời chuẩn bị cho việc hoàn thành bản thảo cuốn Lịch sử 80 năm chống Pháp, đồng chí Trần Huy Liệu đã viết nhiều luận văn về sự kiện khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, trong đó có một luận văn quan trọng : "Thái Nguyên khởi nghĩa". Nhân dịp xuất bản cuốn sách về cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên 1917 lần này, chúng tôi xin trích đăng nguyên văn nội dung của bài luận văn này.

* Tài liệu lưu trữ tại Viện Sử Học, Phông Trần Huy Liệu, Hồ sơ số 62. Tài liệu do Trần Thị Mai, Phó trưởng phòng Tư liệu-Thư viện sao chép và cung cấp.

I. TÌNH HÌNH CHUNG VÀ HOÀN CẢNH RIÊNG CỦA THÁI NGUYÊN.

Cuộc khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên là cuộc khởi nghĩa lớn nhất nổ ra ở Việt Nam trong thời kỳ thế giới đại chiến thứ nhất. Điều kiện khách quan của nó cũng như nhiều cuộc khởi nghĩa khác đương thời là sự suy nhược của thực dân Pháp, là tinh thần trông ngóng nổi dậy của nhân dân. Cuộc vận động Tổng khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục Hội dầu không thực hiện; những cuộc bạo động nhỏ nổ ra ở nhiều nơi đã có một tiếng dội ở trong nước. Riêng ở Thái Nguyên, một nơi từ trước đã in nhiều dấu vết chiến đấu của các thổ-hào văn-thân chống xâm lược Pháp, đặc biệt là cuộc khởi nghĩa của Hoàng Hoa Thám đã kéo dài hơn hai mươi năm trên căn cứ địa Bắc Giang và Thái Nguyên, nhân dân Thái Nguyên sẵn có một truyền thống anh dũng. Trong lúc này, ngọn lửa cách mạng đã nhóm lên ở nhiều nơi, núi rừng và nhân dân Thái Nguyên cũng đương chờ đón một cuộc vùng dậy của tập đoàn nghĩa quân.

Một động cơ trực tiếp nữa là tên công sứ Đac (Darles) ở Thái Nguyên bấy giờ là một tên gian ác nổi tiếng trong bọn thực dân Pháp[1]. Dưới chính lệnh tham tàn của nó, binh lính và nhân dân trong vùng đều đồng lòng căm ghét. Nhà Lao Thái Nguyên lúc đó lại là nơi tập trung những tù chính trị bị bắt trong các vụ Đề Thám, Duy Tân, Đông Du, v.v... Vì tiếp

[1]Người đương thời đã có câu : ''Nhất Đạc (Darles), nhì Ke (Ecker), tam Be (De Galambert), tứ Bít (Bride)'' là *tứ hung* trong bọn thực dân Pháp.

xúc hàng ngày với những chính trị phạm đi làm công việc khổ sai, anh em binh lính khố xanh được nghe đọc những thơ ca ái quốc, những mẩu chuyện hy sinh của các anh hùng liệt sĩ nên tinh thần hướng nghĩa bốc lên rất mạnh. Tình cảnh khổ cực của binh lính và tội phạm càng làm cho đôi bên thông cảm với nhau, cột chặt vào nhau, chờ một ngày cùng nhau vùng dậy.

Nói đến cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên, chúng ta phải kể đến ngay thủ lĩnh là Trịnh Văn Cấn. Cấn đi lính khố xanh cho Pháp đã lâu năm, làm chức Đội trưởng. Trong những ngày Đề Thám hành quân ở Thái Nguyên, Cấn phải theo quân Pháp đi đánh dẹp luôn. Do đó, Cấn quen trận mạc và rất thông thạo những đường, lối núi rừng. Một ảnh hưởng trái lại là trong khi quân Pháp đánh với nghĩa quân Đề Thám, Cấn sinh lòng hâm mộ tinh thần bất khuất và sức chiến đấu dẻo dai của người lãnh tụ dân quân Yên Thế. Lòng yêu nước được nâng cao. Quan niệm bạn, thù, ta, địch dần dần nhận rõ. Cuộc đại chiến nổ ra, Cấn ở trong quân đội Pháp nên càng thấy rõ sự kiệt quệ của chúng, muốn thừa cơ nổi dậy. Xung quanh Cấn còn có một số bạn đồng ngũ cũng có một ý nguyện như Cấn. Nên, không bao lâu, họ đã kết thành một tập đoàn : liên lạc với nhau và trao đổi cho nhau những ý kiến về thời cục. Một vài tin khởi nghĩa từ các nơi đem lại càng làm cho họ nóng lòng. Tới khi Cấn từ Chợ Chu về đóng ở Thái Nguyên thì tập đoàn âm mưu

khởi nghĩa càng liên lạc được thêm nhiều hạ sĩ quan cùng binh lính. Một động lực khác đẩy cho cuộc khởi nghĩa mau đi tới là sự tiếp súc giữa binh lính khố xanh và tù chính trị, như trên kia đã nói. Trong đám chính trị phạm bấy giờ có Lương Ngọc Quyến, một yếu nhân trong Việt Nam Quang phục hội, đã tốt nghiệp trường Chấn Võ nước Nhật và năm 1915, bị bọn thống trị Anh bắt ở Hương Cảng, đem dẫn độ cho Pháp. Quyến bị thực dân Pháp kết án khổ saichung thân và cầm cố tại nhà lao Thái Nguyên. Gặp Lương Ngọc Quyến, Cấn một mặt tin vào bản lĩnh quân sự của Quyến có thể làm được việc lớn; một mặt qua lời cổ động của Quyến, Cấn tin vào Việt Nam Quang phục Hội có một lực lượng lớn lao, chuẩn bị tổng khởi nghĩa và chỉ chờ một cuộc nổi dậy ở trong nước là có thể kéo vào tiếp viện. Thế là cái chí lớn mà Trịnh Văn Cấn và các bạn ôm ấp bấy lâu đã đi đến chỗ quyết tâm, biến thành hành động.

Như vậy, nói đến động lực của cuộc Thái Nguyên khởi nghĩa, chúng ta phải thấy chủ động là anh em binh lính, những người nông dân đã bị áp bức ở thôn quê lại đương phải làm bia đỡ đạn, làm công cụ trấn áp của thực dân Pháp trong chính sách dùng người Việt trị người Việt. Cuộc liên minh của anh em binh lính với các chính trị phạm làm cho tập đoàn khởi nghĩa càng được củng cố thêm với một tinh thần phấn khởi, một sức tự tin và do đó, tiếng súng khởi nghĩa bùng nổ.

II. CUỘC KHỞI NGHĨA NỔ RA VÀ NHỮNG DIỄN BIẾN CỦA NÓ.

Sau mấy lần hoãn đi hoãn lại, cuộc hởi nghĩa nổ ra vào đêm 30 rạng ngày 31 tháng 8 năm 1917. Nhật kỳ khởi nghĩa chọn vào dịp cuối tháng, những hạ sĩ quan và binh lính từ các đồn lẻ trong tỉnh về tỉnh lỵ lĩnh lương. trong đó có một số đồng chí trong tập đoàn chủ trương khởi nghĩa đã được giấy hẹn về từ trước.

Cuộc khởi nghĩa nổ ra vào 1 giờ đêm. Theo kế hoạch, tập đoàn khởi nghĩa đã giết được tên giám binh Nô-en (Noël) và tên tay sai tin cẩn của nó là Phó-Quản Lạp, tuyên bố khởi nghĩa trước sự đồng tình hoàn toàn của quân lính. Sau đó nghĩa quân phá nhà tù, giết chủ ngục, giải phóng cho các tù phạm và chia nhau đi đánh chiếm các công sở. Một điều đáng tiếc là công sứ Đac (Darles), một tên mà binh lính và nhân dân đều căm thù, thì đêm hôm ấy không có mặt ở đây. Và nghĩa quân cũng không làm đúng được theo kế hoạch đã định là đánh úp trại lính Tây nên chúng vẫn thủ hiểm ở trong trại và thông tin tức với Đại bản doanh tại Hà Nội.

Nghĩa quân đã làm chủ tỉnh lỵ Thái Nguyên. Lá cờ bốn chữ "*Nam Binh Phục Quốc*" đã nêu cao ý chí và mục đích của những người cầm súng giặc giết giặc. Với số quân mới được biên chế là hơn 600 người (kể cả lính khố xanh và tù phạm cũ); số vũ khí đoạt được là hơn 600 khẩu súng; số

tiền lấy được ở kho bạc là hơn 7 vạn đồng Đông Dương; đội quân cách mạng đã có một thực lực đáng kể. Nhưng một vấn đề cấp thiết được nêu ra là nghĩa quân giữ thế thủ hay khởi thế tiến công, hay nói cách khác, cố giữ lấy Thái Nguyên hay đánh tràn đi các tỉnh ? Việc vận dụng sách lược này sẽ quyết định cho cơ thắng bại của cuộc khởi nghĩa vừa nhóm dậy.

Phái chủ trương tấn công mà đại biểu là mấy người bị bắt trong vụ Đề Thám và Duy Tân như Ba Quốc, Ba Lâm và Tú Hồi Xuân[2], cho rằng : cuộc khởi nghĩa vừa nổ, giặc Pháp chưa kịp đề phòng, nghĩa quân với những phương tiện vừa cướp được, nên phân binh đi đánh ngay mấy tỉnh lân cận như : Phúc Yên, Bắc Giang, Bắc Cạn, v.v... Đánh đến đâuchắc sẽ được binh lính và nhân dân hưởng ứng tới đó. Mỗi khi chiếm được phần thắng lợi là một dịp cho nghĩa quân phát triển. Rồi cứ cái đà ấy đánh tung mãi. Quân Pháp sẽ lâm vào thế bị động, không thể tập trung lực lượng để cứu ứng Thái Nguyên...

Trái lại, phái chủ trương cố thủ mà đại biểu là Lương Ngọc Quyến thì cho rằng : cuộc khởi nghĩa vừa nổ, nghĩa quân cần phải được chuẩn bị chu đáo, lấy Thái Nguyên làm địa bàn để chống nhau với Pháp. Theo lời Quyến thì quân

---

[2] Chưa điều tra được tên họ là gì. Chỉ nghe người ta quen gọi là ông Tú Hồi Xuân, nghĩa là ông tú tài, người làng Hồi Xuân (Trung Bộ). Ông bị bắt về vụ Duy Tân (nguyên văn chú thích của tác giả). (Chú của Biên tập : Trong luận văn của PGS-PTS Dương Kinh Quốc (tham khảo sách này) cho biết Ông tên là Nguyễn Gia Cầu, 30 tuổi, số tù :2280, người ở Gia Thuỵ, Bắc Ninh).

Pháp tiến được lên Thái Nguyên thì cũng phải một thời gian. Trong thời gian ấy, ta có thể bố trí phòng ngự cẩn thận. Quyến phản đối việc đánh lung tung ngay không hãm vào bước phiêu lưu nguy hiểm. Cũng theo ý kiến Quyến nói với Cấn thì nếu một ngày kia, Thái Nguyên không giữ được, nghĩa quân sẽ kéo ra miền biên giới Quảng Tây, liên lạc với Phục quốc ở đó.

Giữa hai chủ trương và hai sách lược đối chọi nhau, cuối cùng Trịnh Văn Cấn nghe theo lời Lương Ngọc Quyến ngả theo chủ trương dưới, nghĩa là chủ trương phòng ngự.

Trong hai sách lược này, sách lược nào đúng ? Cố nhiên là ngày nay chúng ta đã thấy rõkết quả là Thái Nguyên đã không cố thủ được. Việc suy đoán lực lượng của Lương Ngọc Quyến đã không đúng với thực tế. Ngay từ lúc đầu, nghĩa quân sau khi thắng lợi rồi thì đã đặt vào tình thế bị động, đợi giặc tiến công; cho tới khi không giữ được Thái Nguyên nữa thì lại hãm vào cảnh phiêu lưu. Vì nó còn phải tuỳ thuộc vào những điều kiện chủ quan và khách quan khác. Chỗ căn bản để định đoạt kết quả cho cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên là ở vai trò lãnh đạo, đường lối chính trị của nó, chớ không phải ở sách lược nhất thời. Dầu sao, bỏ thế tiến công ngay từ lúc đầu, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã chứa sẵn một nguy cơ thất bại không thể tránh được.

Kế hoạch phòng ngự đã đề ra. Nghĩa quân chia nhau đi đóng chặn các ngả đường từ Hà Nội lên và các tỉnh khác

kéo đến Thái Nguyên. Chỉ hai ngày sau, nghĩa là ngày 1-9, quân Pháp đã từ Gia Sàng (con đường từ Hà Nội lên) tấn công vào tỉnh lỵ. Mặc dầu, nghĩa quân từ trong các chiến hào ở đồi núi vệ đường bắn ra rất ráo riết và Trịnh Văn Cấn cũng đem quân từ trong thành ra tập kích quân địch, gây được một vài thắng lợi, quân Pháp với số lượng đông hơn nhiều và đại bác hạng nặng vẫn ồ ạt đánh vào. Cho đến trưa ngày 4-9, chúng tiến được vào tỉnh lỵ sau khi đã bị thiệt hại nặng[3]. Đã đến lúc toàn bộ nghĩa quân phải rút ra ngoài. Tính ra, từ ngày nghĩa quân đánh chiếm tỉnh lỵ Thái Nguyên cho tới nay vừa đúng 6 ngày.

Nghĩa quân sẽ đi đâu ? Thực ra cho đến lúc này, nó vẫn chưa có một đường lối nhất định. Một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đã chết rồi. Chủ tướng Trịnh Văn Cấn trong khi rút quân ra ngoài chỉ mong dựa vào hình thế hiểm yếu của núi rừng để chống cự với giặc Pháp, đợi sự hưởng ứng ở các nơi, nhất là phái cách mạng Việt Nam ở Trung Quốc. Đồng thời Cấn viết thư liên lạc với mấy thổ hào như Lương Tam Kỳ ở chợ Chu và Quách Cửu ở Hoà Bình, nhắc lại lời hứa của họ trước kia mà dục họ nổi dậy hưởng ứng với nghĩa quân Thái Nguyên để chia lực lượng của địch. Nhưng bọn này vẫn giữ thái độ trông chờ và trả lời rằng họ sẽ hưởng ứng một khi nghĩa quân đã làm chủ tình thế ở Hà Nội. Còn phái cách mạng Việt Nam ở Trung

[3]Theo bản thông cáo của Pháp, chúng xác nhận trận này chúng bị chết 107 tên và bị thương 17.

Quốc, thì, như chúng ta đã biết ở trên, nó không có một bộ tham mưu duy nhất, không có thực lực và lúc này đương đi tới tan rã. Thế rồi, trong khi mỏi mắt trông chờ những "bóng" viện trợ ấy, nghĩa quân bị giặc chặn đánh mọi ngả và liên tiếp không ngừng. Suốt mấy tháng sau, nghĩa quân chỉ còn cố bám lấy một dải rừng núi từ Thái Nguyên dọc theo dãy núi Tam Đảo qua Vĩnh Yên, luân chuyển từ bên đây qua bên kia núi, đôi khi tràn xuống những miền đồng bằng lân cận. Đường lối hành quân của Cấn trong vùng này phần nhiều theo bước đi của Đề Thám ngày trước; cả đến những nơi trú quân cũng vậy. Có một lần, vào hạ tuần tháng 9, nghĩa quân tràn xuống miền sông Hồng, định vượt qua sông sang Sơn Tây để kéo vào Hoà Bình. Giặc Pháp bố trí tàu chiến để cản đường. Nghĩa quân phá vòng vây, thắng nhiều trận lớn, nhưng rồi lại phải quay về phía Đông, vào miền Vĩnh Yên và Phúc Yên. Một toán nghĩa quân khác, do Quyền Nhiêu dẫn đầu, cũng vào hạ tuần tháng 9, từ Phúc Yên vượt qua sông Cái, kéo về phía Bắc Ninh rồi tràn vào Hưng Yên, định đánh úp tỉnh lỵ Hưng Yên, nhưng không thành. Một lần nữa, toán quân này lại vượt qua sông tràn vào Hà Đông, Hà Nam, cuối cùng cũng bị tiêu diệt ở Bồng Lạng sau nhiều trận ác chiến.

Trong điều kiện chiến đấu vô cùng ác liệt, nghĩa quân nhờ có nhân dân địa phương ủng hộ: dẫn đường, chữa bệnh, tiếp tế lương thực, v.v..., nên đã kéo dài cuộc kháng-địch tới sáu tháng và đã thắng địch mấy trận lớn như trận Hoàng Xá

Hạ[4] , trận Trung Nha và Trung Thôn[5] , trận Đèo Nứa[6] , trận Hoàng Đờm[7], v.v... Một đôi nơi, nghĩa quân chẳng những được nhân dân ủng hộ, mà còn có những người tình nguyện đi theo. Một điểm đáng ghi là: khác với nghĩa quân Đề Thám, nghĩa quân Thái Nguyên có một phong độ đúng đắn và một kỷ luật rất nghiêm. Đối với nhân dân, ở thôn xóm cũng như chợ búa, họ mua bán sòng phẳng, không hề xâm phạm của dân. Để tiêu diệt nghĩa quân, giặc Pháp chú ý cắt đứt giây liên lạc giữa nghĩa quân với dân chúng. Chúng bắt nhân dân địa phương phải ở dồn lại rồi đặt đồn kiểm soát. Bao nhiêu lương thực, vật dụng của dân đều phải tập trung vào đồn giặc. Một số chức dịch yêu nước bị chúng chém giết vì đã bí mật tiếp tế cho nghĩa quân. Nhiều làng bị triệt hạ vì đã để cho nghĩa quân đóng giữ. Đến cuối năm 1917, nghĩa quân đã suy kiệt và tan rã từng mảnh. Trịnh Văn Cấn với một số tàn quân rút về đóng ở Pháo Sơn thuộc địa hạt Thái Nguyên giữa vòng vây của địch. Cho đến ngày 10 tháng 1 năm 1918, sau nhiều trận chiến đấu tuyệt vọng, vị thủ lĩnh Thái Nguyên anh dũng tự sát để biểu dương tinh thần bất khuất, thà chết không hàng giặc. Những liệt sĩ trong đám nghĩa quân như Ba Chén, Ba Quốc, Quyền

---

[4] Làng Hoàng Xá Hạ ở phía Bắc đường xe lửa Vĩnh Yên-Việt Trì.
[5] Trung Nha và Trung Thôn thuộc địa hạt Phúc Yên.
[6] Đèo Nứa có mỏm Chóm Vung ở địa phận tỉnh Thái Nguyên.
[7] Làng Hoàng Đờm thuộc huyện Phổ Yên tỉnh Thái Nguyên.

Nhiêu, Tú Hồi Xuân và người lính số 1035[8] hoặc chết trong chiến đấu; hoặc bị giặc Pháp xử tử; đều hy sinh vì nước. Người ra hàng cuối cùng là Đội Giá vào ngày 4-3-1918. Tính ra từ ngày nổ ra cuộc khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên cho đến đây là 6 tháng 7 ngày.

III. ĐÁNH GIÁ CUỘC KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN

Trong cuộc chiến đấu cô độc, gian khổ và anh dũng, nghĩa quân Thái Nguyên vùng dậy trong lúc lực lượng cách mạng trong nước còn tản mạn, chưa có tổ chức, thiếu một đội tiền phong lãnh đạo. Điều kiện khách quan mặc dầu có thuận lợi một phần nào, nhưng chủ yếu vẫn là điều kiện chủ quan, mà điều kiện chủ quan yếu quá thì vẫn không thể vươn được đến thắng lợi. Đành rằng cuộc khởi nghĩa nổ ra giữa lúc lòng dân đương trông chờ, cuộc chiến đấu kéo dài được đến hơn nửa năm là do có sự ủng hộ của nhân dân địa phương; nhưng nếu cách mạng không có một bộ máy lãnh đạo sáng suốt, năng lực tổ chức sắc bén thì làm sao có thể biến những quần chúng hướng nghĩa thành ra một đội quân khởi nghĩa, đưa quần chúng từ chỗ ủng hộ cách mạng đến chỗ mạnh bạo đứng vào hàng ngũ cách mạng ? Có người phân biệt nghĩa quân hồi ấy không biết phân tán thành từng toán nhỏ dựa vào dân chúng, phát động dân kháng chiến,

---

[8] Vị liệt sĩ này không rõ tên thật là gì. Trong quân lính bấy giờ người ta chỉ quen gọi theo số hiệu của quân đội Pháp. Sau đó, ông làm Đại uý trong hàng ngũ nghĩa quân, lập nhiều chiến công.

* Chú thích của Biên tập: Theo tài liệu lưu trữ của Pháp (xem bài của Dương Kinh Quốc trong sách này) Đội cấn đã tự sát ngày 5-1-1918.

mà vẫn ham đánh lớn ăn to nên dễ bị tan vỡ. Điều đó có lý. Nhưng dân kháng chiến được thực hiện cũng như dân chúng được phát động không phải chỉ nằm trong sách lược đơn thuần của chiến tranh, mà căn bản phải do một đường lối chính trị đúng đắn của một đảng tiên phong, đại biểu cho quyền lợi của nhân dân và được nhân dân ủng hộ. Điều kiện ấy cố nhiên chưa thể có được ở thời kỳ lịch sử bấy giờ.

Dẫu sao sau cuộc âm mưu khởi nghĩa của binh lính Hà Nội năm 1908 và binh lính Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi trong vụ Duy Tân năm 1916, đây là cuộc khởi nghĩa đầu tiên của binh lính Việt Nam chống thực dân Pháp. Nó là một đòn nặng phá kế hoạch "dùng người Việt đánh người Việt" của giặc và cũng là một cuộc vùng dậy mãnh liệt của những người nông dân mặc áo lính, lấy súng giặc giết giặc, gây một truyền thống cho những binh sĩ cứu quốc Việt Nam sau này...

KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN NGUYÊN NHÂN VÀ DIỄN BIẾN

PGS. PTS CAO VĂN BIỂN
Viện Sử học

Khởi nghĩa Thái Nguyên bùng nổ tối 30-8-1917. Đến nay đã 80 năm trôi qua. Trong 80 năm đó đã có không ít công trình nghiên cứu về Khởi nghĩa Thái Nguyên. Kẻ thù nghiên cứu Khởi nghĩa Thái Nguyên để tìm mọi cách đàn áp phong trào yêu nước quật cường của nhân dân ta. Chúng ta nghiên cứu Khởi nghĩa Thái Nguyên để đặt sự kiện lịch sử trọng đại này đúng vị trí lịch sử của nó trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và rút ra những bài học bổ ích cho việc giữ nước và dựng nước. Và sự kiện Khởi nghĩa Thái Nguyên vẫn còn được tiếp tục nghiên cứu mãi về sau.

Trong bài viết này chúng tôi chỉ nêu lên một số nguyên nhân chính dẫn đến khởi nghĩa và diễn biến của nó.

1. Những nguyên nhân của Khởi nghĩa Thái Nguyên.

1.1. Về mặt địa lý, Thái Nguyên giữ vị trí trung tâm của vùng chiến lược phía bắc sông Hồng. Nếu quay một vòng tròn lấy Thái Nguyên làm tâm điểm với đường bán kính trong vòng 100km thì hầu hết các trung tâm quan trọng nhất như Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Yên Thế, Bắc Sơn, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Phú Thọ, Việt Trì, Vĩnh Yên v.v... đều nằm trong vùng chiến lược đó. Và kế cận với nó là Đông Triều, Chi Lăng, Bình Gia, Lạng Sơn, Yên Bái. Nghĩa là từ Thái Nguyên có thể bung ra với tay tới tất cả những vị trí có tính chất chiến lược quyết định sự thành bại của chiến cuộc. Sau lưng Thái Nguyên là cả một vùng núi rừng hiểm trở Cao Bằng, Hà Giang làm chỗ dựa vững chắc cho nó. Và trước mặt Thái Nguyên là đồng bằng sông Hồng phì nhiêu, một trong hai vựa lúa của đất nước.

Vì vậy trong lịch sử lâu dài của dân tộc, Thái Nguyên từng là vùng tranh chấp quyết liệt giữa ta và giặc xâm lược. Trong thời kỳ lịch sử cận đại, Thái Nguyên từng là đại bản doanh của quân triều đình chống lại "giặc cờ", bọn phỉ đủ loại. Thái Nguyên đóng vai trò như một bức tường ngăn giặc tràn xuống cướp phá miền đồng bằng. Thái Nguyên là điểm xuất phát triển khai lực lượng chống giặc xâm phạm miền biên giới.

Trong quá trình xâm lược nước ta, thực dân Pháp nhiều lần bị quân quan triều đình và quân Cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc xuất phát từ đất Thái Nguyên tập kích Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, gây cho chúng nhiều thiệt hại lớn. Và chúng không có cách nào đối phó được, cũng không dám đem quân vào xứ Thái, đối đầu đọ sức với quân và dân Thái Nguyên. Cuối cùng, với sự đầu hàng của nhà Nguyễn, thực dân Pháp đã bắt ép triều đình Huế phải giải giáp quân thứ Thái Nguyên. Nhưng nhân dân Thái Nguyên vẫn là chỗ dựa của nghĩa quân Đề Thám.

Chính vị trí chiến lược đặc biệt và địa bàn dụng võ mà lịch sử giành cho Thái Nguyên đã hun đúc lên trong lòng người dân xứ Thái một tấm lòng trung kiên, một quyết tâm xả thân vì nước khi có giặc đến, một ý chí sắt đá quyết giành lại non sông đất nước khi bị giặc ngoại bang thống trị. Bản lĩnh yêu nước sâu sắc của nhân dân Thái Nguyên đã thể hiện ngay trong lời hịch của người anh hùng xứ Thái - Trịnh Văn Cấn phát đi giữa đêm Khởi nghĩa Thái Nguyên.

"Bản chức Thái Nguyên Quang phục quân Đại đô đốc, từ trước tới nay không hề có giây phút nào lãng quên nỗi khổ của đồng bào dân chúng. Ngay khi còn sống lam lũ ở chốn thôn quê làm nghề cày ruộng, lòng hằng băn khoăn tức tối về thảm hoạ vong quốc. Nhiều lần ta đã nhập tâm xướng nghĩa khởi binh, tuốt gươm giết giặc. Nhưng rồi lại ngậm hờn khoanh tay là bởi ta chưa gặp thời cơ nào thuận tiện. Vì thế ta đành ẩn nhẫn ra đi lính tập, phải ngậm

miệng làm thinh. Nhưng lúc nào ta cũng nuôi hoài bão cừu thù với Pháp tặc, không hề biến tâm, thoái chí.

Phen này chúng ta quyết ra sức phấn đấu để khôi phục độc lập cho Tổ quốc. Nếu bất hạnh mà mục đích không đạt, đại công không thành thì cuộc đời thà hy sinh tất cả, chúng ta cũng chẳng thiết sống làm gì cho nhọc nhằn khốn khổ.

Anh em! Ta hãy cố sức phấn đấu phen này, đồng tâm hiệp lực, đả đảo quân thù... Tuốt gươm giết giặc"[1]

Ý chí của người Thái Nguyên là vậy, bản lĩnh của dân xứ Thái là vậy. Lúc chưa có thời cơ thì ẩn mình ngậm hờn kiên nhẫn. Lúc thời cơ đến thì tuốt gươm giết giặc, thề không đội trời chung với chúng, sẵn sàng xả thân vì nước.

1.2. Biết rõ vị trí chiến lược quan trọng của Thái Nguyên, biết rõ truyền thống yêu nước kiên cường của người dân Thái Nguyên, sau khi thiết lập được ách thống trị, thực dân Pháp đã âm mưu xóa bỏ tỉnh Thái Nguyên bằng cách sát nhập các phủ huyện của Thái Nguyên vào các tỉnh lân cận. Nhưng chỉ sau gần 2 năm, do vị trí chiến lược đặc biệt của Thái Nguyên, chúng đã phải khôi phục lại tỉnh Thái Nguyên và bố trí một lực lượng quân sự lớn, trải ra dày đặc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Các bản đồ trong quyển "Lịch sử quân sự Đông Dương" cũng như trong

[1] Trích theo Đào Trinh Nhất. *Lương Ngọc Quyến và cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917*. Quốc dân thư xã. Hà Nội, 1946. tr.120, 121.

quyển "Lịch sử chính trị và quân sự tỉnh Thái Nguyên"[2] cung cấp những tài liệu về số đồn binh của Pháp đã dựng lên trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trước và sau Khởi nghĩa Thái Nguyên như sau.

Châu Định Hóa: 5 đồn là: Quảng Nạp
Bảo Biên
Chợ Chu
Thac Mu
Đinh Man.

Huyện Đại Từ: 6 đồn là: Văn Lãng
Phú Minh
Yên Rã
Ký Phú
Hùng Sơn
Cù Vân

Huyện Phú Lương: 6 đồn là: Chợ Mới
Ba Xã
Bãi Nứa
Giang Tiên
Phấn Mễ
Đồn Đu (đồn Phú Lương)

Châu Vũ Nhai: 6 đồn là: Dac Kiết
Lang Hít (Làng Hích)

[2] Histoire militaire en Indochine; Histoire politique et militaire de la province de Thai Nguyen.

Bắc Lao
Cúc Đình (Cúc Đường)
Đình Cả
Tràng Xá.

Phủ Phú Bình: 4 đồn là: Hà Châu
Kha Sơn Thượng
Phương Độ
Chợ Hanh

Phủ Phổ Yên: 6 đồn là: Bến Đặng (Bến Đông)
Lang Danh (Làng Đanh)
Bá Vân
Chợ Chã
Sơn Cốt
Phố Cò.

Huyện Đồng Hỷ (gồm cả tỉnh lỵ Thái Nguyên):
Minh Lý
Mo Na Khôn (Khe Mo)
Đồn lính khố xanh ở tỉnh lỵ
Đồn lính Pháp ở tỉnh lỵ.

Mỗi đồn binh lẻ tẻ có khoảng từ 30 đến 50 lính. Những đồn lớn gồm nhiều trại lính có thể từ 100 đến 200 lính. Những đồn binh này thuộc quân đội Pháp, do người Pháp trực tiếp chỉ huy, gồm lính lê dương (người Âu Phi), lính Khố đỏ, lính Khố xanh (người Việt). Nếu tính trung bình mỗi đồn là 50 lính thì trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có ít nhất là 1800 lính chính quy. Ngoài ra còn có lính Khố

vàng, lính Khố lục, lính dõng do bọn quan lại người Việt chỉ huy. Bọn lính này cũng được trang bị đầy đủ, đồn trú tại các phủ lỵ, huyện lỵ, châu lỵ. Như vậy tổng số quân lính vũ trang trên địa bàn Thái Nguyên có khoảng trên 2 ngàn người. Toàn bộ số binh lính này trải ra thành một mạng lưới đóng chốt ở những đầu mối quan trọng nhất, chụp lấy lãnh thổ tỉnh Thái Nguyên.

Theo tài liệu thống kê dân số của Pháp[3] vào năm 1921 dân số Thái Nguyên gồm gần 70 ngàn người, tức khoảng 11 - 12 ngàn hộ. Tính ra trung bình cứ mỗi 5 - 6 hộ nông dân có 1 họng súng chĩa vào.

Và chùm lên bộ máy cai trị dân Thái Nguyên là một hệ thống chính quyền thuộc địa các cấp do một viên công sứ người Pháp đứng đầu, cũng như mọi tỉnh khác. Nhưng điều đặc biệt của bộ máy cai trị Thái Nguyên là viên công sứ chủ tỉnh, Đáclơ (Darles), là một tên đại ác, đại bá. Y đã được xếp vào loại quan cai trị tàn ác nhất ở Bắc Kỳ[4]. Đáclơ làm công sứ Thái Nguyên từ tháng 4 - 1913 đến tháng 9 - 1917. Lúc còn ở Pháp, Đáclơ chỉ là một anh bán cháo ở xóm dân nghèo Latinh thuộc thành phố Pari. Y cũng cố gắng học hành đậu được bằng Cử nhân văn chương. Khi sang Việt Nam đứng vào bộ máy cai trị, do có công lao đàn

[3] Annuaire Statistique de L'Indochine.

[4] Đáclơ được xếp vào hàng đầu trong số những tên thực dân tàn ác khét tiếng gọi là "tứ hung" ở Bắc Kỳ: nhất Đác (Darles), nhì Ke (Esker), tam Be (Galambert), tứ Bít (Bride).

áp tàn bạo nhân dân ta, Đáclơ được cất nhắc lên giữ chức quan cai trị đứng đầu một tỉnh quan trọng và dân cư nổi tiếng "cứng đầu" - công sứ Thái Nguyên. Về tội ác của Đáclơ, trong quyển *"Bản án chế độ thực dân Pháp"* xuất bản năm 1925, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, tức Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu của chúng ta, đã kể tội như sau:

Đối với công nhân làm đường: *"Cứ mỗi khi ông ta đi xét các con đường có dân phu làm việc thì số người bị đánh què bằng lưỡi xẻng, cán cuốc phải tính bằng đơn vị nửa tá. Những người dân phu làm đường ấy đều là những người bị ông ta bắt ép đi làm với tiền công mỗi ngày một hai xu, sau khi họ đã phải nộp tiền chuộc phần tạp dịch của họ với giá mười lăm xu mỗi ngày". "Một lần ở một công trường, ông ta đã giật súng của một người lính coi tù để đánh một người tù, người tù tránh được, quan công sứ quay lại đánh người lính, cũng bằng cây súng ấy. Bà công sứ, người vợ xứng đáng của quan lớn, cũng tham gia, bà đánh tù một cách tự nhiên và phạt lính lúc nào cũng được".*

Đối với tù nhận: *"Khi hỏi cung phạm nhân quan công sứ thường lấy thanh gươm đâm vào đùi họ. Có người khi về đến nhà lao thì lăn ra bất tỉnh:* và *"một đoàn tù khốn khổ gầy đói, quần áo tả tơi, bị lôi dậy từ tờ mờ sáng, cổ mang gông, chân buộc xiềng, người nọ bị xích vào người kia, cùng kéo một chiếc xe lu to tướng trên những lớp sỏi dầy. Hoàn toàn bị kiệt sức, họ ì ạch kéo chiếc xe lu nặng nề dưới ánh nắng như thiêu như đốt. Bỗng quan công sứ đến.*

Như thường lệ quan cầm một cái gậy to tướng, rồi bỗng dưng vô cớ, quan xông vào đám người khốn khổ ấy như con thú dữ, đánh túi bụi tàn nhẫn không tưởng tượng được, vừa đánh vừa chửi họ là đồ lười".

Đối với viên chức người Việt: "*Một hôm nhà khai hoá của chúng ta* (tức Đáclơ-T.G) *vừa quở trách một nhân viên người Âu xong không biết trút cơn giận lên đầu ai được, bèn vớ cái thước sắt trên bàn giấy đập nát hai ngón tay của một viên thư ký người Annam chẳng liên quan gì đến việc kia cả".*

Đối với binh lính người Việt: " *Có ba người lính khố xanh để xổng một người tù đã bị ông Đáclơ đánh đập một cách tàn nhẫn, nắm tóc họ kéo lê dưới đất và đập đầu họ vào tường tòa sứ", "một hôm khác, ông ta vụt roi gân bò vào mặt một viên đội người bản xứ trước những người lính dưới quyền ông. Lại một lần khác có mấy người lính khố xanh làm trái ý ông ta, ông ta bèn đem chôn họ đến tận cổ, mãi đến khi họ ngất ngoải mới cho moi lên". "Người ta đã trông thấy quan công sứ dùng gậy đánh một viên đội lòi mắt"*[5].

Viên quan chủ tỉnh tàn ác như vậy thì các nhân viên của nó cũng theo chủ mà tàn ác với mọi người cấp dưới và dân chúng. Trong cuộc hỏi cung của Tổng đốc Hà Đông Hoàng

---

[5] *Hồ Chí Minh. toàn tập*, tập 2. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.49, 50

Trọng Phu và kinh lịch Phạm Tuyên một nghĩa quân Thái Nguyên là Nguyễn Văn Nhiêu (tức quyền Nhiêu) ngày 25 tháng tám năm Khải Định thứ hai, tức ngày 10-10-1917, về nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa, quyền Nhiêu đã trả lời: "*Ở trại lính khố xanh, có các thầy Đội Cấn, thầy Đội Giá, thầy Đội thư lại, thầy Đội Xuyên, thầy Đội Năm và thầy Đội lính 935 thường bị quan Giám binh và thầy Phó quản Lạp trừng phạt, cho nên các thầy đội ấy khởi loạn để báo thù*"[6].

Ách cai trị tàn ác của chính quyền thực dân, đứng đầu là tên đại hung Đáclơ, ở Thái Nguyên là một trong những nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa.

1.3. Bàn về nguyên nhân dẫn đến bùng nổ Khởi nghĩa Thái Nguyên không thể không nói đến cuộc hội ngộ giữa các binh sĩ người Việt trong quân đội Pháp ở Thái Nguyên mà tiêu biểu là Đội Cấn đang sẵn sàng vung gươm ra diệt giặc nước và các nhà cách mạng "quốc sự phạm" đang bị giam cầm ở nhà lao Thái Nguyên mà tiêu biểu là Lương Ngọc Quyến.

Lương Ngọc Quyến, hiệu là Lập Nham, sinh năm 1885 tại số 4 phố Hàng Đào, Hà Nội. Ông là con thứ ba của cụ

---

[6] Lê Xuân Phương, *về cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917. Bản khẩu cung của Nguyễn Văn Nhiêu*. Tạp chí nghiên cứu Lịch sử. Số 4-1987.

cử nhân Lương Văn Can[7], người làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Sơn Bình, nên thường gọi là Ba Quyến. Sinh trưởng trong một gia đình giàu lòng yêu nước, ông đã sớm tiếp thu tư tưởng canh tân. Tháng10-1905 Lương Ngọc Quyến cùng em ruột là Lương Nghị Khanh đã xuất dương sang Nhật, tìm gặp Phan Bội Châu. Ông là một trong những người đầu tiên xuất dương sang Nhật. Tại Nhật Bản, ông đã tốt nghiệp trường quân sự Chấn Võ vào loại ưu. Năm 1908, Nhật Bản liên kết với Pháp đã trục xuất tất cả các chiến sĩ cách mạng Việt Nam khỏi Nhật.

Ông trở về Trung Quốc tiếp tục học trường Lục quân tại Quảng Đông và trường Quan quân học Hiệu tại Bắc Kinh. Từ năm 1911 đến năm 1913 ông tham gia quân đội Trung Quốc với quân hàm Thiếu tá. Năm 1912 ông tham gia thành lập Việt Nam Quang phục hội và phụ trách ban Quân vụ. Sau vụ Việt Nam Quang phục hội đánh bom khách sạn Hà Nội năm 1913, chính quyền thực dân Pháp đã truy bắt hàng trăm người, trong đó có cụ Lương Văn Can. Hội đồng

[7] Lương Văn Can sinh năm 1854, đậu cử nhân năm 21 tuổi. Triều đình Tự Đức bổ làm giáo thụ phủ Hoài Đức, nhưng cụ từ chối, chỉ ở nhà mở trường dạy học ở Hà Nội. Vốn giàu lòng yêu nước và có tư tưởng canh tân đất nước, năm 1908 cụ mở trường Đông kinh nghĩa thục, làm hiệu trưởng. Nhà trường bị thực dân Pháp đóng cửa và cụ bị bắt nhân vụ lính Pháp bị đầu độc (năm 1908). Nhưng không có chứng cớ để buộc tội, chúng đã tha cụ. Năm 1913, sau vụ Việt Nam Quang phục hội đánh bom khách sạn Hà Nội giết chết 2 sĩ quan Pháp cụ lại bị bắt và bị kết án lưu đầy 10 năm ở Nông Pênh. Năm 1924 cụ mới được về nước. Cụ mất tại Hà Nội năm 1927.

đề hình Hà Nội đã kết án tử hình 14 người (trong 7 người bị kết án tử hình vắng mặt có Lương Ngọc Quyến). Trong phiên toà này cụ Lương Văn Can cũng bị kết án lưu đầy 10 năm. Như vậy là trong một phiên tòa hai cha con cụ Lương Văn Can đều bị kết án: cụ Lương Văn Can bị kết án lưu đầy 10 năm, Lương Ngọc Quyến bị kết án tử hình vắng mặt.

Vào năm 1914 Lương Ngọc Quyến bí mật trở về Sài Gòn để tổ chức lực lượng. Ông đã bị Nguyễn Bá Trạc, một người bạn cùng học ở Nhật, ở Trung Quốc phản trác, đầu hàng Pháp đã khai báo cho Pháp lập kế bắt ông. Vào cuối năm 1914, ông bị cảnh sát Anh bắt tại Hương Cảng và bị trục xuất đưa đi Quảng Châu loan cho mật thám Pháp bắt ông. Đầu năm 1915, mặc dầu không có bằng chứng gì để buộc tội, tòa án thực dân Pháp vẫn kết án ông chung thân cấm cố. Ông bị đưa đi giam ở nhiều nhà tù: Hoả Lò Hà Nội, Sơn Tây, Cao Bằng, Phú Thọ và bị hành hạ đến mức bại liệt, nhưng vẫn bị xiềng chân và nhốt xà lim.. Sợ Lương Ngọc Quyến vượt ngục, Thống sứ Bắc Kỳ đã nhiều lần gửi công văn xin đưa Lương Ngọc Quyến ra giam ở nhà tù Côn Đảo. Nhưng trong công văn ngày 3-3-1916, Toàn quyền Đông Dương cho biết nhà tù Côn Đảo đã chật ních rồi, không còn chỗ giam thêm một người tù nào nữa. Thống sứ Bắc Kỳ buộc phải đưa Lương Ngọc Quyến lên giam ở nhà tù Thái Nguyên, là nhà tù được xây dựng kiên cố nhất ở Bắc Kỳ cũng như nhà tù Côn Đảo ở Nam Kỳ, để cho tên Đáclơ nổi tiếng gian ác trừng trị. Lương Ngọc Quyến bị

giam ở nhà tù Thái Nguyên từ 25-7-1916[8]. Tại đây Đáclơ đã cho đâm thủng bàn chân Lương Ngọc Quyến rồi luồn dây xích sắt vào khoá lại và bị nhốt xà lim suốt ngày đêm.

Lương Ngọc Quyến bị hành hạ và bị cùm xiềng riêng biệt, nhưng ý chí bất khuất và tri thức cách mạng sâu rộng của ông đã chinh phục được mọi người. Dù bị đau đớn, bị liệt nhược, Lương Ngọc Quyến vẫn tiếp tục hoạt động cách mạng như khi ông chưa bị bắt. Ông tuyên truyền giác ngộ anh em trong nhà tù và binh lính khố xanh canh tù. Ở đây Lương Ngọc Quyến đã tìm được đắc địa trong lòng yêu nước của binh sĩ Thái Nguyên. Có thể nói với tư cách là uỷ viên quân vụ của Việt Nam Quang phục Hội, đây là lần đầu tiên Lương Ngọc Quyến xây dựng được một cơ sở lực lượng vũ trang mạnh và sẵn sàng vung gươm ra. Còn binh sĩ yêu nước Thái Nguyên tràn đầy khí phách nhưng đang thiếu một người thầy chỉ đường thì họ đã tìm thấy người thầy đó ở Lương Ngọc Quyến. Thầy trò tâm đồng, chí quyết sẵn sàng.

Cuộc hội ngộ giữa Lương Ngọc Quyến và binh sĩ yêu nước Thái Nguyên mà tiêu biểu là Trịnh Văn Cấn, tức Đội Cấn tựa như lịch sử đã sắp đặt, là sự gặp gỡ của những nhà yêu nước có chí lớn để đưa đến Khởi nghĩa Thái Nguyên.

2. Diễn biến của Khởi nghĩa.

---

[8] Vũ Văn Tỉnh. *Một chút tư liệu về Lương Ngọc Quyến*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, tháng 11-1969.

Khởi nghĩa Thái Nguyên bắt đầu từ 23 giờ ngày 30-8-1917 tại trại lính khố xanh. Tại sao khởi nghĩa bùng nổ vào thời điểm này?

Theo các tài liệu, Đội Cấn đã dự kiến khởi sự mấy lần. Khi còn đóng ở đồn Chợ Chu, Đội Cấn đã định nổi dậy chiếm đồn rồi tiến về Thái Nguyên đánh chiếm tỉnh lỵ. Nhưng ý đồ đó đã không thực hiện được. Khi Đội Cấn được chuyển về đồn Thái Nguyên thì quan hệ của ông với các đồng đội ở đây và các đồn lẻ được mở rộng. Dần dần ông đã tập hợp được một nhóm binh sĩ yêu nước như Đội Giá, Đội Trường, Cai Xuyên, Đội Lữ, Đội Nhị, Cai Ưng, Cai Mánh, Ba Chén, Quyền Nhiêu, Quyền Yên, Đội Năm, Đội thư lại, Đội số 935 và một số binh lính khố xanh trong trại.

Ý định khởi nghĩa càng nung nấu. Vào tháng 5-1917 nhân dịp viên giám binh Nô-en đi tải thuế ở Hùng Sơn, Đội Cấn đã có kế hoạch bất ngờ giết Nô-en trên đường rồi bí mật về trại khố xanh tuyên bố chiếm trại. Nhưng ý đồ cũng không thực hiện được.

Lần thứ 3, nhân ngày quốc khánh Pháp 14-7, binh sĩ yêu nước định lợi dụng lúc điểm binh bất ngờ nổ súng chiếm đồn trại. Nhưng rồi kế hoạch này cũng không thực hiện được. Vào tháng 8 có tin lan truyền rằng lính khố xanh sắp bị thuyên chuyển đi các nơi, có một số sẽ sang châu Âu tham chiến. Nguồn tin này làm trại lính xôn xao càng thôi

thúc binh lính nhanh chóng hành động. Lúc này viên công sứ chủ tỉnh Đáclơ và viên phó sứ Tuyttơ (Tuste) lại đang đi nghỉ mát ở Đồ Sơn. Đó cũng là cơ hội thuận lợi để hành động. Theo lời khai của Nguyễn Văn Nhiêu (tức Quyền Nhiêu), trưa ngày chủ nhật 29-8, dưới hình thức mời cơm thân mật, Đội Cấn đã triệu tập ban chỉ huy khởi nghĩa gồm Đội Giá, Đội thư lại, Đội Xuyên, Đội Năm và đội số 935 họp. Ban chỉ huy quyết định giờ khởi nghĩa là 23 giờ ngày 30-8 và phân định công việc từng người.

Giết giám binh Nô-en và chiếm trại lính khố xanh.

Trại lính khố xanh do giám binh Nôen trực tiếp chỉ huy. Nô-en có một tay sai đắc lực là phó quản Lạp. Dinh thự Nô-en ở trên đồi nhìn thẳng xuống trại lính khố xanh còn trại lính khố xanh cách trại lính Tây khoảng 200m. Trong trại hiện có 175 lính và cai đội. Đa phần cai đội đã nằm trong ban chỉ huy khởi nghĩa. Việc giết Nô-en và phó quản Lạp được xem là hành động mở đầu của khởi nghĩa. Ban chỉ huy yêu cầu không được nổ súng. Gần đến giờ quy định, Đội Trường và một lính thân tín nhận nhiệm vụ giết Nô-en, Ba Chén nhận nhiệm vụ giết phó quản Lạp[9] bắt đầu thực hiện nhiệm vụ. Đội Trường đến phòng ngủ Nô-en gõ cửa báo tin có điện khẩn từ Hà Nội gửi lên. Nô-en chỉ hé cửa thò tay ra nhận điện. Người lính thân tín của Đội

[9] Theo lời khai của Nguyễn Văn Nhiêu thì Đội Cấn, Cai Mập và Cái số lính 81 giết Giám binh Nô-en; Đội Xuyên và lính số 846 giết phó quản Lạp.
*Tức Đặng Văn Lự, đội nhì.

Trường cầm dao xông vào chém Nô-en. Nhưng Nô-en tung cửa chạy ra, Đội Trường buộc phải bắn chết Nô-en. Như vậy là có tiếng súng nổ bên trại lính Khố xanh. Còn phó quản Lạp thì bị Ba Chén giết gọn.

Sau khi nghe tiếng súng nổ, Đội Cấn ra lệnh tập hợp binh lính Khố xanh tuyên bố khởi nghĩa. Hai đầu của hung thủ được dâng lên làm lễ tế cờ. Đội Cấn truyền đọc hịch khởi nghĩa và nói rõ ai theo nghĩa quân thì ở lại, ai không theo thì giao súng đạn lại, cho về nhà. Trong số 175 lính Khố xanh có 30 người sợ hãi bỏ trốn, 10 người già yếu xin nộp súng về nhà, còn lại 131 người. Trại lính Khố xanh đã thuộc về tay nghĩa quân.

Phá nhà tù giải phóng tù nhân.

Nhà tù Thái Nguyên ở gần trại lính Khố xanh. Vào tháng 8-1917, tại nhà tù có trên 200 tù nhân (có tài liệu nói có 203 tù nhân, một tài liệu khác có nói 211 tù nhân và Lương Ngọc Quyến). Trong đó có 42 "quốc sự phạm" gồm những thủ hạ của Đề Thám, những người tham gia các phong trào Duy Tân và Quang phục hội như Ba Nho, Ba Lâm, Bếp Ngọc, Ba Thấu, Hai Vịnh, Ba Quốc, Tú Hồi Xuân (Nguyễn Gia Cầu), quan hai Tàu v.v... Đó là những "trọng tù quốc sự"[10]

[10]Tú Hồi Xuân là một vị tú tài, người làng Hồi Xuân, tham gia phong trào Duy Tân ở Trung Kỳ (tham khảo chú thích số 2 trang luận văn của Trần Huy Liệu). Không rõ tên riêng là gì; Quan hai Tàu là một nhà cách mạng Việt Nam, từng tham gia phong trào Đông Du và quân đội Trung Quốc, làm đến chức quan hai. Người trong tù thường gọi ông là Quan Hai Tàu. Theo PGS Ngô văn Hòa, luận văn trong sách này thì ông có tên là Hoi Hòa, tức Ba Môn quê ở Gia Lâm, số tù 22.

Giám mục nhà tù là tên Lô-ê (Loew). Hàng ngày tù nhân phải lao động làm đường. Họ vẫn bị xích chân và xích liền với nhau. Ban đêm họ ở trong phòng giam và bị cùm chân. Ngoài số lính canh gác thường xuyên tại nhà tù thì buổi tối nhà tù còn được tăng cường một toán lính gồm 12 người và một viên đội. Toán lính tăng cường tối 30-8 do Đội Năm chỉ huy. Việc phá nhà tù được giao cho Đội Giá và mấy chục lính Khố xanh. Đến giờ hành động, Đội Giá dẫn quân đi. Vốn đã thống nhất kế hoạch với Đội Năm, Đội Giá gọi mở cửa nói vì có tiếng nổ, ông giám binh cho lính đến tăng cường gác. Lô-ê mở cửa, khoác tay Đội Giá đi vòng quanh nhà tù, không một phút xa rời. Đi đến chỗ hẻm, Lô-ê phải bỏ tay Đội Giá và bị bắn chết ngay tại chỗ. Đội Giá ra lệnh phá nhà giam, giải phóng tù nhân. Nhiều tù nhân bị còng xiềng lâu ngày không đi được phải bò sang trại lính Khố xanh. Riêng Lương Ngọc Quyến đã được binh lính cõng sang trại.

Nghe tiếng súng nổ và tiếng gọi bên nhà tù, bọn lính Tây ở cách nhà tù khoảng 200 m đã xả súng bắn về phía nhà tù. Tù nhân phải vừa chạy vừa tránh đạn. Có tất cả 180 tù nhân chạy được sang trại lính Khố xanh. Họ hăng hái tham gia nghĩa quân, được phát súng đạn, quần áo và phiên chế vào các cơ lính cũ.

Đánh chiếm tòa công sứ.

Tòa công sứ là lỵ sở của cơ quan cai trị cao nhất của tỉnh do một viên công sứ đứng đầu. Thái Nguyên là tỉnh quan

trọng cho nên chính quyền thực dân Đông Dương đặt thêm chức phó sứ, cùng công sứ nắm quyền cai trị trong tỉnh. Cộng sứ có quyền quyết định và điều hành mọi hoạt động của các cơ quan trực thuộc và các cơ quan chính quyền cấp dưới, kể cả lực lượng quân sự đồn trú trong tỉnh. Tòa công sứ thường xuyên có các toán lính Khố xanh bảo vệ bên ngoài. Bảo vệ vòng trong là một số lính Pháp và các nhân viên tòa công sứ. Đánh chiếm được tòa công sứ có nghĩa là đánh chiếm được thủ phủ tỉnh Thái Nguyên và từ đó có thể hạ lệnh cho các cơ quan chính quyền cấp dưới, cũng như lực lượng lính Khố xanh đồn trú trong tỉnh tuân theo nghĩa quân.

Việc đánh chiếm tòa công sứ từ trước tới nay có ít tài liệu chi tiết. Có thể là việc đánh chiếm tòa công sứ không mấy bị khó khăn, vì viên công sứ và viên phó công sứ đi vắng. Và ban đêm chỉ có một ít nhân viên người Tây. Còn những người nhận nhiệm vụ đánh chiếm tòa công sứ hẳn là những cai đội và binh lính từng quen thuộc nơi đây. Theo lời kể của Nguyễn Văn Nhiêu, *"Thầy đội số lính 935 đem theo 20 người lính đến phá nhà quan công sứ, rồi đóng ở đấy, đánh nhau với Tây"*[11].

Chiếm nhà bưu điện.

Nhà bưu điện cách trại lính Khố xanh tương đối xa. Cai Mánh cùng 5 nghĩa binh được lệnh đánh chiếm nhà bưu điện, phá máy móc, cắt đường dây điện thoại. Nhưng trước

[11] Lê Xuân Phương - đã dẫn.

khi Cai Mánh dẫn quân đến thì *"viên sen-đầm Bơde (Besait), người cai Roxéttơ (Rochette) và 4 người lính của đạo quân thuộc địa số 9 đã ra nhà dây thép đánh điện tín cầu cứu về Hà Nội"*[12]. Như vậy là Cai Mánh đã hoàn thành nhiệm vụ, nhưng ngay đêm 30-8, Thống sứ Bắc Kỳ ở Hà Nội đã biết sự biến ở Thái Nguyên. Y hoảng hốt điện ngay xuống Đồ Sơn gọi Đáclơ về Hà Nội bàn cách đối phó, 4 giờ sáng 31-8 Đáclơ đã có mặt ở Hà Nội. Trưa 31-8 Bộ chỉ huy quân độ Pháp ở Đông Dương họp phiên bất thường bàn định kế hoạch đàn áp Khởi nghĩa Thái Nguyên . Chiều 31-8, Thống sứ Bắc Kỳ cùng viên tướng Tổng chỉ huy quân đội Pháp và Đáclơ đã dẫn một đoàn ô tô hộ tống đến đóng tại đồn điền Gia Sàng, cách tỉnh lỵ 3 km.

Việc chậm chiếm nhà bưu điện đã đặt nghĩa quân Thái Nguyên vào tình thế bất lợi.

Đánh chiếm các vị trí khác.

Ngoài những vị trí trọng điểm nói trên, trong đêm 30 rạng ngày 31-8, nghĩa quân còn chiếm được các công sở như sở Lục lộ, sở Điền bạ, Tòa án, Nhà đoan, Khọ vũ khí v.v... Theo quyển *"Lịch sử chính trị và quân sự tỉnh Thái Nguyên"*[13] thì số vũ khí mà nghĩa quân thu được tất cả gồm 92 súng mútcơtông, 75 súng trường, 1 súng lục, 15 thanh kiếm, trên 62 ngàn viên đạn.

---

[12] *Đội Cấn. Thái Nguyên.* Bảo Ngọc văn đoàn xuất bản. Hà Nội 1945.

[13] M.Echinard. Histoire politique et Militaire de la province de Thai Nguyen. Nhà xuất bản Trung Bắc tân văn, Hà Nội, 1934.

Vị trí cuối cùng mà nghĩa quân đánh chiếm trong tiến trình khởi nghĩa là Kho bạc vào chiều 31-8. Chủ kho bạc, từ tối hôm trước nghe tiếng súng nổ và báo động, đã chạy trốn vào trại lính Tây. Kho bạc không còn người bảo vệ. Nhưng Kho bạc ở gần trại lính Tây, việc đánh chiếm không đơn giản. Vào chiều 31-8, Đội Năm được lệnh dẫn một toán nghĩa binh 50 người đến đánh chiếm Kho bạc. Họ mang theo mìn và có vũ trang đầy đủ để sẵn sàng đối phó với bọn lính Tây. Nhưng bọn lính Tây trong trại chỉ bắn vu vơ sang phía Kho bạc, nghĩa quân thu được 72 ngàn đồng bằng tiền kim loại, gồm các loại tiền đồng, hào, xu.

Những vũ khí và tiền bạc thu được có ý nghĩa to lớn đối với nghĩa quân Thái Nguyên trong việc phòng thủ và chống trả về sau.

*

* *

Chỉ trong một đêm, binh sĩ yêu nước Thái Nguyên dưới sự lãnh đạo của Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến đã đồng tâm nổi dậy làm chủ được tỉnh lỵ. Nghe tiếng súng nổ của nghĩa quân, bọn nhân viên người Pháp đã hốt hoảng bỏ công sở liều chết chạy vào Trại lính Tây cầu sống. Và cả bọn lính Tây trong đồn cũng không dám xông ra chống cự với nghĩa quân, mà chỉ đóng trại bắn vu vơ ra ngoài.

Sau khi làm chủ tỉnh lỵ, nghĩa quân Thái Nguyên đã tuyên bố thành lập QUANG PHỤC QUÂN do Trịnh Văn

Cấn làm Đại đô đốc, Lương Ngọc Quyến làm quân sư, phong hàm các sĩ quan. Quang phục quân Thái Nguyên gồm 623 người, trong đó:

131 người vốn là lính Khố xanh.

180 người vốn là tù nhân được giải phóng và

312 người là công nhân, nông dân yêu nước mới tham gia.

Họ được trang bị đầy đủ vũ khí và quân phục, kỷ luật nghiêm minh. Nhiệm vụ của Quang phục quân đã được xác minh rõ ràng: *"Đội quân cách mạng ta có nghĩa với dân cứu nước, quyết không sách nhiễu và không tơ hào xâm phạm đến tài sản của dân. Bất cứ lúc hành binh hay khi đồn trú nơi nào, Quang phục quân chỉ có một việc là thu phục bờ cõi cho tổ tiên, diệt trừ quân giặc bạch chủng, để cho toàn thể quốc dân đồng bào được hưởng độc lập tự do, an cư lạc nghiệp".*

Cùng với việc thành lập Quang phục quân, nghĩa quân Thái Nguyên đã tuyên bố đặt quốc hiệu là ĐẠI HÙNG, định QUỐC KỲ NỀN VÀNG 5 NGÔI SAO ĐỎ. Sáng ngày 31-8, Quốc kỳ ngũ tinh đã lồng lộng tung bay trên Đại bản doanh của Quang phục quân đặt tại trại lính Khố xanh cũ trên tấm biển cỡ lớn đề 4 chữ "NAM BINH PHỤC QUỐC". Với Khởi nghĩa Thái Nguyên, chủ trương của Việt Nam Quang phục Hội mà người vận động tổ chức thực hiện ở đây là Lương Ngọc Quyến đã được thực hiện mĩ mãn.

Sáng ngày 31-8, Quang phục quân Đại đô đốc Trịnh Văn Cấn ra lời kêu gọi:

"Hỡi đồng bào! chúng ta phải cùng nhau gắng công ra sức phen này hẳn phải làm tròn sự nghiệp vĩ đại, lá cờ Ngũ tinh được phấp phới vẻ vang khắp cả năm châu, không phụ lòng trông mong, tin cậy của Tổ quốc.

Hỡi đồng bào! Một quốc gia tân tạo, vững bền thiên thu vạn tuế bắt đầu xây dựng từ ngày hôm nay. Toàn thể đồng bào cùng có trách nhiệm tháo ách nô lệ đè đầu cưỡi cổ chúng ta bấy lâu"[14].

Hoảng sợ trước Khởi nghĩa Thái Nguyên, thực dân Pháp đã huy động một lực lượng lớn để đàn áp gồm 1086 sĩ quan, binh lính người Âu, 1626 hạ sĩ quan, binh lính ngụy, 1139 lính tập, lính dõng, lính cơ... được trang bị đầy đủ, có pháo binh, tàu chiếm yểm trợ, và toàn bộ hệ thống chính quyền từ cấp làng xã trong 10 tỉnh là Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Bắc Kạn, Phúc Yên, Phú Thọ, Sơn Tây, Hà Đông, Hà Nam, Hưng Yên.

Trước lực lượng đàn áp to lớn ấy, các nghĩa sĩ Thái Nguyên đã nêu cao tinh thần xả thân vì nước. Dưới ngọn cờ ngũ tinh, Quang phục quân đã giữ được thành Thái Nguyên trong 6 ngày. Tinh thần bất khuất của các nghĩa sĩ Thái Nguyên sống mãi với non sông đất nước, đã thôi thúc quân dân tả xông lên giết giặc cứu nước giành độc lập với câu kết bài Quốc ca "BẮC SƠN CÙNG ĐÔ LƯƠNG, THÁI NGUYÊN", và ngày nay đã cổ vũ chúng ta ra sức xây dựng đất nước trở nên *"Vẻ vang khắp năm châu, khỏi phụ lòng trông mong tin cậy của Tổ quốc"*

---

[14] Đào Trinh Nhất - Sách đã dẫn, tr.128.

KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN (1917) CÁC ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

GS - Nhà giáo Nhân dân
ĐINH XUÂN LÂM

Nói tới khởi nghĩa Thái Nguyên (1917) là nói tới cuộc khởi nghĩa lớn nhất, kéo dài nhất và có tiếng vang lớn nhất trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918). Đồng thời cũng là nói tới cuộc khởi nghĩa đầu tiên trong lịch sử cận đại Việt Nam với lực lượng chủ yếu là binh lính người Việt ngay trong quân đội Pháp, với sự ủng hộ của nhiều tầng lớp nhân dân, có cả công nhân, đã chiếm và làm chủ tỉnh lỵ trong 5 ngày, lần đầu tiên thành lập chính

quyền cách mạng với quốc hiệu, quốc kỳ, làm cho thực dân Pháp hốt hoảng lo sợ, nền thống trị của chúng lao đao nghiêng ngả.Với hình thức biểu hiện kịch liệt, nội dung đấu tranh phong phú, thời gian tồn tại kéo dài so với các cuộc đấu tranh cùng thời kỳ, khởi nghĩa Thái Nguyên đã có một số đặc điểm đáng được chú ý trong sự phát triển của nó.

I. KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN BÙNG NỔ LÀ SỰ KẾT HỢP GIỮA THIÊN THỜI, ĐỊA LỢI, NHÂN HOÀ.

1. Đến năm 1917 chiến tranh đế quốc lần thứ nhất đã bước sang năm thứ ba, vào giai đoạn quyết liệt nhất để phân chia thắng bại giữa hai phe. Thực dân Pháp ở Việt Nam càng ra sức tăng cường mọi thủ đoạn bóc lột, vơ vét nhân lực, vật lực, tài lực của nhân dânViệt Nam để ném vào lò lửa chiến tranh đang bốc cháy trên đất Pháp, cũng như trên các chiến trường Châu Âu.Thực dân cáo già Xa-rô (Albert Sarraut) đã từng giữ chức Toàn quyền Đông Dương thời kỳ trước chiến tranh, và đã có nhiều kinh nghiệm trong việc đàn áp bóc lột nhân dân ta, nay lại được điều động sang lần thứ hai đã tuyên bố trắng trợn trong Hội đồng chính phủ Đông Dương: " *Tất cả những điều chúng ta có thể nói và làm hiện nay phải xoáy vào ý nghĩ này: ra sức làm việc cho nước Pháp đang tham chiến*". Không dừng lại ở đó, ông ta còn huênh hoang : "*Cõi thuộc địa tốt đẹp ở ngoại dương ấy, vĩ đại và phong phú là đường nào, dư luận*

ta (chỉ nhân dân Pháp) *lâu nay vẫn không biết đến, nay nhân có chiến tranh mới được phát minh ra rất rõ ràng. Cõi thuộc địa ấy thật đã công to trong cuộc chiến thắng của ta. Thuộc địa đã cung cấp vào việc quốc phòng tới non một triệu người vừa lính chiến vừa lính thợ, đã cống hiến cho mẫu quốc đang chiến đấu biết bao là sản vật tiềm tàng trong địa hạt mênh mông, những khoản trợ cấp tịnh giá tới hàng trăm triệu"*

Mức độ bóc lột vơ vét cùng cực nhân dân ta về kinh tế - chính trị suốt trong 4 năm chiến tranh đã làm cho đời sống các tầng lớp nhân dân ta chủ yếu là nông dân vô cùng khốn đốn. Đó là một trong những nguyên nhân cơ bản thúc đẩy nhân dân ta vùng dậy khi thời cơ xuất hiện - thời cơ lúc này là sự suy yếu trông thấy của chính quyền thực dân ở Đông Dương vào những năm cuối chiến tranh.

Thế nhưng không phải thực dân Pháp chỉ vơ vét bóc lột kinh tế - tài chính. Còn có một loại thuế " kỳ quái" khác mà Nguyễn Ái Quốc (sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh) gọi là "thuế máu". Tại Đại hội V quốc tế cộng sản (1924), Nguyễn Ái Quốc đã đọc tham luận về *:" Vấn đề dân cày và thuộc địa", có nêu cụ thể là 51000 người Việt nam bị bọn tư bản pháp đưa đi làm bia đỡ đạn, còn có 49000 người bị đưa đến làm việc ở các xưởng chế tạo vũ khí chiến tranh. Nạn nhân chính cuả thủ đoạn vơ vét nhân lực chủ yếu vẫn là những thanh niên nông dân bị vây ráp cưỡng bức đi lính, trước khi bị đưa xuống tàu đều bị nhốt kín trong các doanh*

trại có sẵn hay các trường học phải đóng cửa để những người lính mới ở xung quanh "có lính canh gác, lưỡi lê tuốt trần, đạn lên nòng sẵn". Tình hình đó tất nhiên dẫn đến hàng loạt các vụ trốn đi lính và đào ngũ và thực dân Pháp đã có những biện pháp đối phó đi từ ti tiện đến trắng trợn, như "thích vào lưng hoặc cổ tay của từng người lính mộ một con số không thể nào tẩy xoá được bằng một dung dịch nitorat bạc" hay *"đàn áp không gớm tay và những cuộc đàn áp lại gây ra những cuộc binh biến bị dìm trong biển máu"* (Nguyễn Ái Quốc - Bản án chế độ thực dân Pháp".

Có thể khẳng định mâu thuẫn vốn đã sâu sắc giữa nhân dân ta với thực dân Pháp dưới chế độ thuộc địa đã trở nên kịch liệt hơn trong thời kỳ chiến tranh, và nhân dân ta trong cả nước ít hay nhiều đã nhận thấy một điều là cần phải hành động khi có thời cơ. Lác đác ở một số nơi trong nước tiếng súng chống thực dân Pháp đã vang nổ, báo trước một sự kiện lớn sẽ tới.

2. Trong bối cảnh chung đó, địa bàn Thái Nguyên lại hội tụ nhiều điều kiện đặc biệt hơn so với các địa phương khác trong cả nước. Không nói tới truyền thống yêu nước chống xâm lược của các tầng lớp nhân dân Thái Nguyên qua các thời kỳ lịch sử đã không ngừng giương cao ngọn cờ đấu tranh vũ trang cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, từ thời phong kiến chống các thế lực bành trướng từ phương bắc xuống đến thời cận đại chống sự xâm lược của thực dân Pháp trong buổi đầu chúng tiến hành chiến tranh xâm lược

và bình định; bước vào những năm đầu thế kỷ XX khi thực dân pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, Thái Nguyên với vị trí nằm trong vùng tiếp giáp giữa trung du và thượng du của miền Bắc có địa hình hiểm trở, cộng thêm vào là có nguồn tài nguyên trên rừng dưới mặt đất phong phú, đã trở thành một địa bàn quan trọng về các mặt, đặt biệt về mặt quân sự đây là một vị trí chiến lược mà thực dân Pháp cần nắm chắc. Chính vì vậy mà từ rất sớm chúng đã đặt tại đây đồn binh kiên cố có cả lính Pháp và lính Việt để sẵn sàng trấn áp mọi phản kháng nổi dậy của nhân dân trong vùng, đồng thời cũng đặt tại đây một nhà tù vào loại lớn để đày ải những người yêu nước từ nhiều nơi trong nước tập trung về. Thực dân Pháp đâu có ngờ rằng những binh lính người Việt đóng tại đồn Thái Nguyên cũng như ở mọi nơi khác trong cả nước đều chung một thân phận những người nông dân mặc áo lính, họ bị bọn chỉ huy Pháp phân biệt đối xử một cách thô bạo, trên cơ sở một chế độ quân phiệt hà khắc và bất bình đẳng. Mâu thuẫn giữa binh lính Việt Nam với bọn chỉ huy Pháp nói riêng-với bè lũ thực dân Pháp nói chung-vì vậy là điều dễ hiểu và ngày càng sâu sắc. Hơn thế, do điều kiện làm việc với Pháp, nằm ngay trong tổ chức quân sự của Pháp, binh lính người Việt có điều kiện nhận thức sớm những biến động các mặt về phía thực dân Pháp. Đặc biệt trong thời chiến, họ nhìn thấy rất rõ những khó khăn, sự suy yếu của thực dân Pháp. Cho nên không lấy gì làm lạ chỉ trong vòng mấy năm chiến

tranh mà nơi trước, nơi sau, địa phương này, địa phương khác đã nổ ra một số các cuộc binh biến, hết ở các đồn Tà Lùng, Móng Cái (1915) đến âm mưu khởi nghĩa ở Huế (1916), đó là chưa kể tới các vụ đấu tranh chống phá tuyển mộ lính rất phổ biến ở Nam Kỳ suốt trong thời chiến.

Có một điều kiện rất đáng chú ý khi nói tới đội ngũ binh lính người Việt ở đồn binh Thái Nguyên. Đó là trong công tác hàng ngày, họ đã bị bọn chỉ huy Pháp xô đẩy vào những cuộc truy quét đàn áp các lực lượng yêu nước trong địa phương còn sót lại, mà tiêu biểu lúc đó là các toán cuối cùng của nghĩa quân Đề Thám. Thực dân Pháp cũng hoàn toàn không ngờ rằng chính đây là cơ hội để cho binh lính người Việt - họ cũng là nông dân mặc áo lính - được chứng kiến những tấm gương yêu nước dũng cảm của nghĩa quân đã vượt qua muôn vàn đau khổ của cuộc chiến đấu một mất một còn với quân thù để duy trì cuộc chiến đấu trong sự bảo vệ chở che của nhân dân trên các nẻo đường chiến đấu. Hoàn cảnh đó đã giúp cho những người lính Việt Nam trong quân đội Pháp phải suy nghĩ, rồi kết hợp với tình cảm yêu nước thương dân mà tuyệt đại bộ phận người Việt Nam đều có, chỉ cần có cơ hội là sẽ bộc lộ, họ đã có cảm tình với những người chống thực dân Pháp , tình cảm đó sẽ dẫn tới sự khâm phục và liên minh đoàn kết khi có cơ hội. Chính trên cơ sở đó mà binh lính người Việt tại đồn binh Thái Nguyên nói chung đều có thiện cảm với các tù nhân trong trại giam mà họ biết đều là các chiến sỹ từng tham

gia các phong trào Đông Du, Đông kinh Nghĩa Thục, chống thuế miền Trung, đầu độc binh lính Pháp ở Hà Nội, khởi nghĩa Yên Thế... Nhất là trong số tù nhân của nhà giam Thái Nguyên bấy giờ lại có Lương Ngọc Quyến, một chiến sỹ cách mạng có vai trò lãnh đạo trong tổ chức cách mạng Việt Nam quang phục hội. Trên cơ sở đó, một liên minh yêu nước chống thực dân Pháp đã nhanh chóng được thiết lập giữa các binh sỹ do Trịnh Văn Cấn đứng đầu với các tù nhân chính trị trong trại giam mà Lương Ngọc Quyến là đại diện. Công cuộc chuẩn bị cho khởi nghĩa bùng nổ được tiến hành trong vòng bí mật, đầy quyết tâm và tin tưởng...

Như vậy là để khởi nghĩa Thái Nguyên bùng nổ đã có sự kết hợp giữa một số điều kiện khách quan, chủ quan đặc biệt mà các địa phương khác không có, hay có mà không điển hình. Nhưng như vậy vẫn chưa đủ! Cần phải có ngòi nổ! Và ngòi nổ đây chính là sự tàn ác đến man rợ của Công sứ Đác-lơ (Darles) và giám binh Nô-en (Noël). Riêng về tên Darles- một trong "tứ hung" thời đó, những lời tố cáo của Nguyễn Ái Quốc thật cụ thể và đanh thép:" *Cái ông Darles ấy quả là một nhà cai trị có tài. Khoa cai trị của ông ta, ông ta đã học được ở khu phố Latinh khi ông còn là một anh hàng cháo... Để khen thưởng tinh thần" cương quyết và đức độ rất "cộng hoà" của ông ta, những vị này đã thẳng tay thăng quan tiến chức cho ông ta*". (Bản án chế độ thực dân Pháp) Để được khách quan hơn, Nguyễn Ái Quốc đã sử dụng ngay cả bức thư của Chủ tịch Hội nhân quyền

Ferdinand Brisson gửi Bộ trưởng Bộ thuộc địa Albert Sarraut để vạch rõ trách nhiệm của Darles: " *Chính vì sự lạm quyền của ông Darles mà cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Toà án Sài Gòn cũng đã xác định tội của ông ta ngay từ năm 1917*" (Bản án chế độ thực dân Pháp).

Sự tàn bạo man rợ mang chất thú tính của Darles cùng đồng bọn đã như một mồi lửa lớn đốt cháy bùng lên lòng uất hận căm thù của nhân dân Thái Nguyên, của binh lính người Việt và tù nhân ở đây, thúc giục họ đứng lên hành động.

II. KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN TUY VẪN MANG TÍNH TỰ PHÁT, NHƯNG ĐÃ TRỰC TIẾP CHỊU ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI NÊN CÓ TÍNH CHẤT CHÍNH TRỊ RÕ RỆT.

Nói rằng khởi nghĩa Thái Nguyên vẫn mang tính "tự phát" là căn cứ vào thực tế diễn biến và kết quả của phong trào . Nhưng cũng phải khẳng định rằng so với các phong trào cùng thời thì khởi nghĩa Thái Nguyên đã có một sự chuẩn bị khá lâu dài, một sự bàn tính thảo luận khá kỹ lưỡng về chủ trương và kế hoạch hành động.

Trước hết nói về Trịnh Văn Cấn thì xung quanh ông đã có một số bạn bè, đồng chí như Đội Giá, Đội Trường, Cai Mánh, Ba Chén, Cai Sơn ... để cùng nhau bàn việc đánh Pháp. Cùng lúc không hẹn mà gặp, trong nhà tù cũng có một số nhà yêu nước thuộc nhiều phong trào trước đó như Cả Thấu, Hai Vịnh, Ba Chỉ, Ba Quốc, Ba Lâm, Bếp Ngọc...

từng là nghĩa quân Yên Thế, các ông Tú Hồi Xuân, (Nguyễn Gia Cầu), Ba Nho, Đồ Ba... của phong trào Đông Du, tập hợp xung quanh Lương Ngọc Quyến, một cán bộ cao cấp của Việt Nam Quang phục hội, khi tổ chức này thành lập ở Quảng Châu (1912) ông đã được cử làm Uỷ viên Quân vụ trong Bộ Chấp hành. Giữa hai nhóm này đã bí mật có sự liên hệ với nhau, chủ yếu thông qua hai người cầm đầu hai nhóm là Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến. Trên cơ sở chung bầu tâm sự và một hoài bão cứu nước, cộng thêm vào đó là uy tín của người chỉ huy quân sự của tổ chức yêu nước cách mạng, từng học nhiều trường quân sự cao cấp từ nước ngoài về, Đội Cấn-và theo sau ông là các đồng chí của ông-đã tự nguyện đứng dưới là cờ Hội Quang phục, để cùng với nhóm tù nhân cứu dân, cứu nước. Một Bộ chỉ huy khởi nghĩa đã ra đời do Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến đứng đầu. Công cuộc khởi nghĩa đã được bàn bạc nhiều lần, chương trình hành động đã được vạch ra, công tác tuyên truyền vận động đã được xúc tiến, ngày khởi nghĩa đã được ấn định. Và cuộc khởi nghĩa đã bùng nổ đúng ngày giờ dự kiến, giữ được bí mật cho đến giây phút cuối cùng, một điều rất khó bảo đảm và so với các cuộc bạo động khác trước và sau khởi nghĩa Thái Nguyên thì đây là một ưu điểm lớn. Chính vì quá trình tiến tới phát động khởi nghĩa có phần công phu và chu đáo như đã trình bày trên mà tính "tự phát"-làm sao mà một phong trào lại không có tính "tự phát" trong những điều kiện lịch sử bấy giờ, khi chưa có một tổ chức lãnh đạo vững mạnh-

nhưng so với các phong trào đương thời đã giảm bớt rất nhiều, và trong một chừng mực nào đó cũng đã có yếu tố "tự giác".

Khẳng định được như vậy vì khởi nghĩa Thái Nguyên đã bùng nổ dưới lá cờ của Việt Nam Quang phục hội là tổ chức cách mạng duy nhất của nước ta lúc đó, với tôn chỉ chính trị *:"Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập Nước Cộng hoà Dân quốc Việt Nam"* (Phan Bội Châu niên biểu) đánh dấu một bước tiến mới của cách mạng.

Thông qua Lương Ngọc Quyến gần như là cố vấn tối cao, quân sư trong Bộ lãnh đạo khởi nghĩa_Trịnh Văn Cấn giữ chức Quang phục quân Đại Đô Đốc_tôn chỉ và mục đích của Việt Nam Quang phục hội đã tới với những người trong Bộ chỉ huy. Rõ ràng là khởi nghĩa Thái Nguyên đã được tiến hành dưới sự chỉ đạo trực tiếp của tư tưởng Cộng hoà Dân chủ. Không cần so sánh với các cuộc tấn công của các toán quân Quang Phục vào các đồn binh của Pháp trên đường biên giới phía Bắc, hay các cuộc ném bom ở Thái Bình và Hà Nội (1913) còn nặng tính chất manh động, phiêu lưu, rõ ràng là khởi nghĩa Thái Nguyên đã vượt xa về mặt tư tưởng chính trị, cả về mặt tổ chức. Ngay cả liên hệ so sánh với cuộc binh biến của binh lính người Việt ở Huế (1916)-sự kiện này trước đây thường được quen gọi là khởi nghĩa Duy Tân vì có sự tham gia của ông vua trẻ tuổi Duy Tân-thì khởi nghĩa Thái Nguyên cũng vượt qua về tư tưởng chính trị và về tổ chức thực hiện, mặc dù trong bộ phận lãnh đạo cuộc binh biến tại Huế cũng có vai trò lãnh đạo của các hội viên Việt Nam Quang phục hội như Trần Cao

Vân, Thái Phiên. Sở dĩ có sự khác nhau như vậy vì Lương Ngọc Quyến là người hoạt động ở nước ngoài, giữ vai trò trọng yếu trong sự chuyển biến từ Duy tân hội với chủ trương Quân chủ Lập hiến sang Việt Nam Quang phục hội với chủ trương Cộng hòa Dân quốc. Vì vậy ông nắm chắc được tôn chỉ mục đích của tổ chức mới để vận dụng vào việc chỉ đạo cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên. Trong khi đó thì những người cầm đầu Duy tân hội ở các tỉnh miền Trung khi nghe tin VNQPH thành lập ở nước ngoài thì với nhiệt tình cứu quốc đã mặc nhiên chuyển từ tổ chức cũ sang tổ chức mới mà không trải qua một sự chuẩn bị gì về tư tưởng và tổ chức. Chính đó là lý do tại sao các cơ sở VNQPH ở miền Trung yếu về cả hai mặt tư tưởng và tổ chức, sự yếu kém đó thể hiện rõ rệt ở chỗ đến giờ phút cuối cùng, trước khi hành động, Bộ chỉ huy đã quyết định mời vua Duy Tân tham gia, với mục đích tăng thêm ảnh hưởng cho phong trào.

Nhấn mạnh tới đặc điểm chính trị của khởi nghĩa Thái Nguyên, điều đó không có nghĩa là không thấy mặt hạn chế của cuộc khởi nghĩa, cũng như của các người lãnh đạo. Chính vì vậy mà sau khi khởi nghĩa bùng nổ, bộ chỉ huy nghĩa quân đã lâm vào tình thế bị động, lúng túng. Chiếm được thành phố, có tuyên ngôn, quốc hiệu, quốc kỳ, nhưng suốt trong một tuần lễ làm chủ tỉnh lỵ , các vấn đề xây dựng chính quyền mới, ban bố quyền lợi cho nhân dân vẫn không được giải quyết, để trên cơ sở đó huy động mọi lực lượng quần chúng tham gia và ủng hộ chính quyền, đẩy

mạnh Cách mạng tiến lên. Đã không làm được như vậy, lại có sai lầm chủ trương phòng thủ do Đội Cấn đề ra, mà không biết rằng trong khởi nghĩa một khi đã bắt đầu thì phải hành động với quyết tâm to lớn và phải tấn công. *"Phòng ngự là triệu chứng chết non của mọi cuộc khởi nghĩa vũ trang, không đem thực lực giao chiến với địch thì khởi nghĩa sẽ bị diệt vong"* (Lênin - Vấn đề chiến tranh và cách mạng). Kết quả là đã thất bại trước sự phản công ác liệt của kẻ thù bằng bất cứ giá nào muốn bóp chết cuộc khởi nghĩa càng sớm càng tốt. Tình hình trên bộc lộ sự khủng hoảng lãnh đạo trong cuộc khởi nghĩa.

III. KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN MANG TÍNH NHÂN DÂN ĐẬM NÉT HƠN SO VỚI CÁC PHONG TRÀO ĐƯƠNG THỜI.

Lực lượng chính của cuộc khởi nghĩa trong giai đoạn đầu là bộ phận lính khố xanh của đồn binh và bộ phận tù nhân chính trị bị giam giữ trong nhà lao tại tỉnh lỵ Thái Nguyên.

Nhưng đáng chú ý là ngay từ đầu hành động của nghĩa quân – dù cho trước đó nhân dân trong tỉnh không hề được hay biết gì về kế hoạch khởi nghĩa – đã được sự hưởng ứng nồng nhiệt của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, khẳng định lòng dân đã hướng theo Cách mạng. Theo tài liệu của chính quyền thực dân Pháp ghi lại thì khi cuộc khởi nghĩa vừa bùng nổ có 131 lính khố xanh và 180 tù nhân tham gia,

còn nhân dân trong tỉnh hăng hái kéo tới xin tham gia có 312 người (Alfred Echinard - *Lịch sử chính trị và quân sự của tỉnh Thái Nguyên*), và theo lời kể lại thì những ngày sau số nghĩa quân vào lúc đông nhất đã lên tới 700 - 800 người. Các tầng lớp nhân dân trong tỉnh lỵ, kể cả các viên chức nhỏ hôm qua còn làm việc cho Pháp, và nhất là nông dân các vùng lân cận, nô nức kéo tới thẩm gia nghĩa quân. Điều đặt biệt mới và có ý nghĩa là có cả hơn 50 công nhân của mỏ than Phấn Mễ và mỏ thiếc Làng Hích cũng kéo tới tham gia. Nếu ta liên hệ với lực lượng giai cấp công nhân và phong trào công nhân trong cả nước lúc này thì thấy sự kiện này đã khẳng định giai cấp và phong trào công nhân Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh đã có một bước phát triển mới về số lượng và về chất lượng. Hàng loạt các cuộc bãi công của công nhân đã nối tiếp bùng nổ ở các địa phương, ngay trong năm 1917 khởi nghĩa Thái nguyên bùng nổ thì công nhân mỏ vôn -fram ở Cao Bằng bãi công (7.1917), công nhân người Việt Nam sang làm việc ở Cao Miên đấu tranh đòi chủ Pháp trả về nguyên quán (10.1917). Đó thực sự là một hiện tượng tiền triệu cho một thời kỳ mới của cách mạng Việt Nam sắp bắt đầu; trong đó giai cấp công nhân vươn lên nắm bá quyền lãnh đạo.

Quả thực khởi nghĩa Thái nguyên chưa phải và chưa thể là một phong trào cách mạng của quảng đại quần chúng nhân dân các người lãnh đạo chưa biết hay chưa thể gắn liền cuộc vận động binh lính với cuộc vận động quần chúng, do đó chưa huy động được đông đảo quần chúng

tham gia, thậm chí khi quần chúng đã chủ động tới thì cũng bỏ qua, không biết khai thác có lợi cho cách mạng.

*

* *

Tổng kết lại, ngoài các đặc điểm chung với các cuộc khởi nghĩa của binh lính trong thời kỳ cận đại, khởi nghĩa Thái nguyên còn có một số đặc điểm riêng. Với các đặc điểm đó, khởi nghĩa Thái Nguyên đã để lại cho cách mạng Việt Nam một số bài học kinh nghiệm quý báu cho các thời kỳ cách mạng tiếp theo.

Mặc dù thất bại, và đến nay đã gần một thế kỷ trôi qua kể từ ngày tiếng súng nghĩa quân Thái Nguyên vang nổ, tinh thần yêu nước phấn đấu hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nghĩa quân Thái Nguyên vẫn chói sáng trong lòng nhân dân Việt Nam. Nói riêng về Trịnh Văn Cấn, từ thân phận một người cầm súng đánh thuê được thực tế cách mạng của đất nước cảm hoá, đã anh dũng trở về với chính nghĩa dân tộc, hiện tượng đó là sự chứng minh cao nhất cho chân lý : "*Người Việt Nam nào cũng yêu nước, cũng muốn nước nhà thống nhất, độc lập. Chỉ cần khéo nhen chút than hồng ấy, nó sẽ cháy lên thành lửa ngọn*" (*Nhân dân*, số ra ngày 15.4.1973).

Tháng 04 -1997

KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN NĂM 1917

PGS. NGÔ VĂN HÒA
Viện Sử Học

Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên nổ ra ngày 31-8-1917 đến nay vừa đúng 80 năm. Đây là cuộc khởi nghĩa lớn nhất, kéo dài lâu nhất và có tiếng vang lớn trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất ở Việt Nam. Đây cũng là lần đầu tiên trong lịch sử cận đại Việt Nam mà nhân dân ta đã nổi dậy, giành và làm chủ được một tỉnh lỵ trong một tuần lễ, long trọng tuyên bố trong những Tuyên ngôn cho dư luận trong nước biết việc thành lập chính quyền Cách

* Chú của Người biên tập : Về mốc thời gian bùng nổ cuộc khởi nghĩa, hầu hết các tài liệu đều ghi ngày 30.8.1917, ở đây tác giả căn cứ vào những tài liệu cụ thể và khẳng định mốc bùng nổ là ngày 31.8.1917.

mạng với quốc hiệu Đại Hùng và đã gây cho bọn thực dân thống trị bao nỗi kinh hoàng khiếp sợ.

I. VỀ NHỮNG NGƯỜI CHỈ HUY KHỞI NGHĨA

Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 do các ông Đội Cấn và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo. Ông Đội Cấn tên thực là Trịnh Văn Đạt, sinh năm 1881 tại xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường (gần làng Thổ Tang và cùng huyện với Nguyễn Thái Học), tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay. Cụ thân sinh ra ông là Trịnh Văn Đoài. Cụ có 6 người con, 4 trai, 2 gái, ông Cấn là thứ 4. Cấn sớm có lòng yêu nước, nhưng ông phải ra ứng mộ lính tập thay anh. Từ năm 1910 Cấn đóng ở Thái Nguyên. Ông kết bạn tâm phúc với mấy người đồng ngũ như Đội Giá, Đội Trường, Cai Xuyên, Cai Mánh, Ba Chén, Quyền Nhiệu...và hàng ngày bàn bạc việc cứu nước. Lúc này, tại nhà tù Thái Nguyên, địch đang giam giữ 211 tù nhân, trong đó có 92 tù chính trị bao gồm một số chiến sĩ của Phan Bội Châu như ông Tú Hồi Xuân Nguyễn Gia Cầu (số tù 2280), Ba Nho tức Phạm Ngọc Cẩn tức Phạm Thạch (2279), Vũ khả Lập tức Vũ Sĩ Lập tức Vũ Chi (2278); một số người có liên quan đến vụ âm mưu khởi nghĩa của Trần Cao Vân, Thái Phiên với danh nghĩa vua Duy Tân như Lê Chỉnh (1983), Lê Lửa (1987), Bùi Nhược (1990), Châu Định (1992), Lê Điển (1994), Nguyễn Xáng (2031), Lê Bang tức Cả Sơ (2030)..., một số vốn là tướng tá của nghĩa quân Đề Thám như Trần Bá Cư tức Tú nghệ (1905), Dương Văn Ngọc tức Bếp Ngọc (1098), Trần Văn Ba (có lẽ là Đỗ

Ba? 1099), Nguyễn Văn Lâm (1104), Hà Văn Tý (1105), Nguyễn Văn Chỉ tức Ba Chỉ (1107), Lương Văn Lộc (1108), Đào Văn Hùng (1111), Nguyễn Văn Trang tức Phó Trang (1112), Vũ Văn Ngữ tức Tổng Ngữ (1120), Hà Văn Hậu tức Quán Hậu (1121), Nguyễn Văn Ba tức Đội Ba (1122), Nguyễn Văn Lương (1124) ...; đặc biệt một số nhà yêu nước mới bị bắt trong các phong trào chống Pháp của Việt Nam Quang phục hội mà tiêu biểu nhất là Lương Ngọc Quyến tức Lương Lập Nham tức Lương Ky Dinh (trong nguyên bản không có dấu, số tù 1998), Hai Hòa tức Ba Môn, tức quan hai Tàu (nguyên quán ở Gia Lâm, Bắc Ninh nay thuộc Hà Nội, số tù 22). Theo lời khai của ông Nguyễn Văn Nhiêu, người mang số lính 257, thì Hai Hòa là một người tài giỏi, rất lanh lợi, ông đã sang học bên Nhật, rồi lại sang Trung Quốc học 2 năm về võ bị, giữ chức vụ trung uý trong quân đội Trung Quốc hồi đó nên sau này trong hàng ngũ nghĩa quân, người ta thường gọi ông là quan hai Tàu[1]

Lương Ngọc Quyến là con trai thứ hai của sáng lập viên Đông Kinh nghĩa thục Lương Văn Can nhưng trong gia đình họ Lương có thói quen không phân biệt trai gái, cứ theo thứ tự sinh trước sau mà gọi nên ông được gọi là Ba Quyến. Khi còn nhỏ tuổi ông nổi tiếng học giỏi. Năm

[1] Hồ sơ lưu trữ số 70 504: Danh sách những tù chính trị bị giam tại nhà tù Thái Nguyên năm 1917. Xem thêm tư liệu của Lê Xuân Phương về khởi nghĩa Thái Nguyên

1904, có việc Phan Bội Châu Đông du. Lương Ngọc Quyến cùng cha là Lương Văn Can và anh Lương Trúc Đàm hợp sức với một số người yêu nước khác, giúp đỡ cho cụ Phan đi được. Năm 1905, ông bí mật xuất dương sang Nhật để tìm gặp Phan Bội Châu. Được Phan Bội Châu thu xếp, ông vào học trường quân sự Chấn Vũ của Nhật Bản và khi tốt nghiệp, ông đứng thứ ba sau một người Nhật Bản và Đường Kế Nghiên, người Trung Quốc, sau này là Đô đốc Vân Nam. Trở về Trung Quốc, ông lại vào trường Quân Nhu Quảng Đông, trường sĩ quan Bắc Kinh và tham gia quân đội Trung Quốc. Ông được các nhà Cách mạng Việt nam rất khâm phục vì kiến thức quân sự, họ vẫn gọi ông là "Nã Phá Luân (Napoléon) Việt nam". Ông cũng được các nhà Cách mạng Trung Quốc kính phục, trong báo chí Trung Quốc hồi đó đã có người viết báo khen ngợi ông. Ông được cử làm Uỷ viên quân sự trong Bộ chấp hành của Việt Nam Quang phục hội, do Phan Bội Châu đứng đầu. Năm 1914 ông được cử về Nam Kỳ vận động Cách mạng trong nước. Bị tay sai của Pháp chỉ điểm ông phải trốn sang Hương Cảng rồi bị mật thám Anh bắt giao cho Pháp giải về nước vào đầu năm 1915. Biết là một yếu nhân của phe Cách mạng, toàn quyền Đông Dương và chánh mật thám Đông Dương hết sức dụ dỗ mua chuộc Lương không kết quả nên chúng chủ trương đối xử cực kỳ tàn bạo cho Lương chết mòn ở nhà lao. Thực dân Pháp kết án ông cấm cố chung thân (réclusion cellulaire), đày lên Thái Nguyên. Bị giam ở

Thái Nguyên, mặc dù cơ thể suy nhược, Lương vẫn không sờn lòng nản chí. Chí quật cường của nhà ái quốc họ Lương đã đưa ông gặp Trịnh Văn Cấn. Hai chí lớn gặp nhau , cuộc khởi nghĩa bắt đầu được chuẩn bị. Ban chỉ huy khởi nghĩa được thành lập gồm có: về phía binh lính có Đội Cấn, Đội Giá tức Dương Văn Giá (số lính 697), Cai Xuyên tức Dương Đình Xuyên, Đội Trường tức Phạm Văn Trường (788), đội 1135.. về phía tù chính trị có Lương Ngọc Quyến, Hai Hoà... đã bàn bạc nhiều lần, cuối cùng đi đến quyết định nổi dậy chiếm tỉnh Thái Nguyên làm căn cứ.

II. DIỄN BIẾN CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA

Như kế hoạch đã định, tối ngày 31 - 8, đội Trường, Ba Chén và một số anh em binh lính đã giác ngộ được cử đi hạ thủ tên giám binh Nô-en và những tay sai đắc lực của giặc như Đội Hành, Quản Hạp. Đáng lẽ dùng mưu giết giặc bằng dao nhưng chúng chống cự, Đội Trường phải nổ súng giữa đêm khuya và cắt lấy đầu. Tuy giết được tên gian ác nhưng tiếng súng vào lúc nửa đêm đã làm cho bọn lính đóng ở trại lính Tây gần đấy biết động nên đề phòng. Đồng thời, Đội Giá và đồng đội tới giết hai vợ chồng tên Lôét, một tên giám ngục rất độc ác, mở cửa nhà lao phá xiềng, giải thoát cho các tù nhân. Ông Lương Ngọc Quyến bị liệt nửa người được anh em cõng ra ngoài. Tiếp đó ông Giá cho mở kho quân lương, lấy quần áo, đạn dược trang bị cho nghĩa quân rồi chiếm tiếp dinh công sứ, toà án, nhà đoan, kho rượu, kho đạn.

Lập tức Đội Cấn cho thổi kèn tập hợp và trước toàn thể nghĩa quân gồm trên 350 người ông tuyên bố cùng với những lực lượng Quang phục quân đang đánh chiếm và làm chủ nhiều nơi trong nước, Thái Nguyên khởi nghĩa[2] . Sau khi duyệt lại đội ngũ, phân phát vũ khí và lương thực cho toàn thể tù nhân trong tư thế tự chủ, tự quyền, Hội đồng quân sự khởi nghĩa và những người có mặt nhất tề cử:

- Đội Cấn làm tư lệnh trưởng Quang Phục quân Thái Nguyên .
- Lương Ngọc Quyến làm quân sư, bàn tính quân cơ, viết các bố cáo khởi nghĩa.

Sáng ngày 1 - 9 lại có thêm trên 300 người gồm nhân dân trong thị xã Thái Nguyên, đáng chú ý có trên 50 công nhân mỏ Hích, mỏ Cẩm tới tham gia nghĩa quân. Như vậy nghĩa quân đã có trên 600 người được trang bị 92 súng trường mútkơtông Lebel kiểu 1892, 75 súng trường kiểu 1874, 197 các bin kiểu 1874, 1súng lục Lebel kiểu 1892, 16 thanh kiếm, 62175viên đạn, không kể số súng săn lấy được ở các tư nhân người Pháp 3 . Về mặt trang bị và phiên chế, lực lượng nghĩa quân mạnh hơn 2 đại đội lính khố đỏ hồi đó .

Nhưng vì không định liệu trước nên nghĩa quân tới nhà bưu điện quá muộn sau khi tên sen đầm Bơxét đã kịp thời điện về Hà Nội báo tin cấp cứu. Khi nghe thấy tiếng súng nổ, tên chủ sự kho bạc ở gần trại lính Tây đã hốt hoảng

---

[2] Instance Commans. RST D42 , 70552
[3] Hồ sơ lưu trữ số 70 552

chạy sang đó ẩn không kịp di chuyển kho tàng nên chiều ngày 1 - 9, nghĩa quân đã tịch thu được 71.697 đồng, trong lúc chiếm toà sứ, nhà đoan, bưu điện, nghĩa quân thu được thêm 501 đồng, như vậy tổng cộng nghĩa quân nắm được trong tay 72.180 đồng[4] . Trong khi nghĩa quân chiếm tỉnh lỵ thì địch ở trại lính Tây chỉ nấp trong trại bắn vu vơ chứ không dám ra ngoài.

Nghĩa quân lấy cờ có 5 ngôi sao lớn đề bốn chữ "Nam Bình Phục Quốc" làm Quân kỳ, treo ra ngoài cửa thành tỉnh lỵ Thái Nguyên, rồi phát hịch tuyên bố Thái Nguyên độc lập, đặt quốc hiệu là Đại Hùng. Đêm 31 - 8 rạng sáng ngày 1 - 9, nhân dân Thái Nguyên lần đầu tiên được nghe bản tuyên ngôn của nghĩa quân truyền đi bằng loa (xin xem toàn văn bản tuyên ngôn được công bố trong tập sách này).

Sáng ngày 1-9, trừ trại lính Tây, nghĩa quân đã hoàn toàn làm chủ tỉnh lỵ Thái Nguyên. Lá cờ 5 sao được treo trên nóc trại và ở các cửa ô tỉnh lỵ cùng với tấm băng lớn giăng ngang cổng mang hàng chữ " Nam Bình Phục Quốc". Từng toán nghĩa quân được phân công canh giữ các công sở, tuần phòng trong phố và đường xá giao thông. Nhân dân hết sức hân hoan phấn khởi chào đón cảnh tượng mới mẻ này của xứ Thái Nguyên độc lập. Trong ngày 1-9, ban chỉ huy khởi nghĩa ban bố tiếp bản tuyên ngôn thứ hai, nói rõ nhiệm vụ, kỷ luật của nghĩa quân và kêu gọi nhân dân toàn quốc hãy ứng nghĩa nổi dậy giành lại nền độc lập cho

[4] Hồ sơ lưu trữ số 70.552

nước nhà. Đồng thời nghĩa quân được lệnh ban chỉ huy chia làm 8 đội, lập thành 8 phòng tuyến, đào hầm hào trên các tuyến đường để chuẩn bị chống giặc, cố thủ Thái Nguyên. Những đơn vị do Cai Xuyên, Đội Giá chỉ huy được phân công bảo vệ đường đi Hà Nội, Cai Mập- đường đi Mỏ Nhai, Đội Khôi- đường đi Chợ Chu, ông Phương- đường đi Sơn Tây, Ban lãnh đạo khởi nghĩa phân công như sau:

- 5 phòng tuyến ngoài tỉnh lỵ do Lương Ngọc Quyến làm chỉ huy trưởng

- 3 phòng tuyến trong tỉnh do Trịnh Văn Cấn làm chỉ huy trưởng, lo giữ thành trì trong tỉnh và tiếp viện các phòng tuyến khác.

Về phía địch, ngay đêm 31-8, bè lũ thống trị thực dân ở Hà Nội đã được điện báo sự kiện Thái Nguyên. Lúc 23 giờ 30 phút chúng quyết định tập trung toàn lực quân đội ở Bắc Kỳ để dập tắt nhanh chóng cuộc khởi nghĩa, không cho ngọn lửa Cách mạng lan tràn ra các nơi khác. Bốn giờ sáng ngày 1-9, tất cả công sứ các tỉnh xung quanh Thái Nguyên đã được báo động và phải thực hiện các biện pháp canh phòng các đường xá. Trong đêm ngày 31-8 rạng ngày 1-9, 14 ô tô ở Hà Nội và các tỉnh khác được lệnh trưng dụng khẩn cấp để chuyên chở theo đường Đáp Cầu đến Gia Sàng 3 đơn vị lục quân và một khẩu đội súng máy dưới quyền chỉ huy của một đại uý. Một khẩu đội sơn pháo 80 cũng

khởi hành từ Đáp Cầu buổi sáng ngày 1-9. Những đơn vị này do đích thân thống sứ Bắc Kỳ trưng dụng tới sở chỉ huy quân khu Đáp Cầu. Ngày 1-9 thống sứ Bắc kỳ cùng tướng Misa (Michard), tổng chỉ huy quân đội Pháp toàn Đông Dương, ra lệnh mang thêm quân tiếp viện tới đây. Đạo quân này đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của trung tá Béc-giê (Berger) gồm những đơn vị thiện chiến được trang bị những vũ khí hiện đại như sau:1 đại đội lục quân thuộc địa của Hà Nội, 2 khẩu đội súng liên thanh, 1 khẩu đội sơn pháo 80, 1 đơn vị công binh của Hà Nội, 1 đại đội thuộc trung đoàn thứ 3 đóng ở Bắc Ninh, 1 khẩu đội súng liên thanh cũng thuộc trung đoàn này, 1 đơn vị lính zu-a-vơ thuộc Tuyên Quang, 1 đơn vị lính lê dương thuộc Yên Bái, 1đơn vị quân y thuộc Hà Nội. 6 giờ 30 phút ngày 2-9 trung tá Bec-giê tư lệnh trực tiếp cuộc hành quân đã có mặt tại sở chỉ huy và 7 giờ 30 phút các đạo quân được lệnh triển khai theo đội hình chiến đấu [5]. Tất cả đều hội quân ở Gia Sàng, cách Thái nguyên 3 km về phía nam.

6 giờ sáng ngày 2-9. một đại đội bộ binh do đại tá Pây-ru (Peyroux) chỉ huy đã tấn công những đơn vị nghĩa quân do ông Cai Mánh chỉ huy đóng tại ngọn đồi bên trái con đường dẫn tới Thái Nguyên. Kẻ địch thừa nhận :"*Cuộc chống cự của quân phiến loạn đã diễn ra ác liệt ngay từ trận đụng độ đầu tiên*" (Hồ sơ 70.504). Cuộc chiến đấu

---

Instance Commans. Hồ sơ 70.552. Horaire des opérations contre les rebelles de Thai Nguyên (Nhật ký hành quân chống bọn phiến loạn)

giữa ta và địch diễn ra ác liệt. Đến 10 giờ thì trung tá Béc Gê đến Gia Sàng để chỉ huy quân giặc. Hôm sau 3-9, bọn giặc lại bổ xung thêm một đại đội 120 lính Pháp, một trung đội sơn pháo 80 số 2, một đội công binh 15 người và 150 lính khố đỏ liên tiếp tấn công nghĩa quân. Nghĩa quân chống trả dữ dội và giữ vững được trận địa suốt cả ngày 3-9. Đội Cấn phái Vũ Sĩ Lập ra tiếp ứng. Đến 11 giờ đêm, lợi dụng ánh trăng và ánh sáng của một đám cháy, nghĩa quân phản công, tập kích rất táo bạo vào đại bản doanh của địch, tên giám binh Đơ Mac Tini (De Martini) cùng một số quân Pháp bị giết ngay tại trận. Nghĩa quân chiến đấu anh dũng nhưng bị đẩy về trận tuyến của mình sau 4 giờ kịch chiến. Có những đơn vị như đơn vị ông Cai Mánh đã hy sinh anh dũng tới người cuối cùng.

Ngày 4-9, với 300 lính Pháp, 4 khẩu pháo lớn, giặc tấn công vào Thái Nguyên theo hai hướng Đông Nam và Tây Nam, song chúng vấp phải sức kháng cự mãnh liệt của nghĩa quân nên chúng tiến rất chậm. Tới 4 giờ chiều mới có một đơn vị lính khố đỏ tới được trại lính Tây, giải vây cho bọn lính trong đó. Lúc này giặc lại được tiếp viện thêm 80 lính lê dương từ Yên Bái sang. Phải mãi đến xẩm tối, phía đông tỉnh lỵ mới hoàn toàn lọt vào tay địch.

Dù thế giặc quá mạnh, nghĩa quân vẫn kháng cự rất oanh liệt. Nhiều đợt tấn công của địch đã bị đánh bật ra. Tại dinh công sứ, toán nghĩa quân do ông Đồ Ba, một cựu tướng lĩnh của Đề Thám, đã chóng cự với giặc đến người

thứ 11 cuối cùng. Đơn vị Đội Năm giữ nhà thượng và một đơn vị giữ kho bạc chiến đấu anh dũng giữa đám giặc vây tứ phía để cho đại bộ phận rút khỏi tỉnh lỵ.

Sáng ngày 4-9 (tức 18 tháng 7 âm lịch) khi địch nã đại bác vào trại lính khố xanh, Lương Ngọc Quyến, 28 tuổi, do bị mảnh đạn bắn vào đầu đã anh dũng hy sinh trong khi chỉ huy bảo vệ tỉnh lỵ.

Tối ngày 4-9, tiếng súng tạm ngừng. Mãi đến nửa đêm đôi bên lại giao tranh. Lợi dụng đêm tối, nghĩa quân phản kích mong chiếm lại khu phía đông. Nhưng do ưu thế về quân số và vũ khí, địch đã giữ vững được vị trí mà chúng vừa chiếm được.

Ngày 5-9, mặt trận của nghĩa quân bị phá vỡ nhưng mãi đến trưa 5-9 địch mới hoàn toàn chiếm được tỉnh lỵ với một cái giá rất đắt. Thái Nguyên sau một tuần lễ tuyên bố độc lập lại lọt vào tay giặc. Nghĩa quân bắt buộc phải rút khỏi tỉnh lỵ để bắt đầu một giai đoạn mới, vừa chiến đấu vừa hành quân qua nhiều tỉnh ở trung du và đồng bằng bắc bộ.

III. MẤY SUY NGHĨ VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA

Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên nổ ra trong lúc thế giới xảy ra chiến tranh giữa các nước để tranh giành thị trường, tài nguyên và nhân công rẻ mạt của các xứ thuộc địa, ở trong nước thực dân Pháp cũng đang ra sức biến nước ta thành hậu phương tham chiến vững chắc của chúng, vơ người vét của để theo đuổi cuộc chiến tranh đó.

Bọn chóp bu thực dân kinh hoàng trước quy mô của cuộc khởi nghĩa. Chúng đã phải tập trung một lực lượng lớn để đàn áp, dập tắt cuộc khởi nghĩa sớm chừng nào hay chừng ấy, mong giữ được nền thống trị của chúng. Nhưng để trấn an và đánh lừa dư luận "chính quốc" và thuộc địa, chúng chỉ gọi đây là cuộc nổi loạn của một nhóm binh lính để phản ứng lại sự đối xử qúa khe khắt của một số viên quan cai trị người Pháp.

Sự thực tính chất của cuộc khởi nghĩa này không phải như vậy. *Lần đầu tiên trong lịch sử cận đại Việt Nam, quốc kỳ Việt Nam mới, hiện đại, cờ Ngũ tinh xuất hiện, tung bay trên bầu trời đất nước ta thay cho lá cờ Pháp* và điều này đã mang lại không khí độc lập tự chủ khát khao bấy lâu nay cho nhân dân Thái Nguyên. Hơn thế nữa, đây cũng là *lần đầu tiên trong lịch sử cận đại Việt Nam một cuộc khởi nghĩa đã công bố rõ ràng và công khai những mục đích của mình trong các tuyên ngôn* được phát ra ngay sau khi cách mạng giành được những thắng lợi bước đầu nhằm hô hào và kêu gọi mọi người hãy nổi dậy đánh đuổi kẻ thù xâm lược ra khỏi bờ cõi, giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc, dân tộc, mưu hạnh phúc cho nhân dân. Thực dân Pháp biết rất rõ điều này, chúng hiểu rằng để cho nghĩa quân còn tồn tại và hoạt động một ngày nào là một ngày nền cai trị của chúng bị lung lay. Do đó để đối phó với hơn 600 quân khởi nghĩa với súng ống, đạn dược, lương thực thiếu thốn, chưa quen chiến trận mà thực dân đã phải điều động liên tục từ ngày 31-8-1917 đến 16-1-1918, theo những số liệu được

công bố trong các tài liệu mật của chúng, 36 sĩ quan người Âu, 124 hạ sĩ quan người Âu, 926 lính người Âu, 29 hạ sĩ quan người Việt, 1597 lính khố đỏ, tổng cộng là 2683 quân tinh nhuệ, đó là chưa kể 300 lính khố xanh, bồi bếp và 839 lính dõng, có pháo binh, tàu chiến trợ lực, phối hợp với cả một hệ thống quan lại tay sai từ xã trở lên ở khắp các tỉnh[6]. *Thật là một sự tập trung quân hiếm thấy trong suốt quá trình thực dân Pháp tiến hành chiến tranh xâm lược đất nước ta.* Tổng tư lệnh quân đội Pháp toàn Đông Dương, tướng Misa và thống sứ Bắc Kỳ Logalen (Le Gallen) đã đích thân chỉ huy việc công phá tỉnh lỵ Thái Nguyên. *Nội việc này cũng đủ chứng tỏ tầm vóc quan trọng của trận đánh đối với thực dân Pháp.* Chúng đã sử dụng một khối lượng ghê gớm, có thể nói là khủng khiếp so với thời đó những khí tài trong những chiến dịch càn quét chống nghĩa quân: 493 quả đạn đại bác, 60.028 viên đạn đại và trung liên, 162.816 viên đạn súng trường, 378 viên đạn[7]. Trong những trận chiến đấu không cân sức này, theo những tài liệu mật của địch thừa nhận, nghĩa quân đã giết được 62 tên giặc, làm bị thương 113 tên trong những trận chiến đấu từ ngày 4-9 đến 14-12[8] . Dưới đây là bản thống kê số quân lính địch bị giết và bị thương trong từng trận đánh[9]

---

[6] Hồ sơ lưu trữ số 70.504, có tài liệu mật khác của địch ghi : 36 sĩ quan, 153 hạ sĩ quan, 2523 lính chính quy, tổng cộng 2712 người, chưa kể 300 lính dõng, bồi bếp (Hồ sơ D42-70552).

[7] Hồ sơ 70.504

[8] Hồ sơ 70.504

[9] Hồ sơ 70.504. Instance Bépoix contre gouvernement général et protectorat du Tonkin.Tr 17

Trận đánh	Tỉnh	Ngày	Người Âu		Người bản xứ	
			Chết	Bị thương	Chết	Bị thương
Thái Nguyên	Thái Nguyên	4-9	(10 +1 giám binh)	8	7	8
Hương Sơn	Thái Nguyên	8-9	0	1	0	0
Hương-Sa-Ha	Vĩnh Yên	19-9	3	4	5	4
Trung Thôn	Vĩnh Yên	22-9	1	4	0	0
Thượng Lễ	Vĩnh Yên	24-9	1	5	1	7
Nội Đông	Vĩnh Yên	26-9	0	1	5	3
Xuân Phát	Vĩnh Yên	30-9	3	1	1	4
Đèo Nưa	Thái Nguyên	6-10	5	4	5	17
Cốc Thôn	Hà Nam	6-10	1	3	1	1
Lai Sơn	Thái Nguyên	14-10	2	6	1	5
Xuân Bảng	Thái Nguyên	15-10	0	1	0	0
Xóm Đồi	Thái Nguyên	15-10	7	7	1	8
Cam Đa	Thái Nguyên	6-11	0	0	0	1
Hoa Lâm	Bắc Giang	26-11	0	0	0	2
Kim Bảng	Thái Nguyên	14-12	0	1	0	0
Núi Pháo	Thái nguyên		0	4	1	3
Tổng cộng			34	50	28	63

Làm chủ tỉnh lỵ Thái Nguyên từ ngày 31-8 cho đến ngày 5-9, sau đó rút ra khỏi tỉnh lỵ, không kể những toán quân riêng lẻ bị đánh bạt xuống Phúc Yên, Hà Nam, Hưng Yên, nghĩa quân chỉ còn bám lấy một giải núi rừng từ Thái Nguyên dọc theo dãy núi Tam Đảo qua Vĩnh Yên, luân

chuyển từ bên này sang bên kia núi, đôi khi tràn xuống những miền đồng bằng lân cận. Cho đến trận Pháo Sơn, trận chiến đấu cuối cùng của Đội Cấn, vị thủ lĩnh nghĩa quân Thái Nguyên, anh dũng tự sát vào ngày 10-1-1918 thà chết không chịu hàng giặc. Và người giải giáp cuối cùng là Đội Giá vào ngày 4-3-1918. Tính ra từ ngày nổ ra cuộc khởi nghĩa đến đây là 6 tháng 6 ngày.

Cuộc chiến đấu kéo dài trên 6 tháng và diễn ra trên một địa bàn khá rộng. Trừ một số người phải ra hàng lúc bắt đầu cuộc khởi nghĩa tan rã, đại bộ phận nghĩa quân đều anh dũng hy sinh đến giọt máu cuối cùng. Vậy nghĩa quân đã dựa vào đâu để chiến đấu dẻo dai như vậy? Thực dân Pháp một mặt đem toàn lực đàn áp nghĩa quân, mặt khác dùng mọi cách ngăn cản sự tiếp xúc giữa nghĩa quân với nhân dân để hãm nghĩa quân vào chỗ cô độc. Nhưng chúng không thể xoá nhoà được mối cảm tình nồng nhiệt của những người dân bị áp bức với những nghĩa quân cầm súng giặc giết giặc. Chúng cũng không thể cắt đứt được sợi dây liên lạc giữa nghĩa quân với những bà con anh em địa phương. Những câu chuyện của các chiến sĩ Thái Nguyên còn sống sót và các bô lão địa phương cho chúng ta biết dân chúng Thái Nguyên và các nơi khác đã hân hoan chào đón cuộc khởi nghĩa cũng như đã tìm mọi cách tiếp tế lương thực cho nghĩa quân, cho đến chỉ đường dẫn lối, chăm sóc, nuôi thương binh, có làng vì chứa chấp nghĩa quân nên bị thực dân khủng bố, đốt phá. Có những người lý

dịch yêu nước tiếp lương cho nghĩa quân rồi bị chúng hành hạ, tù đầy, giết chết. Không kể một số đông nhân dân địa phương, trong đó có cả công nhân của các hầm mỏ lân cận đã tham gia nghĩa quân từ lúc đầu , một số còn tình nguyện theo nghĩa quân, có cả phụ nữ trong những ngày gian khổ ác liệt nhất. Mặt khác trong những lúc giao tiếp và cư xử với nhân dân địa phương, nghĩa quân đã có những thái độ hết sức đúng đắn biểu thị lòng tôn trọng, quý mến và thương dân. Bấy nhiêu điều đóđã nói lên chí khí quật cường lòng căm thù giặc sâu sắc đến cực điểm, lòng yêu nước nồng nàn của toàn thể nhân dân ta, thể hiện trong những bản tuyên ngôn, quyết không bao giờ ngừng đứng lên bẻ gãy xiềng xích nô lệ giành lại chủ quyền cho đất nước.

Tuy nhiên cuộc khởi nghĩa cũng lộ rõ những sai lầm của nó. Ngay sau khi cuộc khởi nghĩa vừa nổ ra đã có nhiều ý kiến bất đồng: nên cố thủ ở Thái Nguyên, xây dựng căn cứ ở phần biên giới với nước ngoài, hoặc đánh rộng ra các nơi khác để châm ngòi lửa khởi nghĩa tràn lan. Với một lực lượng ít ỏi về quân số và võ khí mà chủ trương cố thủ một tỉnh thành chống với kẻ địch có ưu thế tuyệt đối về số lượng, về vũ khí và kỹ thuật thì phiêu lưu mạo hiểm, tự hãm vào thế cô lập. Nghĩa quân lại không thực hiện đúng được kế hoạch dự định là tiêu diệt trại lính Tây, chúng vẫn thủ hiểm được ở tỉnh lịvà thông tin tức với bộ tổng chỉ huy của chúng ở Hà Nội và đoàn quân bao vây ở ngoài. Khi kéo

quân ra ngoài tỉnh suốt 6 tháng trường, nghĩa quân lâm vào thế bị động hoàn toàn giữa vòng vây trùng trùng điệp điệp. Hơn nữa nghĩa quân càng đánh càng hao mòn, không khuyếch trương thế và lực được mấy. Từ lúc rút lui khỏi tỉnh lị, nghĩa quân hoàn toàn ở vào thế bị động, phòng ngự, giặc đến bao vây thì dựa vào quần chúng địa phương, đào hào đắp luỹ chống cự. Khi giữ không nổi thì rút lui sang vùng khác hay vào núi hiểm rừng sâu cố thủ, không thể tìm giặc mà đánh. Suốt 6 tháng hành quân không có một trận chủ động phục kích nào của nghĩa quân trong khi địch điều quân khắp nơi để bao vây, truy kích. Nghĩa quân có ưu điểm là không ham giữ đất, cốt bảo toàn lực lượng, tiêu hao địch nhưng không coi trọng việc lập căn cứ địa ngay từ đầu nên cuộc hành quân rút lui có tính chất gần như vô định và nhất là thiếu căn cứ địa nên không thể đóng ở đâu lâu được. Từ đó nghĩa quân cũng khó bổ sung và huấn luyện thêm lực lượng thông qua tác chiến nên dần dần đuối sức để đi đến tan rã.

Khởi nghĩa Thái Nguyên cùng với những âm mưu khởi nghĩa của Thái Phiên, Trần Cao Vân, những cuộc bạo động của Việt Nam Quang Phục Hội và các dân tộc thiểu số là một chuỗi cuộc đấu tranh liên hoàn của nhân dân ta trong thời kỳ này đã làm rung chuyển nền móng của chế độ cai trị thực dân ở Đông Dương và đã buộc chúng sau độ phải có nhữngchính sách, thủ đoạn mới để đối phó lại.

Cuộc chiến đấu của nghĩa quân đã không đạt được mục đích nhưng đã viết nên một trang sử vàng, oanh liệt chống

thực dân Pháp xâm lược của dân tộc ta. Tinh thần của Trịnh Văn Cấn, Lương Ngọc Quyến và đông đảo các chiến sĩ khác là bất tử và còn sống mãi trong lòng nhân dân ta , góp phần tô thắm truyền thống đấu tranh anh hùng bất khuất của dân tộc ta. Thân thế và sự nghiệp của Đội Cấn còn là một nguồn động viên trực tiếp thôi thúc Nguyễn Thái Học quyết tâm lao vào con đường đấu tranh vì độc lập tự do cho Tổ quốc./.

ĐỘI CẤN, CON NGƯỜI VÀ SỰ NGHIỆP

PGS VŨ HUY PHÚC
Viện Sử Học

Tên tuổi Đội Cấn nổi bật trong lịch sử Việt Nam từ đầu thế kỷ XX cho đến ngày nay và sẽ mãi mãi về sau. Một lãnh tụ kháng Pháp oanh liệt và hào hùng vào bậc nhất của lịch sử dân tộc ta. Thực vậy, chưa bao giờ tính tới trước khi có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam lại có một cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở một tỉnh lỵ giữ được 1 tuần lễ và liên tục chiến đấu kéo dài hơn 6 tháng liền như cuộc khởi nghĩa ở Thái Nguyên do Đội Cấn chỉ huy từ đêm ngày 30-8-1917. Cũng chưa bao giờ kể từ trước 1917 lại đã nổ ra một cuộc khởi nghĩa mà từ người chỉ huy cho tới nghĩa quân chủ yếu lại chính là những người trong lực lượng

binh lính của chính quyền thực dân. Lần đầu tiên trong lịch sử một cuộc khởi nghĩa vũ trang không chỉ bao gồm binh lính mà có cả đông đảo các công nhân mỏ, các thường phạm và nhân dân, các chính trị phạm ở nhà tù Thái Nguyên tham gia tích cực. Đó là một cuộc khởi nghĩa hội tụ tính chất dân tộc toàn quốc, kế thừa các cuộc vận động trước đó. Cũng lần đầu tiên một cuộc giành chính quyền thắng lợi nêu cao quốc kỳ, quốc hiệu và lời tuyên ngôn chính trị. Quốc kỳ là một lá cờ màu vàng với 5 ngôi sao đỏ, đề 4 chữ Nam Binh Phục Quốc. Quốc hiệu là Đại Hùng[1]. Và sau nữa, cũng lần đầu tiên một cuộc khởi nghĩa vũ trang thắng lợi theo đường lối chỉ đạo lúc đầu của một đảng chính trị, Việt Nam quang phục hội. Có người cho cuộc nổi dậy ở Thái Nguyên là một vụ binh biến. Điều này rõ ràng là không thoả đáng. Đó thực sự là một cuộc khởi nghĩa vũ trang có tôn chỉ mục đích đàng hoàng. Đọc toàn bộ các bản Tuyên ngôn thì thấy rõ dấu ấn đậm nét về tư tưởng chính trị của Quang phục Hội. Những nét đặc sắc ấy làm cho cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên như một quả bom nổ tung giữa đồn địch; làm rung chuyển dinh luỹ đế quốc, tạo ra nỗi khiếp sợ chưa từng có trong hàng ngũ thực dân ở thuộc địa và chính quốc. Trong lúc bọn đế quốc gây ra chiến tranh thế giới lần thứ nhất để

[1] Theo Lê Xuân Phương - *NCLS số 4 (235) 1987*. Có tài liệu nói lá cờ Nam Binh phục Quốc là cờ ngũ tinh liên châu màu trắng 5 sao đỏ của Việt Nam Quang phục quân. Quốc kỳ thì màu vàng 5 sao trắng.

tranh giành quyền lợi, thực dân Pháp thực hiện các chủ trương cứng rắn và bòn vét nhân tài vật lực Đông Dương đưa sang phục vụ bên Pháp thì cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên là đòn chí mạng đánh vào trục giữa của chính sách đó. Trong lúc các lực lượng chống Pháp của nhân dân Việt Nam chịu hết tổn thất này đến thất bại khác trên mọi mặt trận cả quân sự lẫn chính trị văn hoá thì cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên là chiến thắng tuyệt vời làm tăng cao niềm tin vào lý tưởng độc lập dân tộc, cổ vũ khí phách anh hùng và lòng yêu nước sâu xa của toàn dân tộc. Ngoài ra, hơn 6 tháng du kích chiến của nghĩa quân Thái Nguyên một lần nữa khẳng định những khả năng to lớn của chiến lược chiến thuật đánh lâu dài, đánh bằng một hệ thống căn cứ địa lòng dân và căn cứ địa núi rừng. Khởi nghĩa Thái Nguyên thực sự là một sự kiện hết sức quan trọng trong lịch sử dân tộc, một cuộc chiến đấu với biết bao bài học lịch sử và thực tiễn quý báu cho sự nghiệp chống xâm lược, một bản anh hùng ca tràn đầy khí phách. Thời ấy nhà chí sĩ nổi tiếng Cụ Nghè Ngô Đức Kế đang bị giam ở Côn Đảo đã viết bài "Thái Nguyên thất nhật Quang Phục ký" để ca ngợi khởi nghĩa Thái Nguyên :

Giữa đất bằng nghe trận sét rền,
Tiếng gươm ngục tối dội rầm lên.
Sử Nam cách mệnh nào ai đấy,
Trịnh Đạt ngàn năm hẳn có tên

Quanh thành cờ phất rợi năm sao,
Quang Phục quân reo tiếng nổi ào.
Sáu chục năm trời non nước bệnh,
Oai nghi nay bỗng thấy quan trào.
Đạn mưa súng khói góc trời mù,
Gươm liệt cờ giăng suốt một màu,
Thành quách Nam, người Nan chủ lấy,
Bảy ngày dai dẳng xếp ngàn thâu[2].

Từ sau 1917 nhân dân Thái Nguyên không ngừng phát huy truyền thống anh hùng trong chiến đấu, đặc biệt là từ khi có Đảng có Hồ Chủ Tịch, Thái Nguyên trở thành căn cứ địa tin cậy của cách mạng cả nước. Và không phải ngẫu nhiên sau Cách mạng tháng Tám thành công, Nhà nước ta những ngày đầu đã đặt tên tỉnh Thái Nguyên là tỉnh Đội Cấn. Đội Cấn đã và sẽ sống mãi với sự nghiệp giữ nước và dựng nước của toàn dân tộc. Vậy thì làm nên quân công hiển hách năm 1917, đương nhiên là các vị lãnh đạo cuộc khởi nghĩa mà trước hết là Đội Cấn. Tuy nhiên, khi nói tới Đội Cấn, cần nhắc lại những tên tuổi nổi tiếng xung quanh thủ lĩnh Đội Cấn. Đó là Lương Ngọc Quyến, Quan Hai Tàu, ông Tú Hồi Xuân, Đội Thư lại, Đội Năm, Đội Giá Đội Xuyên, Đội số lính 935, Ba Chén, Quyền Nhiêu, Quyền Yên, số lính 1135... Nhưng về những thủ lĩnh

---

[2] Bản dịch của Huỳnh Thúc Kháng trong *Thi Tù Tùng Thoại*: *Bảy ngày Quang Phục quân lấy Thái Nguyên.*

này đã có nhiều bài đề cập, vì vậy ở đây chúng tôi chỉ xin nói riêng về Đội Cấn.

Đội Cấn hay Trịnh Văn Cấn tên thực là Trịnh Văn Đạt. Quê ông và nơi sinh chính là làng Yên Nhiên, tục gọi làng Nhàn tổng Thượng Nhung, phủ Vĩnh Tường tỉnh Vĩnh Yên. Một người đồng hương với ông cho biết, vào khoảng những năm cuối đời Tự Đức, tức là khoảng trước 1883, cụ thân sinh Đội Cấn từ đâu chưa rõ đến làng Yên Nhiên định cư. Tên cụ là Trịnh Văn Đoan. Cụ làm việc cho gia đình viên cai tổng Đặng Văn Ngoan, một người hưởng ứng phong trào Cần Vương chống Pháp từ 1885. Sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh ấy, chắc chắn Đội Cấn chịu ảnh hưởng thời cuộc và hình thành lòng yêu nước căm thù giặc xâm lược. Trịnh Văn Đạt phải vào lính khố xanh từ hồi còn rất trẻ. Từ đó ông bị điều động đi đóng quân trong nhiều năm trên địa phận tỉnh Thái Nguyên. Trước khi về đóng ở tỉnh lỵ Thái Nguyên, ông đã đóng quân ở Chợ Chu. Trong vòng gần hai chục năm đó, Trịnh Văn Cấn bị buộc phải cầm súng đi đàn áp nghĩa quân Yên Thế. Nhưng cũng chính vì những cơ hội đó, vốn sẵn lòng yêu nước căm thù giặc, ông lại càng cảm phục và chịu ảnh hưởng tấm gương bất khuất anh hùng của nghĩa quân Đề Thám. Đồng thời ông còn học tập được những chiến thuật chiến lược đánh giặc của nghĩa quân kể cả sự am hiểu địa hình rừng núi trong vùng cao và trung du Bắc Kỳ.

Sau khi Đề Thám hy sinh và phong trào Yên Thế thất bại, Trịnh Văn Cấn nung nấu ý chí chiến đấu tiếp nối sự nghiệp con người anh hùng của đất Yên Thế. Hồi còn ở Chợ Chu, Đội Cấn đã tập hợp những người đồng chí định nổi dậy. Nhưng nhiều điều kiện thực tế không thuận lợi nên ông hoãn lại chờ dịp khác. Khi được chuyển về đóng tại tỉnh lỵ Thái Nguyên, nhiều đồng chí cũng được chuyển về, hẳn là ông thấy đây là một cơ hội tốt. Bởi lẽ tỉnh lỵ là nơi đầu não của địch, dân chúng lại đang rên xiết và căm thù ách thống trị nghẹt thở của tên Công sứ Darles, 1 trong 4 tên hung thần thực dân (dân đã có câu : Nhất Darles, nhì Ke (Ecker), tam Be (de Gallambert), tứ Bít (Bride). Đội Cấn từ đó đã tập hợp quanh mình tất cả những người đồng chí trong binh lính, liên hệ với các tù chính trị trong nhà lao chuẩn bị hành động. Từ tháng 5 đến tháng 7 năm 1917, Đội Cấn đã mấy lần toan khởi sự nhưng lại thôi vì không đủ điều kiện chắc thắng. Sang cuối tháng 8 có tin Pháp sẽ thuyên chuyển nhiều trong số cai đội và binh lính khố xanh Thái Nguyên đưa đi nơi khác. Thế là Đội Cấn bàn bạc cùng các đồng chí quyết định khởi nghĩa vào đêm 30 rạng ngày 31 tháng 8. Rồi cuộc khởi nghĩa đã thực sự nổ ra vào ngày đó. Diễn biến của cuộc khởi nghĩa không phải là chủ đề chính ở đây. Tuy nhiên có thể nêu lên một số đặc điểm quan trọng của diễn biến đó :

1. Về sự phát triển theo thời gian thì cuộc khởi nghĩa có thể được chia làm 2 giai đoạn chính : Giai đoạn thứ nhất là giai đoạn khởi nghĩa bùng nổ và thắng lợi trong việc giành chính quyền ở tỉnh lỵ được 7 ngày (30-8 đến 5-9). Giai đoạn thứ hai là giai đoạn du kích chiến sau khi rút khỏi tỉnh lỵ (từ 5-9-1917 đến 4-3-1918) kéo dài 6 tháng.

2. Ở giai đoạn đầu, có một điều kiện đặc biệt là khi cuộc khởi nghĩa bùng nổ, từ lúc làm chủ trại lính khố xanh đến khi giải phóng nhà lao và chiếm kho bạc cùng các cơ quan hành chính tỉnh, bọn lính Tây cũng đóng ở ngay tỉnh lỵ chỉ cách nhà lao 100 mét, với số lượng khoảng 100 tên đã không dám hành động gì, ngoài việc bắn mấy phát súng vô vọng. Điều này chứng tỏ Đội Cấn và Bộ chỉ huy nghĩa quân đã lựa chọn thời cơ đúng, khi kẻ thù mất tinh thần đến cực điểm, và đã đánh giá đúng tình thế.

3. Lực lượng khởi nghĩa từ ban đầu bao gồm nhiều thành phần : binh lính, tù chính trị (từ các cuộc khởi nghĩa trước và các nghĩa quân Đề Thám bị bắt), công nhân mỏ than và mỏ kẽm ở thái Nguyên, và dân thường hưởng ứng khởi nghĩa. Trong 4 thành phần đó thì đông đảo nhất lại là dân thường. Nếu số quân khởi nghĩa được điểm danh hôm 31-8 là 623 người[3] thì binh lính có 131, tù phạm 180 người. Còn dân thường và thợ mỏ

[3] Theo Quyền Nhiêu. Tư liệu đã dẫn thì con số này là khoảng 400.

là 312[4]. Nếu lời khai của Quyền Nhiêu là đúng, tức số thợ mỏ than và kẽm khoảng 50 người, thì dân thường là 262. Tuy nhiên trong quá trình chiến đấu, lực lượng trung kiên nhất và chiến đấu đến cùng kể cả sau khi Đội Cấn hy sinh là các anh em binh lính và tù phạm. Sau này trong chiến đấu, Đội Cấn luôn có bên mình một đội thân cận gọi là nội đạo gồm toàn các chiến sỹ Yên Thế cũ, đồng lòng dũng cảm, tài bắn súng và trung thành. Đó là nhân lực. Về trang bị, quân khởi nghĩa có trong tay 92 khẩu súng Mousquetons, 75 khẩu súng trường, 1 khẩu súng lục, 15 thanh gươm, 35.605 viên đạn Móuquetons, 36.970 viên đạn súng trường, tổng cộng các loại đạn khác nữa là 92.175 viên. Ngoài ra quân khởi nghĩa còn cướp được kho bạc, tổng số tiền là 71.000 đ ĐD. Những điều kiện vật chất đáng kể ấy giúp ích cho nghĩa quân chiến đấu lâu dài.

Không phải là không có những điều kiện cần rút kinh nghiệm trong chủ trương phát triển lực lượng và cách thức tiến hành chiến tranh du kích, nhưng những ưu điểm vừa kể trên hẳn là có sự đóng góp phần lớn của người chủ soái Trịnh Văn Cấn. Hơn thế nữa, tư cách tác phong và bản chất con người của ông chắc chắn cũng đã tạo nên nhiều ưu điểm khác nữa của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên. Lẽ dĩ nhiên về phương diện cá nhân thì

---

[4] Việt Hải : *Đội Cấn Thái Nguyên*. Bảo Ngọc Văn Đoàn xuất bản, Hà Nội 7-1945.

cổ nhân đã nói "*nhân vô thập toàn*", chẳng ai được 10 phần vẹn 10 cả. Ngoài ra, khi nói về người trước thì cần tránh sự nhìn nhận phi lịch sử. Ở đây cần nói thêm một chi tiết về đời tư Trịnh Văn Cấn. Qua nhiều tài liệu thì biết ông có 1 vợ cả ở quê, một bà ở Phổ Yên và một bà là con gái cụ Cử Phùng Văn Nhuận, một văn thân yêu nước. Các tài liệu không thống nhất xác định được ai là bà cả ai là bà hai. Không chừng cả hai bà này đều xếp sau bà cả. Những chi tiết kể trên càng chứng tỏ ông Cấn là con người rất bình thường, ông không phải thánh thần mà là người anh hùng vĩ đại trong sự bình thường. Những chi tiết đó không hề làm giảm mà càng làm tăng sự gần gụi của người anh hùng với quần chúng. Ngoài những điều đó, ông Cấn có nhiều đức tính tốt đẹp khác tạo cho cuộc khởi nghĩa những ưu điểm lớn. Đội Cấn là một con người ưa giản dị, can đảm, trong sạch. Các tướng lĩnh khác của quân khởi nghĩa lắm khi cũng thích mặc các bộ binh phục uy nghiêm, thậm chí có người còn đeo cả bài ngà. Riêng Đội Cấn thường chỉ mặc một bộ quần áo dạ vàng, đội mũ nâu. Khi thư thả ông mặc quần áo lụa, đội nón rộng vành, đi dép dừa, cầm can. Trong chiến đấu, ông chỉ huy vững vàng không lúc nào tỏ ra sợ hãi. Một tay cầm ống nhòm, một tay súng lục, vai khoác 1 khẩu Mousqueton luôn nạp đạn. Những lúc đạn địch bắn như mưa, hoặc cả khi nguy cấp, ông vẫn bình tĩnh ngẩng

đầu thản nhiên đàng hoàng, chưa thấy ông cúi đầu hay khom lưng đi bao giờ. Tính tình ông độ lượng, không hiếu sát giết người. Ông tha nhiều người bị nghi oan là do thám. Đó là vì ông hiểu lòng dân. Ông ban hành quân lệnh rất nghiêm, cấm binh lính không được lấy của dân, hà hiếp dân chúng đàn bà con gái. Mỗi khi ăn uống ở trong dân đều trả tiền sòng phẳng, thậm chí trả gấp đôi giá chợ. chính vì tư cách đạo đức tốt của người chỉ huy và của nghĩa quân nên dân chúng đã tìm được nhiều cách khôn khéo để vừa giúp đỡ ủng hộ nghĩa quân hết lòng lại vừa tránh được sự trả thù của địch. Nhiều sự kiện cảm động đã diễn ra chứng tỏ tình cảm quân dân rất thắm thiết. Đó là việc dân chúng từ già tới trẻ, nam giới nữ giới tình nguyện dẫn đường, chu cấp, nuôi dưỡng thương binh, biếu tặng thực phẩm... Đó thực sự là những nét điển hình của sự nghiệp chính nghĩa vì dân, của lòng yêu nước, của một thứ căn cứ địa lòng người vô cùng quí giá. Có thể nêu một ví dụ nổi bật của tình quân dân thắm thiết : một hôm nghĩa quân kéo vào nhà một viên lý trưởng nghỉ ăn cơm. Ông lý trưởng đi vắng, bà lý tự mổ lợn nấu xôi khoản đãi hoan hỉ. Nghĩa quân trả tiền, bà lý không nhận cho rằng có phúc mới được dịp thết đãi chiến sĩ cách mạng. Sau đó Pháp bắt tra hỏi ông lý, bà lý biện bạch khôn khéo, giặc đành phải thả ông lý. Cũng ngay hôm gặp nghĩa quân, một mối tình nảy nở giữa con gái lý trưởng với một đại

uý nghĩa quân số lính 1.035. Và hôm nghĩa quân ra đi, được sự đồng ý của cả hai phía, cô dâu đã gia nhập nghĩa quân. Một cảnh tượng đẹp mắt hiếm có đã hiện ra, trong hàng ngũ nghĩa quân từ đây đã có thêm một nữ chiến sĩ vấn tóc đeo khuyên vàng, mặc váy lụa đeo 1 khẩu súng đi bên cạnh 1.035. Đó là bà ba 1.035 (bà là quan ba). Đôi uyên ương chiến sỹ ấy đã chiến đấu oanh liệt bên cạnh các đồng đội đến hơi thở cuối cùng. Họ đã hy sinh trong một trận quyết liệt ở làng Nội Bài, hiến dâng cả tình yêu và tuổi trẻ cho đất nước. Dù không ít kẻ thoái chí đầu hàng, thậm chí phản bội, nhưng nghĩa quân Đội Cấn không hiếm những chiến thắng vang dội và tấm gương dũng cảm quên mình. Để có một đoàn quân như thế, hẳn là thủ lĩnh Đội Cấn đã tự mình thể hiện làm gương như một con người dẫn đầu tiên phong chiến đấu và giữ vững tư cách đạo đức trong sáng. Những ngày cuối cùng của ông, Đội Cấn càng chứng tỏ là con người như thế. Giặc Pháp nham hiểm và hèn hạ dùng các thủ đoạn quỷ quyệt để dụ dỗ các sĩ quan nghĩa quân ra hàng. Đó là cách bắt các bà mẹ hay vợ của họ tới mặt trận kêu gọi họ. Thủ đoạn này đã gây tổn thất nghiêm trọng cho lực lượng chỉ huy nghĩa quân. Địch cũng đã làm như vậy đối với Đội Cấn. Khi ông và nghĩa quân bị bao vây ở Pháo Sơn cuối tháng 12 năm 1917 Pháp đã đưa mẹ, vợ và con ông đến, nhưng ông kiên quyết không tiếp bởi vì ông đã biết rõ thủ

đoạn của giặc. Những lúc chiến đấu quyết liệt trước súng đạn kẻ thù, ông vẫn nghe thấy tiếng khóc than của người thân ở ngoài trận. Nhưng rõ ràng Đội Cấn dù lòng đau như cắt vẫn để việc nước lên trên hết. Ông vẫn luôn kiên quyết chỉ huy chiến đấu không hề nao núng. Thủ đoạn quỷ quyệt của thực dân không bao giờ khuất phục được con người Đội Cấn. Thất bại, địch lại phải đưa mẹ và vợ con ông về. Thực là một tấm gương tiết liệt lẫy lừng. Rồi sau đó, khi không còn khả năng chỉ huy nữa vì bị thương vào chân rất nặng, khi cuộc khởi nghĩa bước vào những ngày cuối cùng, Đội Cấn quyết định tự vẫn lúc quanh ông chỉ còn 3, 4 đồng đội. Ông bảo mấy người đào huyệt, ăn mặc khăn áo chỉnh tề, đội mũ, rồi nằm nghiêm chỉnh vào giữa, tay phải cầm súng lục tự bắn vào ngực và ra đi mãi mãi. Đó là ngày 11 tháng 1 năm 1918, tức ngày 29 tháng Mười Một năm Đinh Tỵ. Đồng đội khâm liệm ông rất chu đáo, còn xếp thêm vào huyệt những binh khí và đồ dùng thường ngày của ông. Đội Cấn hy sinh khi tuổi đời chưa đến 40 (Ba Quyến 32, Quyền Nhiêu khi đó 39), để lại một tên tuổi sáng chói trong lịch sử giải phóng dân tộc. Đồng đội, đồng chí của ông vẫn tiếp tục chiến đấu cho đến tháng 3 năm 1918. Gương chiến đấu của ông từ đó luôn luôn cổ vũ biết bao lớp người không nề hy sinh gian khó lao vào cuộc chiến đấu tất thắng giành lại độc lập tự do cho dân tộc. Có một điều rất lý thú mà ít có ai biết tới. Đó

là cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên và tấm gương tiết liệt của Đội Cấn đã trực tiếp tác động đến lãnh tụ nổi tiếng của Việt Nam Quốc dân đảng: Nguyễn Thái Học từ hồi còn thơ ấu. Theo tài liệu hồi ký của Nhượng Tống thì khi trả lời câu hỏi về tư tưởng cách mạng nảy sinh hồi nào, Nguyễn Thái Học cho biết :"*Từ độ lên 10 tuổi. Hồi ấy tao còn học chữ nho ở nhà quê. Xong buổi học lại đi chăn trâu, và nhiều hôm chăn sang đến đồng làng bên cạnh. Làng ấy là quê ông Đội Cấn. Ông Cấn chết đi còn để lại mẹ già. Bà cụ thương con quá hoá như dở người. Hễ gặp chúng tao là cụ ôm choàng lấy, vừa khóc vừa nói :"Các cậu, các cậu ! Làm thế nào báo thù được cho con tôi". Tao còn bé, mỗi khi gặp bà cụ thì lòng lại bồi hồi, rồi nghĩ chỉ có đạp đổ chế độ thực dân mới trả hộ được thù cho con bà cụ. ấy tư tưởng cách mạng nảy sinh trong óc tao từ đấy*". Vậy chẳng phải là từ sự nghiệp anh hùng và cái chết tiết liệt của Đội Cấn đã nảy nở biết bao người con anh hùng khác của dân tộc đó sao ? Họ đã tiếp nối truyền thống quý báu của bao thế hệ và mang lại lá cờ chiến thắng cho lý tưởng mà ông hằng mong ước. Ông đã và sẽ sống mãi với non sông đất nước, với dân tộc ngàn năm bất khuất này ./.

LƯƠNG NGỌC QUYẾN (1885 - 1917) VỚI CUỘC KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN

PGS. PTS CHƯƠNG THÂU
(Viện Sử học)

I. LƯƠNG NGỌC QUYẾN - MỘT CHÍ LỚN: "ĐOẢN ĐAO THẤT MÃ" KHÔNG LÚC NÀO QUÊN"

Lương Ngọc Quyến, tự Lập Nham, thường gọi là Ba Quyến, con cụ cử Lương Văn Can, người sáng lập Đông Kinh Nghĩa Thục năm 1907, quê quán ở làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Tây. Thuở nhỏ, học theo lối cử nghiệp, nổi tiếng thông minh, ông có dự kì thi Hương Khoa Quý Mão (1903) ở trường Nam Định, vì gieo vần sai bài phú, nên bị đánh hỏng.

Ông sớm có tinh thần yêu nước, kế thừa truyền thống kiên cường bất khuất của dân tộc, luôn tỏ ra là người có chí

khí, quyết tâm thực hiện hoài bão của mình và thích học võ hơn học văn. Vào đầu thế kỉ XX, ông đã tiếp thu tư tưởng Duy Tân của Khang Lương và của "tân thư" đang tràn vào nước ta. Đồng thời, được tiếp xúc với các nhà ái quốc như Phan Bội Châu, Tăng Bạt Hổ... đang vận động cách mạng, ông càng thêm phấn chấn để dấn thân vào sự nghiệp cứu nước.

Năm 19 tuổi, theo tiếng gọi của phong trào Đông Du, ông từ giã cảnh sống phong lưu và bố mẹ cùng người con nhỏ "*xin làm tên tốt đầu của đội quân xuất dương sang Nhật*". Phan Bội Châu, lãnh tụ của Duy Tân Hội, người trực tiếp lãnh đạo phong trào Đông Du, khi gặp ông tại Hoành Tân (Yokohama) đã nhận xét: "*Lương Lập Nham tôi xem ra là người thật có khí phách hăng hái... bỏ nhà vượt biển trốn sang Nhật có một mình...Lương quân vốn là một thanh niên chứa sẵn kì khí, có hoài bão cao xa, chỉ nghe tôi nói qua Đông Kinh (Tokyo), thành ra mạnh bạo bỏ nhà bỏ nước ra đi. Bọn thiếu niên anh tuấn của ta sau này, có mấy người được như Lương quân?*"[1]

Thế rồi, Lương Ngọc Quyến được Phan Bội Châu thu xếp cho vào học tại trường Chấn võ học hiệu (Simbu Gakku) là một trường chỉ tiếp nhận học sinh Trung Hoa vào học quân sự. Học viên học 3 năm trung cấp, 2 năm cao đẳng, tốt nghiệp sẽ là sĩ quan và được nhận vào quân đội Trung Hoa.

[1] *Phan Bội Châu toàn tập*. Tập 3. NXB Thuận Hoá - Huế, 1990, tr 187

Tại đây, hàng ngày, buổi sáng học Nhật văn và các môn khoa học thường thức về các khoa học xã hội nhân văn và khoa học tự nhiên - kĩ thuật; buổi chiều học các môn quân sự và rèn luyện binh nghiệp..

Du học sinh Việt Nam đến lưu học ở Đông Kinh (Tokyo) ngày càng đông. Họ được tổ chức thành đoàn, đội trong Hội Cống hiến do Phan Bội Châu làm Tổng lý kiêm Giám đốc Hội Công hiến có 4 bộ phận giúp việc: Để theo dõi về kỉ luật, về kinh tế, tài chính, về văn thư và về giao tế. Ngoài ra cục kiểm tra chuyên theo dõi công việc của các bộ và việc học tập chuyên môn và tu dưỡng tư tưởng đạo đức của lưu học sinh. Lương Ngọc Quyến và hai bạn đồng học khác phụ trách cục kiểm tra này.

Sau ba năm chuyên cần học tập và rèn luyện, Lương Ngọc Quyến đạt tốt nghiệp loại ưu. Vừa lúc ấy, chính phủ Nhật câu kết với thực dân Pháp ra lệnh giải tán phong trào Đông Du, buộc tất cả lưu học sinh phải rời khỏi đất nước Phù Tang! Lương Ngọc Quyến tuy tốt nghiệp trường Chấn Võ học hiệu, cũng không được ở lại để học tiếp bậc cao đẳng. Ông tức giận nói: " *Chí của tôi là muốn học lục quân, nay đã không được vào liên đội, thì còn luyến tiếc nước này làm gì nữa?*"[2]. Lương Ngọc Quyến trở về Trung Quốc, xin

[2] Đặng Đoàn Bằng và Phan Thị Hán: *Việt Nam nghĩa liệt sử*. Tôn Quang Phiệt dịch. NXB Văn học, Hà Nội, 1972, tr 214

vào học tại "Quân Nhu học hiệu "ở Quảng Đông[3]. Sau một thời gian, ông lại chuyển lên Bắc Kinh vào học tại "Sĩ quan học hiệu", để hoàn thành tư cách, năng lực của một người cầm quân, một sĩ quan quân đội toàn năng. Về quá trình học tập, rèn luyện tài năng và chí khí của Lương Ngọc Quyến, Phan Bội Châu ghi nhận như sau: " *Sau khi giải học rồi, ông về Tàu, lấy tư cách học trò nhà Chấn võ học hiệu, được vào nhà Quân nhu học hiệu ở Quảng Đông, lại vào nhà Sĩ quan học hiệu ở Bắc Kinh, bạn học Tàu nhiều người kính trọng ông. Ông bản tính hăng hái, học vấn khác phần nhiều đều không lưu ý, duy một khoa quân sự chiến thuật thì lại thiệt tâm nghiên cứu. Cái chí "đoản đao thất mã" e không một lúc nào quên ...*"[4]

Tốt nghiệp trường Sĩ quan Bắc Kinh, Lương Ngọc Quyến mang hàm thiếu tá quân đội, hoạt động ở Võ Xương (Hồ Bắc) thời kì Cách mạng Tân Hợi. Ông liên lạc với các yếu nhân của Trung Quốc Đồng minh hội, tìm cách chắp nối với các yếu nhân của Cách mạng Việt Nam, nhằm tạo thế thuận lợi cho công cuộc chống Pháp mà ông và các đồng chí của ông đang theo đuổi.

Tháng 5-1912, Việt Nam Quang phục hội của Phan Bội Châu được thành lập tại Quảng Đông với tôn chỉ: " *Đánh*

---

[3] *Việt Nam nghĩa liệt sử* nói là ông học tại trường Lục quân trắc hội ở Quảng Đông

[4] *Phan Bội Châu toàn tập*. Tập 6. NXB Thuận Hoá, Huế,1990, tr163

đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập chính phủ cộng hoà Dân quốc". Hội cũng lập ra một "chính phủ " gồm ba bộ lớn: bộ Tổng vụ, bộ Bình nghị và bộ Chấp hành. Trong bộ chấp hành có 5 uỷ viên phụ trách về Quân vụ, Kinh tế, Giao tế, Văn độc và Thư vụ. Lương lập Nham và Hoàng Trọng Mậu được cử giữ chức "Quân vụ uỷ viên". Sau đó, Lương chuyển về hoạt động ở miền Nam Trung Quốc nhằm tổ chức mộ quân, luyện tập quân sự cho Việt Nam quang phục hội.

Giữa năm 1914, ông được cử về nước gây cơ sở Cách mạng ở Bắc Kỳ, rồi ở Nam Kỳ và ở Xiêm La. Ông dự tính chiêu tập thanh niên Việt Nam "lưu vong" ở Xiêm, "khẩn điền luyện quân", chờ cơ hội kéo quân về nước đánh đuổi giặc Pháp, quang phục Tổ quốc. Nhưng ngay lập tức, bọn tay sai thực dân bám sát theo dõi mọi hành động của ông, ông buộc phải trốn sang Hương Cảng, rồi không may đã bị mật thám Anh bắt và dẫn độ cho nhà đương cuộc của Pháp tại Quảng Châu Loan đưa về Việt Nam xét xử!

II. LƯƠNG NGỌC QUYẾN, NGƯỜI "TƯỚNG TIÊN PHONG CỦA CÔNG CUỘC THÁI NGUYÊN QUANG PHỤC 7 NGÀY"

Lương Ngọc Quyến bị thực dân Pháp giải về giam ở nhà pha Hoả Lò, Hà Nội từ đầu năm 1915. Rồi chúng đưa ông lên Cao Bằng đối chất trước toà án binh về một vụ quân

cách mạng đánh vào đồn lính ở biên thuỳ Quế -Việt trước đó mà chúng cho rằng ông chủ trương. Cuộc xét hỏi không kết quả, chúng lại đưa ông về Nam Định nhờ người thân thuyết phục ông nhận tội, cũng không thành công. Không lung lạc nổi ý chí cương cường của ông, bọn chúng đã phát vãng Lương Ngọc Quyến lên đề lao Sơn Tây, rồi đề lao Phú Thọ. Sau bốn tháng bị đầy ải khắp các lao tù, vẫn không làm ông nao núng, thực dân Pháp coi ông là "*một tên tội phạm nguy hiểm*", chúng lại đưa ông về giam ở nhà giam Hoả Lò . Tại đây, ông vẫn tìm mọi cơ hội để tuyên truyền giác ngộ lòng yêu nước, chí căm thù giặc Pháp cho các bạn tù và kêu gọi họ nổi dậy chống đối. " *Thư của Toàn quyền Đông Dương gửi Thống sứ Bắc Kỳ ngày 10 - 10- 1915 cho biết Lương Ngọc Quyến đã khuyến khích và định tổ chức các tù nhân nổi loạn. Thống sứ Bắc Kỳ điện trả lời Toàn quyền ngày 19-10- 1915: nghiêm chỉnh tuân lệnh cấp trên, Quyến là một nhân vật cực kỳ nguy hiểm trong số 872 tù nhân ở đây, được canh phòng đặc biệt vì có thái độ chống đối Nhà nước và sẽ kéo dài việc giam xà lim. Lương Ngọc Quyến viết nhiều bức thư cho thống sứ Bắc Kỳ và toà án binh tố cáo sự tàn bạo của nhà tù thực dân, khẳng định mình là người kiên quyết chống đối bọn thực dân đến cùng và thách đố chúng đem bắn ngay đi*"[5].

[5] Trích lại Ngô Văn Hoà: *Hiểu biết mới về khởi nghĩa Thái Nguyên*. Bài đăng trên báo *Nhân dân* số ra ngày 30 - 8 -1987

Thực dân Pháp rất sợ Lương NgọcQuyến liên kết được nhiều bạn tù ở Hoả Lò để "nổi loạn", cho nên ngày 25 - 7-1916, chúng đã đưa ông lên giam tại nhà giam Thái Nguyên. Ở thị xã nay, trong trại lính khố xanh có một số người yêu nước, đứng đầu là Trịnh Văn Đạt, thường gọi là Đội Cấn. Họ có lòng kính mến những người vì dân vì nước mà bị tù tội, thường tìm cách gần gũi giúp đỡ. Đối với Lương Ngọc Quyến, Đội Cấn biết rõ gia thế người tù đặc biệt này, càng tỏ lòng quý mến, tin phục. Ngược lại, Lương Ngọc Quyến cũng rất trọng thị viên đội có lòng yêu nước thương nòi này, nên đã chú ý giác ngộ cho ông... và lấy tư cách là uỷ viên quân sự của Bộ chấp hành Việt Nam Quang phục hội kết nạp ông vào hội. Hai người bàn định với nhau kế hoạch lớn: vận động, tập hợp quân lính dưới quyền Đội Cấn nổi dậy lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp. Lương Ngọc Quyến cũng báo cho Đội Cấn biết là nếu ở trong nổi dậy thì đội quân Quang phục ở ngoài sẽ có thể kéo về tiếp ứng.

Sau một thời gian chuẩn bị, đúng như kế hoạch đã định, cuộc khởi nghĩa nổ ra vào lúc 11 giờ đêm 30 rạng ngày 31-8 -1917. Nghĩa quân ập vào trại lính, giết được tên Nô-en và tên Phó quản Lạp. Sau đó phá nhà tù, giết chủ ngục, giải phóng cho các tù phạm và cõng Lương Ngọc Quyến (ông bị què chân vì giặc Pháp tra tấn dã man) sang trại lính mời ông tham gia vào Hội đồng Quân sự, lãnh đạo khởi nghĩa. Toàn thể Hội đồng bầu Đội Cấn làm Thái Nguyên Quang phục quân Đại Đô đốc, phụ trách mọi việc quấn và Lương Ngọc Quyến làm "quân sư" bàn soạn chiến lược, định đoạt binh cơ. Nghĩa quân nhanh chóng làm chủ tỉnh lỵ. Theo đề nghị của ông, nghĩa quân lấy cờ 5 sao của Việt Nam Quang

phục hội làm hiệu cờ Cách mạng , quân kỳ là cờ 5 sao với hàng chữ "Nam binh phục quốc", lấy quốc hiệu là Đại Hùng. Sáng sớm hôm sau, tờ Tuyên ngôn thứ nhất (do ông Tú Nguyễn Gia Cầu, một chính trị phạm, khởi thảo và Lương Ngọc Quyến nhuận sắc) đã được dán khắp tỉnh thành hiểu dụ cho dân rõ mục đích cuộc khởi nghĩa và khuyên mọi người an cư lạc nghiệp: *"cờ 5 ngôi sao đã kéo lên phấp phới trên kỳ đài, ta đã tuyên bố Thái Nguyên độc lập"*.

Tiếp đến, hôm sau, bản Tuyên ngôn thứ nhì do Lương Ngọc Quyến viết, nội dung nhằm hiệu triệu đồng bào cả nước, hãy thừa cơ hội này, khi người Pháp đang nguy khốn ở Châu Âu mà vùng dậy đánh đổ chế độ đô hộ, lấy lại độc lập tự do cho Tổ quốc thân yêu (xem toàn văn trong phần sau).

Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên, dưới sự chỉ đạo của Đội Cấn, nghĩa quân được chia làm 8 đội, lập thành 8 phòng tuyến để chuẩn bị chống giặc phản công trở lại. Lương Ngọc Quyến tuy bị què chân, vẫn có mặt trong phòng tuyến chỉ huy chiến trận.

Từ ngày 2- 9 -1917 trở đi, quân địch tập trung binh lực từ khắp nơi về phản công quyết liệt để dập tắt cuộc khởi nghĩa. Nhất là từ chiều 4 -9, giặc Pháp dồn 300 lính Tây và 500 lính tập có đủ cả súng liên thanh, đại bác bắn xối xả vào trận địa nghĩa quân. Nghĩa quân chống lại cực kỳ anh dũng, nhưng vì chỉ có độ 300 tay súng, đạn dược lại không có

nhiều... Trước một cuộc chiến rất không cân sức như vậy, nghĩa quân chỉ cầm cự đến trưa ngày 5 - 9 - 1917 thì mặt trận bị phá vỡ. Nghĩa quân buộc phải rút khỏi thị xã để tiếp tục cuộc chiến trong một tình thế mới: vừa chiến đấu, vừa hành quân qua nhiều tỉnh ở trung du và miền núi trong hơn 6 tháng nữa. Riêng Lương Ngọc Quyến, được biết là đã hy sinh anh dũng trong lúc chỉ huy chiến đấu bảo vệ tỉnh lỵ bởi một mảnh đại bác bắn vào đầu hôm 4 - 9 - 1917. Bình luận về tấm gương xả thân vì nước của ông, Phan Bội Châu đã viết những câu thật trân trọng : " *Thân không đầy bảy thước mà lòng mạnh bằng muôn người, tuổi không quá tứ tuần mà tinh thần suốt muôn thuở, người như thế lại không khó lắm ru! Lương Lập Nham gần như thế đấy.*"

Viết về con người và sự nghiệp cứu nước của Lương Ngọc Quyến, mọi người đều nhất trí tôn vinh ông như vậy./.

NGHĨA SĨ YÊN THẾ TRONG KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN NĂM 1917

PGS NGUYỄN VĂN KIỆM
Đại Học Sư Phạm Hà Nội

Thái Nguyên là một tỉnh có vị trí đặc biệt quan trọng về quân sự cũng như chính trị của Bắc Kỳ bởi nó ở vào vị trí như một gạch nối giữa đồng bằng và miền núi, và từ đó có thể ứng phó nhanh chóng với những biến cố xẩy ra giữa hai vùng này. Tháng 3 năm 1884, quân Pháp do Négrier và Brière de l'Isle sau khi đánh chiếm Bắc Ninh đã khẩn trương đánh chiếm Thái Nguyên và từ đó tích cực củng cố Thái Nguyên thành một điểm tựa mạnh về quân sự và chính trị ở Bắc Kỳ. Ngoài lý do trên, Thái Nguyên với vị trí chiến lược quan trọng lại là tỉnh có những điều kiện thuận lợi cho những hoạt động vũ trang chống Pháp cho nhiều

toán vũ trang quan trọng như Lương Tam Kỳ, A Ề Công , ... Và nhất là nghĩa quân Yên Thế mà địa bàn hoạt động nằm sát cạnh những huyện phía Đông của Thái Nguyên.

Vào cuối thập kỷ 90 của thế kỷ XIX, đặc biệt là từ sau khi Đề Thám giảng hoà lần thứ hai (1897) với thực dân Pháp và sự đầu hàng của Lương Tam Kỳ, thực dân Pháp có một thời gian tương đối yên tĩnh để củng cố và tăng cường lực lượng quân sự và chính trị của chúng ở đây. Ở thị xã Thái Nguyên có trại lính khố xanh vào loại lớn nhất Bắc Kỳ với gần 200 lính, một trại lính Tây có chừng 50 tên được trang bị súng liên thanh nằm kề bên trại lính khố xanh. Cũng ở đây có khoảng 200 tù nhân, phần lớn là các chiến sĩ đã tham gia phong trào Đông Du, Kháng thuế, Hà Thành đầu độc và khởi nghĩa Yên Thế. Nhiều quan lại thực dân tỏ ra rất hãnh diện và tin tưởng vào uy thế quân sự và chính trị của chúng ở đây.

Song từ 1909 trở đi, chúng lại phải chật vật đối phó với những cuộc hành quân và những trận đánh dữ dội của nghĩa quân Yên Thế, và chịu những tổn thất không nhỏ. Tháng 8-1909, nghĩa quân Yên Thế do Đề Thám chỉ huy hành động ở vùng núi Bao và núi Lang. Pháp đem quân vây đánh, trong trận đụng độ ở làng Yên Lỗ, Pháp thất bại, chết 4, bị thương 10, trong đó có Đại uý Foutaine. Ngày 5 tháng 10, quân Pháp và nghĩa quân Yên Thế lại đụng độ lớn ở Núi Lang. Ở đây quân Pháp cũng bị thiệt hại nặng : chết 16, bị thương 35. Tháng 7 năm 1912, Đề Thám lại hoạt

động mạnh ở Thái Nguyên trong rừng Bà Mụ; ở đây cũng lại xảy ra cuộc đụng độ lớn giữa nghĩa quân Yên Thế và quân Pháp; tiếp đó Đề Thám cùng nghĩa quân lại xuất hiện ở Phấn Mễ, Lang Hít rồi sau đó về hẳn Yên Thế và bị giết bởi 3 thủ hạ của Lương Tam Kỳ do Pháp mua chuộc là Ly Sáp Giát, Phan Ung và Trần Phúc San.

Những cuộc hành quân và đụng độ giữa nghĩa quân Yên Thế và Pháp ở Thái Nguyên tuy không làm lay chuyển được quyền lực của Pháp ở đây, song cũng đã gây cho chúng 3, 4 năm liên tục phải đối phó nhọc nhằn, đã để lại trong ký ức người dân Thái Nguyên những hình ảnh đẹp về sự ngoan cường chiến đấu và tinh thần bất khuất trước kẻ thù xâm lược của họ, có sức cổ vũ rất lớn tinh thần chống xâm lược của nhân dân ở đây. Những hình ảnh ấy, nói theo cách của các nhà tâm lý học lịch sử, sẽ nằm trong tiềm thức, thậm chí chìm vào vô thức của dân chúng và luôn luôn là một động lực rất quan trọng chi phối hành động của họ theo chiều hướng tích cực mỗi khi có cơ hội để hành động. Đây là một trong số nhiều yếu tố tham gia vào hành động lịch sử của con người, mà những người viết sử của chúng ta vẫn còn chưa mấy quan tâm khai thác. Và, chúng tôi coi đó là một trong những dấu ấn lịch sử mà nghĩa quân Yên Thế còn lưu lại cho nhân dân ở Thái Nguyên và ít nhiều có thể coi như là một sự cổ vũ trong vô thức của những người đứng ra tổ chức cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917.

Một dấu ấn khác nữa rất đáng chú ý, đó là sự tham gia của Ba Chí, một nghĩa quân Yên Thế đang bị giam ở nhà tù Thái Nguyên - Cuốn Histoire politique et militaire de la province de Thái Nguyên của Echinard, xuất bản ở Hà Nội năm 1934 có ghi rất rõ : Những người cầm đầu cuộc khởi nghĩa, về phía binh lính người Việt có Đội Cấn số lính 71, Đội Giá số 697, Đội Tường số 788, Cai Xuyên số 789, về phía tù nhân có Ba Chí, một thủ lĩnh của Đề Thám, Lương Ngọc Quyến, Nguyễn Gia Cầu và Ba Nhỏ. Tuy không có tư liệu chi tiết và cụ thể về vai trò sau đó của Ba Chí, song căn cứ vào sự miêu tả của Pháp về hệ thống công sự do một bộ phận nghĩa quân xây dựng ở phía Gia Sàng, để ngăn chặn kết quả cuộc phản công của Pháp trong mấy ngày, chúng ta bắt gặp ở đây bóng dáng của kỹ thuật xây dựng các công sự phòng ngự rất tinh thục của nghĩa quân Yên Thế đã được áp dụng.

Cũng giống như nghĩa quân Yên Thế, nghĩa quân trong khởi nghĩa Thái Nguyên, sau mấy ngày chiến đấu và khi thấy lực lượng quá chênh lệch, đã vận dụng chiến thuật cơ động của nghĩa quân Yên Thế, chia lực lượng thành những toán nhỏ, di chuyển vào những vùng rừng núi hiểm trở, lập công sự để tập kích địch khi chúng đến . Nhờ áp dụng sách lược này nghĩa quân đã tránh được việc buộc phải tập trung quân đối đầu với lực lượng hùng hậu của địch để dễ dàng bị tiêu diệt gọn. Chính nhờ áp dụng chiến thuật nói trên, nghĩa quân còn có thể tiếp tục chiến đấu trong nhiều tháng tiếp theo.

Tài liệu của Pháp còn ghi rõ : sau trận đụng độ với quân Pháp ở Xóm Đồi vào giữa tháng 10, nghĩa quân tìm cách vượt sông Cầu, di chuyển qua phía Đông trong vùng rừng núi Phú Bình. Trong toán này có nhiều nghĩa quân Yên Thế thông thạo vùng này và được dân chúng ủng hộ, đã chia lực lượng ra thành những toán nhỏ từ 10 đến 20 người, vượt được vòng vây, di chuyển sang vùng rừng núi Yên Thế. Bị bao vây rất ngặt, nghĩa quân lại tiếp tục chia nhỏ cho một lực lượng di chuyển xuống phía Nam để thu hút địch, còn đại bộ phận lại di chuyển về phía Tây, vượt sông Cầu, Tam Đảo rồi rút vào vùng rừng rậm Vĩnh Yên. Toán ở lại Yên Thế vẫn di chuyển liên tục, chiến đấu cho đến tháng 12 mới tan rã.

Một sự kiện đáng chú ý khác, đó là một toán nghĩa quân gồm 20 người, sau trận đánh nhau ở Hùng Sơn cuối tháng 9, do một nghĩa quân Yên Thế cũ tên là Gạch (tài liệu của Pháp viết là Cách) đã tách khỏi đại quân vượt núi Tam Đảo, rồi qua Hội Khê (Tuyên Quang), trên đường tìm về với đại quân đã đụng độ với quân Pháp ở Hiền Lương (Kim Anh). Đến đêm toán quân này vượt sông Cà Lồ về Xuân Lai - Ngày 23 tháng 10, họ vượt qua cầu Đuống sang Bắc Ninh; ngày 24, toán này vượt sang Hưng Yên, đụng độ với địch ở Yên Viên, tiếp đó lại vượt vòng vây của địch qua sông Hồng rồi sang huyện Phú Xuyên (Hà Đông) và đụng độ dữ dội với địch. Tiếp đó toán nghĩa quân này về đóng ở làng Hoà Khê (huyện Duy Tiên, Hà Nam). Bị địch tiếp tục

truy kích, nghĩa quân lúc này vẫn còn 17 người tiếp tục di chuyển theo đường Cối Sơn song song với đường đi Chi Nê. Đêm ngày mồng 3 rạng 4 tháng 10, nghĩa quân đụng độ với một toán tuần tiễu do Calisti , một nhân viên công chính cầm đầu. Một trận đánh dữ dội đã diễn ra xung quanh một ngôi nhà bỏ trống, nghĩa quân bị chết thêm 3 người. Bị địch tiếp tục truy kích, nhóm này phải phân tán; đến ngày 10 tháng 10, không còn thấy dấu hiệu hoạt động của toán này nữa !

Mặc dù những sự kiện chứng tỏ sự tham gia của nghĩa quân Yên Thế cũ vào cuộc khởi nghĩa Thaí Nguyên không nhiều, song chỉ với những sự kiện ít ỏi kể trên, không thể không thừa nhận rằng tinh thần chiến đấu ngoan cường, kỹ năng chiến đấu tinh thục của nghĩa quân Yên Thế vẫn còn lưu lại trong cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên. Sẽ là không đầy đủ khi nói về khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 mà không lưu ý tới những dấu ấn này.

Song vị thế của nghĩa quân Yên Thế trong cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên không chỉ dừng lại ở đó. Sự có mặt của nghĩa quân Yên Thế trong khởi nghĩa Thái Nguyên còn là sự tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước của những nông dân yêu nước đã từng tham gia vào sự nghiệp chống thực dân Pháp xâm lược một thời, trong một phong trào giải phóng dân tộc, với một tầm nhìn rộng hơn, sâu hơn, trong một bối cảnh lịch sử đã có nhiều biến đổi. Nói cách khác, sự tham gia của nghĩa quânYên Thế vào khởi nghĩa Thái

Nguyên lần này không còn bị ràng buộc với lợi ích cục bộ, địa phương do bị chi phối bởi tư tưởng của thủ lĩnh Đề Thám, mà với một ý thức tiến bộ hơn, đó là sự hoà nhập về mặt nhận thức vào một hành động vì lợi ích chung của cả dân tộc, hướng tới một tương lai của một nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ mà những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã nhấn mạnh trong bản tuyên ngôn.

Để có thể chấp nhận và hoà nhập vào một cuộc khởi nghĩa với mục tiêu như vậy, những nghĩa quân Yên Thế có mặt trong cuộc khởi nghĩa này đã trải qua những thực tế lịch sử mới mẻ đã diễn ra sôi nổi trong hơn một thập kỷ đầu thế kỷ XX.

Mặc dù sống cách biệt trong vùng rừng núi Yên Thế, mặt khác lại bị khống chế bởi tư tưởng cục bộ, địa phương của thủ lĩnh, nghĩa quân Yên Thế vẫn chịu sự tác động mạnh của cuộc vận động giải phóng dân tộc sôi nổi ở miền xuôi.

Cuộc viếng thăm căn cứ Yên Thế của Phan Chu Trinh năm 1905 và nhất là của phan Bội Châu năm 1906 đi đến định ước là Hoàng Hoa Thám đồng ý gia nhập Hội Duy Tân, sẵn sàng dung nạp những nghĩa sĩ Trung Kỳ đến ẩn náu, sẽ khởi quân ứng viện khi Trung Kỳ khởi nghĩa; về phía Hội Duy Tân sẽ nổi lên hỗ trợ nếu Phồn Xương chiến đấu, giúp Phồn Xương về mặt ngoại viện...đã bước đầu khai thông được sự phân cách giữa nghĩa quân Yên Thế với phong trào đương thời .

Thế rồi bùng nổ phong trào Đông Kinh nghĩa thục năm 1907, tiếp đó là vụ chống thuế ở Trung Kỳ từ tháng 3-1908, liền đó là vụ đầu độc lính Pháp của binh lính người Việt trong cơ công binh pháo thủ số 9 ở Hà Nội (tháng 6-1908) làm náo động chính quyền thực dân Pháp, gây tiếng vang lớn trong cả nước.

Hiện chưa có những tài liệu xác thực chứng minh nghĩa quân Yên Thế có tham gia trực tiếp vào các phong trào nói trên, song sau khi các phong trào trên bị đàn áp, những người tham gia các phong trào nói trên trốn thoát, chạy lên Yên Thế đều được Đề Thám và các nghĩa quân ở đây đón tiếp, che chở an toàn để chờ cơ hội trở lại hoạt động; Yên Thế, do đó trong chừng mực nào đó đã bị lôi cuốn vào phong trào chung, trong những năm tháng sôi nổi ấy. Một ký giả Pháp đã viết về mối liên hệ này như sau: *"Yên Thế đã trở thành cái đích của một cuộc hành hương dân tộc, đã toả sức hấp dẫn đến tận Trung Kỳ. Một thành phần đáng kể dân chúng đã gắn bó với Đề Thám vào những tháng cuối của năm 1907 và những tháng đầu năm 1908".*

Tất cả những biến cố nói trên đã mở rộng tầm nhận thức của nghĩa quân Yên Thế về phong trào chung của dân tộc, về sự nghiệp giành độc lập tự do cho cả dân tộc

Sau khi nghĩa quân Yên Thế bị dập tắt, thủ lĩnh bị giết, những người còn sống mà bị bắt tù ở nhà lao Thái Nguyên, được tiếp xúc và học hỏi ở những người có học vấn, có tư

tưởng tiến bộ như Lương Ngọc Quyến, lại được chứng kiến nỗi khổ ải triền miên của cả đất nước, những nhận thức nói trên cũng được sáng tỏ. Giờ đây, thay vì chiến đấu với quân thù để giành một giang sơn riêng biệt, là cuộc chiến đấu để giành lấy tương lai độc lập, dân chủ và giàu mạnh cho cả nước, họ đã tham gia cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên với một nhận thức mới, một nhiệt tình mới như ta đã thấy.

Có thể nói rằng truyền thống yêu nước đáng quý của nghĩa quân Yên Thế đã được khẳng định trong những hoạt động chống Pháp dưới sự lãnh đạo của thủ lĩnh Đề Thám, nay lại được nâng cao và toả sáng hơn trong khởi nghĩa Thái Nguyên. Và khi ca ngợi tinh thần yêu nước của nghĩa quân Yên Thế, nói chung, chúng ta không được phép quên sự tiếp nối và nâng cao của tinh thần yêu nước này trong khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917. Thấy được như vậy, chúng ta chắc có thể giảm bớt đi được một phần đáng kể ấn tượng về tính chất cục bộ địa phương của tinh thần yêu nước của nghĩa quân Yên Thế nói chung, bởi tinh thần yêu nước đó của họ không phải đã kết thúc khi khởi nghĩa Yên Thế thất bại năm 1913, mà vẫn còn được tiếp nối và phát huy ở mức độ cao hơn nữa trong khởi nghĩa Thái Nguyên./.

Tháng 11 năm 1996

NHÂN DÂN HUYỆN PHỔ YÊN VỚI CUỘC KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN NĂM 1917

NGUYỄN HỮU KHÁNH
Huyện Phổ Yên - Thái Nguyên

A. TÌNH HÌNH PHỔ YÊN TRƯỚC NĂM 1917

1.Đặc điểm chung:

Phổ Yên hồi đầu thế kỷ XX là một huyện vừa trung du, vừa miền núi, nằm ở cực nam của tỉnh Thái Nguyên, phía bắc giáp huyện Đồng Hỷ, phía tây giáp triền núi Tam Đảo và phần cuối huyện Đại Từ, phía đông giáp huyện Phú Bình (Thái Nguyên)và huyện Hiệp Hoà (Bắc Giang), phía

nam giáp Đa Phúc (Phúc Yên). Từ xa xưa, Phổ Yên vẫn thuộc phủ Phú Bình tỉnh Thái Nguyên. Năm 1887, thời Đồng Khánh cho tách ra lập huyện Phổ Yên, thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Năm 1901, Phổ Yên có 6 tổng, 28 làng với 991 xuất đinh, cư trú trên địa bàn. Phổ Yên có 7 dân tộc anh em: Kinh, Sán Dìu, Tày, Nùng, Dao, Hoạ, Mường, trong đó có tới 90% là người Kinh, sống ở các xã phía đông và đông nam, tập trung nhất ở quanh thị trấn và dọc quốc lộ 3; các dân tộc khác sống xen kẽ rải rác ở các xã phía Tây, giáp chân dãy Tam Đảo.

Phổ Yên là cầu nối giữa Hà Nội và Thái Nguyên bằng quốc lộ số 3. Từ huyện lỵ của Phổ Yên lên tới Thái Nguyên khoảng hơn 23km. Phổ Yên có đường đi sang phía đông tới huyện Phú Bình, đường đi phía tây bắc lên huyện Đại Từ. Ngoài ra còn một số đường mòn hẹp đi về các xã, trong đó đáng chú ý là đường qua Thác Nhái đi về phía tây (nay là xã Thành Công) qua đèo nứa vượt sang đất tỉnh Phúc Yên. Ngoài đường bộ, Phổ Yên còn có 2 con sông lớn: sông Cầu chảy từ Thái Nguyên qua Phú Bình, chảy về phía đông nam của huyện là đường giao thông thuỷ quan trọng của Thái Nguyên. Và sông Công chảy từ Định Hoá qua Đại Từ, rồi chảy qua giữa huyện, chia Phổ Yên thành 2 phần đông và tây Phổ Yên, thuyền bè đi lại ở Phổ Yên cũng khá dễ dàng.

2. Tình hình kinh tế xã hội và chính trị ở Phổ Yên:

Nhân dân Phổ Yên sống chủ yếu bằng nông nghiệp: cấy lúa, trồng ngô khoai, rau đậu và chăn nuôi nhỏ (gà, lợn) ở từng gia đình. Đất đai Phổ Yên hầu hết là sỏi đá, cát pha... không phì nhiêu nên việc cấy trồng thu hoạch kém, đời sống nhân dân khó khăn. Đã vậy, ruộng đất ở Phổ Yên lại bị bọn địa chủ người Pháp chiếm đoạt rất lớn. Chúng thành lập các đồn điền ở Chã, ở Sơn Cốt, ở Thác Nhái và Phúc Thuận. Cùng với 10 tên địa chủ người Việt, chúng chiếm đoạt tới 3/4 diện tích canh tác trong toàn huyện [1]. Khoảng 80% dân số phổ Yên là tá điền cho các địa chủ, họ bị bóc lột áp bức rất nặng nề bằng nhiều thủ đoạn:tô cao, thuế nặng, vay nặng lãi, lãi mẹ đẻ lãi con, có khi lãi suất tới 50%. Đời sống của tá điền vô cùng cực khổ, nhưng đời sống của những người nông dân "tự do" cũng rất khó khăn. Họ bị bọn cường hào địa phương chèn ép đủ đường. ở Phổ Yên, câu ca dao đời đời truyền miệng:

" Củ khoai cũng mấy hạt cơm
Khoai thì phần mẹ, cơm nhường cho con..."

---

[1] Đồn điền Chã (năm 1909) đã chiếm 7569 ha với 448 hộ tá điền ; Đồn điền Sơn Cốt (1898) chiếm 3634 ha; Đồn điền Thác Nhái 200ha, Phúc Thuận 300ha. Mười địa chủ người Việt chiếm đoạt 660ha...Tài liệu trong *lịch sử Đảng huyện Phổ Yên* - 1990

đã phần nào nói lên thực chất của đời sống nhân dân Phổ Yên là:" *nghèo nàn, xơ xác, thất nghiệp điêu linh. Đó là bộ mặt thật của dân cày Đông Dương* "[2] .

Về văn hoá giáo dục: Nhân dân Phổ Yên tuy nghèo nhưng hiếu học. Từ thời phong kiến đất Phổ Yên đã sản sinh ra danh nhân Đỗ Cận. Ông đậu tiến sĩ năm 1478, ra làm quan giúp nhà Lê dựng nước, yên dân. Dưới thời Pháp thuộc, thực hiện chính sách ngu dân, thực dân Pháp không cho mở một trường học nào. Mãi đến trước cách mạng tháng Tám, chúng mới cho mở trường sơ học kiêm bị ở Hoàng Đàm với khoảng 100 học sinh, hầu hết là con em bọn địa chủ, cường hào đến học tập. Ngoài ra ở một vài làng khác cũng chỉ có một vài lớp học vỡ lòng, đồng ấu của hương sư hoặc các ông đồ " giở Tây giở Ta"mà thôi. Do đó trên 95% nhân dân Phổ Yên đều thất học.

Tuy vậy, *về chính trị:* Do đặc điểm địa lý của Phổ Yên là đầu mối giao thông. chuyển tiếp các địa bàn giữa miền ngược với miền xuôi như vậy, nên bọn Pháp đã tổ chức bộ máy cai trị ở Phổ Yên rất chặt chẽ từ huyện, tổng đến thôn xã như những địa phương khác. Ngoài ra chúng còn đặt thêm một số đồn binh ở các nơi để khống chế nhân dân địa phương như: Hà Châu, Phố Cò, Đa Phúc, Sơn Cốt... để sẵn sàng đàn áp khi cần thiết, nhất là từ khi chúng phát hiện

---

[2] Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh: *Vấn đề dân cày*. Sự thật, Hà Nội 1959, trang 23

thấy nhân dân Phổ Yên là" dân nghịch", "đất nghịch" có nhiều người chống đối lại chính sách hà khắc dã man của chúng.

Ngay từ khi thực dân Pháp đánh chiếm Thái Nguyên (1884 - 1885) đã có nhiều cuộc chiến đấu diễn ra ở Phổ Yên. Nhân dân Phổ Yên có nhiều người tham gia đánh chặn quân Pháp khi chúng đi lùng sục các vùng nam Thái Nguyên, làm cho chúng gặp nhiều khó khăn, thiệt hại trong công việc hành quân xâm lược. Chúng đã phải thừa nhận: " *Trong 2 năm 1884 - 1885, nhiều cuộc chiến đấu đã diễn ra ở Phổ Yên và Đại Từ...*"[3]. Trong phong trào khởi nghĩa của nhân dân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, nhân dân Phổ Yên đã có nhiều người bí mật hưởng ứng. Họ là cơ sở bí mật tiếp tế hoặc là trạm liên lạc cho nghĩa quân Yên Thế... mà sau này , khi phong trào khởi nghĩa Yên Thế bị dập tắt, thực dân Pháp mới dò la, phát hiện được.

Ví như: tổng Thượng Giã có ông Phó tổng Kinh (Phạm Bá Quất)và ông Lý Cọn (Đào Thế Chiêm) ở làng Phù Lôi có liên hệ, hưởng ứng phong trào Đề Thám. Để che mắt dòm ngó, nghi ngờ của Pháp và dễ liên lạc với các cộng sự hưởng ứng phong trào Đề Thám, ông Tổng Kinh đã liên hệ, cho rời một số mồ mả của gia đình đem xuống chôn táng ở đất làng Ninh Liệt thuộc tổng Trung Giã huyện Đa Phúc (Phúc Yên).

---

[3] Echinard: *Lịch sử quân sự chính trị tỉnh Thái Nguyên* - tài liệu dịch của Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Bắc Thái , trang 19

Ở tổng Thượng Giã còn có các ông phó lý Thỉnh (Nguyễn Văn Thỉnh) và phó lý Ngũ (Nguyễn Văn Ngũ) ở làng Đình Thông (nay cắt về huyện Sóc Sơn - Hà Nội) cũng là người có mối liên hệ với nghĩa quân Đề Thám.

Ở tổng Hoàng Đàm cũng có một số cơ sở của nghĩa quân Yên Thế, như khu rừng Nghè của xóm Đồi là nơi cây cối rậm rạp, dưới sự chỉ huy của ông Tổng Trình (tức phó tổng Nguyễn Quang Đông) và các ông Chánh Hợp, Chánh Xuân, một nhóm nghĩa quân Đề Thám vẫn bí mật đi về nơi đây để nắm tình hình, thu gom tiền bạc, lương thực tiếp tế cho nghĩa quân Yên Thế[4].

Ở làng Sơn Cốt (thuộc tổng Hoàng Đàm) cùng có ông Nguyễn Văn Biện (thường gọi là Điều Biện vì ông hay đội khăn đỏ), làm lý trưởng làng Sơn Cốt, có liên hệ bí mật với những người theo văn thân, sau theo Đề Thám. Ông bị Pháp bắt tù mấy năm rồi trả cho về làm ruộng ở Sơn Cốt...

Ngay trong hàng ngũ lính khố xanh đóng ở Thái Nguyên sau này đã tham gia cuộc khởi nghĩa do Đội Cấn chỉ huy, cũng có một số người là dân ở Phổ Yên, trong đó tiêu biểu nhất là ông Ba Chén (tức Chu Văn Chén, quê Hoàng Đàm)...

Truyền thống yêu nước nồng nàn và tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm đã được tôi luyện trong những

[4] Sau này, Pháp khám nhà phó tổng Trình, chúng đã tìm được lá cờ lệnh của Đề Thám trao cho, chúng bắt tổng Trình, tổng Xuân đi tù ở Thái Nguyên, cách chức chánh Hợp.

phong trào kháng Pháp của nhân dân Phổ Yên vẫn luôn nung nấu. Truyền thống đó như một ngọn lửa âm ỉ không bao giờ tắt, chỉ đợi thời cơ thuận tiện là sẽ cháy bùng, góp phần thiêu cháy kẻ thù chung. Đó là lý do vì sao cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 lại diễn ra hết sức quyết liệt tại địa bàn Phổ Yên...

B. NHÂN DÂN PHỔ YÊN VỚI CUỘC KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN

Khởi nghĩa Thái Nguyên là một dịp thổi bùng lên ngọn lửa yêu nước đang âm ỉ đó trong lòng nhân dân Phổ Yên mà đến nay vẫn được truyền tụng trong nhân dân. Trong quá trình tìm hiểu, chúng tôi đã gặp nhiều vị cao tuổi và chắt lọc ra một số thu nhận xin trình bày dưới đây. Chắc chắn rằng những điều này còn chưa đầy đủ và không tránh khỏi sai sót, nhầm lẫn. Mong được bổ khuyết.

1.Thủ lĩnh Đội Cấn với gia đình bà Bàng ở Sơn Cốt.

Ông Trịnh Văn Cấn tên thật là Trịnh Văn Đạt, sinh năm Tân Tị (1881) tại xã Vũ Dy, huyện Vĩnh Tường (tỉnh Vĩnh Yên). Năm 21 tuổi ta (1901), ông đăng lính, thay anh là Trịnh Văn Cấn và từ đó ông mang tên là Trịnh Văn Cấn. Tương truyền, lúc đầu ông ở một đơn vị lính khố xanh, đóng quân ở Nhã Nam (Yên Thế). Sau đó ít lâu, vì bị sốt rét, ốm đau nhiều, ông được Pháp cho chuyển về đồn Chợ Chu (Định hoá- Thái Nguyên). Ở đây, nhiệm vụ của ông là canh giữ, bảo vệ chính quyền thực dân Pháp và trấn áp các

nghĩa sĩ thà chết không chịu đầu hàng trong lực lượng cũ của Lương Tam Kỳ. Sau đấy ông được chúng điều về thị xã Thái Nguyên. Tại Thái Nguyên ông Cấn được Pháp giao nhiệm vụ trrông coi nhà tù , nơi giam giữ nhiều người yêu nước từng tham gia các phong trào văn thân, phong trào Đề Thám như Lương Ngọc Quyến, Cả Thấu, Hai Vịnh... Cũng tại đây, hàng tháng ông lại gặp một cô gái quê xin đến thăm tù nhân là bà Nguyễn Thị Bàng ở làng Sơn Cốt (Phổ Yên). Từ đó ông quen biết và về sau cưới bà Bàng về làm vợ lẽ (vì ở quê nhà, ông Cấn cũng đã có vợ cả rồi).

Bà Bàng là con gái cả cụ Điều Biện, một gia đình có liên hệ với những người yêu nước trước đây. Khi một số bị bắt tù ở Thái Nguyên, bà Bàng được bố cử đi thăm và tiếp tế cho họ. Theo các cụ già ở thành phố Thái Nguyên hiện nay, thì bà Bàng là người xinh đẹp, da trắng tóc dài mượt, có hàm răng đen như hạt na, ở trong khu "trại con gái" (là nơi vợ con lính ở) nhưng bà vẫn mặc váy sồi đen, không mặc quần như những phụ nữ khác.

Sau khi lấy ông Cấn thì bà không bán hàng xén nữa, mà về ở hẳn với ông Cấn tại "trại con gái"để hầu hạ, giúp đỡ ông. Thỉnh thoảng, ông Cấn có về thăm quê vợ ở Sơn Cốt, nên uy tín của gia đình cụ Điều Biện lại nổi lên. Nhân dân địa phương coi như bà Bàng đã "lấy Tây" và họ gọi lầm bà là" bà Bang tá" (hay Bang giá) và khi có những vụ kiện tụng nào xảy ra thì dân đều tìm đến nhờ bà giúp đỡ. Những

vụ kiện tụng đó đều được bà Bàng giúp đỡ, dàn xếp ổn thoả cả, đều có lợi cho nhân dân địa phương.

Bà Bàng ở với ông Cấn có 4 người con: 2 trai, 2 gái. Các con của hai người đều được đi học ở trường. Trước khi nổ ra cuộc khởi nghĩa vài năm, bà Bàng và các con đã chuyển về làm ăn, sinh sống ở làng Sơn Cốt (Phổ Yên). Nhà bà ở gần làng Sơn Cốt hiện nay (sau khi bà bị bắt , thì ngôi nhà đó bị phá dỡ, nay không còn dấu vết)

Các con của ông Cấn với bà Bàng là:

_ Trịnh Văn Bấm: 16 tuổi ta (tính đến ngày bị bắt)
_ Trịnh Thị Gái : 13 tuổi -
_ Trịnh Thị Vượng: 11 tuổi -
_ Trịnh Văn Tị : 9 tuổi [5] -

Gia đình bà Bàng bị Pháp vây bắt đem đi từ đêm ngày 21 - 7 âm lịch (tức 7- 9- 1917). Hiện nay các cháu ngoại vẫn cúng giỗ tất cả những người bị bắt mất tích vào ngày đó[6].

---

[5] Gia đình bà Bàng bị Pháp bắt sau khi khởi nghĩa. Cô Vượng bị mù trong nhà lao. Bà Bàng và hai con trai mất tích. Còn Cô Gái mới chết năm 1975, ở Đại Từ, thọ 70 tuổi.
Xem *"Về cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên"*,1917, Ty VHTT Bắc Thái , trang7

[6] Chú thích của biên tập: Trong quyển Lương Ngọc Quyến và cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên, Đào Trinh Nhất cho biết bà vợ hai của Cấn tên là Lý, con gái cụ cử Phùng Văn Nhuận, một văn thân yêu nước ở Sơn Tây, là em ruột của Cả Thấu và Hai Vịnh đang bị giam ở nhà tù Thái Nguyên. Bà Bàng là vợ cả của Đội Cấn.

2.Những người dân Phổ Yên tham gia khởi nghĩa:

Trong những người tham gia cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 có một số người quê ở huyện Phổ Yên đi lính khố xanh, do ông Đội Cấn chỉ huy như các ông bếp Chén, bếp Sáng, bếp Trưởng, bếp Rậm, cai Keng...

1. Bếp Sáng (tức Nguyễn Văn Sáng) quê ở xóm Lò thuộc tổng Hoàng Đàm, đi lính khố xanh, đóng ở Thái Nguyên. Khi ông Cấn khởi nghĩa, làm chủ thị xã, cho tập hợp binh lính ở trại khố xanh, tuyên bố mục đích khởi nghĩa và kêu gọi anh em binh lính hưởng ứng thì bếp Sáng vui vẻ đi theo nghĩa quân. Sau khi lực lượng nghĩa quân tan rã, bếp Sáng bị Pháp bắt bỏ tù một thời gian vì ""tội a dua", về sau chúng thải hồi cho về quê.

2. Bếp Hưởng (tức Lê Văn Hưởng) quê ở xóm Lò (Hoàng Đàm) cũng đi lính khố xanh cho Pháp, đóng ở Thái Nguyên. Khi khởi nghĩa bùng nổ, bếp Hưởng đã tham gia nghĩa quân chiến đấu ở nhiều nơi. Trong trận Hoàng Đàm (10-1917) bếp Hưởng bị quân Pháp bắn bị thương vào cổ. Sau bị chúng bắt tù. Mãn hạn tù, Pháp thải hồi về địa phương.

3. Bếp Rậm (tức Nguyễn Văn Rậm) quê ở xóm Giữa (Hoàng Đàm) cũng đi lính khố xanh đóng ở Thái Nguyên. Khi khởi nghĩa bùng nổ, bếp Rậm đã hưởng ứng lời kêu gọi của ông Cấn và theo cùng nghĩa quân chiến đấu. Sau

khi cuộc khởi nghĩa thất bại, bếp Rậm cũng bị Pháp bắt tù vì "a dua" theo Đội Cấn. Mãn hạn tù chúng đuổi về quê.

4. Cai Keng (Nguyễn Văn Giáp ?) quê ở làng Phú Đoài (tổng Thượng Dã) nay là thôn Phú Thịnh xã Trung Thành, là người khoẻ mạnh nhưng nghèo khổ. Ông đã từng đi phu đồn điềncao su ở Nam Kỳ mấy năm. Sau trở về quê và đăng lính, đóng quân ở Thái Nguyên. Sau thời gian ngắn tham gia nghĩa quân, ông bỏ về quê sinh sống bằng nghề làm ruộng, rồi mất tại quê nhà.

5. Ba Chén (bếp Chén), tên thật là Chu Văn Chén , sinh năm 1898, tại thôn Hộ Sơn, tổng Hoàng Đàm (nay là thôn Hộ, xã Nam Tiến, Phổ Yên), trong gia đình nông dân có 3 chị em: chị cả là Chu Thị Bổng, rồi đến ông Chu Văn Chén và người em út là Chu Văn Ấm (mỗi người cách nhau 2 tuổi). Lớn lên ông Chén vào lính khố xanh, đóng tại Thái Nguyên dưới quyền chỉ huy trực tiếp của ông Đội Cấn. Tính ông Chén thẳng thắn, nóng nảy. Ông đã được ông Cấn giác ngộ từ trước, nên ý thức rất cao. Song do kế hoạch khởi nghĩa bị hoãn nhiều lần, địch phán đoán có khả năng nổ ra "sự cố" do đó chúng đã ra lệnh cho một số người chuyển về Định Hoá để phân tán lực lượng, trong đó có cai Xuyên và bếp Chén. Tương truyền cai Xuyên, bếp Chén xin phép tên giám binh cho ở lại một ngày để tổ chức bữa tiệc chia tay bè bạn. Được chúng cho phép, các ông bèn tổ chức bữa tiệc liên hoan vào chiều ngày 30- 8-1917. Dự bữa tiệc này có cả các ông Đội Cấn, Đội Giá, Đội Trường, Cai

Mánh... Họ bí mật bàn với nhau kế hoạch nổi dậy khởi nghĩa ngay đêm hôm đó, nhân lúc tên Công sứ Đác lơ và phó sứ Tuýt xơ đều đi vắng. Sau khi khởi nghĩa bùng nổ, bếp Chén, Quyền Nhiêu, Quyền Yên ...được phong cấp "quan ba"[7]. Từ đó, bếp Chén mới được gọi là Ba Chén. Trong trận đánh chiếm đồn Hùng Sơn (Đại Từ) ngày 5 -9 - 1917, Ba Chén bị thương nhẹ. Ông tiếp tục theo nghĩa quân chiến đấu trên đất Vĩnh Phúc-Phúc Yên. Sau trận Đường Lệ (hay Thường Lệ) ngày 24 -9 bị tổn thất lớn, Ba Chén được lệnh bí mật về quê (Hoàng Đàm - Phổ Yên) để tìm đường liên lạc sang Yên Thế chuẩn bị cho nghĩa quân có thể rút về căn cứ cũ của Đề Thám mà chiến đấu lâu dài. Song khi về đến Phổ Yên, ông bị bọn hào lý theo dõi gắt gao. Ông phải ở lẻn lút trong các vườn rừng của gia đình người chị gái và đào hầm ở bí mật dưới bờ ao...[8] Trong trận kịch chiến tại Hoàng Đàm giữa nghĩa quân Thái Nguyên với quân đội Pháp ông không trực tiếp tham gia được. Về sau, khi lực lượng nghĩa quân đã tan rã, ông thấy sự nghiệp lớn không hy vọng thành công, nếu trốn tránh mãi thì địch càng đàn áp gia đình làng xóm, nên ông đã quyết định ra đầu thú. Bọn pháp bắt ông, chúng đánh đập hòng khai thác ở ông những điều chúng muốn, nhưng ông không chịu khai báo. Cuối cùng ông đã nhịn ăn và chết

[7] Theo cuốn *Đội Cấn - Thái Nguyên*. Việt Hải biên tập, NXB Bảo Ngọc văn đoàn, Hà Nội 1945, trang 21

[8] Năm 1979, người cháu ông Chén đào đất làm nhà còn tìm thấy một khẩu súng và một số đạn đã bị rỉ ở dưới nền sân cũ và ở bờ ao.

trong tù. Sau 3 năm, Pháp cho gia đình ông lấy hài cốt để đưa ông về quê. Hiện nay mộ của ông vẫn được chôn cất tại khu ruộng Bần Thẩn, thuộc thôn Hộ, xã Nam Tiến, Phổ Yên.

3. Những trận đánh lớn của nghĩa quân ở Phổ Yên

Sau khi rút lui khỏi tỉnh lị, nghĩa quân Thái Nguyên đã đánh trả quyết liệt sự truy kích của quân Pháp. Riêng trên địa bàn Phổ Yên đã diễn ra 2 trận chiến đấu đầy dũng cảm và mưu trí của nghĩa quân.

1.Trận Đèo Nứa (6 -10 -1917):

Đèo Nứa là một đoạn của con đường hẹp xuyên qua núi đi từ xã Thành Công (Phổ Yên) hiện nay để sang triền phía tây nam dãy núi Tam Đảo (thuộc đất Phúc Yên). Ở đây có nhiều cây cối rậm rạp, nhất là nứa và giang, nên dân địa phương gọi là Đèo Nứa. Đèo không cao lắm nhưng địa thế hiểm trở, ở sát chân đèo phía Phổ Yên, có một đỉnh núi nhô cao hơn trông như chóp vung nên dân địa phương gọi là núi "chóp vung". Từ đây có thể quan sát rất rộng và khống chế đường qua đèo. Theo các cụ già địa phương kể lại thì ngày 5-10, nghĩa quân rút qua chân núi Hàm Lợn (Phúc Yên) về đến Đèo Nứa. Nghĩa quân biết thế nào quân địch cũng sẽ đuổi theo, nên chỉ huy quyết định dừng lại bên đèo, lợi dụng địa hình hiểm trở để đánh trả địch nhằm bảo vệ lực lượng mình. Nghĩa quân dựa vào một số đồng bào Trại

Đất[9], Cao Lan ở địa phương giúp sức, họ đào công sự trên núi chóp vung và những nơi hiểm yếu khác, mai phục chờ địch. Quả nhiên hôm sau (6 -10) một bọn lính Tây từ Phúc Yên đuổi theo đến, một lực lượng địch khác từ Đại Từ đi xuống đánh vào trận địa. Theo kế hoạch nghĩa quân cho nổ súng từng bộ phận chặn địch, tiêu diệt được khá nhiều. Buổi chiều, được tăng viện, địch lại đánh mạnh vào đội hình nghĩa quân. Lúc này, nghĩa quân từ núi chóp vung đánh xuống, từ sườn đèo đánh ra, địch vừa la hét, vừa chạy xuống núi. Cuối cùng, khi trời sắp tối, chúng cho bắn đạn pháo vào trận địa nghĩa quân trên sườn núi chóp vung rồi rút lui. Trong trận này, quân địch bị thiệt hại nhiều, chúng thừa nhận *"đây là một trận ác liệt nhất trong chiến dịch"*: vừa chết, vừa bị thương hơn 40 tên [10] . Về phía nghĩa quân cũng có một số hy sinh, sau đó được dân địa phương chôn cất ngay tại chân đèo (đến nay khu nghĩa địa vẫn còn) và dân địa phương từ đó thường gọi Đèo Nứa là "Đèo ông Cấn".

2. Trân Hoàng Đàm (16 -10 -1917):

Thôn Đồi tổng Hoàng Đàm (Phổ Yên) là thôn rộng, dân cư nằm rải rác trên các quả đồi thấp kề sát bên nhau. Trong thôn có đường đi lại rộng rãi từ xóm này qua xóm khác, xung quanh các xóm, các gia đình thường có luỹ tre bao bọc. Trong mỗi gia đình, đất rộng nên thường

[9] Chú của biên tập: Trại Đất là tên gọi đương thời chỉ người dân tộc Sán Dìu.
[10] *Đội Cấn - Thái Nguyên*. Sđd, trang 55.

có khu vườn cây um tùm (để tự túc gỗ và củi). Từ khi Hoàng Đàm có người theo Đề Thám thì các thôn xóm được bố trí đường đi lối lại như vậy. Gần giữa thôn thuộc đất nhà ông Ninh Bồ có ngôi miếu lớn trên gò cao, chân gò này là ngã ba đường toả về ba hướng (sau này nghĩa quân dùng làm chỉ huy sở trận đánh tại đây). Sau khi vừa di chuyển vừa chiến đấu với địch, chiều ngày 15 -10-1917, nghĩa quân đã vượt qua sông Công từ phía Đô Tân sang đất Cầu San. Sau đó nghĩa quân tiến về chiếm đóng thôn Đồi để nghỉ chân và bố trí sẵn sàng chống trả địch. Nhân dân trong thôn vội chạy tản ra các thôn xóm khác, để lại tất cả đồ đạc, nhà cửa, thóc lúa...cho nghĩa quân dùng. Có 4 người ở lại giúp nghĩa quân[11]. Nghĩa quân nhanh chóng bố trí lực lượng canh gác, đào công sự sẵn sàng chiến đấu. Do có thường dân đi báo cho chính quyền của Pháp biết là " giặc Đội Cấn" về làng, sáng hôm sau (16 - 10) quân Pháp đã bao vây kín xung quanh thôn Đồi, khoảng 9 giờ chúng bắt đầu nổ súng tấn công. Nhưng vì địa thế hiểm trở quanh co, rậm rạp nên chúng không dám vào sâu. Từ các chiến luỹ nghĩa quân bắn tỉa ra làm địch bị chết, bị thương khá nhiều. Đến chiều, chúng lại tổ chức tấn công ào ạt hơn, nhưng nghĩa quân đã di chuyển vị trí nên vẫn giữ vững trận địa, chúng vẫn không vào được làng. Lúc này nghĩa quân

[11] Đó là các anh Vũ Văn Hà, Nguyễn Văn Trượng, Lê Văn Đạm (lớn) và Lê Văn Đạm (con)

có 2 người hy sinh và một số người khác bị thương. Đêm đó, địch rút ra bao vây phía ngoài không nổ súng. Một tốp nghĩa quân được lệnh lẻn qua đầm nước phía tây làng, ra ngoài để nghe ngóng tình hình. Chẳng may một người bị trượt chân ngã, địch phục kích gần đó xả súng liên thanh bắn tới tấp làm 5 người chết và một người bị thương nặng. Sau đấy, chúng đến chặt đầu 6 nghĩa quân này đem bêu ở chợ Vạn. Ngày 17 - 10 được thêm viện binh từ Đa Phúc (Phúc Yên) lên, lại bắt được một số người dân ở địa phương đưa đường, quân Pháp mở trận tiến công quyết liệt vào làng. Nghĩa quân ẩn nấp ở công sự, dựa vào các luỹ tre, bắn ra dữ dội cản đường địch, đồng thời bắn què những người chúng bắt dẫn đường[12] nên chúng cũng vẫn không vào được làng. Đến trưa, lính địch mệt mỏi, co cụm lại ở các bóng cây ven làng. Một số tay súng của nghĩa quân bí mật tiếp cận xả súng bắn "xuyên táo"làm chúng chết, bị thương thêm một số, phải gọi ô tô chở về Hà Nội. Trận chiến đấu lại tiếp tục đến chiều. Đêm hôm đó nghĩa quân quyết định rút lui ra khỏi làng, đi về phía đông, qua huyện Phú Bình để bắt liên lạc với căn cứ Yên Thế (Bắc Giang). Trận Hoàng Đàm, lực lượng nghĩa quân thiệt hại 8 người, bị thương một số. Phía địch chết và bị thương bao nhiêu

[12] Đó là Nguyễn Văn Dưỡng, tổng đoàn ở Thông Hạc, Nguyễn Văn Ruộng lính dõng ở thôn Đôi. Sau này, Pháp thưởng cho họ chức "Bá hộ"

không rõ nhưng chúng phải dùng ô tô từ Hà Nội lên chở mấy chuyến mới hết.

C. PHỔ YÊN SAU KHI CUỘC KHỞI NGHĨA TAN RÃ

Ở Phổ Yên, sau trận Hoàng Đàm, địch đã nhanh chóng khôi phục được tình hình trật tự và ra sức đàn áp, khủng bố, uy hiếp nhân dân địa phương.

1. Chúng bắt bớ, khủng bố những người có liên quan với nghĩa quân một cách ráo riết: bắt bà Bàng và những người thân của bà đưa đi mất tích, nhiều người đến nay vẫn không biết sống chết ở đâu. Đối với những người trong gia đình của nghĩa quân chúng đe doạ khống chế làm họ phải nơm nớp lo sợ, điển hình là gia đình ông Ba Chén. Chúng đào mả nhà ông Ba Chén để trả thù, dùng sức ép buộc ông phải đầu thú. Những nghĩa quân hy sinh trong trận Đèo Nứa hay trận Hoàng Đàm, chúng cho vùi lấp vội vàng một cách tàn nhẫn và cắm biển đề "mả giặc"để đe doạ tinh thần yêu nước của nhân dân địa phương.

2. Chính quyền Pháp củng cố lại bộ máy thống trị của chúng, cho quân lính và cường hào địa phương đi lùng sục, vơ vét của cải của nhân dân nơi xảy ra các trận đánh (Đèo Nứa, Hoàng Đàm) rồi chúng phao tin là "giặc Đội Cấn" lấy của đồng bào. Những người trước đây đã "có công" với chúng thì chúng thưởng chức tước: Chánh tổng Hoàng Đàm Nguyễn Quang Giới (chánh Giới) có nhiều thành tích khống chế Ba Chén được chúng tặng hàm "Bát phẩm",

những người chúng bắt dẫn dường cho chúng trong trận Hoàng Đàm bị nghĩa quân bắn què được thưởng chức "Bá hộ"...

Mặt khác, chúng cho chặt phá rừng cây, san bớt đồi luỹ ở xóm Đồi, nơi đã diễn ra trận đánh quyết liệt với chúng. Đồng thời chúng cho củng cố lại tổ chức lính dõng, lực lượng nửa vũ trang bảo vệ chính quyền của chúng ở địa phương. Chúng củng cố hệ thống đồn bốt cũ, xây dựng thêm một số đồn lính mới ở những nơi hiểm yếu để khống chế những hoạt động chống đối của nhân dân.

Tinh thần chiến đấu dũng cảm ngoan cường của nghĩa quân Thái Nguyên sống mãi trong lòng người dân Phổ Yên. Theo các cụ cao tuổi ở địa phương kể lại, sau khi khởi nghĩa Thái Nguyên bị đàn áp, người ta thấy ở các chợ trong huyện Phổ Yên như chợ Sơn Cốt, chợ Vạn (Hoàng Đàm), chợ Phố Cò...có những người hát sẩm thường ngồi ở chợ kéo nhị, hát bài vè Đội Cấn cho nhân dân nghe. Đến nay, một số cụ ở tuổi 90 vẫn còn nhớ nhiều đoạn. Mở đầu bài vè viết:

"Năm Đinh Tỵ mười ba tháng bảy
Nước Nam mình phát dậy can qua
Tỉnh Thái Nguyên có một toà
Khố xanh một trại gần ba trăm người
Chí cũng toan chọc trời quấy nước
Ông Đội ra đứng trước hàng binh
Rủ nhau lập tiểu triều đình
Bao nhiêu cai đội khố xanh đồng lòng

Duy Phó Quản bất tòng quân lệnh
Hoá cho nên uổng mệnh xót xa
Cho người mở cửa nhà pha
Đem tù ra điểm được là bao nhiêu..."

Nhiều bà con đi chợ đều dừng lại nghe nên rất nhiều người đã nhập tâm, thuộc lòng bài vè về Đội Cấn. Mãi về sau, Pháp ra lệnh cấm không cho hát nữa mới thôi.

THAY KẾT LUẬN

Phổ Yên, mảnh đất có từ lâu đời trong lịch sử. Tuy đất đai cằn cỗi, dân thiếu đói nhưng rất giàu truyền thống yêu nước. Trong cuộc khởi nghĩa của binh lính và nhân dân Thái Nguyên (1917), Phổ Yên tuy không phải là địa bàn chính, nhưng đã đóng góp phần nhỏ bé của mình vào sự nghiệp chung một cách xứng đáng. Ngày nay, sau 80 năm, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã đi vào lịch sử nhưng tinh thần của nghĩa quân Đội Cấn vẫn còn đọng lại trong lòng của người dân Phổ Yên không thể phai mờ. Bài "vè Đội Cấn" một trường ca mộc mạc nhưng đã phác hoạ được sự kiện lịch sử này còn âm vang mãi trong lòng người dân, trong các lời ru của người dân Phổ Yên hầu như bất tận[13]. Đó cũng chính là sự đóng góp của nhân dân Phổ Yên với sự nghiệp của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên lịch sử . /.

Tháng 1 - 1997

[13] Xin xem bài vè ở phần sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Phổ Yên (sơ thảo)*. Huyện uỷ Phổ Yên (giai đoạn 1930 - 1945), năm 1990.

2. *Về cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên 1917*. Ty văn hoá thông tin Bắc Thái, 1977.

3. *Đội Cấn - Thái nguyên*. Việt Hải, NXB Bảo Ngọc văn đàn, Hà Nội, 1945 (bản chụp photocopy)

4. Các tư liệu điền dã, gặp gỡ các cá nhân:

- Các cụ Tạ Ất Hợi 90 tuổi, Trần Tuấn Tuyên 71 tuổi, Trần Tuấn Điền 57 tuổi ở Sơn Cốt, xã Đắc Sơn (Phổ Yên).

- Các cụ Nguyễn Quang Dốc, 92 tuổi, Nguyễn Quang Thậm 76 tuổi, Nguyễn Quang Miện 76 tuổi,Lê Thị Tèo 76 tuổi, Lê Oanh 65 tuổi, Chu Văn Đảm 58 tuổi ở thôn Đồi, thôn Hộ, xã Nam Tiến (Phổ Yên).

- Cụ Nguyễn Tiến Thành (Phó Đạt) 85 tuổi ở làng Đình Thông tổng Thượng Dã cũ (nay là xã Nam Sơn- Sóc Sơn- Hà Nội)

- Các cụ Nguyễn Văn Tín 72 tuổi, Đào Thế Ngữ 68 tuổi ở thôn Phù Lôi, tổng Thượng Dã (nay là xã Thuận Thành), Phổ Yên.

- Cụ Vũ Đình Trụ 69 tuổi (đại tá về hưu) phường Đội Cấn, thành phố Thái Nguyên ....và một số người khác

5. Gặp gỡ với thường trực Đảng uỷ - UBND các xã: Thuận Thành, Trung Thành, Nam Tiến, Đắc Sơn... (huyện Phổ Yên)

Toàn cảnh nhìn từ phía đông bắc xóm Đồi, nơi diễn ra trận đánh ngày 16-10-1917.

Ảnh: Phạm Quang Trung.

Góc bờ ao (Xóm Hộ, Hoàng Đàm, Phổ Yên) nơi Thủ lĩnh Ba Chén ẩn nấp và bị lộ phải ra đầu thú đầu năm 1918.

Ảnh: Phạm Quang Trung

THỦ LĨNH BA CHÉN VÀ NHÂN DÂN HOÀNG ĐÀM VỚI CUỘC KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN NĂM 1917

LÊ NGỌC OANH *(Nam Tiến-Phổ Yên)* &
PHẠM NHƯ THƠM *(Viện Sử học)*

Trong cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên (1917), nhân dân Hoàng Đàm* huyện Phổ Yên tỉnh Thái Nguyên và thủ lĩnh Ba Chén là những người có nhiều đóng góp to lớn.

Cách thành phố Thái Nguyên khoảng hơn 20 ki lô mét về phía Nam, nằm dọc theo đường quốc lộ số 3, lại ở kề bên bờ tả ngạn sông Công, với một hệ thống đường giao thông có thể giao lưu thuận tiện với phía Nam, phía Bắc và

* Nay gồm các xã Nam Tiến, Đồng Tiến và Đắc Sơn, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (Chú của Biên tập)

vùng rừng núi phía Tây Phổ Yên, Hoàng Đàm trở thành một trong những vị trí có tầm quan trọng cả về quân sự và kinh tế đối với địa bàn Phổ Yên nói riêng và cả vùng phía Nam Thái Nguyên nói chung. Từ xa xưa, dân trong vùng đã có câu ca:

Hoàng Đàm là đất thảnh thơi
Long chầu, hổ phục lắm người tài ba

Chưa biết câu ca ấy đúng đến đâu, nhưng chỉ biết dưới chế độ cũ, hầu như các chức sắc quan trọng trong tổng như chánh, phó tổng đều do người Hoàng Đàm thay nhau nắm giữ. Hoàng Đàm cũng là một trong những mảnh đất của Phổ Yên-Thái Nguyên vốn giàu truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm. Trong thời kỳ thực dân Pháp xâm lược, nhiều kỳ hào, tổng lý và nhân dân đã ủng hộ và hưởng ứng các phong trào chống Pháp như phong trào Cần Vương, Yên Thế... Có thể nói, đối với phong trào Yên Thế của Đề Thám, Hoàng Đàm đã từng là một trong những căn cứ quan trọng. Nhân dân Hoàng Đàm không chỉ thu gom tiền bạc, lương thực tiếp tế cho nghĩa quân Yên Thế, mà còn có nhiều người trực tiếp đứng trong hàng ngũ nghĩa quân. Tiêu biểu nhất là cụ Tổng Trình, tức Nguyễn Quang Đông, đã từng mộ quân, xây dựng căn cứ tại xóm Đồi để tổ chức đánh Pháp. Cụ từng được Đề Thám trao cho cờ lệnh và trở thành một trong những thủ lĩnh xuất sắc của nghĩa quân Yên Thế. Khi cuộc khởi nghĩa Yên Thế thất bại, cụ Trình bị giặc bắt; mặc dù bị giặc tra tấn dã man, cụ vẫn

hiên ngang giữ tròn khí tiết, không chịu khuất phục. Trước mặt quân thù Cụ luôn ung dung, tự động viên mình bằng hai câu thơ còn truyền mãi đến nay :

Mặc cho roi vọt mông đít chịu
gông cùm đã có cổ chân đeo

Vào những năm đầu thế kỷ XX, Hoàng Đàm là một tổng gồm có 8 thôn : Hoàng Đàm, Sơn Cốt, Cốt Ngạnh, Đắc Hiền, Cải Đan, Thanh Thù, Thông Hạc và Đại Hữu* . Hoàng Đàm là một trong những vùng quê có phong cảnh đẹp, nhất là tại khu vực trung tâm, nơi diễn ra trận chiến giữa nghĩa quân Thái Nguyên với giặc Pháp năm 1917. Giữa thôn là một ngôi đình lớn, ngay cạnh đó, trên một quả đồi cao là một ngôi chùa cổ được xây dựng trên một diện tích rộng từ thời Lý. Từ cửa chùa, có thể nhìn bao quát được toàn bộ phần phía Nam, Tây Nam của Hoàng Đàm. Chùa có tên là Linh Sơn Tự. Sau chùa là một cánh rừng rậm, tục gọi là rừng Chùa. Rừng Chùa trải rộng mãi đến mạn Đắc Sơn, Cốt Ngạnh. Sân Chùa và rừng Chùa, đồi Bà Chụp cùng hệ thống các ngọn đồi, luỹ tre dày và đầm, vũng, ao, chuôm dày đặc của Hoàng Đàm rất thuận tiện cho việc bày trận phòng ngự giặc. Chính điều kiện thuận lợi này đã được cụ Tổng Trình sử dụng làm nơi tập kết,

---

* Những tên địa danh này vẫn còn tồn tại và ngày nay đều nằm trong các xã Nam Tiến, Đồng Tiến và Đắc Sơn (huyện Phổ Yên) và ở phía Nam thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (Chú của Biên tập).

huấn luyện quân sĩ trong phong trào Yên Thế vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX...

Khi cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên Bùng nổ, thôn Hoàng Đàm có 4 người đi lính đóng ở Thái Nguyên. Cả 4 người đều tham gia vào cuộc khởi nghĩa. Đó là các ông :

-Ba Chén, người xóm Hội Sơn
-Bếp Sáng (tức Nguyễn Văn Sáng), người xóm Lò
-Bếp Rậm (tức Nguyễn Văn Rậm), người xóm Lò
-Bếp Hưởng (tức Lê Văn Hưởng), người xóm Giữa[1]

Ba Chén tên thật là Chu Văn Chén người xóm Hội Sơn thôn Hoàng Đàm, tổng Hoàng Đàm huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Ông là con một gia đình nông dân nghèo đã ba đời sinh sống ở đây quanh năm làm ruộng chưa từng có một người nào làm việc cho Pháp. Thân sinh ông là cụ Chu Văn Khải và bà Nguyên Thị Nhâm. Ông có người chị gái tên là Chu Thị Gái, người em trai là Chu Văn Ấm và một người con gái là Chu Thị Vung.

Thuở nhỏ Ba Chén vốn là đứa trẻ nghịch ngợm. Mỗi lần chăn trâu ông thường tổ chức chơi trận giả giữa trẻ làng ông Hội Sơn với trẻ làng bên Đắc Sơn. Trong những lần ấy bao giờ Ba Chén cũng nhận bên mình là bên quan còn bên kia là bên giặc. Theo quy ước bên nào thua thì phải chắn

[1] Theo tài liệu lưu trữ do PGS-PTS Dương Kinh Quốc công bố, chính quyền Pháp ghi tên ông là Nguyễn Văn Hưởng, số lính 994, quân hàm binh nhất. Xin xem trong sách này, (chú của Biên tập)

trâu cho bên kia và thường thì phần thắng thuộc về phía Ba Chén. Ba Chén hay trêu trọc và doạ dẫm trẻ cùng tuổi hay ít tuổi hơn mình nhưng lại rất lễ phép, khiêm tốn với người lớn tuổi. Lớn lên ông bị bắt đi lính khố xanh từ năm 1915, đóng trại ở Thái Nguyên và là thuộc hạ của Đội Cấn. Tuy đi lính chống Pháp nhưng ông là người giàu lòng yêu nước. Trước sự tàn ác của bọn thống trị Pháp, sự bạc đãi và đối xử tàn tệ của bọn giám binh và sĩ quan pháp với binh lính người Việt, ông càng thêm căm thù bọn cướp nước. Ngọn lửa căm thù giặc vốn sẵn có trong lòng ông ngày càng mãnh liệt, nhất là từ khi ông được biết người chỉ huy của ông cũng nuôi chí lớn như ông. Với tính quả cảm, ông được Đội Cấn đặc biệt tin yêu và trở thành một trong ba thuộc hạ tin cẩn, đắc lực[2] một trong những thành viên trong bộ tham mưu của cuộc khởi nghĩa tháng 8 năm 1917. Một trong người từng tham gia khởi nghĩa thuật lại rằng : Nhật trình của cuộc khởi nghĩa bị hoãn đi hoãn lại nhiều lần cuối cùng được ấn định là ngày 31 tháng 8 (tức 15-7 âm lịch)[3]. Nhưng ngày 28 tháng 8 (12-7 âm lịch) Ba Chén nhận lệnh phải đổi lên đồn Đu Phú Lương vào ngày 30 tháng 8. Nhân lúc công sứ Darles và phó sứ Tuste đang nghỉ mát ở Đồ Sơn, Ba Chén liền bàn với Đội Cấn nên khởi sự sớm hơn. Việc bàn bạc chưa được thống nhất thì Ba Chén đã tự ý hành động chém đầu Quản Lạp vào đêm ngày

[2] Đó là Ba Chén, Quyển Nhiêu, người lính số 1035
[3] Các tài liệu khác đều ghi là 14-7 âm lịch tức 30-8.

30 tháng 8. Vì vậy cuộc khởi nghĩa phải nổ ra sớm hơn một ngày so với kế hoạch[4]. Trong những ngày chiến đấu oanh liệt của nghĩa quân tại thị xã Thái Nguyên từ 31 tháng 8 đến 5-9-1917, Ba Chén luôn tỏ ra là một người gan dạ, dũng cảm, một vị chỉ huy tài ba. Ông đã được Đại Đô Đốc Trịnh Vản Cấn phong hàm quan Ba[5] và được giao chỉ huy một cánh quân. Điểm yếu của Ba Chén là thường ham đánh nên nhiều khi quá đà. Ví dụ trong trận phản công địch ở Thái Nguyên ngày 5-9, khi đại quân lui rồi, Ba Chén mới thu quân về và chạy đuổi theo; trận chống càn ở Trung Nha và Trung Thôn, ông không chịu kéo dài thế cầm cự mà mấy lần dẫn quân xông ra tấn công địch khiến cho nghĩa quân bị thương vong không nhỏ[6]. Tuy vậy, trong suốt mấy tháng trời chiến đấu, hành quân, chống càn, Ba Chén luôn thể hiện là vị chỉ huy quả quyết, táo bạo, can đảm, được nghĩa quân và Đô đốc Trịnh Văn Cấn tin tưởng, yêu mến. Chính Ba Chén đã góp phần không nhỏ vào chiến thắng của nghĩa quân trong trận giao chiến tại Đèo Nứa (5-10), gây cho địch nhiều thiệt hại nặng nề.

---

[4] Điều này cần phải xác minh thêm. Theo các tài liệu "*Lương Ngọc Quyến và cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917*" của Đào Trinh Nhất, "*Đội Cấn-Thái Nguyên*" của Việt Hải và "*Tài liệu tham khảo lịch sử cận đại Việt Nam*" của Trần Huy Liệu, Nguyễn Công Bình, Văn Tạo, Tập III, đều ghi kế hoạch khởi nghĩa được ấn định vào ngày 30-8 và chính Đội Cấn cử Ba Chén đi giết Quản Lạp.

[5] Theo lời khai của Nguyễn Văn Nhiêu, tài liệu do Lê Xuân Phương công bố, thì Ba Chén được phong quan Một.

[6] *Tài liệu tham khảo...*, Sđd, tr.118.

Khi nghĩa quân kéo về Hoàng Đàm cả 4 ông trên đều có mặt[7]. Theo lời kể của các cụ Vũ Văn Hà, Nguyễn Văn Trương, cụ Đạm lớn, Đạm con[8] thì hôm ấy Ba Chén và Cai Xuyên dẫn độ 30-40 nghĩa quân từ Đồ Tân qua Bầu San về Xóm Đồi. Địa hình xóm Đồi rất thuận lợi cho việc phòng thủ đánh địch. Trong xóm có nhiều ao, giếng, xung quanh có luỹ tre dày ở trong có thể quan sát được bên ngoài mà ở ngoài không thể thấy được bên trong. Ngoài luỹ tre là lạch rộc thấp nhiều bùn lầy và nước. Xóm nằm ven sườn đồi thoải rất thuận lợi xây dựng công sự chiến đấu. Bộ chỉ huy nghĩa quân được đặt ở nhà cụ Hồng Minh. Cụ Đào Văn Đạo là gia đình khá giả tình nguyện cung cấp hậu cần cho nghĩa quân hàng ngày. Sáng sớm hôm sau ông Ba Chén và Cai Xuyên đi xem địa hình để bố trí lực lượng đánh địch . Các ông cho quân đóng ở một số nơi hiểm yếu trong xóm còn một bộ phận ém ở Rừng Chùa. Khoảng 8 giờ sáng Pháp đã kéo quân về bao vây Hoàng Đàm. Để tách dân khỏi nghĩa quân chúng ra lệnh toàn dân phải rời khỏi làng. Dân làng buộc phải sơ tán nhưng vẫn để lại lương thực thực phẩm cho nghĩa quân. Một số tình nguyện ở lại chiến đấu cùng nghĩa quân .

---

[7] Điểm này ngược với ý kiến của tác giả Nguyễn Hữu Khánh cho rằng trong trận Hoàng Đàm Ba Chén không trực tiếp tham dự (xem bài trong sách-chú của Biên tập).

[8] Các cụ trên khi đó là những thanh niên 15, 16 tuổi không đi sơ tán mà ở lại giúp nghĩa quân đánh địch.

Thấy trong số quân Pháp có nhiều binh lính người Việt, Ba Chén vác loa kêu gọi binh lính người Việt hãy bắn chỉ thiên còn nghĩa quân chỉ bắn Pháp mà không bắn người Việt. Nhờ biết lợi dụng địa hình địa vật, biến mỗi bờ ao, giếng nước, bụi tre là một công sự, nghĩa quân đã nhiều lần đẩy lui các cuộc tấn công của giặc Pháp lên xóm Đồi, khiến chúng bị chết và thương vong khá nhiều. Giữa lúc chúng đang hoang mang chưa biết tìm cách nào để tiêu diệt nghĩa quân thì cánh quân từ Rừng Chùa xuất hiện đánh tập hậu vào quân Pháp , địch trở tay không kịp, thiệt hại khá nặng nề, xác chết đầy xóm nhất là khu vực vườn chè nhà cụ Thậm, vườn trầu nhà cụ Cẩm. Xác lính Tây được chúng đưa ra đường quốc lộ chở về Đa Phúc. Sau một ngày huyết chiến, với một lực lượng đông và trang bị mạnh hơn gấp bội, quân Pháp vẫn không thể nào chiếm được xóm Đồi. Nghĩa quân tuy vẫn giữ được trận địa nhưng cũng bị hy sinh 2 người, một số khác bị thương[9]. Trong trận chiến đấu này, nghĩa quân đã bắt được một số tù binh và chúng đã bị Ba Chén ra lệnh xử chém để tiết kiệm đạn.

Sang ngày thứ tư, quân Pháp có thêm viện binh liền mở một trận tiến công quy mô vào xóm Đồi hòng tiêu diệt lực lượng nghĩa quân. Để đề phòng bị nghĩa quân phản công, quân Pháp cho tên Phó đoàn Đưởng cùng một lính dõng là

[9] Hai nghĩa quân hy sinh được mai táng ở vườn nhà Huân. Hai người bị thương trong đó có bếp Hưởng. Ông Hưởng thấy Tây chết nhiều vội reo hò nên bị Tây phát hiện và bắn một phát đạn xuyên từ miệng qua gáy, nhưng do chỉ bị vào phần mềm nên không chết.

Nguyễn Văn Ruộng đi rải chông hoa các đường ngoài xóm nhưng đến nhà quản Mẹt thì Ruộng bị nghĩa quân bắn gãy chân[10].

Không thể tấn công trực diện vào làng, quân Pháp dùng đạn lửa bắn bừa bãi vào trong xóm để triệt hạ nhà cửa, buộc nghĩa quân phải rút lui. Trước so sánh lực lượng quá chênh lệch, để bảo toàn lực lượng và tránh gây thiệt hại cho dân, Ba Chén và Cai Xuyên đã quyết định cử Bếp Sang và Bếp Rậm đi liên lạc với nghĩa quân Yên Thế [11], số nghĩa quân còn lại cũng bí mật rút lui. Trước khi rút lui, nghĩa quân cho đào nhiều hố, rắc trấu và bỏ vào đó một vài viên đạn, dầu hoả và dùng rơm tết thành từng cuộn, gài đạn vào từng đoạn rồi đốt, dùng tiếng đạn nổ và khói để nghi binh. Lực lượng nghĩa quân chia ra làm hai nhóm, một nhóm qua giếng xóm Đồi rút ra rừng Cụ Tốn, theo sườn đồi cao rút xuống xóm Lò; từ đó men theo doi tre ra bờ Cống. Nhưng không may, trong khi rút gần vị trí địch, một người sợ quá ngã gây tiếng động làm quân giặc phát hiện và bắn chết 4, bị thương1. Số nghĩa quân bị hy sinh này sau đó được nhân dân địa phương nhặt đem chôn tại gần chợ Vạn, cạnh đường đi ra nghè ông Đại (ngày nay nhân dân địa phương quen gọi mả giặc, vì thời ấy người ta gọi quân khởi nghĩa

[10] Đường và Ruộng sau được Pháp phong cho hàm Bá Hộ.

[11] Chú của biên tập : Điểm này cần xác minh lại vì nghĩa quân Yên Thế đã bị tan rã từ trước đó. Tuy nhiên để tôn trọng tác giả đã dùng tài liệu hồi cố của Bếp Hưởng, chúng tôi để nguyên văn cho mọi người tham khảo.

là giặc). Toán còn lại rút ra rừng cụ Sừ rồi từ đó vượt lên phía rừng Dõng Bò, theo mé ngòi lên Cầu Cống.

Sáng hôm sau, quân Pháp cho bao vây chặt khu vực từ Dõng Bò đến chợ Vạn sang cầu Sơn vì chúng nghĩ rằng nghĩa quân vẫn còn cố thủ tại xóm Đồi. Mãi tới khoảng 9-10 giờ, thấy không có động tĩnh gì, quân giặc mới dám cho quân áp sát vào xóm Đồi. 12 giờ trưa, chúng cho quân vào xóm nhưng chỉ thấy vườn không nhà trống. Cay cú, 3 giờ chiều cùng ngày chúng cho quân rút đi.

Dân Hoàng Đàm còn nhớ rõ, trong những ngày ở làng, nghĩa quân không hề tơ hào sách nhiễu dân, dù chủ nhà có vắng mặt, khi dùng thức gì nghĩa quân cũng để tiền lại trả cho nhà chủ. Về phần ông Ba Chén, sau khi nghĩa quân rút đi, ông nấp mình trốn giặc tại một bụi nứa rậm rạp tại rừng cụ Tốn, bên cạnh chùa Hoàng Đàm, hàng ngày nhờ bà chị gái tiếp tế, chăm sóc. Sau gần hai tháng, Ba Chén chuyển về chiếc hầm đào dưới đống rơm tại vườn nhà bố đẻ cho đến tết Mậu Ngọ (1918). Ngày mồng một tết, nhân lúc vắng vẻ, ông chui ra khỏi hầm để hít thở, không may vừa lúc đó có Xã Vẹt đi chúc tết bắt gặp; biết mình bị lộ, mấy ngày sau Ba Chén chôn súng đạn[12] rồi từ biệt gia đình ra đầu thú với bọn quan chức địa phương. Ông bị Pháp cho giải về giam tại nhà tù Hoả Lò rồi tuyệt thực cho đến chết.

---

[12] Năm 1961 ông Chu Văn Chạp, cháu gọi Ba Chén bằng bác, đào giếng và tìm thấy 1 nòng súng cùng mấy viên đạn nghe nói vốn là vũ khí của Ba Chén chôn khi trước.

Ba năm sau, người chị gái của ông tìm được hài cốt và đem về quê mai táng. Còn các ông Bếp Sáng, Bếp Hưởng và Bếp Rậm, sau một thời gian lẩn tránh lại quay về địa phương và làm ăn sinh sống cho đến khi lần lượt qua đời.

Tám chục năm đã trôi qua, không khi nào nhân dân Hoàng Đàm quên hình ảnh những nghĩa sĩ của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên, trong đó có những người con ruột thịt của mình, những người đã không tiếc cả mạng sống của mình để chiến đấu chống lại giặc Pháp xâm lược. Nhân dân Hoàng Đàm luôn tự hào về họ, tự hào về truyền thống bất khuất của quê hương mình, về người chỉ huy quả cảm Ba Chén. Hàng ngàn người con của Hoàng Đàm đã nối gót cha anh, lần lượt lên đường trong những cuộc kháng chiến của dân tộc... Trong hành trang của họ, đâu đó còn văng vẳng một bài vè về cuộc khởi nghĩa Thái Nguyễn không biết do ai làm ra. Có thể nói các thế hệ cư dân Hoàng Đàm đã truyền khẩu cho nhau, không mấy ai không thuộc lòng bài vè này[13]. Rằng :

"Năm đinh tỵ mười ba tháng bẩy
Nước Nam mình phát dậy can qua
Thái Nguyên nay có một tòa
Khố xanh, khố đỏ được ba trăm người
Cùng chí toan chọc trời khuấy nước

[13] Bài vè do ông Lê Ngọc Oanh, người địa phương Hoàng Đàm nhớ lại và chép ra.

Ông Đội[14] ra đứng trước hàng binh
Rủ nhau lập tiểu triều đình
Những là các đội khố xanh bằng lòng
Duy Phó quản[15] bất tuân quân lệnh
Hóa cho nên uổng mệnh sót xa
Cho người gỡ cửa nhà pha
Đem tù ra điểm được là bao nhiêu
Truyền tù nhân cứ theo quân lệnh
Chớ thị thường uổng mệnh như chơi
Rồi ra làm lễ tế trời
Cờ đề Phục quốc tái hồi Nam Bang
Phong tám tướng quyền đương quân chính
Tù ba trăm với lính ba trăm
Tù nhân phát súng cho cầm
Dây lưng túi đạn đi khuân đủ về
Đường tỉnh Thái kỳ khu chật vật
Các đường dây thép chặt đi ngay
Bấy giờ chủ tướng ra tay
Chọn đường mai phục định ngày giao công
Ký giây thép lòng không theo phục
Nối dây vào đường cũ đánh đi[16]
Đánh về Hà Nội một khi
Báo rằng có "giặc" ở thì Thái Nguyên

---

[14] Tức Đội Cấn.
[15] Tức Phó quản Lạp
[16] Kỳ thực nhân viên bưu điên của Pháp lúc đó đã dùng một máy cũ phát đi báo cáo với tư lệnh quân Pháp tại Hà Nội(Chú của biên tập).

Toà Thống sứ toàn quyền thương nghị
Lại có lời phủ dụ ra cho
Bây giờ Nhà nước phải lo
Sang toà ông Sáu (?) nhỏ to sự tình
Tỉnh Thái Nguyên "loạn binh" quấy rối
Một đám tù cai đội khố xanh
Vậy nên ông Sáu bực mình
Giấy tư sang tỉnh Bắc Ninh tức thì
Truyền ngũ tỉnh nơi nào cũng vậy
Lính Đáp Cầu phải chạy tiên phong
Lính Tây, khố đỏ hội đồng
Mang quân lên đóng đồn ông chủ điền
Ngày mười sáu tiến lên giáp trận
Lính Tây thời tử trận ba trăm
Bấy giờ khố đỏ tiếp qua
Súng trường, trái phá bắn hoà liên thanh
Xông lên thành khố xanh bỏ chạy
Kéo quân vào đóng tại Đình Trung
Ngoài thời trái phá đùng đùng
Khi vào đến tỉnh sạch không còn gì
Quân ông Đội liền đi lên núi
Đào hầm sâu làm chỗ lánh thân
Nửa đêm quân kéo đi dần
Mang quân lên đóng chợ Vàng
Đến làng Hoàng Xá rẽ ngay quân vào
Xã đoàn không biết nghĩ sao

Sai tuần ra hỏi quân nào đóng đây ?
Tàn quân mới nói khi nay
Các quan đi khôi phục ngày này nước Nam
Truyền cho dân chúng ăn làm
Các quan đi mở nước không can cớ gì
Xã đoàn lòng vẫn hồ nghi
Tay cầm cái quắm[17] đứng thì giờ lâu
Ông Đội truyền ra chặt đầu
Nếu không biết phép phăng đầu một khi
Ông Đội sai lính tức thì
Mổ bò giết lợn kịp kỳ cơm ăn
Truyền cho các cụ trong dân
Báo cho có giặc tàn quân trong làng[18]
Việt Trì Tây mới kéo sang
Súng ống xe ngựa chật đường kéo đi
Đến ga Hướng lại gặp thì
Quân Tây đến đó kịp thì nghỉ ngơi
Xe cộ tiếp viện đến nơi
Quân Tây đi trẩy ngất trời ghê thay
Bài binh bố trận bổ vây
Thổi kèn súng bắn đạn bay vào làng
Đì, đùng như thể ngô rang
Bắn như cuội rải trên đường cái đi

[17] Con dao lớn có mũi quặp dùng để phát bờ
[18] Theo một số tài liệu về khởi nghĩa Thái Nguyên, khi cho quân vào làng, nghĩa quân cho phép bọn hào lý đi trình báo để tránh bị giặc khủng bố trả thù về sau.

Trời cao còn có Thánh tri[19]
Gió mưa kéo đến Tây thì thôi ngay
Đến hai mươi tin này đã báo
Ông Đội về án đạo Giang Tiên[20]
Đêm nghe súng nổ vang rền
Lính thua lính phải băng miền Tuyên Quang
Xuyên qua Đèo Khế Đèo Giàng
Lính thua lính phải kéo sang Hoàng Đàm
Bên Tây có ông Ba xồm
Cho mày đi trước mày nom beng đầu[21]
Ông Ba[22] bắn chẳng trúng đầu
Ông Đội bắn một phát vỡ đầu quan ba
Ngày nổi dậy can qủa sôi động
Muốn hoàn công trời chẳng cho hoàn
Sau quân ông Đội phải tan
Quân thua quân phải kéo sang bên Tầu[23]
Sau chờ nấn ná ít lâu
Nuôi quân dưỡng tướng mưu cầu việc sau.

---

[19] Tri : biết.
[20] Nay thuộc huyện Phú Lương về phía Bắc thành phố Thái Nguyên.
[21] Câu này tối nghĩa
[22] tức Ba Chén
[23] Phải chăng do thương tiếc và khâm phục cũng như cố nuôi một hy vọng nào đấy, tác giả bài vè đã cho nghĩa quân thoát ra ngoài biên giới "

Trời cao còn có Thánh trí[19]
Gió mưa kéo đến Tây thì thôi ngay
Đến hai mươi tin này đã báo
Ông Đội về ăn dao Giáng Tiên[20]
Đêm nghe súng nổ vang rền
Lính thua lính phải bàng miền Tuyên Quang
Xuyên qua Đèo Khê Đèo Giáng
Lính thua lính phải kéo sang Hoàng Đàm
Bên Tây có ông Ba xôm
Cho thầy đi trước mấy nom beng đầu[21]
Ông Ba[22] bắn chẳng trúng đầu
Ông Đội bắn một phát vỡ đầu quan ba
Ngày nói dậy can qua sôi động
Muôn hoàn công trời chẳng cho hoàn
Sau quân ông Đội phải tan
Quân thua quân phải kéo sang bên Tầu[23]
Sau chó năn nả ít lâu
Nuôi quân dưỡng tướng mưu cầu việc sau.

---

[19] Trí : biết.
[20] Này thuộc huyện Phú Lương về phía Bắc thành phố Thái Nguyên.
[21] Câu này tối nghĩa
[22] tức Ba Chén
[23] Phải chăng do thương tiếc và khâm phục cũng như có nuôi một hy vọng nào đây, tác giả bài vè đã cho nghĩa quân thoát ra ngoài biên giới.

CUỘC KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN 1917 TRONG TÀI LIỆU LƯU TRỮ CỦA THỰC DÂN PHÁP

ĐÀO THỊ DIẾN

Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I

Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên (1917) là một trong những sự kiện lịch sử quan trọng. Có rất nhiều tài liệu trong nội bộ chính giới thực dân Pháp đương thời phản ánh về cuộc khởi nghĩa. Trong bài viết này chúng tôi xin cung cấp một số nét về tình hình nguồn tài liệu lưu trữ cũng như một vài tài liệu cụ thể về cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên.

Trong tài liệu lưu trữ thuộc văn phông Phủ Thống sứ Bắc Kỳ (fonds de la Résidence Supérieure au Tonkin) có một số lượng đáng kể các hồ sơ có liên quan đến cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đêm 30 rạng ngày 31.8.1917. Song đáng tiếc, một số đã bị đưa về Pháp theo thoả ước được ký kết ngày 15.6.1950 giữa đại diện Chính phủ Pháp là Léon PIGNON,

cạo uỷ Pháp ở Đông dương và đại diện Chính phủ Việt Nam là Bảo Đại(1). Những hồ sơ đó hiện đang được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Hải ngoại (Centre des Archives d' Outre- Mer, Aix-en- Provence). Trong số các hồ sơ còn lại ở Việt Nam, được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, chúng tôi đặc biệt lưu ý tới những hồ sơ về các vụ kiện của các "công dân người Âu" đã bị nhiều tổn thất trong cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên. Có thể kể ra đây những hồ sơ về vụ kiện của các ông DANET, chủ thầu ở Hà Nội; Auguste BEPOIX, chủ thầu ở Thái Nguyên; RAMARONIE và GAUTHIER, các chủ thầu giao thông ở Thái Nguyên; OLLEAC, chủ thầu ở Đáp cầu; bà SEKI KAMENO, không nghề nghiệp , sống ở Thái Nguyên và một số người khác...

Nhận xét đầu tiên của chúng tôi là mặc dù các vụ kiện có khác nhau về nội dung , do mức độ tổn thất dẫn tới số tiền đòi bồi thường khác nhau, song khi đề cập tới nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa , hầu hết đương sự đều có chung một kết luận. Đó là sự tàn ác của bọn chỉ huy Pháp đối với binh lính Việt Nam và sự vô trách nhiệm của chính quyền thuộc địa ở Thái Nguyên trước sự thật dã man này. Trong khuôn khổ của bài viết , chúng tôi xin giới thiệu hồ sơ vụ kiện của ông BEPOIX Auguste , đây là một trong những hồ sơ có tài liệu đầy đủ nhất. Hồ sơ này mang số 70.504, với tiêu đề: *"Instance Bépoix contre Gouvernement Général et Protectorat du Tonkin" (Affaire " Rebellion de Thai Nguyên"*). Hồ sơ lưu trữ này gồm 172 tờ , chia làm 3 phần :

I- *Tờ trình của ông Louis GUEYFFIER , luật sư bào chữa cho ông Bépoix gửi Chủ tịch và các thành viên của Hội đồng Tố tụng Đông Dương.*

II- *Báo cáo của ông MOREL REVOIL (Jean Paul Marie)*, đại diện Chính phủ Pháp ở Quảng Châu Văn (?)* Phó văn phòng tại Phủ Toàn quyền Đông Dương ở Hà Nội , được chỉ định là đại diện cho Phủ Toàn quyền Đông Dương giải quyết vụ kiện của ông Bépoix (theo quyết định số 9318 ngày 30.10.1919 của Toàn quyền Đông Dương) gửi Chủ tịch và các thành viên của Hội đồng Tố tụng Đông Dương.

III- *Các bản thảo và bản sao trùng .*

Dưới đây chúng tôi xin lần lượt giới thiệu 2 phần chính của hồ sơ này :

I- Tờ trình của luật sư Louis GUEYFFIER là bản gốc, được viết ngày 5.7.1918 , có chữ ký của tác giả và được vào sổ công văn đến của Hội đồng Tố tụng Đông Dương ngày 6.7.1918 , số 538 , gồm 3 trang đánh máy. Sau khi thống kê từng khoản thiệt hại (có quy ra tiền) mà ông Bépoix phải chịu, ông Louis GUEYFFIER tường trình lại những nhận định của ông Bépoix :

"Trong thực tế, nguyên nhân của cuộc nổi loạn xảy ra ở Thái Nguyên ngày nay đã rõ ràng , tất cả mọi người đều biết ;

---

* Có thể là Quảng Châu Loan (chú của Biên tập)

Rằng sự kiện đó, xét trong phạm vi địa phương (tỉnh Thái Nguyên) *có những nguyên nhân sau :*

1- Sự ngược đãi (của bọn chỉ huy Pháp-ĐTD) *đối với binh lính và hạ sĩ quan bản xứ thường xuyên diễn ra công khai .*

2- Sự làm việc quá sức và ngày càng không ngừng tăng mà binh lính và hạ sĩ quan bản xứ luôn luôn phải chịu đựng như làm lao dịch , giám sát tù nhân , gác đêm nặng nhọc...

Rằng trách nhiệm của chính quyền địa phương còn tồn tại nặng nề đến nỗi mà những sự báo trước cũng không làm cho họ chú ý tới"

"Những sự báo trước" đó , theo ông Bépoix :

"Rằng người ta đã tìm thấy trong khu làm việc của Phủ Thống sứ Bắc Kỳ và trong văn thư của Đội lính gác bản xứ hai bức thư do binh lính ở Thái Nguyên gửi trong tháng 7.1917, báo cho Ngài Thống sứ Bắc kỳ biết về tình trạng tồi tệ kể trên mà họ đã phải chịu đựng .

Rằng trên một trong hai bức thư đó , Ngài Công sứ Darle đã để lại một lời ghi chú đầy hình ảnh bằng bút chì xanh như sau : "Ngài Noël , nếu ngài còn muốn hồi hương, cần phải lưu ý".

Cái đó đã không ngăn cản Ngài Công sứ , người đứng đầu tỉnh , đi Đồ Sơn trong khi mà viên phó của ông ta lại đang đi nghỉ thường kỳ ở Vân Nam và để lại sự lãnh đạo tỉnh cho chính ông Noël;

Chính trong thời gian tạm quyền này, trong đêm 30 rạng ngày 31.8.1917 , cuộc nổi loạn đã xảy ra .

Rằng chỉ với một ít phòng xa , một ít thận trọng và một vài biện pháp , họ đã có thể tránh được (sự kiện cuộc khởi nghĩa-ĐTD) *một cách dễ dàng*".

Để bạn đọc tiện theo dõi, chúng tôi xin cung cấp toàn văn hai bức thư mà ông Bépoix đã nêu qua bản dịch tiếng Pháp được đính kèm theo báo cáo của ông Morel trong phần 2 của hồ sơ 70.504.

Bức thư thứ nhất (không có ngày tháng và không có tên người gửi)

" Thưa Ngài Thống sứ ,

Tôi hân hạnh được cầu xin Ngài kiểm tra sự việc sau đây :

Tôi nghe nói rằng Ngài Công sứ tỉnh Thái Nguyên rất độc ác, Ngài Thanh tra của Đội lính bản xứ cũng rất tàn bạo. Ngài Thanh tra đã rất ngược đãi binh lính dưới quyền của ông ta. Binh lính và bọn Thổ đã quyết định liên kết với nhau để giết ông ấy. Trong khi đó một người lính khác đã ngăn cản ý đồ của họ bằng cách nói rằng tốt nhất là gửi đơn đến cho Ngài Công sứ cầu xin Ngài chuyển ông ta đi nơi khác. Dân chúng ở trong vùng cũng biết rằng Ngài Công sứ từ lâu cũng đã biết sự tàn ác của Ngài Thanh tra . người chuyên môn đánh đập dã man các quan , đội và cai và đã giết rất nhiều binh lính đau ốm . Một lần, có một việc

xẩy ra với một lính mới được tuyển mộ được 2 hay 3 ngày, vì nhận thấy rằng Ngài Thanh tra quá độc ác nên người lính này đã bỏ trốn. Ngài Thanh tra đã ra lệnh về tận quê người lính bỏ trốn đó để bắt anh ta. Sau khi bắt giữ anh ta, ngài Thanh tra đã nhốt người lính đó vào xà lim và chỉ cho anh ta ăn cháo. Quá khiếp sợ, anh ta lại bỏ trốn một lần nữa. Sau khi bị bắt lại, anh ta đã bị bỏ tù. Đấy là những hành vi mà người ta trách móc Ngài Thanh tra .

Tôi hân hạnh đệ trình Ngài những sự việc trên đây để Ngài kiểm tra, để binh lính Thái Nguyên có thể biết ơn sự công minh chính trực của Ngài".

Bức thư thứ hai (không có tên người gửi)

"Thái Nguyên , ngày 22.7.1917

Thưa Ngài Thống sứ Bắc kỳ ,

Tôi xin hân hạnh được báo cho Ngài biết một việc sau đây :

Tôi là bà con của một lính gác của Đội lính gác bản xứ ở Thái Nguyên . Tôi biết một sự việc dưới đây đã xẩy ra và việc đó đã làm tôi vô cùng sợ hãi. Tôi báo với Ngài nhưng xin Ngài giữ bí mật cho tôi nếu không tôi sẽ không tránh khỏi cái chết vì những người mà tôi tố cáo .

Một trong những người bà con của tôi (cháu trai) đã tham gia vào bọn đó. Mặc cho những lời khuyện can nhắc đi nhắc lại của tôi nó vẫn không nghe lời . Sợ rằng tất cả

gia đình sẽ phải chịu những hậu quả mà hành vi của nó gây ra, tôi buộc phải tố cáo nó .

Có một nhóm lính gồm khoảng 15 người Thổ và Nùng và 6 hoặc 7 người An nam quyết định giết chết Ngài Thanh tra. Nguyên nhân của tội ác còn trong dự định này là món nợ mà Ngài Thanh tra phải trả cho những thủ đoạn của ông ta.

Ngài Thanh tra đã ức hiếp lính một cách khó tả. Những tội ác của ông ta mà tôi được biết là tất cả binh lính khi đi áp tải tù nhân làm lao dịch trở về, nếu ai gặp Ngài Thanh tra mà không bỏ mũ xuống chào to "Bẩm quan lớn " đều bị phạt quỳ trong giờ nghỉ, không được ăn trưa. Sau khi bị phạt quỳ, người đó sẽ lập tức bị gửi đi giám sát tù nhân. Những người đang đi gánh nước mà gặp Ngài Thanh tra phải đặt ngay gánh nước xuống đường để chào to "Bẩm quan lớn ", nếu không sẽ bị trừng phạt một cách nặng nề. Trong một tuần lễ, người ta chỉ được nghỉ làm việc có ngày chủ nhật nhưng chỉ từ 15 giờ đến 20 giờ thôi. Ngài Thanh tra không ngừng dò xét, rình rập những cơ hội nhỏ nhất để trừng phạt lính, không cho phép họ đi tắm rửa ở bên ngoài. Những người bị ốm nặng mà phát bệnh thì sẽ bị nhịn ăn (không có cơm mà cũng chẳng có cháo); những người bị ốm nhẹ bị bắt buộc đi làm việc ; có vài người lính đã bị chết vì sự bạc đãi đó .

Khi Ngài Thanh tra đánh ai, chỉ có đánh bằng quả đấm hoặc là vào dưới sườn, hoặc là vào dưới tai. Đã có một lần,

một người sau những cú đấm đó đã bị ngất đi một lúc sau mới tỉnh lại . Nhiều người bị ốm nhưng không một ai dám nói ra bởi vì nếu có ai làm ra vẻ bị ốm trước bác sĩ thì sẽ bị trả thù bằng mọi cách và sẽ bị đối xử tàn ác hơn trước. Những sự trừng phạt này thật là bạo ngược.

Vì vậy nạn nhân của những sự bất công được liệt kê trên đây , những người lính mà tôi đã nói đến càng thêm mưu toan giết Ngài Thanh tra . Binh lính người Thổ và người Nùng đã viết cho bạn bè của họ , những người đã vài lần tụ tập nhau ở thị xã nhằm mục đích ám sát Ngài Thanh tra .

Vì thế , thưa Ngài Thống sứ , tôi đề nghị rằng tất cả lính của Đội gác bản xứ phải được chuyển sang một tỉnh khác . Nếu không , tôi sợ rằng họ ,vì phẫn nộ thêm, một ngày nào đó sẽ tiến hành những hành động xấu và sẽ dẫn đến kết quả làm rối loạn trong tỉnh .

Tôi biết những sự kiện bí mật của việc này đã lâu : Tôi muốn viết cho Ngài từ rất sớm nhưng Bưu điện Thái Nguyên lại do một người bản xứ phụ trách . Các Ngài Công sứ và Thanh tra đã ra lệnh cho ông ta phải ngay lập tức chuyển cho họ tất cả thư từ của dân chúng và của tù nhân , và tất cả thư từ gửi cho Ngài Thống sứ . Vì lý do đó mà tôi đã bị chậm trễ khi gửi bức thư này .

Kính xin Ngài hãy phái một viên chức cao cấp tới Thái Nguyên để điều tra sự việc trên . Điều đó sẽ làm cho những người dưới quyền Ngài vô cùng biết ơn Ngài".

Trước kết luận của các đơn kiện về nguyên nhân dẫn đến cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên và trước những bằng chứng về " sự báo trước " của hai bức thư trên , chính quyền thuộc địa đã biện hộ như thế nào ? Điều đó được thể hiện rất rõ trong phần 2 của hồ sơ 70.504 - báo cáo của ông MOREL REVOL.

II- Bản báo cáo của ông MOREL REVOL là bản gốc , có chữ ký của tác giả , được vào sổ công văn đến của Hội đồng Tối tụng Đông Dương ngày 22.12.1919 , số 1557 , gồm 20 trang đánh máy và 4 trang các văn bản đi kèm gồm:

- Bản dịch tiếng Pháp hai bức thư đã được nêu ở phần trên.

- Trích báo " L'Avenir du Tonkin " số 6148 , Chủ nhật ngày 6.8.1916 , trang 2 , về vụ 2 tù nhân đã bỏ trốn sau khi giết chết tên chỉ huy Pháp Ruffier có nhiệm vụ áp tải tù nhân trên đường từ Thái Nguyên đến Chợ Chu .

- Trích báo " L'Avenir du Tonkin " số 6149 Thứ hai ngày 7 và Thứ ba ngày 8.8.1916 , trang 2 , về các tin tức bổ sung cho vụ 2 tù nhân bỏ trốn trên đường từ Thái Nguyên về Chợ Chu ..

Trong báo cáo của mình , sau khi nhắc lại những nguyên nhân dẫn đến cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên do ông Bépoix nêu ra được dẫn chứng trong tờ trình của luật sư bào chữa Louis GUEYFFIER , ông Morel viết :"*Vấn đề được đưa ra tranh luận nhiều nhất là xem sự kiện Thái Nguyên có phải là một trường hợp bất khả kháng hay không , và chúng tôi thấy cần thiết phải xác định trước tiên những cái mà ngày*

nay người ta coi là "trường hợp bất khả kháng " (un cas de force majeure), *một trường hợp ngẫu nhiên về pháp luật* " Tiếp đó , ông Morel đưa ra những định nghĩa về "trường hợp bất khả kháng " và "trường hợp ngẫu nhiên " ; phân biệt hai loại của " trường hợp ngẫu nhiên " và trích dẫn hàng loạt các điều khoản của các quyết định của Hội đồng Tố tụng , Hội đồng Nhà nước từ những năm 1880 cho đến năm 1919 để chứng minh rằng cuộc khởi nghiã Thái Nguyên là một sự kiện "*có tính chất của một trường hợp bất khả kháng đặc biệt*" (le caractère de force majeure extraordinaire - trang 6). Dựa vào đó , ông Morel hầu như bác bỏ hoàn toàn những nguyên nhân dẫn đến cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên do ông Bépoix đã nêu ra .

*Về nguyên nhân thứ nhất (đã được nêu trong phần I): Ông Morel cho rằng Chính quyền Pháp (ở Thái Nguyên) không có trách nhiệm đối với các hành vi có tính chất cá nhân của các công chức bởi vì " *những hành vi này không có một tính chất hành chính nào và nó không thuộc phạm vi xét xử của Hội đồng Tố tụng* " (trang 12)

*Về nguyên nhân thứ hai (cũng được nêu trong phần I) : Ông Morel viết :

" *Các ông thành viên của Hội đồng Tố tụng trước tiên cần phải lưu ý rằng người khiếu nại* (tức ông Bépoix) *đã không hề mang lại một sự việc chính xác nào mà chỉ đưa ra những khẳng định không có căn cứ nên chúng ta chỉ có thể*

dừng lại ở cái chung nhất " (trang 12). Ông Morel đã dành 3 trang giấy để cố chứng minh rằng lính gác người bản xứ không hề bị làm việc quá sức mà chỉ làm những công việc trong khuôn khổ của sắc lệnh ngày 30.6.1915 quy định .

*Về nguyên nhân thứ ba , có lẽ là nguyên nhân làm cho ông Morel không hài lòng nhất vì nó chỉ trích một cách trực tiếp đến sự vô trách nhiệm của chính quyền thuộc địa mà bằng chứng là hai bức thư đã được nêu ở phần I . Ông Morel viết :

" *Chúng tôi đã bày tỏ ý kiến của mình ở phần đầu bản báo cáo này về "những sự báo trước" mà ông Bépoix muốn chỉ ra trong hai bức thư kể trên . Ở đây chúng tôi muốn nói thêm rằng Phủ Thống sứ có quyền không quan tâm đến hai bức thư đó vì chúng đề cập tới những sự phàn nàn nặc danh.*

Thực tế là các điều khoản của Luật hình sự (điều 31 và điều 65) yêu cầu tất cả các đơn khiếu nại đều phải có chữ ký .

Mặt khác , Luật Tố tụng hình sự An nam (điều 8) cũng chỉ rõ rằng tất cả các đơn khiếu nại đều phải được trình bày rõ ràng tên, họ ,tuổi, nghề nghiệp, nơi sinh, chỗ ở của người làm đơn". (trang 16)

Tiếp đó , ông Morel trích dẫn Nội quy của Đội lính gác bản xứ trong đó có điều quy định rằng : *"Dưới bất cứ lý do nào , nhân viên của Đội lính gác bản xứ đều chỉ có thể gửi yêu cầu hoặc đơn khiếu nại đến Ngài Thống sứ thông qua cấp chỉ đạo trực tiếp".* Với những lý do nêu trên , ông Morel cho rằng : *"Hai bức thư kể trên đã gửi thẳng tới Toàn*

quyền Đông Dương không những là những lá thư nặc danh mà còn là những lá thư giả dối vì tác giả của nó đã mượn những cảm tưởng và tình cảm của mình và của đồng đội để viết những dòng như sau..." (2). Để bênh vực ông Nô-en và ông Darles, ông Morel viết *:"Trên thực tế chúng ta cần lưu ý rằng không có một điều gì có thể trách Ngài Công sứ trong thư khiếu nại này khi mà tác giả của nó cố tình lan truyền về những hành vi tàn nhẫn mà ông Thanh tra Nô-en đã mắc phải.*

Ngài Công sứ Darles đã tuân thủ Nội quy của Đội lính gác bản xứ quy định rằng tất cả các đơn khiếu nại đều phải thông qua cấp chỉ đạo trực tiếp, đến lượt mình, Ngài Công sứ đã chuyển tài liệu này cho ôngNô-enđể cho phép ông ta biết và đề phòng chống lại những sự đe doạ". Ông Morel kết luận *:"Toà Thống sứ Bắc Kỳ cũng như Ngài Công sứ Pháp ở Thái Nguyên đã chỉ thực hiện những cái mà những nghị định và những quy định đặt ra cho họ; họ đã thực hiện một cách hợp pháp".* (trang17)

Cũng để bác bỏ *"những sự báo trước mà không được Chính quyền chú ý tới"* (được ông Bépoix nêu trong đơn khiếu nại của mình), ông Morel đổ lỗi cho binh lính Thái Nguyên , cho sự bất ngờ của cuộc khởi nghĩa. Phủ Toàn quyền Pháp ở Đông Dương (mà ông Morel là đại diện) không thể nào hiểu nổi tại sao *"binh lính của đội quân người bản xứ luôn luôn tỏ ra là một đội quân có kỷ luật*

tuyệt vời, trong đó có những người mà một năm trước đã từng được báo chí Pháp ca ngợi về lòng trung thành " nay bỗng nhiên :

" nổi loạn ,
giết chỉ huy của mình
giương cờ mang dòng chữ "Nam Binh Phục Quốc"
tung ra những lời kêu gọi chống Pháp,
giải phóng và trang bị vũ khí cho 210 tù nhân,
cướp đi 364 khẩu súng trường và 62 000 viên đạn,
tiếp đó chiếm thành phố và các vùng lân cận trong nhiều ngày,
mở rộng các hoạt động quân sự trên địa bàn sáu tỉnh,
giữ vững vùng nông thôn trong vòng sáu tháng,
tự vệ đồn luỹ một cách khéo léo , luôn luôn tập trung được một lực lượng gồm 36 sĩ quan, 153 hạ sĩ quan và 2523 lính chính quy, và 300 lính gác bản xứ, dưới sự chỉ huy của một viên đội ...". (trang 8)

Như vậy là, dù thừa nhận hay bác bỏ những nguyên nhân gây nên cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên do ông Bépoix nêu ra, ông Morel vẫn phải công nhận rằng cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên là một hiện thực mà diễn biến của nó còn được ông tường trình lại một cách khá chi tiết trong các trang 10, 11 và 12 của bản báo cáo:

" Cuộc nổi loạn nổ ra trong đêm 30 rạng ngày 31.8.1917 ở Thái Nguyên là sự nghiệp của ba viên đội khố xanh người An nam là Trịnh Văn Cấn số lính 71, Dương Văn Giá số

lính 697, Phạm Văn Trường số lính 788 và một viên cai người An nam là Dương Đình Xuyên số lính 789, chúng đã cấu kết với hai tên lính tập trong doanh trại là tên Nông Văn Châm số lính 1135 và tên Ba số lính 1306, và tên đầu sỏ của một băng mang tên " Đề Thám " trong nhà giam tên là Ba Chi, Lương Ngọc Quyến tức Ba Quyến (con rể của Cu- Can), Nguyễn Gia Câu và Ba Nho, những tên nổi loạn rõ ràng và 9 tên tù chính trị khác trong đó có 13 tên bị kết án đi đầy, 2 tên bị kết án khổ sai chung thân và 3 tên bị kết án 20 năm tù khổ sai.

Sau khi tên quản Do Duc Hoan số lính 1273 và tên đội trực tuần Nguyên Van Hanh số lính 1337 mới từ Hà Nội về giết chết và bêu đầu viên Thanh tra Nô-en ở ngoài cửa, ba viên đội (Cấn, Giá và Trường) *đã tập hợp bọn lính tập trong doảnh trại lại, tuyên bố rằng binh lính cần phải đi cùng với chúng theo sự chinh phục của Triều đình An nam và xử bắn ngay 7 hoặc 8 người kiên quyết không theo chúng. Bị khiếp sợ vì tấm gương đó, những người lính mà được người ta thông báo thêm rằng cuộc nổi loạn đã chiếm lĩnh được nhiều tỉnh, đã tuân theo lệnh của ba viên đội này và đã được chia làm nhiều phân đội chịu trách nhiệm đốt các phòng làm việc của Toà sứ, cắt đứt đường dây liên lạc bằng điện thoại, cướp nhà tù, và chiếm rất nhiều vọng gác xung quanh thành phố. Quân phiến loạn, sau khi đã ám sát viên giám thị của cơ quan Công chính là ông Omenetto, giết chết viên gác trưởng Loew và vợ của ông ta, dưới sự chỉ huy của*

đội Giá đã chiếm nhà tù, nơi các tù nhân đã nổi loạn và là nơi mà người ta đã trang bị vũ khí cho họ.

Đội Cấn đã chỉ huy 140 lính và 210 tù nhân có vũ khí:
92 súng trường ngắn Lebel kiểu 1892,
75 súng trường to kiểu 1874,
197 súng các bin to kiểu 1874,
1 súng lục Lebel kiểu 1892,
16 kiếm lưỡi lê súng trường 1892,
25.605 viên đạn súng trường Lebel,
36.570 viên đạn súng trường và súng các bin to, không kể súng trường và đạn súng săn lấy cắp được sau đó ở các nhà riêng.

Đó là quân số và vũ khí cao cấp của những tên trong hai toán lính bản xứ Bắc Kỳ.

Sau khi trang bị quần áo mới lấy từ kho của Đội lính gác bản xứ cho những người này, Đội Cấn đã bao vây Phòng thu thuế và chặn 4 lính gác người Âu ở tầng một, phá két bạc và tầng hầm, cướp đi 71.679 đồng. Tiếp đó bọn phiến loạn đã cướp phá Toà Công sứ, Sở Thuế quan và sau đó là Bưu điện, nơi chúng cướp đi 501 đồng và có thể cả các biên lai thu thuế nữa? Tất cả những cái đó đã xảy ra trong ngày 31 tháng Tám và ngày mùng 1 tháng Chín.

Đúng lúc phải kiểm tra xem thái độ của những người có quyền như thế nào trong khoảng thời gian này.

Ông Giám đốc Bưu điện được một người đưa thư bản xứ của Bưu điện Thái Nguyên báo lúc 1 giờ 35 phút sáng ngày

31.8 rằng Bưu điện đã bị 5 người lính tấn công, họ nói rằng những người theo chủ nghĩa cải lương ra lệnh cho ông ta phải cắt đứt đường giây liên lạc bằng điện thoại và đã mang đi 2 máy điện báo. Ông Giám đốc lập tức báo cáo lên Ngài Thống sứ ; cùng giờ đó, Ngài Tổng Tư lệnh tối cao đã nhận được báo cáo bằng điện thoại của Ngài Phó Tư lệnh ở Thái Nguyên rằng Đội lính gác bản xứ và 250 tù nhân đã nổi loạn.

Vào lúc 4 giờ sáng, tất cả các Công sứ của các tỉnh sát biên giới và ở Thái nguyên đã được báo động và được mời đi kiểm tra đường xá, triệu tập các thành viên, gửi các phái viên mật và tiến hành các biện pháp phòng ngừa cần thiết ; Ngài Thống sứ Bắc Kỳ, để đảm bảo cho các công việc quan trọng tiếp theo, đã cùng Ngài Tổng Tư lệnh tối cao lên đường đi Thái Nguyên sớm, nơi mà Ngài Công sứ Thái Nguyên đã tới trước và đã lập một trại ở Gia Sàng cách thành phố 2 cây số.

Chúng tôi cho rằng không cần thiết phải liệt kê ra đây những cuộc chiến đấu đã xảy ra cho đến tận ngày 20 tháng Một năm 1918 trong các tỉnh Thái Nguyên, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bắc Giang, Hưng Yên và Hà Nam".

Trước khi kết thúc bài viết , chúng tôi muốn lướt qua phần III của hồ sơ 70.504 vì nó có một nét thú vị riêng mà phần II của hồ sơ này đã lược bỏ. Đó là phần thống kê quân số của các lực lượng tham gia chiến đấu, số người bị giết, số

người bị thương cũng như số lượng đạn đã được sử dụng trong các trận chiến đấu (về phía Pháp) được đề cập một cách chi tiết trong bản thảo (trang 18-19) nhưng không hiểu vì lý do gì mà không được ông Morel đưa vào báo cáo chính thức của mình :

" Sĩ quan, hạ sĩ quan và binh lính đã tham gia vào các trận chiến đấu khác nhau chống lại những kẻ nổi loạn ở Thái Nguyên từ ngày 31 tháng Tám năm 1917 đến ngày 16 tháng Một năm 1918:

Sĩ quan: 36
Hạ sĩ quan người Âu124
Binh lính người Âu 926
Hạ sĩ quan người bản xứ: 29
Binh lính người bản xứ: 1597

khoảng hơn 300 đội, bếp, và lính của Đội lính gác bản xứ và 839 thân binh .

Hạ sĩ quan, binh lính người Âu và binh lính bản xứ bị giết và bị thương:

Nơi chiến đấu	Tỉnh	Ngày	Người Âu		Người bản xứ	
		1917	Bị giết	Bị thương	Bị giết	Bị thương
Thái Nguyên	Thái Nguyên	4-9 1	10+1(3)	8	7	8
Hương Son	Thái Nguyên	8-9			1	
Huong Sa ha	Vĩnh Yên	19-9	3	4	5	4
Trung Thôn	Vĩnh Yên	22-9	1	4		
Thuong Lê	Vĩnh Yên	24-9	1	5	1	7
Nôi Dong	Vĩnh Yên	26-9	1	5	3	
Xuân Phat	Vĩnh Yên	30-9	3	1	1	4
Deo Nứa	Thái Nguyên	6-10	5	4	5	17
Coc Thon	Hà Nam	6-10	1	3	1	1
Lai Son	Thái Nguyên	14-10	2	6	1	5
Xuan Bang	Thái Nguyên	15-10		1		
Xom Doi	Thái Nguyên	15-10	7	7	1	8
Cau Da	Thái Nguyên	6-11				1
Hoa Lam	Bắc Giang	26-11				2
Kem Bang	Thái Nguyên	14-12		1		
Nui Pháo	Thái Nguyên	21-12		4	1	3

Tổng cộng: 62 người bị giết

113 người bị thương

Septembre à 6 kilomètres au Sud à Kuon-Chu, [illegible] Kan. L'autorité militaire décida de les faire [illegible] livre Nord par une reconnaissance guidée par [illegible] partisans commandée par un lieutenant, pendant qu'une deuxième reconnaissance commandée par un capitaine les prendrait par le Sud venant de Ben-Dong.

Avant que ces officiers n'aient eu le temps de remplir leur mission gênée par la pluie et le débordement des arroyos, les mutins abandonnèrent Kuon-Chu et se dirigèrent vers le Sud, escaladèrent le Tam-Dao (10 Septembre) et passèrent ainsi dans la province de Vinh-Yên où ils se retranchèrent au village de Xa-Hung.

Nous croyons inutile de faire ici le récit des faits de guerre qui suivirent et qui se déroulèrent jusqu'au 30 Janvier 1918 dans les provinces de Vinh-Yên, Phuc-Yên, Bac-Giang, Hung-Yên et Hanam. Il nous suffira pour achever d'établir que cette campagne eut jusqu'au bout un degré de violence particulier, de citer l'effectif des troupes engagées, les chiffres des tués et des blessés dans les différents combats ainsi que les quantités de munitions consommées.

Officiers, sous officiers et soldats ayant pris part aux diverses opérations menées contre les rebelles de Thaingnyên du 31 Août 1917 au 16 janvier 1918.

Officiers	Sous off. européens	Soldats européens	Sous off. indigènes	Soldats indigènes.
	124	92[illegible]	29	1597

plus environ 300 [illegible] de la Grande indigène et partisans.

T. S. V. P.

TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA I
BẢN SAO

Sous officiers et soldats européens et indigènes tués et blessés.

Lieu du combat	Province	Date 1917	Européens Tués	Européens Blessés	Indigènes Tués	Indigènes Blessés
Thaingnyên	Thaingnyên	4 sept.	10 + 1 inspecteur de la C.I.	8	7	8
Huongson	Thaingnyên	8 sept.		1		
[illegible]ongsaha	Vinh yên	19 sept.	3	4	5	4
[illegible]ngthon	Vinh yên	22 sept.	1	4		
Thuyng lê	Vinh yên	24 sept.	1	5	1	7
Voi Dong	Vinh yên	26 sept.		1	5	3
[illegible] Phat	Vinh yên	30 sept.	3	1	1	4
[illegible] Nua	Thaingnyên	6 oct.	5	4	5	17
[illegible] Thon	Hanam	6 oct.	1	3	1	1
[illegible]	Thaingnyên	14 oct.	2	6	1	5
[illegible]mbang	Thaingnyên	15 oct.		1		
Xóm Doi	Thaingnyên	15 oct.	7	7	1	8
[illegible] Da	Thaingnyên	6 nov.				1
[illegible]	Bacgiang	26 nov.				2
[illegible] Bang	Thaingnyên	14 déc.		1		
[illegible] Phao	Thaingnyên	21 déc.		4	1	3

Total { 62 tués / 113 blessés

Nombre de pièces d'artillerie et de mitrailleuses employées au cours desdits événements et nombre de coups de feu tirés par les pièces.

6 pièces de 73 de montagne . . . . . 397 coups de feu.
2 [illegible] de montagne . . . . . 96 "
1[illegible] . . . . . 60.028 "

[illegible] et de grenades tirées par les troupes au cours desdits événements.

[illegible] { Modèle 1886/M en chargeurs . . . 111.431
Modèle 1886/D en chargeurs 15.002
Modèle 1886/D en paquets . . . 34.994

[illegible]nades C.F. 1.377
Obus à fusil Vieux Bessières 1.389.

TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA I
BẢN SAO

Số lượng pháo và súng máy được sử dụng trong các trận chiến đấu và số lượng phát súng đã bắn:

- 6 khẩu pháo 80 ly: bắn 397 phát

-2 khẩu pháo 75 ly: bắn 96 phát

-14 khẩu súng máy: bắn 60.028 loạt

Số lượng đạn và lựu đạn đã sử dụng trong các trận chiến đấu:

- Đạn kiểu 1886/M: 111.431 viên

- Đạn kiểu 1886/D: 15.002 viên

- Đạn kiểu 1886/D: 34.994 băng

- Lựu đạn C.F : 378 quả

- Đạn súng trường cỡ lớn kiểu Vivien Bessières : 1.389 viên "

Trên đây là tất cả những chi tiết có liên quan trực tiếp đến cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên thuộc hồ sơ 70.504 mà chúng tôi muốn giới thiệu. Ngoài hồ sơ 70.504 ra, ở Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I còn có một vài hồ sơ đáng chú ý nữa, phản ánh nhiều khía cạnh khác của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên. Rất có thể qua các hồ sơ này, người ta sẽ có thêm những nhận định mới về cuộc khởi nghĩa của anh em binh lính ở Thái Nguyên năm 1917 vốn đã được đánh giá rất cao. Công việc nghiên cứu này dành cho các nhà sử học...

Hà Nội, tháng 3 năm 1997.

Chú thích :

(1) Convention relative aux Services d' Archives relevant, en ce qui concerne le Vietnam, de la Direction des Archives et Bibliothèques.

(2) Đoạn trích đã có trong nội dung của hai bức thư đã nêu trên

(3) 10 người Âu bị giết trong đó cộng thêm 1 là viên Thanh tra Nô-en

PHẦN THỨ HAI

KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN SỐNG MÃI

PHẦN THỨ HAI

KHỔI NGHĨA THÁI NGUYÊN SÔNG MÃI

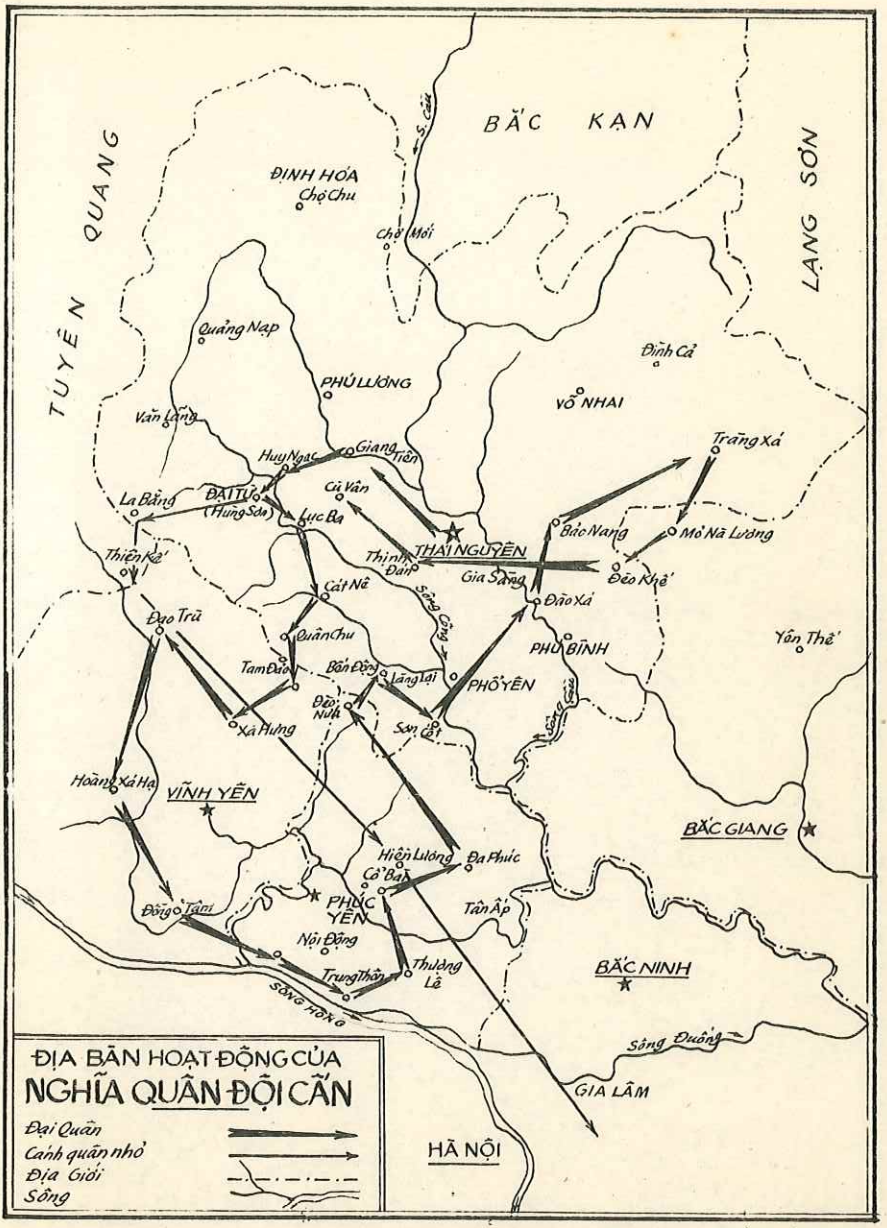

Do Giáo sư - Nhà giáo nhân dân Đinh Xuân Lâm cấp

Do Giáo sư - Nhà giáo nhân dân Đinh Xuân Lâm cấp

CUỘC KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN (1917) VỚI PHONG TRÀO CHÂU Á THỨC TỈNH

PTS PHẠM QUANG TRUNG

Trưởng Ban LSCĐ, Viện Sử Học

Tám mươi năm đã qua kể từ khi cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên bùng nổ và bị thực dân đế quốc Pháp đàn áp, dìm trong bể máu. Thời gian - với những quy luật nghiệt ngã của nó - không những không làm phai nhạt đi mà càng làm cho mỗi người Việt Nam chúng ta, những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước càng nhận thức sâu sắc hơn tầm vóc lịch sử và những bài học còn nóng hổi của cuộc khởi nghĩa này.

Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 diễn ra vào lúc cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918) đang ở vào thời điểm ác liệt nhất và đi đến kết thúc là một trong

những sự kiện lớn, có ảnh hưởng sâu sắc trên phạm vi toàn quốc và có tiếng vang trên thế giới. Nhiều vấn đề đặt ra của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên vẫn còn cần được tiếp tục nghiên cứu thêm một cách khoa học, công phu. Trong luận văn ngắn này, chúng tôi xin góp thêm một vài ý kiến xung quanh vị trí, vai trò của cuộc khởi nghĩa với phong trào Châu Á thức tỉnh.

1.Như chúng ta đều biết, từ sau cuộc cách mạng Nga 1905, "*cuộc cách mạng dân chủ đã lôi cuốn toàn thể Châu Á*"[1]. Lúc này, ở các nước Châu Á, các thế lực thực dân đã căn bản hoàn thành giai đoạn "chinh phục và bình định" và bước vào thời kỳ khai thác, bóc lột trên quy mô lớn; mâu thuẫn giữa các dân tộc bị nô dịch Châu Á với thực dân xâm lược càng trở nên sâu sắc, quyết liệt; cũng lúc này, trong khi ở phương Tây, chủ nghĩa tư bản đã bước sang thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, giai cấp tư sản đã mất dần vai trò tiến bộ, trở thành phản động, thì tại các thuộc địa Châu Á, giai cấp tư sản vẫn còn đang phát triển, nhất là tại Trung Quốc, Ấn Độ... Đây là tiền đề làm cho cơ cấu kinh tế-xã hội ở các nước Châu Á biến chuyển quan trọng; những lực lượng xã hội mới nảy sinh và bước lên vũ đài chính trị. Giai cấp tư sản ở các nước thuộc địa Châu Á bị chèn ép, ngăn cản vẫn còn đi với đông đảo quần chúng chống lại các thế lực đế quốc xâm lược và các thế lực phong kiến lạc hậu, phản

[1]Lê Nin : *Châu Á thức tỉnh*, Toàn tập, T.23, NXB Tiến Bộ, Mátxcơva, tr.186-188.

động, còn giai cấp vô sản vẫn chưa trưởng thành, chưa trở thành một lực lượng chính trị độc lập. Chính vì thế tại hầu hết các nước Châu Á, phong trào dân tộc, dân chủ lúc đó đều được đặt dưới ngọn cờ của cách mạng tư sản.

Trên phạm vi thế giới, từ sau cuộc cách mạng Nga 1905, thực tế lịch sử cho thấy có cả một cao trào đấu tranh quyết liệt bùng lên mạnh mẽ của nhân dân các dân tộc Châu Á. Cuộc cách mạng Iran (1905-1911) với hai cao trào 1905-1907 và 1908-1911 đã tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân vào cuộc đấu tranh, đứng lên lật đổ chính quyền phản động, tổ chức lấy Quốc hội, thành lập các tổ chức cách mạng, quân đội... Mặc dù cuối cùng đã đi đến thất bại, phong trào đã giáng một đòn mạnh mẽ vào thực dân xâm lược và chế độ quân chủ phong kiến, làm thức tỉnh ý thức chính trị trong quảng đại quần chúng. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Ấn Độ đầu thế kỷ XX với cuộc vận động cách mạng của đảng Quốc Đại đã làm nổi bật lên tinh thần yêu nước, ý chí chống xâm lược của nhân dân. Với khẩu hiệu "*Đất đai của mình, Nền tự trị của mình*", nhân dân Ấn độ đã kiên trì, dũng cảm chống thực dân Anh. Mặc dù bị đàn áp và khủng bố gắt gao, phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ vẫn âm ỉ và ngày một phát triển sâu rộng... Tại Trung Quốc cổ kính, sau những thất bại của phong trào nông dân Thái bình Thiên quốc, phong trào Duy Tân và phong trào Nghĩa Hoà Đoàn, cơn bão táp cách mạng của cuộc cách mạng Tân Hợi

bắt đầu từ cuộc khởi nghĩa Vũ Xương (10.10.1911) đã nhanh chóng lan rộng, làm tan rã đế quốc Mãn Thanh; chính phủ Nam Kinh thành lập, buộc vua Mãn Thanh phải thoái vị... Cách mạng Tân Hợi đã chấm dứt nền thống trị của chế độ quân chủ phong kiến hàng ngàn năm ở Trung Quốc; hàng triệu quần chúng nhân dân Trung Quốc đã thấm sâu tư tưởng dân chủ, cộng hoà, báo hiệu một cao trào cách mạng mới sẽ bùng lên mạnh mẽ. Tại các nước Indonexia, Apganistan, Philippin, Malaixia ... phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân cũng có những bước phát triển mới...

Châu Á đã thức tỉnh, các quốc gia dân tộc Châu Á đã trở thành "*nơi phát sinh những nguồn bão táp lớn và mới của thế giới ... Chính hiện nay chúng ta đang sống trong thời đại xảy ra những cơn bão táp ấy và những cơn bão táp ấy đang dội ngược lại vào Châu Âu* "[2]. Tuy nhiên, do những đặc điểm lịch sử quy định, phong trào của các dân tộc thuộc địa Châu Á đầu thế kỷ XX mới là bước chuyển mình từ cuộc đấu tranh mang ý thức hệ phong kiến sang ý thức hệ tư sản. Nhìn chung, tất cả các phong trào đều nhằm vào mục đích chống đế quốc xâm lược, chống chế độ phong kiến; "chủ nghĩa dân tộc" và "chủ nghĩa dân chủ" trở thành ngọn cờ của mọi phong trào. Chính nhờ hai ngọn cờ này, phong trào cách mạng ở các nước đã tập hợp được đông đảo lực lượng các tầng lớp nhân dân lao động bị áp bức, nô

[2]Lê-Nin : *Vận mệnh lịch sử của học thuyết Mác*. Lênin Tuyển tập, Quyển I, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1959, tr.68.

dịch. Nhưng trong quá trình cách mạng, giai cấp tư sản ở các nước luôn biểu hiện tính hai mặt. Việc dừng lại ở giờ phút quyết định của cuộc cách mạng của giai cấp tư sản Ấn Độ; thái độ do dự, thoả hiệp của giai cấp tư sản Trung Quốc; chính sách đầu hàng của giai cấp tư sản Philippine...khiến cho các phong trào đều có một hạn chế là không thể đi đến thắng lợi. Giai cấp tư sản dân tộc ở các nước Châu Á thuộc địa lúc này không thể giải phóng được cho nông dân như giai cấp tư sản Tây Âu đã làm trước đó. Cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ ở tất cả các nước còn đang đặt trong chương trình nghị sự...

Từ rất sớm, V.I. Lênin đã đặc biệt quan tâm, theo dõi sát sao và nhiệt liệt cổ vũ các phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á đầu thế kỷ XX. Người đã viết một loạt bài về phong trào này và đưa ra khái niệm "*Châu Á thức tỉnh*"[3]. Theo

---

[3]Lênin Toàn tập, NXB Tiến Bộ, Mátxcơva, 1979-1981, [tiếng Việt] :
-Hai sách lược của Đảng Dân chủ-Xã hội trong cách mạng dân chủ, T.11, tr.1-168.
-Những chất dễ cháy trên trường chính trị thế giới, T.17, tr.221-222.
-Những sự biến ở vùng Ban Căng và ở Ba Tư, T.17, tr.268-281.
-Chủ nghĩa dân chủ và chủ nghĩa dân tuý ở Trung Quốc, T.21, tr.512-520.
-Một thắng lợi lớn của nước cộng hào nhân dân Trung Hoa, T.23, tr.35-36.
-Những người châu Âu văn minh và những người châu Á man rợ, T.23, tr.111-112.
-Cuộc đấu tranh giữa các Đảng ở Trung Quốc, T.23, tr.176-179.
-Châu Á thức tỉnh, T.23, tr.186-188.
-Châu Âu lạc hậu và châu Á tiền tiến, T.23, tr.213-215.
-Đề cương về vấn đề dân tộc, T.23, tr.395-406.
-Về quyền dân tộc tự quyết,T.25, tr.299-376.
-Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản (khái luận phổ thông), T.27, tr.383-541.
-Bàn về cuốn sách nhỏ của I-u-ni-út, T.30, tr.1-20.

Lênin, đó là một phong trào cách mạng làm cho "*hàng trăm triệu người đã thức tỉnh hướng về cuộc sống, về ánh sáng, về tự do*"[4], "*hàng triệu nhân dân bị áp bức bóc lột, chìm đắm trong trạng thái đình đốn thời trung cổ đã tỉnh dậy, đòi hỏi một cuộc đời mới, đấu tranh để giành quyền lợi căn bản nhất của con người, giành lại quyền tự do dân chủ*"[5].

Trong khi tổng kết, khái quát những kinh nghiệm của phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Châu Á, phong trào Châu Á thức tỉnh, Lênin đã đưa ra những luận điểm nổi tiếng về phong trào giải phóng dân tộc; Người chỉ rõ chiến tranh dân tộc và khởi nghĩa dân tộc :"*Đó là một cuộc khởi nghĩa nhằm thiết lập quyền độc lập chính trị của một dân tộc bị áp bức, nghĩa là nhằm tạo ra một quốc gia dân tộc riêng của mình*"[6]. Theo Lênin, trong thời đại đế quốc chủ nghĩa,"*những cuộc chiến tranh dân tộc chống những cường quốc đế quốc chủ nghĩa không phải chỉ có thể xảy ra và có khả năng xảy ra, mà còn là không thể tránh được, và có tính chất tiến bộ, cách mạng (PQT nhấn mạnh)* "[7]. Một Châu Á như thế sẽ đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng chung của nhân dân tiến bộ trên toàn thế

-*Sơ thảo đầu tiên về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*, T.41, tr.197-206.
-v.v...

[4]Lênin Toàn tập, T.23, NXB Tiến Bộ, Mátxcơva, 1980, tr.214.

[5]Lê Nin : *Châu Á thức tỉnh*, Toàn tập, T.23, NXB Tiến Bộ, Mátxcơva, tr.186-188.

[6]Lênin : *Bàn về một sự phóng hoạ xuyên tạc chủ nghĩa Mác và về chủ nghĩa kinh tế đế quốc* , Toàn tập, T.23, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1963, tr.77.

[7]Lênin : *Bàn về cuốn sách nhỏ của I-u-ni-út* , Toàn tập, T.22, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1963, tr.385.

giới và chuẩn bị tốt những điều kiện để tiếp thu những ảnh hưởng mạnh mẽ của cuộc cách mạng Tháng Mười.

Ở Việt Nam, sau những thất bại của Phong trào Cần Vương, những trào lưu tư tưởng mới với hai xu hướng xen kẽ đầu thế kỷ xuất hiện đã đánh dấu bước phát triển mới của phong trào đấu tranh, mở đầu cho một giai đoạn mới, giai đoạn đấu tranh hết sức quyết liệt với nhiều hình thức, tổ chức khác nhau. Cả một loạt những tổ chức, phong trào đấu tranh, yêu nước và cách mạng dâng lên mạnh mẽ : Phong trào Đông Du (1904-1908); Phong trào Duy Tân (1906-1908); phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục (1907); phong trào chống đi phu, chống sưu thuế Trung Kỳ (1908); những hoạt động sôi nổi của tổ chức Việt Nam Quang phục Hội, Hội Kín Nam Kỳ với những sự kiện đánh vào các đồn binh lẻ của Pháp, vụ mưu khởi nghĩa ở kinh thành Huế, phá khám lớn Sài Gòn và đặc biệt là cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã chứng tỏ dân tộc ta, với truyền thống đấu tranh bất khuất, đã luôn tiến kịp thời đại, đưa cách mạng nước ta gia nhập vào *Phong trào Châu Á thức tỉnh*, một phong trào đấu tranh hết sức sôi động, thể hiện sự phát triển mới về chất của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Á.

2. Nghiên cứu về cuộc khởi nghĩa Thái nguyên năm 1917 có người cho rằng đây là một cuộc binh biến, một cuộc khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên. Ở đây chúng tôi không có tham vọng đi sâu vào toàn bộ những khía cạnh liên quan đến tính chất của cuộc khởi nghĩa. Tuy

nhiên, những cứ liệu lịch sử có được cho đến nay cho thấy cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên không chỉ đơn giản là một cuộc binh biến thuần tuý. Trái lại, có cơ sở để nhận định rằng khởi nghĩa Thái Nguyên là một trong những thành tựu lớn nhất của tổ chức cách mạng Việt Nam Quang Phục Hội (VNQPH), một tổ chức tiêu biểu trong *Phong trào Châu Á thức tỉnh* tại Việt Nam.

Tại hồ sơ xếp trong tập báo cáo của cơ quan mật thám Pháp có nhan đề *Những phiến động chống Pháp tại Đông Dương* (L'Agitation antifrancaise en Indochine)[8], viên Chánh mật thám Bắc Kỳ trong khi tường trình về cuộc âm mưu khởi nghĩa của Tổng Chế, tức Khuất Văn Bức[9], đã cho biết :"*Cuộc tấn công Phú Thọ đêm 6 tháng giêng 1915 không chỉ là một mưu toan đơn giản của kẻ cướp, một hành động đơn độc cướp phá của một vài kẻ quấy phá vì những miếng mồi hám lợi. Trái lại, cuộc tấn công này là sự thực hiện một kế hoạch chung theo một chương trình xa hơn : trong cùng một thời điểm người ta dự định sẽ đồng loạt tiến công các tỉnh lỵ Vĩnh Yên, Phúc Yên, Thái Nguyên* (PQT nhấn mạnh), *Sơn Tây, Hưng Hoá, Hoà Bình và Hà Đông. Chúng tôi nhận thấy trong sự kiện này có sự chỉ đạo của đảng cách mạng Việt Nam do Phan Bội Châu đứng đầu...*". Cũng trong bản tường trình này, Chánh mật thám Bắc Kỳ

---

[8]Trung tâm Lưu trữ Quốc gia các nước Pháp Hải ngoại (Aix-En Provence), Phông P.A, Hồ sơ số 13.

[9]Tham khảo bài viết của chúng tôi trên tờ NCLS, số 4.1995, tr. 70-72.

còn cho biết thêm sau cuộc khởi nghĩa Phú Thọ, từ tháng 5.1916 đến giữa năm 1917, có cả một cuộc vận động rất mạnh mẽ của tổ chức VNQPH tại nhiều tỉnh Bắc Kỳ, trong đó Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Bắc Giang - những địa bàn diễn ra cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên ngay sau đó - được coi là một trọng tâm quan trọng. Theo các quan chức mật thám Pháp, cuộc vận động này đã được VNQPH tập trung đặc biệt vào những nơi từng diễn ra phong trào Hoàng Hoa Thám trước đó.

Như vậy, ngoài những dữ liệu về sự tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa của Lương Ngọc Quyến - người phụ trách Ban Quân vụ của tổ chức VNQPH lúc đó đang bị giam giữ tại nhà lao Thái Nguyên -, ngoài những chứng cứ về quân kỳ, quân hiệu... của nghĩa quân và cuộc khởi nghĩa như chúng ta đã biết, những thông tin mà cơ quan mật thám Bắc Kỳ đưa ra trên đây, mặc dù chưa phải là cụ thể và chi tiết, cũng phần nào hé mở cho chúng ta thấy rõ hơn quá trình và những mối quan hệ giữa tổ chức VNQPH với cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917. Phải chăng do chính quyền thực dân đương thời đã cố gắng bưng bít mọi thông tin liên quan mà chúng ta chưa có những tư liệu có sức thuyết phục khẳng định vai trò của VNQPH đối với cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên ? Mặt khác, phải chăng cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên do VNQPH chủ trương nổ ra vào thời điểm lãnh tụ tinh thần của nó - Phan Bội Châu - ngay sau đó đã viết thư cho chính quyền thực dân bày tỏ chính kiến

về "Pháp Việt đề huề" cho nên vai trò của VNQPH trong cuộc khởi nghĩa tiêu biểu này chưa được giới nghiên cứu khẳng định một cách đúng mức ? Dù sao, như cố viện sĩ Trần Huy Liệu từng khẳng định, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên *"là cuộc khởi nghĩa lớn nhất, chiến đấu dẻo dai nhất trong thời kỳ đại chiến lần thứ nhất ở nước ta"*[10].

Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên, trong thực tế lịch sử, đã không chỉ làm chấn động toàn bộ hệ thống chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương mà còn có một tiếng vang rất lớn, làm ảnh hưởng, gây chia rẽ sâu sắc trong chính trường nước Pháp. Thực dân Pháp ở Đông Dương buộc phải quyết định dùng máy bay phối hợp với các lực lượng bộ binh và pháo binh hành quân cơ giới lên đàn áp cuộc khởi nghĩa (đây là lần đầu tiên trong lịch sử ở nước ta máy bay được đem ra phục vụ trực tiếp cho mục đích quân sự)[11]; có thể nói nhà cầm quyền Pháp lúc đó đã phải đưa ra những cố gắng cao nhất để đối phó với cuộc khởi nghĩa. Tại nước Pháp, mặc dù chính quyền thuộc địa Đông Dương tìm mọi cách che đậy sự thực, nhưng khởi nghĩa Thái nguyên vẫn trở thành một trong những vấn đề gây ra những tranh luận bất đồng sâu sắc. Chính phủ Pháp, mặc dù bị các lực lượng

---

[10]Trần Huy Liệu : *Năm thứ 40 cuộc Thái Nguyên khởi nghĩa*, tài liệu lưu trữ, Phông Trần Huy Liệu, Viện Sử Học.

[11]Từ ngày 25 đến 30 tháng 9 năm 1917, theo yêu cầu của Đại tá Maillard chỉ huy lực lượng Pháp đàn áp khởi nghĩa Thái Nguyên, thực dân Pháp quyết định sử dụng những chiếc máy bay quân sự đầu tiên tham gia hành quân truy quét nghĩa quân. Nhưng do có vấn đề kỹ thuật nên phải bỏ dở bay trở về căn cứ.

đối lập phê phán kịch liệt, vẫn buộc phải tiến hành những hành động phi pháp : cho phép hệ thống mật thám lén lút kiểm tra thư tín từ Đông Dương chuyển qua nhằm ngăn chặn thông tin về cuộc khởi nghĩa. Chỉ tính riêng tháng 10 năm 1917, ba cơ quan mật vụ tại Bordeaux, Marseile và Paris đã tiến hành mở kiểm tra 18.000 thư tín đến từ Đông Dương[12]. Mật thám Pháp phát hiện thấy có rất nhiều thư tín có nội dung đề cập đến khởi nghĩa Thái Nguyên và kêu gọi phát động một phong trào chống thực dân Pháp ở Đông Dương trong hàng ngũ binh lính người Việt đang đóng quân tại Pháp. Đáng chú ý có lá thư nặc danh của một trí thức gửi đi từ Hà Nội ngày 16 tháng 9 năm 1917 cho một nghị sĩ Pháp:

"Thưa Nghị sĩ,

Gia đình tôi sống tại ... , và tôi là cháu của Bác sĩ D, người nhiều năm là thành viên Hội đồng tại ... Chính với cương vị này tôi dùng quyền tự do của mình gửi đến ngài, không phải để cầu xin một ân huệ cho cá nhân mình mà là muốn làm sáng tỏ, bằng cương vị và trọng trách gián tiếp của ngài, nền cai trị của nước Pháp chúng ta qua hành động của chính quyền Pháp tại Đông Dương, những hành động đã trtực tiếp làm nảy sinh ra cuộc khởi nghĩa trầm trọng [Khởi nghĩa Thái Nguyên-PQT] ở Đông Dương.

[12]Trung tâm Lưu trữ Quốc gia các nước Pháp Hải ngoại (Aix-En Provence), Phông Slofom, serie 1, Hộp số 1.

Sự thực là, từ 4 năm nay, Ban lãnh đạo tỉnh Thái Nguyên được giao cho viên công sứ tên là Darles, một kẻ bất tài ngu dốt, ở Bắc Kỳ không ai không biết viên chức này là một kẻ chỉ biết dùng bạo lực, một kẻ theo lối xảo quyệt bạo tàn thời trung cổ, luôn đối sử với những kẻ bị cai trị bằng việc đánh lên thân thể họ những quả đấm và dùi cui; tôi nói những kẻ bị cai trị ở đây là những người An Nam, những người Âu thì không để cho hắn làm như vậy.

Để cho ngài có một ý niệm về tính thô bạo của viên công sứ này, tôi xin kể cho ngài một số sự kiện, những sự kiện hoàn toàn ngẫu nhiên, không cần phải lựa chọn trong nhiều sự kiện khác, đấy là những việc như sau : Một hôm Darles vừa bị ngài T..., một nhân viên người Âu trách mắng, không biết trút giận vào ai, công sứ Darles liền đi về phòng và dùng một cây thước bằng sắt đập liên tục cho đến khi nát hết hai ngón tay của một kẻ tội nghiệp, một thư ký người bản xứ, người hoàn toàn không có dính dáng gì đến nội vụ trên; vả lại ở xứ sở này, theo truyền thống, không có mọi sự trừng phạt nào như thế cả. Một ngày khác, trước mặt những người lính khác, công sứ Darles dùng roi ngựa đánh vào giữa mặt một viên đội người bản xứ. Một lần khác ông ta cho lấp đất đến tận cổ để chôn sống, cùng một lúc, mấy người lính vì những người này làm mất lòng ông ta và chỉ cho bới đất lên khi những người lính khốn khổ này gần chết (demi-mort). Cuối cùng, một lần công sứ Darles đi thăm công trường đang làm đường, đến đâu công sứ

cũng thẳng cánh quất roi lên đầu những con người tội nghiệp, những người bản xứ đang làm việc liên tục, không được nghỉ với đồng lương một hoặc hai xu mỗi ngày mà nếu nghỉ họ phải trả 15 xu một ngày tiền chuộc suất sưu. 6 người đã bị công sứ giáng cho những cái đá và hàng tá những kẻ khác bị công sứ nện túi bụi vào thân bằng cán xẻng, cán cuốc mà không hề có lý do chính đáng nào...

Vậy là những gì đương nhiên phải xảy ra đã xảy ra : cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Kết quả là thành phố Thái Nguyên bị thiêu trụi, 12 người Âu và gần 1000 người bản xứ (trong đó đa số là những người vô tội) bị giết[13]*, hơn 300.000 piastres tiêu tốn một cách vô lý. Đó là tôi chưa nói với ngài những hậu quả to lớn về tinh thần*[14]".

Đáng chú ý là lá thư trên đã được chuyển đến tay Albert Sarraut và nó đã được *Hội Nhân quyền và Pháp* cho công bố rộng rãi trong tờ tập san của Hội và được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc lúc đó đã sử dụng như một cứ liệu trong nhiều luận văn nổi tiếng của mình[15]. Với những tài liệu loại này, Hội Nhân quyền và Dân quyền Pháp đã mở một đợt đấu tranh tố cáo chính phủ cầm quyền lúc ấy đã làm ngơ trước mọi hành động dã man của chính quyền thực dân tại

---

[13] Thực ra con số này không chính sác, xin tham khảo thêm trong các bài trong sách.

[14] Trung tâm Lưu trữ Quốc gia các nước Pháp Hải ngoại (Aix-En Provence), Phông P.A, Hồ sơ số 13.

[15] Hồ Chí Minh toàn tập. Tập 1 : 1919-1924, Xuất bản lần thứ hai, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.48-50, 104-105, 152-153, 367-369, v.v...

Đông Dương. Tin tức về cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã thực sự làm chấn động dư luận nước Pháp.

Tại một tài liệu khác, Sở Kiểm soát lính tập và nhân công người Đông Dương (Service de Contrôle des tirailleurs et des travailleurs indochinois) có trụ sở tại Bordeaux, Marseile, Paris và Toulouse đã đánh giá:"*Tin tức về cuộc bạo loạn tai hại tại Thái Nguyên đang lan truyền không chỉ trong những kẻ đối lập, những quý ông vốn chống đối chính phủ lâu nay, mà những tin tức ấy đang gây nên một làn sóng bất bình trong bốn chục ngàn lính tập và nhân công bản xứ đang có mặt tại chính quốc. Tình hình đặc biệt nguy hiểm là nhiều binh lính người Việt mà chúng ta đưa sang đang có mặt tại mặt trận ở Đức cũng truyền nhau về cuộc bạo loạn này, nhiều tên đã tỏ rõ tư tưởng phản kháng đối với chính sách thuộc địa của chúng ta*"[16].

Như vậy, trong bối cảnh của một *Phong trào Châu Á thức tỉnh*, trong những điều kiện lịch sử mới, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên 1917 đã vượt ra ngoài biên giới thuộc địa Đông Dương, trở thành một trong những sự kiện có tầm vóc, vị trí độc đáo trong phong trào *Châu Á thức tỉnh* nói chung, phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta nói riêng. Trong bối cảnh phong trào Châu Á thức tỉnh chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng chính trị cải lương của giai cấp tư sản với những cuộc đấu tranh, vận động mang nặng tính

[16] Trung tâm Lưu trữ Quốc gia các nước Pháp Hải ngoại (Aix-En Provence), Phông P.A, Hồ sơ số 13.

chất đòi cải cách, đòi dân chủ... , thì cách mạng ở Việt Nam, bằng các phong trào dưới nhiều hình thức khác nhau, đã chứng tỏ có sự kết hợp giữa vận động cải cách với đấu tranh vũ trang, tạo nên tính phong phú và đa dạng của phong trào. Khởi nghĩa Thái Nguyên với việc đẩy mạnh đấu tranh vũ trang đã trở thành nét nổi bật của cách mạng Việt Nam trong *Phong trào Châu Á thức tỉnh*. Như vậy phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam đầu thế kỷ XX và cuộc đấu tranh vũ trang tiêu biểu : khởi nghĩa Thái Nguyên không chỉ là những biểu hiện sinh động mà còn là sự đóng góp to lớn của nhân dân Việt Nam vào *Phong trào Châu Á thức tỉnh*.

SÁU BÀI THƠ CỦA NGÔ ĐỨC KẾ VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN

PTS NGUYỄN MINH TƯỜNG

Trên thi đàn Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX, có một dòng thơ, có thể nói khá độc đáo và cũng khá đặc sắc cả về nội dung tư tưởng lẫn nghệ thuật biểu hiện, đó là dòng thơ tù. Một trong những tác phẩm ghi chép tương đối công phu về những vần thơ tù mở đầu giai đoạn này lầ tác phẩm *Thi tù tùng thoại* của Mính Viên (Huỳnh Thúc Kháng).

Trong phần Tựa của *Thi tù tùng thoại*, cụ Huỳnh đã giới thuyết thơ tù như sau :"*Thơ của nhà thơ mà thi nhân ấy có ở tù, hoặc có quan hệ với lịch sử khoảng tù ấy, hoặc không phải nhà thi nhân mà khi ở trong tù có được một đôi câu*

đáng chép"[1]. *Thi tù tùng thoại* là tác phẩm được cụ Huỳnh sưu tập thơ, câu đối và những mẩu chuyện của các chính trị phạm bị thực dân Pháp đầy ra Côn Đảo cùng chịu cảnh tù tội như cụ trong khoảng 13 năm trời đằng đẵng, từ năm 1908 đến năm 1921. Trong số những chính trị phạm bị đầy ở Côn Đảo thời gian nói trên, không ít người là những bậc chí sĩ yêu nước, những nhà khoa bảng nổi tiếng trên thi, văn đàn ngày đó.

Huỳnh Thúc Kháng với *Thi tù tùng thoại* đã lưu giữ lại cho văn học sử Việt Nam nhiều mẩu chuyện lý thú của các chính trị phạm, của các thi nhân đã từng là "Tân khách" ở chốn non xanh, nước biếc cô quạnh này, với hàng chục những giai thoại văn chương đầy hấp dẫn và hàng trăm bài thơ, câu đối... làm phong phú thêm cho mảng màu tư liệu văn học cách mạng vốn không nhiều và rất khó bảo tồn vào cái thời điểm đầy truân chiên hoạn nạn ấy.

Chúng tôi muốn đi sâu tìm hiểu 6 bài thơ của Ngô Đức Kế được ghi lại trong *Thi tù tùng thoại* viết về cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên, qua đó cho ta thấy tiếng vang của sự kiện này trong toàn quốc thời bấy giờ và hiểu thêm một cách đánh giá, dưới con mắt của một chí sĩ yên nước, một nhà khoa bảng danh tiếng về cuộc khởi nghĩa, cũng như những con người trực tiếp tham gia nó.

[1] Huỳnh Thúc Kháng: *Thi Tù tùng thoại*, NXB Nam Cường, Sài Gòn, tr.8.

Để giải thích lý do vì sao các bạn tù Côn Đảo lại hiểu khá tường tận diễn biến của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên - một tỉnh ở địa đầu đất nước đối với một hòn đảo nhỏ, heo hút giữa biển khơi phía Nam như Côn Đảo-,Cụ Huỳnh cho biết :"*Cuộc tù biến Thái Nguyên (1917) rung động cả toàn quốc, vì trong tù có mấy tay thủ hạ cựu bộ ông Đề Thám, Có tay Đông học như Lương Ngọc Nham*[2] *và mấy người võ biền làm chủ động, phá ngục Thái Nguyên, chiếm giữ được 7 ngày, sau việc hỏng, có mấy người bị đầy ra Côn Lôn : Đội Giá, Đội Trường, Đội Lư và binh Thiều, nho Địch, v.v... Thiều và Địch là người Quảng Ngãi, Thiều chân lính tập, còn Địch là một cậu học trò, hai người này can án Duy Tân, bị đầy ra Thái Nguyên, sau ra Côn Lôn, Địch thuật chuyện ... nhân nghe chuyện trên, cụ Tập Xuyên* (tức cụ Nghè Ngô Đức Kế-NMT) *có chép làm bài ký, gọi là Thái Nguyên Thất nhật quang phục ký. Những người can án vụ Thái Nguyên đầy ra Côn Lôn đều là tay đóng vai trong tuồng ấy, nên thuật chuyện được tường tận. Gia dĩ ngòi bút ký sự sở trường của cụ Tập Xuyên tả được linh động, ai đọc cũng sanh mối cảm xúc, nhân đó đề sau 6 bài (thơ)...*"[3]

Trước khi tìm hiểu 6 bài thơ, chúng ta nên biết một đôi chút về thân thế của tác giả : Ngô Đức Kế, hiệu là Tập Xuyên, sinh năm 1878, mất năm 1929, quê làng Trảo Nha

---

[2] Nguyên văn ghi là Lương Ngọc Nham, thực ra tên thật là Lương Ngọc Quyến (tức Lương Lập Nham).

[3] Huỳnh Thúc Kháng : *Thi Tù tùng thoại*, NXB Nam Cường, Sài Gòn, tr.206-207.

(nay là xã Đại Lộc), huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Cụ xuất thân trong một gia đình có truyền thống Nho học và đỗ đạt. Thân sinh của Ngô Đức Kế là Ngô Huệ Liên, từng giữ chức Thị lang trong triều đình Huế. Ngô Đức Kế là người có tiếng thông minh, học giỏi, cụ đỗ Tiến sĩ khoa Tân sửu (1901), tức đồng khoa với cụ Phan Chu Trinh và cụ Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngô Đức Kế mặc dù tuổi trẻ đỗ cao (đỗ Tiến sĩ năm 23 tuổi) nhưng không ra làm quan, về nhà dạy học, đọc Tân thư, liên kết đồng chí, vận động bỏ khoa cử, đề xướng học mới và hô hào thực nghiệp. Cụ cùng với Đặng Nguyên Cẩn, Lê Văn Huân lập "*Triêu dương thương điếm*" ở Vinh. Phan Bội Châu mấy lần ở Nhật Bản về nước đều có liên lạc với cụ. Năm 1908, thực dân Pháp khủng bố cách mạng, cụ bị chúng cho tay sai ở Hà Tĩnh là án sát Cao Ngọc Lễ và Lãnh binh Nguỵ Tác Hạ vu cho tội " *Âm tập khai trương, ám hành trợ nghịch, tiềm thông dị quốc*" (Mở hội buôn kín, ngầm giúp bọn phiến loạn, tự ý giao thông với nước ngoài) kết án "*Giảo giam hậu*", đầy đi Côn Đảo.

Theo Đặng Thai Mai thì 6 bài thơ này, Ngô Đức Kế viết vào khoảng năm 1918-1919, tức thời gian sau 10 năm bị đầy tại Côn Đảo và hơn 1 năm nổ ra sự kiện khởi nghĩa Thái Nguyên. Nhìn một cách tổng quát, 6 bài thơ đề sau tập Thái Nguyên Thất nhật quang phục ký của Ngô Đức Kế thuộc thể loại thơ "Sử bình" (Bình phẩm sử học).

Sáu bài thơ thất ngôn tứ tuyệt làm thành một bài thơ hoàn chỉnh - có cả *Đề-Thực-Luận-Kết* - đã vừa miêu tả được khí thế, tiếng vang và ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên, vừa biểu đạt được cả phần phẩm bình, luận bàn của tác giả. Hơn thế nữa, qua nó, còn hé mở cho người đọc hiểu thêm về tâm hồn của nhà thơ tại hòn đảo một thời được mệnh danh là địa ngục trần gian này

* *
* *

1.

Hạn địa hà lai tịch lịch thanh ?
Sổ trùng địa ngục, kiếm năng minh
Ngã Nam cách mạng anh hùng sử
Thiên cổ thuỳ san Trịnh Đạt danh.

Đây là bài thơ tứ tuyệt mở đầu, hay nói khác đi đây là 4 câu đầu, tức phần *Đề* của cả bài thơ hoàn chỉnh như đã nói ở trên. Yêu cầu đặt ra của những câu *Đề* là phải nêu bật được yếu chỉ của toàn bài thơ cũng như ý tưởng chính của tác giả. Đạt được điều đó người xưa gọi là "*Khai môn kiến sơn*" (Mở cửa là nhìn thấy núi). Ở đây rõ ràng chỉ với bốn câu thơ, độc giả đã có thể biết được cái nhìn của tác giả về khởi nghĩa Thái Nguyên, mỗi câu là một lời ngợi ca, khẳng định :

Giữa đất bằng, từ đâu vang lại tiếng sấm sét ?
Ở chốn mấy tầng địa ngục mà kiếm có thể khua vang.

Trong cuốn sử anh hùng cách mạng nước Nam ta.
Nghìn đời ai bỏ được tên ông Trịnh Đạt !

Câu thơ "*Sổ trùng địa ngục, kiếm năng minh*" là một câu thơ hay, rất khí phách, được tác giả viết có dụng công. Câu này về mặt nghĩa lý, có phần tương tự như câu mang tính quy luật mà gần đây chúng ta thường nói "*tức nước thì vỡ bờ*".

Chúng tôi muốn nói tới sự dụng công của tác giả ở câu thơ này, nhất là với 3 chữ "*Kiếm năng minh*". Hàn Dũ đời Đường (818-907) trong bài Tống Mạnh Đông Dã tự (bài tựa tiễn Mạnh Đông Dã) có mở đầu bằng câu như sau :

Đại phàm vật bất đắc kỳ bình tắc minh..."
(Mọi vật không được thế quân bình thì kêu lên).

Câu này diễn đạt được một chân lí bao quát được vạn vật. Đặc biệt 4 chữ "*Bất bình tắc minh*" trong câu trên đã thành một ngạn ngữ. Ngô Đức Kế *đã sử dụng điển này để viết lên câu thơ bi hùng : "Sổ* trùng địa ngục kiếm năng minh". Đây là sự hoán dụ : thanh kiếm há có thể tự khua vang ? Dùng "*kiếm*" để ví với "*người*" dó là một hình tượng *vừa đẹp đẽ vừa cao cả !*

Nhưng "Kiếm năng minh" (Kiếm khua vang) lại còn liên quan đến huyền tích về thanh kiếm của Đức thánh Trần. Tương truyền tại đền thờ Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn ở Vạn Kiếp có một chiếc rương lớn, bên trong đó lưu giữ thanh bảo kiếm của Ngài. Mỗi khi có giặc xâm phạm bờ cõi, viên chủ tướng đến đền cầu xin sự âm trợ của đức

thánh Trần, nếu thấy thanh bảo kiếm khua vang thì giặc dữ tất bị đánh bại. Do vậy, trong tầng sâu tâm thức của dân tộc, hình tượng "*Kiếm minh*" là biểu tượng cho khí phách, cho hoài bão chiến thắng.

Ngay tại thời điểm đó, dựa trên một tinh thần dân tộc sâu sắc, Ngô Đức Kế có thể đưa ta tới một nhận định có tính chất chân lý :

Ngã Nam cách mạng anh hùng sử
Thiên cổ thuỳ san Trịnh Đạt danh.

Trịnh Đạt chính là một tên khác của Trịnh Văn Cấn, tức Đội Cấn cùng với Lương Ngọc Quyến là lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa.

2.

Tằng thành phong chiếm ngũ tinh kỳ
Quang phục quân thanh bạc hải trì
Lục thập niên lai trầm bệnh quốc
Hán quan phục thử kiến oai nghi

Đạn vũ thương yên hồi nhất trường
Tinh kỳ diệu nhật kiếm ngưng sương
Nam nhân thành quách Nam nhân chủ
Thất nhật cư nhiên vạn tải trường

Đây là hai bài thơ tứ tuyệt : Bài hai và ba, hay có thể coi như phần *Thực* của toàn bài. Phần *Thực* nhằm "*thích thực*",

tức miêu tả cảnh huống thực, mở rộng ý nghĩa của phần đề bài nêu lên. Qua phần tả thực này người đọc nắm bắt được những nét chính diễn biến của cuộc khởi nghĩa :

Trên mấy lớp thành, gió bay phấp phới ngọn cờ 5 sao.
Tiếng tăm của quân Quang Phục bốn bể thảy đều biết.
Nước tổ âm thầm ốm yếu 60 năm nay.
Tưởng như thấy lại oai nghi của y phục quan nhà Hán

Mưa đạn khói súng mù mịt một vùng trời.
Cờ quạt rợp chói bầu trời, kiếm đọng hơi sương.
Thành quách người Nam, người Nam phải làm chủ.
Chỉ bẩy ngày mà tựa như vạn năm dài dằng dặc.

Ở trong bài tứ tuyệt thứ hai có một chi tiết nhắc đến nỗi đau của cảnh mất nước, đó là câu thứ ba :

Lục thập niên lai trầm bệnh quốc.

Trong Thi tù tùng thoại, Huỳnh Thúc Kháng dịch rất hay là :

Sáu chục năm trời im nước bệnh.

Mặc dầu ở các nhà thơ Á đông, nhất là khi họ làm thơ Đường luật, những con số không phải bao giờ cũng được dùng mang ý nghĩa là số từ cụ thể, nhưng ở đây Ngô Đức Kế đã chép chính xác theo lối "*Thi sử*" : Kể từ khi thực dân Pháp nổ súng tấn công vào bán đảo Sơn Trà, Đà Nẵng năm 1858 đến cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên bùng nổ năm 1917 là vừa tròn 60 năm. "*Trầm bệnh quốc*" là một hình ảnh khá

sáng tạo của tác giả :"*Nước âm thầm mang bệnh*", hay nói theo các nhà y học : "*nước đang thời kỳ ủ bệnh*".

Nhưng cái chủ yếu trong bài thơ tứ tuyệt này là nằm ở câu kết :

Hán quan phục thử kiến oai nghi
(Tưởng như thấy lại oai nghi của y phục quan nhà Hán)

"*Hán quan*" hoặc "*Hán dân*" trong thơ ca cổ điển Việt Nam, và ngay cả trong những bộ chính sử triều Nguyễn như Đại Nam thực lục chính biên chẳng hạn, là một hình tượng quen thuộc dùng để chỉ quan và dân Việt, với hàm nghĩa người văn minh, chứ không có ý nói về người Hán, vương triều Hán của Trung Quốc. Cũng như vậy, trong thơ văn ca dao của Việt Nam, khi nói tới Tràng An là nói tới kinh đô nói chung và xưa kia thường để chỉ kinh đô Thăng Long.

Hai câu đầu của bài tứ tuyệt thứ ba, ý nghĩa hoàn toàn rõ ràng, tiếp tục tả cảnh huống thực :

Mưa đạn khói súng mù mịt một vùng trời.
Cờ quạt rợp chói bầu trời, kiếm đọng hơi sương.

Phần đầu của bài thơ thứ Ba cũng giống như phần đầu ở bài thơ thứ Hai nói trên, nó miêu tả cảnh thực của ngày đầu cuộc khởi nghĩa. Nhưng với hai câu thơ vừa nói trên, tác giả tả cảnh lúc trời đã rạng sáng. Có thể nói, cảnh được vẽ ra như từ trên cao nhìn xuống -Từ trên thành Thái Nguyên ?- và một chi tiết có thể nói là rất tinh tế, đó là chi tiết:

"*Kiếm ngưng sương*". Đây là hình ảnh đặc tả một cuộc khởi nghĩa nổ ra vào rạng sáng mùa thu (đêm 13 rạng sáng 14 tháng 7 năm Đinh Tỵ, tức 30-8-1917). Tuy nhiên, không chỉ dừng lại ở sự miêu tả cụ thể, "*Kiếm ngưng sương*" còn được tác giả sử dụng như là biểu tượng cho tinh thần lãng mạn của các chiến binh, mặc dù họ biết rõ mình đang đi vào cõi thập tử nhất sinh... Tác giả dùng hình tượng "*Kiếm ngưng sương*" cũng tựa như người xưa nói "*da ngựa bọc thây*" hoặc như gần đây, một nhà thơ của chúng ta viết "*Đầu súng trăng treo*" (Chính Hữu).

Hai câu kết của bài tứ tuyệt thứ Ba là một trong những câu thơ hay của loại thơ chữ Hán ở Việt Nam từ xưa tới nay:

Nam nhân thành quách Nam nhân chủ
Thất nhật cư nhiên vạn tải trường

Có thể khẳng định khi viết hai câu này, tác giả đã liên tưởng tới bài thơ được vị chủ tướng Lý Thường Kiệt cho đọc vang lên để cổ vũ tinh thần ba quân bên dòng Như nguyệt trong cuộc kháng chiến chống Tống năm 1076, mà câu mở đầu trở thành một chân lý đanh thép :

Nam quốc sơn hà Nam đế cư
(Sông núi nước Nam vua Nam làm chủ)

Nhưng cái hay , cái điều "*ý tại ngôn ngoại*" ở đây chủ yếu nằm ở câu :

Thất nhật cư nhiên vạn tải trường.

(Chỉ bẩy ngày mà tựa như vạn năm dài dằng dặc)

Đối với tác giả, khởi nghĩa Thái Nguyên nổ ra từ ngày 30 tháng 8, quân khởi nghĩa chiếm giữ tỉnh thành, làm chủ tình thế cho đến ngày 5-9-1917 mới rút lui, tính ngày vừa tròn 7 ngày, đó là khoảng "*thời gian vật chất*". Tuy nhiên, khoảng "*thời gian vật chất*" này, thực ra không hoàn toàn quan trọng, cứ cho dù quân khởi nghĩa chỉ làm chủ được tỉnh thành 5 ngày, hoặc 3 ngày, thậm chí 1 ngày đi chăng nữa, chúng ta thử thay " *thất nhật*" bằng "*nhất nhật*" thì ý liên tưởng của câu thơ chẳng vì thế mà thay đổi. Cho nên, theo tôi, vấn đề là nhà thơ muốn chúng ta cảm nhận từ câu thơ này một cách đo thời gian khác :"*thời gian tâm lý*".

Phương pháp tu từ học này thực ra không quá hiếm trong văn chương Hán học, ta có thể kể ra một vài câu có ý nghĩa tương tự :

-Nhất nhật bất kiến như tam thu hề

(Yêu nhau mà một ngày không được gặp mặt thì tưởng như dài dằng dặc bằng ba năm).

-Nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại

(Một ngày trong tù bằng nghìn năm ở ngoài), v.v...

Song để hiểu được tâm trạng sảng khoái của tác giả : Chỉ bẩy ngày được sống trong tự do, người nước Nam làm chủ thành quách nước Nam mà hạnh phúc như được sống hàng vạn năm dài, ta nên trở lại một câu ở thượng văn :

Lục thập niên lai trầm bệnh quốc
(Nước nhà đeo bệnh ám ỉ đã 60 năm nay)

Như vậy có thể nói ở phần *Thực*, Ngô Đức Kế đã cho người đọc hiểu được khá rõ về diễn biến của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên. Tác giả đã vận dụng bút pháp "*hô, ứng*", liên tưởng, so sánh... để toát lên một niềm ước vọng : cầu mong sự hằng tồn của non sông đất nước.

3

Cự sưu hoạt kịch tái vô văn
Tạc đạn thanh trầm Đế đảng phân
Hảo vị hà sơn nhất thổ khí
Cường nhân ý thị Thái Nguyên quân

Yếu vi toàn quốc đạo tiên hà
Thiên vị tùng nhân nại nhược hà
Thế sự bất tương thành bại luận
Ngạc quân vị túc tiện Chi Na.

Hai bài tứ tuyệt thứ tư và thứ năm này, chính là phần *Luận*, tức phần bình luận, đánh giá vị thế, tầm cỡ của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên trong tiến trình lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược qua cái nhìn của Ngô Đức Kế.

Để làm nổi rõ vị trí khởi nghĩa Thái Nguyên trong tình trạng "*trầm bệnh quốc*" lúc bấy giờ, tác giả sử dụng phương pháp "*tá khách hình chủ*", tức mượn "*khách*" để

làm tôn giá trị của "*chủ*". Trong bài tứ tuyệt thứ tư : "*khách*" chính là Phong trào kháng thuế ở Trung Kỳ (thường được gọi là Vụ Cự sưu) xảy ra năm 1908 và phong trào Cần vương vào cuối thế kỷ XIX, và "*chủ*" là cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên :

Tấn hoạt kịch chống sưu không còn nghe diễn lại
Tiếng tạc đạn lặng im đảng Cần vương lìa tan
Khéo vì non sông, một phen thở khí uất
Làm cho chí người ta mạnh lên vẫn là quân (khởi nghĩa)
Thái Nguyên.

Cũng cần lưu ý rằng Ngô Đức Kế không bao giờ đánh giá thấp vị trí của Phong trào Cần Vương và Phong trào Kháng thuế ở Trung Kỳ, bởi lẽ chính cụ và những đồng chí của cụ như : Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn, Trần Quý Cáp, Nguyễn Hàm ... đều là người lãnh đạo hoặc các yếu nhân của Vụ Cự sưu đó. Ở đây, có thể nghĩ rằng, sau hơn 10 năm bị đầy tại Côn Đảo, Ngô Đức Kế đã nghiêng về khuynh hướng "*bạo động cách mạng*" ? Mà cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên là cuộc bạo động, theo cụ đã :

Hảo vị hà sơn, nhất thổ khí
(Rất khéo vì non sông, một phen thở khí uất)

"*Nhãn tự*" (chữ cốt yếu) của câu này là hai từ "thổ khí" (吐氣). Đây là rút ra từ thành ngữ "*Thổ khí dương mi*" (吐氣揚眉) có nghĩa thở hơi thật mạnh và trợn lông mày lên, ý nói sự đắc ý tới

tột độ. Và đương nhiên vì có cái nhân "*thổ khí*" ấy mới dẫn tới cái quả "*cường nhân ý*" này. "*Trầm bệnh quốc*" ắt dẫn đến tình trạng thường xảy ra là "*nhân ý nhược*". Theo Ngô Đức Kế, khởi nghĩa Thái Nguyên có tác dụng như một luồng sinh khí khiến cho ý chí của người ta mạnh lên.

Nếu đoạn thơ bình luận nói trên, Ngô Đức Kế đặt khởi nghĩa Thái Nguyên trong thế so sánh "*đối nội*", thì ở đoạn thơ dưới đây, tức bài tứ tuyệt thứ năm, cụ đã mở rộng sự so sánh ra bên ngoài ("đối ngoại") :

Cốt vì cả nước, mở lối dẫn đường.
Trời chẳng chiều người, biết làm sao đây ?
Việc đời không nên lấy thành bại mà bàn luận
Không riêng gì phải khen quân khởi nghĩa ở đất Ngạc của Trung Quốc.

Bốn câu thơ chữ Hán trong nguyên tác thuộc vào những câu thơ bi hùng nhất trong văn thơ cổ điển Việt Nam :

Yếu vị toàn quốc đạo tiên hà
Thiên vị tùng nhân nại nhược hà ?

Ba chữ "*nại nhược hà ?*" (biết làm sao đây ?), khiến cho chúng ta nhớ đến bài thơ của Hạng Võ đọc trong khung cảnh "*Hạng Võ biệt Ngu Cơ*" :

Lực bạt sơn hề, khí cái thế
Thời bất lợi hề, Chuy bất thệ.
Chuy bất thệ hề, khả nại hà ?

Ngu hề, Ngu hề, nại nhược hà ?!
(Sức lực nhổ núi, khí phách trùm đời
Nhưng gặp thời bất lợi, ngựa Ô Chuy không tiến lên được nữa
Ngựa Ô Chuy không tiến lên được, có thể làm gì được nữa ?
Nàng Ngu ơi! Nàng Ngu ơi! Biết làm sao đây?!)

Tôi không bao giờ nghĩ rằng Ngô Đức Kế có ý định so sánh Đội Cấn với Hạng Võ. Song điều có thể tin rằng tác giả muốn bàn tới một quy luật dẫn đến thành công hay thất bại trong mọi việc, đó là chữ "*Thời*" mà Dịch học thường nhắc tới. Anh hùng, tài giỏi mấy chăng nữa mà "*thiên vị tùng nhân*" (trời chẳng chiều người) thì cũng khó nói đến kết quả. Với một phương pháp tư duy như vậy, cùng với một lòng cảm thông sâu sắc, Ngô Đức Kế dường như nhắn nhủ với hậu thế rằng :

Thế sự bất tương thành bại luận.

Đối với các bậc hiền nhân, chí sĩ xưa kia, thấm nhuần lời dạy của Khổng tử : "*kiến nghĩa bất vi, vô dũng dã*" (gặp việc nghĩa không hành động là người yếu hèn), họ không đắn đo, quản ngại trước việc phải hi sinh vì nghĩa cả.

4.

Bút thiệt vô công, kiếm vị thành
Thập niên cùng đảo ám thôn thanh
Uất thông giai khí hà sơn tại
Dạ dạ phần hương chúc hậu sinh

Trên đây là bài tứ tuyệt thứ sáu, tức phần Kết của toàn bài thơ Đề Thái Nguyên thất nhật Quang phục ký. Bốn câu kết này, Ngô Đức Kế viết lên phần lớn để giãi bày tâm sự cô đơn, chiêm nghiệm việc mình, việc người và nghĩ suy về việc nước.

Với hai câu :

Bút lưỡi không thành công, gươm cũng chưa nên việc
Mười năm ở đảo vắng ấm thầm nuốt hận.

Ngô Đức Kế không chỉ bộc lộ tâm trạng đau buồn của mình, mà còn phản ánh cả một phong khí u trầm của giới sĩ phu đương thời sau nhiều lần mưu việc mà không thành. Lần đầu tiên trong đời, những kẻ sĩ vốn theo nghiệp bút nghiên, bỗng nhận thấy cái điều vô dụng của "*bút lưỡi*", của "*văn tự*"...

Không phải chỉ ở bài thơ này mà trước đó hơn mười năm, khi còn ở khám lớn Sài Gòn đợi đưa đi Côn Đảo, trong bài thơ Cảm Tác, Ngô Đức Kế đã nhận thức được rằng :

Văn tự nan chiêu cố quốc hồn
(Văn chương chữ nghĩa khó mà gọi được hồn nước cũ)

Một người bạn, một đồng chí cũng bị đày Côn Đảo của Ngô Đức Kế là Đặng Nguyên Cẩn (1866-1922) cũng đã viết hai câu thơ dưới đây khi Khóc Ngư hải (Đặng Thái Thân), mà thực ra là khóc cả thế hệ nhà nho buổi ấy :

Bất linh văn sĩ tuyết hư danh
Bút kiếm lao lao nhất vị thành
(Làm cho nhà văn không rửa được hư danh
Bút gươm lận đận, chưa việc gì thành)

Nhưng cho dù giới nhà nho đầu thế kỷ XX có muốn "*xếp bút nghiên theo việc binh đao*" đi chăng nữa, thì đó cũng không phải là sở trường của họ.

Chính vì lí do nói trên, trước khí phách hào hùng của những con người viết nên trang sử bằng kiếm và máu, tại mảnh đất Thái Nguyên, khiến cho một nhà nho, một chí sĩ yêu nước-Cụ nghè Ngô Đức Kế- vô cùng cảm phục đặng viết thành những vần thơ hàm súc trên đây.

Tôi muốn nhắc lại câu thơ cuối cùng :

Uất thông giai khí hà sơn tại
Dạ dạ phần hương chúc hậu sinh
(Tuy thế vẫn còn khí tốt xanh tươi của non sông
Đêm đêm đốt hương cầu chúc cho lớp người sau làm
nên sự nghiệp)

Hai câu thơ này không chỉ là một lời chúc, một sự cầu mong, mà dường như thành một lời tiên đoán : Chưa đầy ba mươi năm sau, lớp hậu sinh (tức thế hệ tiếp nối cụ Nghè Ngô Đức Kế) của đất Việt thực sự đã làm nên sự nghiệp. Đó chính là Cách mạng tháng Tám 1945 đánh đuổi thực dân Pháp giành chủ quyền cho dân tộc.

Xin được mượn lời cụ Nghè Ngô Đức Kế, chúng ta thành tâm :

Kim nhật phần hương chúc tiền nhân

Ngày hôm nay xin đốt hương cầu chúc cho các bậc tiền nhân : Những người viết lên trang sử vẻ vang - Khởi nghĩa Thái Nguyên ./.

Tháng 4.1997
N.M.T

NGUYÊN NHÂN THẤT BẠI CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN

PTS TRẦN HỮU ĐÍNH
Viện Sử học

Cuộc khởi nghĩa của binh lính và nhân dân Thái Nguyên năm 1917 cũng như tất cả các cuộc đấu tranh vũ trang trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trước khi có Đảng Cộng sản lãnh đạo, rốt cuộc đều bị kẻ thù dìm trong biển máu. Sự thất bại của các cuộc đấu tranh vũ trang đó, có thể nói là khó tránh khỏi, xuất phát từ những nguyên nhân chung nhất, từ trong điều kiện, hoàn cảnh của xã hội Việt Nam đương thời.

Tuy nhiên, việc tìm hiểu sâu hơn những nguyên nhân thất bại của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên - một cuộc khởi nghĩa có quy mô lớn nhất, kéo dài nhất, được tổ chức chặt

chẽ nhất trong những thập niên đầu thế kỷ XX, trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời - sẽ góp phần rút ra những bài học lịch sử cho công cuộc bảo vệ và giải phóng dân tộc; đồng thời từ quan điểm lịch sử, chúng ta cần có cái nhìn thông cảm hơn với những nhà lãnh đạo cuộc khởi nghĩa.

I. Trong lịch sử chiến tranh giải phóng dân tộc Việt Nam cũng đã diễn ra hình thái : một cuộc khởi nghĩa lúc đầu nổ ra ở một điểm rồi lan toả rộng dần ra trong phạm vi cả nước và cuối cùng giành được thắng lợi. Khởi nghĩa Lam Sơn vào thế kỷ XV là một trong những cuộc khởi nghĩa điển hình về hình thái phát triển từ thấp đến cao, từ yếu đến mạnh, từ cục bộ đến toàn cục ... cho đến khi có đủ lực lượng mạnh hơn hẳn kẻ thù, đánh bại lực lượng quân sự của chúng, giải phóng hoàn toàn đất nước.

Tuy nhiên, không phải bất cứ lúc nào và ở đâu cũng đều có thể tiến hành cuộc khởi nghĩa theo những kinh nghiệm và quy luật đó. Xuất phát từ những điều kiện khác nhau về bối cảnh lịch sử, xã hội, về tình hình địch - ta ... mà tìm ra những phương thức đấu tranh khác nhau, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể ở từng nơi từng lúc cho mỗi cuộc khởi nghĩa. Đó là chưa nói tới những điều kiện chủ quan, trước hết là sự chuẩn bị sẵn sàng về mọi mặt cũng như có tầm nhìn chiến lược, tài thao lược, dũng cảm, đoàn kết, nhất trí của Bộ tham mưu khởi nghĩa.

Những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã lợi dụng được một tình thế khách quan thuận lợi : Chiến

tranh thế giới đang diễn ra quyết liệt. Chính Lênin đã phân tích một cách sâu sắc tình hình chuyển biến mau lẹ khi Chiến tranh thế giới nổ ra và kêu gọi hãy biến Chiến tranh thế giới thành nội chiến cách mạng. Lịch sử đã chứng minh luận điểm đúng đắn của Lênin. Nhưng, cần phải nói ngay rằng xã hội Việt Nam vào thời điểm đó không giống xã hội Nga, nơi đang diễn ra cuộc chiến tranh tranh giành nhau quyết liệt giữa các cường quốc đế quốc chủ nghĩa. So với nước Nga, xã hội Việt Nam hầu như chưa có một sự chuẩn bị nào cho một cuộc khởi nghĩa giành chính quyền, điều kiện khách quan dù có thuận lợi đến đâu cũng không thể vượt qua được nếu điều kiện chủ quan chưa cho phép.

Theo Lênin, cuộc bạo động đem lại thắng lợi chỉ khi nào phe thống trị đã bị hoang mang, chia rẽ và khủng hoảng từ kinh tế đến chính trị, cũng như dân chúng đã sôi sục, vùng dậy đấu tranh, đội tiên phong cách mạng đã chuẩn bị sẵn sàng. Lúc bấy giờ ở Đông Dương chưa diễn ra tình thế ấy. Lực lượng khởi nghĩa của binh lính và nhân dân Thái Nguyên hầu như bị cô độc không thể đương đầu với sức đàn áp của kẻ thù đang mạnh hơn mình gấp nhiều lần.

Nhưng, nếu so với cuộc khởi nghĩa Yên Bái đầu năm 1930 thì cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên có những điều kiện thuận lợi hơn. Do Chiến tranh thế giới diễn ra, Pháp là một trong những nước tham chiến, nhiều đơn vị quân viễn chinh Pháp rút về nước, bọn thực dân ở Đông Dương đã có phần suy yếu. Dưới sự áp bức và bóc lột hà khắc nhằm vơ vét sức

người sức của phục vụ cho chiến tranh của thực dân Pháp, toàn thể nhân dân ta, nhất là anh em binh lính trong hàng ngũ quân đội Pháp mong muốn nổi dậy chống lại chúng. Cuộc vận động tổng khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội dẫu không thực hiện được nhưng những cuộc bạo động nhỏ nổ ra nhiều nơi đã có tiếng vang thức tỉnh nhiều người, tạo nên một bầu không khí muốn nổi dậy của nhiều binh sỹ người Việt Nam trong hàng ngũ quân đội Pháp. Riêng ở Thái Nguyên, một nơi từ trước đã in nhiều dấu vết chiến đấu của các thổ hào, văn thân chống xâm lược Pháp, đặc biệt là cuộc khởi nghĩa của Hoàng Hoa Thám kéo dài hơn 20 năm trên căn cứ địa Bắc Giang - Thái Nguyên; đồng bào các dân tộc Thái Nguyên sẵn có truyền thống yêu nước, bất khuất. Cũng vào thời điểm lịch sử đó, ngọn lửa cách mạng đã nhóm lên ở nhiều nơi, núi rừng và nhân dân Thái Nguyên đang chờ đón một cuộc vùng dậy của tập đoàn nghĩa quân. Sự có mặt của hơn 300 người bao gồm nông dân ngoại thị, công nhân mỏ than Phấn Mễ, mỏ kẽm Lang Hích và một số công chức ở Thái Nguyên tham gia ngay từ đầu vào hàng ngũ nghĩa quân đã chứng minh điều đó.

Một động cơ trực tiếp nữa là tên Công sứ Đac (Darles) ở Thái Nguyên, một trong 4 tên gian ác nổi tiếng trong bọn thực dân lúc bấy giờ. Dưới chính lệnh tham tàn của hắn, binh lính và nhân dân trong vùng đều hết sức căn phẫn.

Nhà lao Thái Nguyên lúc đó lại là nơi tập trung những tù chính trị bị bắt trong các vụ Đề Thám, Duy Tân, Đông Du

... Vì tiếp xúc hàng ngày với những chính trị phạm đi làm công việc khổ sai, anh em binh lính khố xanh được nghe đọc những thơ ca ái quốc, những mẩu chuyện hy sinh của các anh hùng liệt sỹ nên tinh thần hướng nghĩa bùng lên khá mạnh mẽ. Tình cảnh khổ cực của binh lính và những người tù chính trị càng làm cho đôi bên thông cảm với nhau, cột chặt vào nhau, chờ một ngày cùng nhau vùng dậy.

Tất cả những điều đó thúc giục những người lãnh đạo quyết tâm phát động khởi nghĩa.

Bản Tuyên bố Thái Nguyên độc lập khẳng định : *"Thời cơ đã đến ..."*. Tuy nhiên, nhìn lại lịch sử, chúng ta nhận thấy Bộ tham mưu cuộc khởi nghĩa chỉ mới phân tích thời cơ ở một vài khía cạnh, do *"kiếp sống của nhân dân điêu đứng đến nông nỗi này không tài nào cam chịu được nữa"*, chứ chưa nhìn thấy toàn bộ tình hình, xã hội Việt Nam lúc đó chưa xuất hiện tình thế cách mạng trực tiếp.

Như đã đề cập ở trên, tình hình xã hội Việt Nam vào những thập niên đầu thế kỷ XX nói chung cũng như trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ nhất chưa có điều kiện đầy đủ cho một cuộc khởi nghĩa vũ trang dẫn đến thắng lợi.

Sau thất bại của phong trào đấu tranh vũ trang cuối thế kỷ XIX, cuộc vận động giải phóng dân tộc theo xu hướng mới đầu thế kỷ XX rốt cuộc cũng đi vào bế tắc. Đó là sự bế tắc của một đường lối cứu nước đúng đắn. Lúc này, cả trong nội tại xã hội Việt Nam cũng như những tư tưởng giải

phóng dân tộc đúng đắn đều đang biến chuyển nhưng chưa chín muồi điều kiện. Giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam mặc dầu đã ra đời nhưng quá non yếu không đủ sức trở thành lực lượng đại diện cho dân tộc. Giai cấp công nhân Việt Nam, mặc dầu đang phát triển nhanh chóng nhưng cũng chưa đủ mạnh để giương cao ngọn cờ quy tụ tất cả các lực lượng dân tộc và chưa ý thức được sứ mệnh lịch sử của mình. Chỉ có sau khi Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tiếp thu tư tưởng Lênin và truyền bá vào trong nước, giai cấp công nhân mới có đầy đủ những điều kiện để trở thành lực lượng lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc.

Như vậy, những điều kiện khách quan của xã hội Việt Nam dẫn tới sự thất bại của các phong trào yêu nước nói chung, cũng như khởi nghĩa Thái Nguyên nói riêng là khó tránh khỏi.

Bên cạnh những nguyên nhân khách quan nói trên, sự thất bại của cuộc khởi nghĩa còn do những nhân tố chủ quan từ trong bản thân lực lượng và phương thức tiến hành đấu tranh.

So với những cuộc đấu tranh khác thì cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã tập hợp được một lực lượng khá đông gồm nhiều thành phần : binh lính, công nhân, nông dân, viên chức, chính trị phạm ... Tuy nhiên, lực lượng khởi nghĩa vẫn bị cô độc do chưa phát động được toàn dân sẵn sàng hưởng ứng, tham gia khởi nghĩa.

Trước khi tiến hành khởi nghĩa, Chủ tướng là Trịnh Văn Cấn có những mối liên hệ khá rộng rãi với các đồn lính trong các vùng lân cận. Nhiều người trong số hạ sĩ quan và binh lính các đồn đó đều có xu hướng ủng nghĩa. Nhưng do tổ chức chưa chặt chẽ, kế hoạch chưa chu đáo và cụ thể nên họ không có điều kiện hưởng ứng và phối hợp với lực lượng khởi nghĩa ở Thái Nguyên. Nhân dân các vùng mà lực lượng khởi nghĩa hành quân đi qua đều giúp đỡ rất tích cực, hết lòng ủng hộ nghĩa quân, nhưng cũng chưa được giác ngộ và tổ chức chặt chẽ để trực tiếp tham gia phong trào. Chính nhờ sự ủng hộ của nhân dân mà cuộc khởi nghĩa đã kéo dài dược hơn 6 tháng, nhưng chưa thể trở thành một nhân tố quyết định thắng lợi cuộc khởi nghĩa nếu đội tiền phong của cuộc khởi nghĩa chưa biết tổ chức họ, quy tụ họ lại thành một khối đoàn kết, nhất trí. Chúng ta sẽ trở lại vấn đề sự ủng hộ của nhân dân ở phần sau.

Về phương thức tiến hành đấu tranh vào thời kỳ lịch sử này cũng không giống với trước đây. Tất cả các cuộc khởi nghĩa trước Tổng khởi nghĩa tháng 8 - 1945 rốt cuộc đều bị thất bại. Một trong những nguyên nhân chủ yếu của nó là tiến hành phương thức đấu tranh không phù hợp với điều kiện lịch sử. Sự thắng lợi của Cách mạng tháng Tám cho thấy rõ, ngoài những nhân tố quan trọng khác, cần phải có phương thức tiến hành đấu tranh thích hợp. Đó là sự kết hợp hai lực lượng : chính trị và vũ trang; kết hợp hai hình thức đấu tranh : đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự để

tiến hành khởi nghĩa vũ trang khi tình thế cách mạng trực tiếp đã chín muồi.

Từ sự nhìn nhận như trên, có thể khẳng định : sự thất bại cuối cùng của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên cũng như của các phong trào giải phóng dân tộc trước khi Đảng Cộng sản ra đời là không thể tránh khỏi.

II. Bên cạnh những nguyên nhân khách quan, sâu xa như đã phân tích ở trên, sự thất bại và tan rã của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên còn là do sự hạn chế của lực lượng khởi nghĩa, trước hết là Bộ chỉ huy nghĩa quân.

Sau mấy lần hoãn đi hoãn lại, cuộc khởi nghĩa nổ ra vào đêm 30 rạng ngày 31-8-1917. Theo kế hoạch, quân khởi nghĩa đã giết được tên Giám binh Nô-en và tên tay sai tin cẩn của nó là Phó Quản Lạp, tuyên bố khởi nghĩa trước sự đồng tình hoàn toàn của anh em binh lính Thái Nguyên. Sau đó nghĩa quân phá nhà tù, giết chủ ngục, cứu các tù nhân và chia nhau đi đánh chiếm các công sở. Một điều đáng tiếc là tên Công sứ Đac, một kẻ thù gian ác mà tất cả mọi người đều căm thù cao độ, lại không có mặt ở Thái Nguyên lúc đó, nên không tiêu diệt được một đối tượng nguy hiểm. Và, nghĩa quân cũng không làm đúng được theo kế hoạch đã định là đánh úp trại lính Tây, nên chúng vẫn thủ hiểm ở trong trại và thông tin tức với Đại bản doanh ở Hà Nội.

Nghĩa quân đã làm chủ tỉnh lỵ Thái Nguyên. Lá cờ đề 4 chữ "*Nam bình phục quốc*" đã nêu cao ý chí và mục đích chính nghĩa của những người cầm súng giết giặc. Với số quân mới được biên chế là 623 người; số vũ khí đoạt được là hơn 600 khẩu súng; số tiền lấy được ở kho bạc là hơn 7 vạn đồng Đông Dương, đội quân khởi nghĩa đã có một thực lực đáng kể. Mặc dầu thắng lợi chưa trọn vẹn (không tiêu diệt được trại lính Tây) nhưng kết quả bước đầu ấy tạo đà tiến lên cho cuộc khởi nghĩa, nếu Bộ chỉ huy nghĩa quân có phương lược và phương hướng phát triển đúng.

Một trong những vấn đề quan trọng và cấp bách lúc này là nghĩa quân giữ thế thủ hay khởi thế công, nói cách khác là cố giữ lấy Thái Nguyên hay đánh rộng ra các tỉnh, trước hết là các tỉnh lân cận? Việc vận dụng sách lược này sẽ góp phần quyết định tiến trình phát triển hay sự thất bại của cuộc khởi nghĩa vừa nhóm dậy.

Lúc này, trong Bộ tham mưu cuộc khởi nghĩa xuất hiện hai quan điểm khác nhau. Phái chủ trương tấn công mà đại biểu là những tù chính trị bị bắt trong các cuộc khởi nghĩa Hoàng Hoa Thám và Duy Tân như Ba Quốc, Ba Lâm và Tú Hồi Xuân ... cho rằng : cuộc khởi nghĩa vừa nổ, giặc Pháp chưa kịp đề phòng, nghĩa quân với những phương tiện vừa cướp được của giặc, nên chia lực lượng đi đánh ngay mấy tỉnh xung quanh như Phúc Yên, Bắc Giang, Bắc Cạn ... Đánh đến đâu chắc chắn sẽ được binh lính và nhân dân hưởng ứng đến đó. Mỗi khi giành được thắng lợi là một dịp

cho nghĩa quân phát triển. Rồi cứ thế mà tiến lên mãi. Quân Pháp sẽ lâm vào tình thế bị động, không thể tập trung lực lượng để ứng cứu Thái Nguyên.

Trái lại, phái chủ trương cố thủ mà đại biểu là Lương Ngọc Quyến[1] thì cho rằng: cuộc khởi nghĩa vừa nổ ra, nghĩa quân cần phải được chuẩn bị chu đáo, lấy Thái Nguyên làm địa bàn để chống nhau với Pháp. Theo ông thì quân Pháp tiến lên được Thái Nguyên cũng phải mất một thời gian. Trong thời gian đó, nghĩa quân có thể bố trí phòng ngự một cách cẩn thận. Vì vậy ông phản đối việc đánh lung tung ngay sẽ đưa nghĩa quân vào bước phiêu lưu nguy hiểm. Mặt khác Lương Ngọc Quyến tin và thuyết phục Trịnh Văn Cấn rằng, nếu một ngày nào đó Thái Nguyên không giữ được thì nghĩa quân sẽ kéo ra miền biên giới Quảng Tây, liên lạc với Phục quốc quân ở đó.

Giữa hai chủ trương và hai sách lược đối chọi nhau, cuối cùng Trịnh Văn Cấn ngả theo chủ trương phòng ngự, vì ông tin vào khả năng quân sự của Lương Ngọc Quyến và chờ đợi một sự ứng cứu của Quang phục quân đang sẵn sàng ở đất Trung Quốc.

---

[1] Chú thích của biên tập : có một quan điểm khác cho rằng Lương Ngọc Quyến chủ trương rút quân lên miền núi biên cương phía Bắc xây dựng căn cứ đánh lâu dài. Nhưng Đội Cấn không chấp nhận. Hiện nay chưa có tư liệu đầy đủ để khẳng định quan điểm này là đúng. Cần lưu ý thêm rằng trước khi bị bắt, Lương Ngọc Quyến từng chủ trương lập đồn điền ở Thái Lan , chiêu tập nghĩa sĩ, khai hoang và luyện tập quân sự.

80 năm đã trôi qua kể từ ngày nổ ra cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên. Chúng ta có điều kiện để nhận rõ hơn sự đúng sai của các quan điểm nói trên của Bộ chỉ huy nghĩa quân. Thực tế là Thái Nguyên không cố thủ được. Nhưng để có một kết luận ngay rằng việc phòng thủ là sai, việc tiến công là đúng và dẫn tới thắng lợi thì có thể rơi vào quan điểm siêu hình.

Dẫu sao chúng ta cũng cần nhận rõ sự hạn chế của phái chủ trương phòng ngự. Ngay sau khi thắng lợi bước đầu, nghĩa quân đã tự đặt mình vào thế bị động, đợi giặc tiến công; cho tới khi không giữ được Thái Nguyên nữa thì lại rơi vào cảnh phiêu lưu, không có kế hoạch chủ động rút lui, và cũng không xác định rõ mục tiêu địa điểm hành quân ... Nghĩa quân Lam Sơn dưới sự lãnh đạo của Lê Lợi cũng đã từng rút lui, nhưng việc rút lui đó là chủ động, có kế hoạch, có mục tiêu, phương hướng rõ ràng, cụ thể. Ở một khía cạnh nào đó, có thể coi những cuộc rút lui ấy mang tư tưởng tiến công; rút lui để bảo toàn lực lượng đặng tiến lên theo những ý đồ chiến lược đã xác định rõ ràng ngay từ đầu.

Tuy nhiên, thông thường một khi quân khởi nghĩa đã vùng dậy là phải liên tục tấn công, tấn công không ngừng.

Nếu chưa vận dụng được toàn bộ thì cũng phải tấn công từng bộ phận, từ những thắng lợi nhỏ tiến tới những thắng lợi lớn. Tuy nhiên để có thể tấn công được còn tuỳ thuộc vào nhiều nhân tố khách quan và chủ quan khác. Khó có thể khẳng định được rằng, quân khởi nghĩa Thái Nguyên

thực hiện việc tấn công đánh toả ngay ra các tỉnh khác mà không rơi vào phiêu lưu. Nhân tố cơ bản quyết định kết quả của cuộc khởi nghĩa là ở vai trò lãnh đạo, đường lối chính trị của nó, chứ không phải là ở sách lược nhất thời. Dầu sao, bỏ thế công ngay từ đầu, cuộc khởi Nghĩa Thái Nguyên đã chứa sẵn một cơ thất bại không thể tránh được.

Thực hiện chủ trương phòng ngự, nghĩa quân chia nhau đi đóng chặn các ngả đường từ Hà Nội lên và các tỉnh khác kéo đến Thái Nguyên. Chỉ hai ngày sau, nghĩa là ngày 1-9, quân Pháp từ Gia Sàng (con đường từ Hà Nội lên) tấn công vào tỉnh lỵ Thái Nguyên. Mặc dù nghĩa quân chiến đấu rất anh dũng, giành được một vài thắng lợi, nhưng quân Pháp với lực lượng đông hơn nhiều lại có đại bác hạng nặng vẫn ồ ạt đánh vào. Cho đến trưa ngày 4-9, chúng đã tiến được vào tỉnh lỵ sau khi đã bị thiệt hại nặng. Lúc này nghĩa quân buộc phải rút ra ngoài.

Vấn đề đặt ra trước mắt là nghĩa quân sẽ đi đâu ? Thực ra cho đến lúc này, Bộ chỉ huy cuộc khởi nghĩa vẫn chưa có một đường lối nhất định. Một trong những người lãnh đạo của cuộc khởi nghĩa là Lương Ngọc Quyến đã hy sinh. Chủ tướng Trịnh Văn Cấn trong khi rút quân ra ngoài chỉ mong dựa vào hình thế hiểm yếu của núi rừng để chống cự với giặc. Nhưng, như chúng ta đã biết, nghĩa quân bị giặc chặn đánh mọi ngả và liên tiếp không ngừng. Suốt mấy tháng sau nghĩa quân chỉ còn cố bám lấy một dải núi rừng từ Thái Nguyên dọc theo dãy núi Tam Đảo qua Vĩnh Yên,

luân chuyển từ bên này sang bên kia núi, đôi khi tràn xuống những miền đồng bằng lân cận. Nhìn chung đường lối hành quân của nghĩa quân Thái Nguyên phần nhiều theo bước chân của cụ Hoàng Hoa Thám trước đó, cả đến những nơi trú quân cũng vậy.

Trong điều kiện chiến đấu vô cùng ác liệt, nghĩa quân nhờ có nhân dân địa phương ủng hộ tích cực như dẫn đường, chữa bệnh, tiếp tế lương thực..., nên đã kéo dài được cuộc chiến đấu với địch tới hơn 6 tháng và đã thắng địch mấy trận lớn nhỏ như trận Hoàng Sá Hạ, trận Trung Nha và Trung Thôn, trận Đèo Nứa, trận Hoàng Đàm, v.v... Một số nơi, nhân dân địa phương còn tình nguyện gia nhập nghĩa quân.

Mặc dù được nhân dân nhiệt tình ủng hộ, giúp đỡ, nhưng nhìn chung, cuộc chiến đấu của nghĩa quân Thái Nguyên vẫn cô độc và phải đối phó liên tục với kẻ thù đông và mạnh hơn mình nhiều lần. Sau một thời gian vừa chống trả vừa tìm cách tránh địch, đến cuối năm 1917 nghĩa quân đã suy kiệt và tan rã từng mảnh. Trịnh Văn Cấn với một số tàn quân rút về đóng ở Pháo Sơn thuộc địa phận Thái Nguyên giữa vòng vây của địch. Cho đến ngày 10-1-1918, sau nhiều trận chiến đấu truyệt vọng, vị thủ lĩnh của nghĩa quân đã anh dũng tự sát để thể hiện tinh thần thà chết chứ nhất định không đầu hàng giặc.

Đến đây cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên chấm dứt. Hầu hết các các nghĩa sĩ còn lại đều bị giặc Pháp bắt giam, giết hại hoặc tù đày.

*

* *

Nhìn lại chặng đường lịch sử 80 năm đã qua, chúng ta có thể khẳng định sự thất bại cuối cùng của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên là không thể tránh khỏi. Điều kiện của cuộc khởi nghĩa cả về khách quan và chủ quan đều chưa chín muồi. Những nhân tố tạo nên thắng lợi của cuộc khởi nghĩa chưa xuất hiện. Mặc dù thất bại nhưng nghĩa quân Thái Nguyên đã góp phần tích cực vào quá trình tạo nên những nhân tố dẫn tới thắng lợi của cuộc khởi nghĩa về sau, đẩy nhanh những điều kiện chín muồi cho cách mạng Việt Nam.

Khởi nghĩa Thái Nguyên, một lần nữa thể hiện tinh thần yêu nước, bất khuất của nhân dân Thái Nguyên; đồng thời là một đòn nặng đánh vào âm mưu "Dùng người Việt đánh người Việt" của thực dân Pháp và là cuộc vùng dậy mãnh liệt của những người nông dân mặc áo lính, lấy súng giặc, giết giặc, gây một truyền thống cho những binh sĩ cứu quốc Việt Nam.

KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN NĂM 1917 VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ CỦA NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC THÁI NGUYÊN NGÀY NAY

LƯƠNG ĐÌNH LŨNG

Giám đốc Sở VHTTTT Thái Nguyên

Tám mươi năm đã qua, kể từ ngày cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên bùng nổ (tháng 8 năm 1917), gương chiến đấu hi sinh đầy quả cảm, ý chí hiên ngang trước kẻ thù, quyết chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của tổ quốc của các nghĩa sĩ Thái nguyên vẫn để lại trong lòng nhân dân các dân tộc Thái Nguyên nói riêng, nhân dân cả nước ta nói chung những ấn tượng mạnh mẽ. Tám chục năm không phải là dài so với lịch sử nhưng cũng là thời gian cần thiết

để chúng ta nhận thức rõ hơn những giá trị to lớn mà các nghĩa sĩ Thái Nguyên năm xưa để lại.

1.Có thể nói trong lịch sử của Thái Nguyên nói riêng, lịch sử dân tộc ta nói chung, khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 là một trong những cuộc khởi nghĩa có vị trí rất độc đáo. Sau sáu chục năm bị thực dân Pháp xâm lược và đô hộ, có biết bao cuộc nổi dậy của nhân dân ta đã bị thực dân Pháp bóp chết từ trong trứng nước hoặc bị dìm trong bể máu mà vẫn chưa thu được kết quả. Vào cuối thập niên thứ hai thế kỷ này, cuộc chiến tranh đế quốc ở châu Âu đang diễn ra gay gắt đã đưa đến những điều kiện khách quan thuận lợi cho việc nổi dậy của nhân dân Việt Nam chống Pháp. Tuy nhiên, trong thực tế lịch sử, suốt từ những năm 1914 đến 1917, do những nhân tố chủ quan còn thiếu nên không có một cuộc nổi dậy nào đáng kể. Các hoạt động của tổ chức Việt Nam Quang phục Hội, tổ chức Thiên Địa Hội cũng như những phong trào dưới danh nghĩa vua Duy Tân với các sự kiện đánh vào những đồn binh lẻ của giặc Pháp ở dọc biên giới và nội địa,, âm mưu phá khám lớn Sài Gòn, lập kế hoạch nổi dậy ở kinh thành Huế, tấn công vào thị xã Phú Thọ, v.v... đều chỉ là những tiếng nổ lẻ tẻ, rời rạc, không có tổ chức, không có sự chỉ đạo thống nhất chặt chẽ và mang nặng tính phiêu lưu. Cũng nằm trong bối cảnh chung ấy, cuộc khởi nghĩa của những binh sĩ yêu nước trong quân đội Pháp đồn trú ở Thái Nguyên cùng các chính trị phạm bị giam cầm ở nhà lao tỉnh lỵ và nhân dân địa

phương, dưới sự chỉ huy của Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến đã bùng lên mạnh mẽ và diễn ra rất quyết liệt. Quân khởi nghĩa đã đập tan chính quyền thuộc địa ở tỉnh lỵ, hiên ngang tuyên bố "*Thái Nguyên độc lập*", đặt quốc hiệu là " *Đại Hùng* ", lấy lá cờ 5 sao làm quốc kỳ, tổ chức ra đội " *Việt Nam Quang phục quân* " với lá cờ " *Nam Binh Phục Quốc*" để " *bắt đầu từ tỉnh Thái Nguyên*" hợp nhau lại thành " *những đạo quân đi giải phóng đất nước*". Nhiều trận huyết chiến đã diễn ra liên tục trong suốt gần một tuần lễ tại tỉnh lỵ Thái Nguyên. Và sau đó, từ ngày 5.9.1917, mặc dù buộc phải rút ra ngoài tỉnh lỵ, quân khởi nghĩa vẫn kiên cường vừa hành quân, vừa đánh địch, gây cho chúng những thiệt hại nặng nề, buộc hệ thống chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương phải dốc ra những lực lượng tinh nhuệ nhất để đối phó trong gần nửa năm trời...

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử cận đại Việt Nam, một cuộc khởi nghĩa diễn ra thành công tại một tỉnh lỵ, tuyên bố nền độc lập, đặt ra quốc kỳ, quốc hiệu, thành lập quân đội riêng, chuẩn bị những điều kiện ban đầu để tiến hành cuộc đấu tranh vũ trang đi đến giải phóng đất nước, giành lại nền độc lập dân tộc... Có thể nói, trong lịch sử nước ta, cho đến trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên là sự kiện lịch sử có tính chất như một bước ngoặt, đánh dấu sự chuyển biến quan trọng từ lập trường quân chủ lập hiến của những người yêu nước Việt Nam sang lập trường Cộng hoà Dân quốc. Đúng như cố

Giáo sư Viện sĩ Trần Huy Liệu đã từng viết :"*Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên là cuộc khởi nghĩa lớn nhất nổ ra ở Việt Nam trong thời kỳ thế giới đại chiến thứ nhất* ". Mặt khác như mọi người đều biết, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên - với sự tham gia của những nghĩa binh vốn là công nhân tại các cơ sở công nghiệp khai khoáng lân cận - còn chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đang tiến mạnh trên con đường đấu tranh "tự giác".

Khởi nghĩa Thái Nguyên đã làm rung động chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương và làm chấn động dư luận ở Pháp và thế giới. Bọn thực dân Pháp ở Đông Dương đã phải huy động hàng ngàn quân tinh nhuệ có đại pháo, cơ giới yểm trợ quyết đàn áp cho được cuộc khởi nghĩa. Những hậu quả mà cuộc khởi nghĩa để lại cho chính quyền thực dân Pháp lúc đó là rất nặng nề...

Rõ ràng,- như một số người đã phân tích một cách đúng đắn - không phải ngẫu nhiên khởi nghĩa Thái Nguyên lại có thể diễn ra thành công và quyết liệt, kéo dài được đến như vậy.

2.Tám chục năm qua, nhân dân các dận tộc tỉnh Thái Nguyên đã làm hết sức mình để xứng đáng với những nghĩa sĩ của khởi nghĩa Thái Nguyên lịch sử. Ghi nhận truyền thống bất khuất,kiên cường của nhân dân Thái Nguyên, đồng chí Trường -Chinh lúc đó (1948) là Tổng bí thư của Đảng đã viết *"Thái Nguyên là cửa ngõ đi vào Việt*

Bắc ... Năm 1917, các liệt sĩ Đội Cấn và Lương Ngọc Quyến đã nổi dậy đánh Pháp ở đây. Năm 1940-1941, đồng bào Đình Cả, Tràng Xá đã nổ súng chống Pháp. Tháng Tám năm 1945, Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ huy quân giải phóng diệt Nhật ở thị xã này... "[1]. Có thể nói truyền thống chiến đấu ngoan cường, hiên ngang sả thân, quyết vì độc lập tự do của các nghĩa sĩ Thái Nguyên đã được nhân dân Thái Nguyên phát huy cao độ, nhất là kể từ khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời.

Thái Nguyên là một trong những tỉnh sớm có những phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Từ sau Hội nghị lần thứ Tám của Trung Ương Đảng (5-1941), Thái Nguyên là một trong những địa bàn có những hoạt động cách mạng sôi nổi nhất trong cả nước. Tháng 5.1941, đội Cứu Quốc quân I được thành lập tại Bắc Sơn-Võ Nhai. Chỉ ít lâu sau, tháng 9.1941, tại Tràng Xá, đội Cứu quốc quân II cũng được thành lập. Đây là những lực lượng vũ trang tập trung đầu tiên của cách mạng nước ta. Thái Nguyên cũng là trung tâm của căn cứ địa cách mạng Việt Bắc nơi có phong trào cách mạng phát triển mạnh so với cả nước, cùng nhân dân toàn quốc giành thắng lợi trong cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8 năm 1945.

[1] Trường-Chinh, bài ghi trong sổ lưu niệm của thị xã Thái Nguyên năm 1948, trích trong :"*Bắc Thái 40 năm đấu tranh và xây dựng*", Sở VHTT Bắc Thái XB, 1985.

Ngay sau khi cuộc cách mạng tháng Tám 1945 thành công, thực dân Pháp lại quay lại hòng thôn tính nước ta một lần nữa. Nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên tự hào mang tên người anh hùng Đội Cấn của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 làm tên của tỉnh mình, cùng quân và dân cả nước bước vào cuộc kháng chiến thần thánh.

Lúc này, với vị trí chiến lược và truyền thống chống ngoại xâm bất khuất kiên cường của mình, Thái Nguyên trở thành thủ đô kháng chiến của cả nước. Nhân dân các dân tộc Thái Nguyên được cả nước giao cho một trọng trách lịch sử bảo vệ Trung ương Đảng, chính phủ và Hồ Chủ Tịch. Chính từ đây, những quyết định của bộ chỉ huy cao nhất của cuộc kháng chiến được phát ra, lãnh đạo quân và dân cả nước ta từng bước bẻ gãy ý đồ xâm lược của giặc Pháp, làm nên trận Điện Biên Phủ chấn động toàn cầu, giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược.

Không chỉ là hậu phương, căn cứ địa của cuộc kháng chiến thần thánh, tiếp nối truyền thống đánh giặc kiên cường của các nghĩa sĩ Thái Nguyên năm xưa, quân và dân Thái Nguyên còn trực tiếp đánh thắng giặc Pháp nhiều trận quan trọng. Trong chiến dịch Thu Đông năm 1947 quân dân Thái Nguyên đã giáng cho địch những đòn đích đáng tại Định Hoá, góp phần làm thất bại toàn bộ chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của giặc Pháp, bảo vệ an toàn tuyệt đối cho Trung ương Đảng và Chính phủ. Lịch sử cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam còn ghi

đậm những chiến công của quân và dân Thái Nguyên tại Phổ Yên, Phú Bình... (10.1950).

Cùng với nhân dân cả nước, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chính Phủ, một lần nữa nhân dân Thái Nguyên, với hành trang trong mình là tinh thần chiến đấu ngoan cường của các nghĩa sĩ Thái Nguyên, bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Hàng chục ngàn con em nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đã có mặt trên khắp mọi miền của Tổ Quốc, chiến đấu và công tác trong mọi lĩnh vực. Nhân dân Thái Nguyên tự hào đã bắn tan xác chiếc máy bay Mỹ thứ 1000 trên Miền bắc (29.4.1966). Mảnh đất Thái Nguyên trở thành một trong những trọng điểm đánh phá ác liệt của giặc Mỹ. Có thể nói Thái Nguyên không chỉ là một trong những tỉnh hậu phương lớn của cả nước mà còn là nơi diễn ra những trận đọ sức quyết liệt giữa không lực Hoa Kỳ với lực lượng phòng không nhân dân Việt Nam. Trong thắng lợi vẻ vang và hào hùng của dân tộc Việt nam ngày 30.4.1975, giải phóng Miền nam thống nhất đất nước, có một phần đóng góp không nhỏ xương máu của nhân dân các dân tộc tỉnhThái Nguyên.

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, Thái Nguyên cũng là một trong những địa phương có một vị trí rất quan trọng. Từ một tỉnh miền núi và trung du vời một nền kinh tế nghèo nàn, nhỏ bé, hầu như không có một cơ sở công nghiệp nào đáng kể, Thái Nguyên từng bước trở thành một trong những trung tâm công nghiệp đầu tiên

của cả nước. Năm 1959 khu gang thép Thái Nguyên, cơ sở lớn đầu tiên của sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà đã được khởi công xây dựng làm cho Thái Nguyên trở thành trung tâm công nghiệp luyện kim lớn nhất của Tổ quốc. Từ sau khi đất nước thống nhất, với những cụm công nghiệp được xây dựng ngay chính trên trận địa ác liệt nhất của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm xưa: khu gang thép Thái Nguyên và cụm công nghiệp cơ khí Sông Công, Phổ Yên... bộ mặt kinh tế xã hội của Thái Nguyên ngày càng có những biến đổi quan trọng...

Với diện tích 3514 km2, nơi hội tụ 1019000 người, được phân chia thành 9 đơn vị hành chính: 1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện với 177 xã, thị trấn (3454 xóm bản), Thái Nguyên không phải là một tỉnh lớn. Tuy nhiên dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền nhân dân các cấp, nhân dân Thái Nguyên đang nỗ lực vươn lên, xây dựng cuộc sống mới. Mấy năm gần đây tình hình kinh tế xã hội đã có sự chuyển biến đáng kể. Đời sống kinh tế - văn hoá của nhân dân đã được nâng lên rõ rệt. Trong cuộc sống lao động hoà bình, những giá trị tinh thần của cuộc khởi nghĩa, gương chiến đấu hy sinh lẫm liệt của các nghĩa sỹ Thái Nguyên năm nào vẫn là một trong những nguồn sức mạnh to lớn của nhân dân Thái Nguyên ngày nay.

Những khát vọng độc lập tự do mà các anh hùng liệt sĩ của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm xưa từng mong ước ngày nay đã trở thành hiện thực. Câu hỏi lớn đặt ra cho các

thế hệ con cháu của những nghĩa sĩ Thái Nguyên hôm nay là chúng ta phải làm thế nào để xứng đáng với những hy sinh to lớn của cha ông ?

Dưới ánh sáng của nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ VII, nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh khó IX, họp thứ 4, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đang bước vào thực hiện cho được công cuộc xoá đói giảm nghèo, xây dựng Thái Nguyên trở thành một tỉnh có nền kinh tế phát triển, có đời sống văn hoá xã hội lành mạnh, đậm đà bản sắc dân tộc. Về phần mình, cơ quan Văn hoá tỉnh đang xây dựng một chương trình công tác cụ thể để trình các cấp có thẩm quyền nhằm không chỉ duy trì khu di tích đền Đội Cấn ở trung tâm thành phố, mà còn xúc tiến nghiên cứu, xây dựng một đề án tổng thể về cụm di tích Khởi nghĩa Thái Nguyên. Một ngày không xa, hy vọng những di tích của khởi nghĩa Thái Nguyên sẽ được trùng tu, tôn tạo, tạo điều kiện cho nhân dân, các thế hệ con cháu của các nghĩa sỹ Thái Nguyên có điều kiện tới thăm viếng, thắp hương tưởng niệm.

3. Công cuộc đổi mới công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam là nhằm mục tiêu xây dựng một đất nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh" Chúng ta đều biết, một trong những khó khăn phức tạp của thời "đổi mới" hiện nay là vấn đề làm sao chúng ta vừa phát triển kinh tế, vừa giữ gìn được bản sắc văn hoá dân tộc. Hiện nay

"Xử lý mối quan hệ giữa lợi ích kinh tế và yêu cầu văn hoá ... Bảo vệ bằng được những di tích lịch sử và văn hoá của dân tộc là mục tiêu và nhiệm vụ cao cả của Nhà nước và mọi tầng lớp nhân dân.."[2] đã và đang đặt ra cho những người làm công tác quản lý xã hội cũng như tất cả mọi người chúng ta một nhiệm vụ rất nặng nề là cần đẩy mạnh việc bảo tồn, khai thác và phát huy truyền thống bất khuất, quật cường của khởi nghĩa Thái Nguyên để phục vụ cho công cuộc xây dựng và đổi mới hiện nay.

Khởi nghĩa Thái Nguyên anh dũng đã đi vào lịch sử dân tộc. Nhưng tinh thần của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên sẽ mãi mãi phải là tấm gương cho chúng ta, giúp thổi bùng thêm lên ngọn lửa yêu nước, nhiệt tình cách mạng, độc lập, tự chủ tự cường để biến Thái Nguyên từ một tỉnh miền núi nghèo nàn, lạc hậu thành một tỉnh có nền kinh tế phát triển, có đời sống văn hoá xã hội lành mạnh, đậm đà bản sắc dân tộc, nhanh chóng đuổi kịp các tỉnh bạn, hoà nhập vào dòng thác cách mạng đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Đó chính là chúng ta đã thực hiện được hoài bão *"Kiến ức vạn thế thái hà chi vĩ nghiệp" (Xây dựng cơ nghiệp vĩ đại ức vạn đời cho sơn hà), như* tuyên ngôn của các nghĩa sĩ Thái Nguyên năm xưa.

---

[2] Bài phát biểu của Đại tướng Võ Nguyên Giáp ngày 22.7.1996, *Tạp chí Xưa Nay, số 30 (8.1996)*, trang 6.

DI TÍCH KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN HIỆN TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

ĐỒNG KHẮC THỌ
Bảo tàng tỉnh Thái Nguyên

Trong thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hoá đất nước, thành phố Thái Nguyên có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ. Bộ mặt đô thị thay đổi với nhịp độ khẩn trương. Cùng với việc phát triển kinh tế - xã hội, một vấn đề bức thiết đặt ra là phải bảo vệ, giữ gìn và khai thác hiệu quả các di tích lịch sử văn hóa mà trong đó quan trọng hàng đầu là di tích cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên ở khu vực trung tâm thành phố.

Tám mươi năm đã qua (30/8/1917 - 30/8/1997), kể từ ngày binh lính thị xã Thái Nguyên dựng cờ khởi nghĩa với lý tưởng "Nam binh phục quốc", với sự tàn phá của khí hậu

nhiệt đới, tác động của con người, trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, xây dựng chủ nghĩa xã hội những di tích ghi dấu nơi diễn ra sự kiện khởi nghĩa đã bị xuống cấp nghiêm trọng, hoặc chỉ còn là địa điểm bên những công trình xây dựng mới.

Trại lính khố xanh xưa được xây bằng gạch bê tông lợp ngói, có tường ngăn cách, nằm trên đường Pôn Be (nay là đường Đội Cấn thuộc phường Trưng Vương). Nhà và tường đã bị phá dỡ trong thời kỳ tiêu thổ kháng chiến (1947 - 1948). Tại đây diễn ra sự kiện trọng đại: Đội Cấn treo cờ ngũ tinh (5 sao) mang dòng chữ "Nam binh phục quốc" và tuyên bố "Thái Nguyên độc lập". Trên nền trại lính khố xanh xưa đã mọc lên Công ty xổ số Thái Nguyên và một phần đất còn lại của nó thuộc Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam. Như vậy di tích trại lính khố xanh ngày xưa, nay chỉ còn là địa điểm. Tại đây cần phải xây dựng tượng đài Khởi nghĩa Thái Nguyên nhìn ra cột đồng hồ đường tròn trung tâm tạo một quần thể văn hoá sống động gồm công viên Sông Cầu, Công ty Xổ số, Nhà bảo tàng Văn hoá các dân tộc Viêt Nam.

Địa điểm di tích nhà lao Thái Nguyên (nay là khu đất trường tiểu học Trưng Vương, thuộc tổ 24, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên) cách địa điểm trại lính khố xanh khoảng 400m về phía đông bắc. Nhà tù ngày đó rộng 150m, dài 200m có nhà xây kiên cố, tường gạch bao quanh. Nơi đây quân khởi nghĩa đã giết giám ngục Nô-en,

giải phóng tù nhân trong đó có Lương Ngọc Quyến. Nhà tù cũng bị phá dỡ trong thời kỳ tiêu thổ kháng chiến (1947 - 1948). Tại địa điểm di tích này cần phải dựng bia ghi dấu sự kiện lịch sử trên và tạo vườn hoa, tượng bán thân ông Lương Ngọc Quyến, sân hành lễ cho học sinh vui chơi, tham quan, tưởng niệm.

Địa điểm di tích dinh công sứ Pháp: Nằm kề trại lính khố xanh, nay thuộc tổ 21 phường Trưng Vương. Ngôi nhà xây dựng đầu thế kỷ XX, gồm 3 tầng (có 1 tầng chìm), là nơi ở, của công sứ Pháp. Trong thời kỳ tiêu thổ kháng chiến (1947) nhà bị phá dỡ, nay còn móng, bậc lên xuống. Nhà nằm trên quả đồi cao trong khuôn viên Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam, nhìn ra đường tròn trung tâm thành phố Thái Nguyên. Tầng ngầm ra vào đã bị lấp, bậc lên xuống còn nguyên vẹn. Theo chúng tôi, cần khai thông, gia cố tầng ngầm nhà công sứ, gắn bia giới thiệu sự kiện cho khách tham quan.

Địa điểm di tích khu phòng tuyến Gia Sàng: Cách trại lính khố xanh cũ 2000m về phía đông nam, gồm 5 quả đồi: Đồi Bầu, đồi Gò Trại, đồi Bà Cụ, đồi Tăng Xê, đồi Cụ Lân. Trên đồi Tăng Xê còn dấu tích hầm hào sâu khoảng 1m. Khu phòng tuyến khống chế đường Hà Nội - Thái Nguyên. Để chọc thủng phòng tuyến địch phải trả giá 18 (20) tên chết, 16 tên bị thương. Di tích kề trường PTTHCS Nha Trang thuộc địa phận phường Phan Đình Phùng. Do thời gian xảy ra sự kiện đã 80 năm, các cơ quan, trường học, nhân dân san lấp xây dựng, di tích còn lại địa điểm với 13,5m

dấu tích hầm hào. Để khai thác di tích quan trọng này cần làm biển di tích, tôn tạo đường lên đồi Tăng Xê, gia cố phục hồi hầm hào bằng xi măng giả đất, cả 5 quả đồi đều cắm bia trang trọng ghi dấu sự kiện lịch sử.

Di tích Đền Đội Cấn được xây dựng trên quả đồi thuộc phường Hoàng Văn Thụ nhìn ra đường tròn. Đền cách trại lính khố xanh cũ 250m, cách dinh công sứ cũ 200m, cách phòng tuyến Gia Sàng2000m. Trong các ngày lễ lớn, ngày Khởi nghĩa Thái Nguyên, tết nguyên đán, ngày rằm, mùng một nhân dân thường đến dâng hương tưởng niệm. Đền hẹp, chưa được xây dựng lại xứng đáng nơi thờ người anh hùng dân tộc Trịnh Văn Cấn. Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ đã được phê duyệt thiết kế, trong tương lai sẽ được xây dựng kề bên đền. Nên chăng cần xây lại đền to đẹp, có bia khắc tên danh sách nghĩa quân, xây dựng tượng Đội Cấn, tạo ra cảnh quan hài hoà để phục vụ sinh hoạt văn hoá và giáo dục truyền thống cho nhân dân.

Năm 1996, Bảo tàng tỉnh Thái Nguyên phối hợp với thành phố đã tiến hành tổng kiểm kê di tích lịch sử văn hoá trên địa bàn Thái Nguyên. Thành phố Thái Nguyên hiện có 95 di tích lịch sử, văn hoá, trong đó 5 điểm di tích là nơi diễn ra những sự kiện quan trọng nhất của Khởi nghĩa Thái Nguyên được đưa vào danh mục. Tháng 4 năm 1997, Bảo tàng đã hoàn thành hồ sơ khoa học "Địa điểm di tích Khởi nghĩa Thái Nguyên và đền thờ Đội Cấn" trình Bộ Văn hóa thông tin công nhận xếp hạng để tổ chức đón bằng vào dịp kỷ niệm 80 năm Khởi nghĩa Thái Nguyên (30/8/1997).

Ngoài phương án bảo vệ, tôn tạo, phục hồi 4 điểm di tích Khởi nghĩa Thái Nguyên và đền Đội Cấn, Bảo tàng Thái Nguyên có ý đồ xây dựng sa bàn về Khởi nghĩa Thái Nguyên và mô hình thu nhỏ diễn biến Khởi nghĩa Thái Nguyên, để cùng với các hiện vật liên quan đến Khởi nghĩa Thái Nguyên, Bảo tàng có thể tổ chức trưng bày thành một chuyên đề. Và nên chăng, Phổ Yên, Phú Bình, Đại Từ và các tỉnh bạn có liên quan đến cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 cần có phương án tôn tạo, bảo vệ các di tích Khởi nghĩa Thái Nguyên? Đặc biệt di tích Núi Pháo Đại Từ, nơi xảy ra trận huyết chiến cuối cùng của nghĩa quân với giặc Pháp, nơi Đội Cấn hy sinh cần lập đền thờ và dựng bia ghi dấu sự kiện.

Trong dịp kỷ niệm 80 năm Khởi nghĩa Thái Nguyên, rất mong các nhà khoa học, nghiên cứu lịch sử bổ sung, cho định hướng nghiên cứu, bảo vệ, khai thác di tích Khởi nghĩa Thái Nguyên.

Chúng tôi hy vọng, thành phố Thái Nguyên - quê hương của cuộc Khởi nghĩa, sẽ phối hợp với các cơ quan chuyên môn sớm xây dựng được một đề án tổng thể "Bảo vệ, tôn tạo, phục hồi và phát huy các di tích Khởi nghĩa Thái Nguyên giai đoạn 1998 đến 2005" trình Nhà nước phê duyệt để di tích Khởi nghĩa Thái Nguyên được phục hồi, tôn tạo và phát huy tác dụng giáo dục truyền thống, tương xứng với tầm vóc quan trọng của cuộc Khởi nghĩa trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

Tháng 6 năm 1997

Ngoài phương án bảo vệ, tôn tạo, phục hồi 4 điểm di tích Khởi nghĩa Thái Nguyên và đền Đội Cấn, Bảo tàng Thái Nguyên có ý đồ xây dựng sa bàn về Khởi nghĩa Thái Nguyên và mô hình thu nhỏ điện biện Khởi nghĩa Thái Nguyên, để cùng với các hiện vật liên quan đến Khởi nghĩa Thái Nguyên, Bảo tàng có thể tổ chức trưng bày thành một chuyên đề. Và nên chăng, Phủ Yên, Phủ Bình, Đại Từ và các tỉnh bạn có liên quan đến cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 cần có phương án tôn tạo, bảo vệ các di tích Khởi nghĩa Thái Nguyên? Đặc biệt di tích Nối Phảo Đại Từ, nơi xảy ra trận huyết chiến cuối cùng của nghĩa quân với giặc Pháp, nơi Đội Cấn hy sinh cần lập đền thờ và dựng bia ghi dấu sự kiện.

Trong dịp kỷ niệm 80 năm Khởi nghĩa Thái Nguyên, rất mong các nhà khoa học, nghiên cứu lịch sử bổ sung, cho định hướng nghiên cứu, bảo vệ, khai thác di tích Khởi nghĩa Thái Nguyên.

Chúng tôi hy vọng, thành phố Thái Nguyên - quê hương của cuộc Khởi nghĩa, sẽ phối hợp với các cơ quan chuyên môn sớm xây dựng được một đề án tổng thể "Bảo vệ, tôn tạo, phục hồi và phát huy các di tích Khởi nghĩa Thái Nguyên giai đoạn 1998 đến 2005" trình Nhà nước phê duyệt để di tích Khởi nghĩa Thái Nguyên được phục hồi, tôn tạo và phát huy tác dụng giáo dục truyền thống, tương xứng với tầm vóc quan trọng của cuộc Khởi nghĩa trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

Tháng 6 năm 1997

PHẦN THỨ BA

TƯ LIỆU

PHẦN THỨ BA

TỰ LIỆU

NHỮNG BẢN TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN

PGS. NGÔ VĂN HOÀ

Viện sử học

Từ trước tới nay, giới sử học đều biết đến hai bản tuyên ngôn của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên do Đào Trinh Nhất công bố[1]. Gần đây chúng tôi có tìm được một bản tuyên ngôn bằng chữ Hán trong kho hồ sơ lưu trữ của thực dân Pháp. Bản này xuất hiện dưới hai hình thức : nguyên bản bằng chữ Hán và được dịch ra tiếng Pháp để phục vụ cho giới cầm quyền. Đây là bản tuyên ngôn thứ hai. Nay chúng tôi xin phép công bố những tài liệu này.

[1] Xem Đào Trinh Nhất : *Lương Ngọc Quyến và cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917*, Quốc dân Thư xã xuất bản, Hà Nội, 1946.

Trong Hồ sơ lưu trữ RST.D42, N.70552 có tài liệu tiếng Pháp như sau ;

"Le 15 du 7^è^ mois de la 1ère année du règne Đại Hùng Đế Quốc.

Nous sousignés Trịnh Grand chef des armées libératrices de la province de Thái Nguyên portons la présente proclamation à la connaissance des enfants du pays d'Annam.

Hélas, par suite des évenements voulus par le ciel, notre nation a été devenue pauvre et impuissante, le vent néfaste de l'Occident a passé à travers l'Orient et nos générations s'éteignent depuis. Il y a 30 ans déjà que notre patrimoine est devenue comme un désert, les grands hommes mènent une vie triste, nos 40.000.000 compatriotes se tourmentent comme s'ils sont dans le feu et sous l'eau, excitant la pitié des soldats de la patrie.

Tous ces malheurs que le ciel nous a envoyés prennent fin aujourd'hui. Ce même ciel qui nous a fait souffrir compatit maintenant à notre misère, veut nous rendre la prospérité. En dehors, nous avons des hommes de valeur qui puisent la lumière des pays étrangers pour nous servir de guide, en dedans nous avons des hommes instruits qui la mettent en pratique. En l'année Mậu Thân, nous avons tué nos ennemis à Hanoi et portés la terreur chez eux. En l'année Kỷ Dậu, le soulèvement de la province de Lạng Sơn

a produit un soulagement dans nos coeurs opprimés. D'autre part, l'ecole de Đông Kinh Nghĩa Thục a ouvert nos âmes, la province de Quảng Nam a résité à l'établissement de l'impôt personnel; un élève a risqué sa vie pour lancer une bombe à Hanoi; Xích Long se fut révolté en Annam. En sommes, nous avons lutté depuis plus de 10 ans pour notre civilisation, notre patrimoine est devenu de plus en plus fort. Tous ces efforts que nous avons prodigué pour reprendre notre pays ont terrifié l'ennemi et réveillé notre esprit d'indépendance.

D'ailleurs toute l'Europe est aujourd'hui agitée, les pirates francais sont gênés dans leur propre territoire. Les Anglais et Russes ont fait une paix séparée avec les Allemands; la France a perdu ainsi des bras qui lui sont indispensables; la Turquie et l'Autriche ont coupé l'Italie pour aller frapper la France à son endoit mortel; Paris sera bientôt intenable. Comment peuvent-ils nous protéger les francais, quand ils sont attaqués chez eux ? Profitons de l'impuissance de la France, profitons de cette heure unique dans l'espace de mille ans, de cette occasion la plus rare pour laver notre honte, pour nous venger.

Obéissant à l'ordre de l'Empereur, nous formons des troupes, décidés à chasser l'ennemi avec un commun effort de l'intérieur et de l'extérieur, nous avons fait l'alliance avec l'Empire du Centre de la Chine; nos soldats et officiers ont appris l'art militaire chez nos puissants

voisins chinois et chez le grand royaume de Japon; ils sont tous aguerris dans maints combats, prêts à sacrifier leur vie pour leur chère patrie. Avec 10.000 caisses de fusils et de cartouches, 100.000 aéroplanes, nous allons frapper des coups de foudre, et dans peu de temps la victoire sera à nous. Nos troupes ne font pas de mal, n'accaparent pas des biens de la population, elles ne s'occupent partout où elles se trouvent qu'à reconquérir les terres de nos ancêtres, à exterminer la race étrangère à nous. Compatriotes doublons donc nos efforts pour achever notre oeuvre grandiose, pour hisser fièrement notre drapeau de 5 étoiles parmi les 5 parties du monde, pour ne pas tromper l'espérance de notre pays.

Eh! la vie d'une nouvelle nation qui durera des milliers d'année commencera ce jour. C'est à nous tous de nous délivrer de la servitude qui pèse sur nous depuis longtems déjà.

Telle est en des termes claires la proclamation"

Dưới đây là bản dịch tiếng Việt của tài liệu trên:

"*Đại Hùng đế quốc năm thứ nhất, tháng 7 ngày 15. Trịnh tư lệnh trưởng Quang phục quân của tỉnh Thái Nguyên xin bố cáo cho toàn thể dân chúng nước Nam hay: Than thay, do lòng trời xui khiến, đất nước ta đã trở nên nghèo khó và yếu kém, ngọn gió tà khí từ phương Tây thổi qua phương Đông khiến những thế hệ chúng ta tàn lụi từ đó. Từ 30 năm qua xứ sở chúng ta đã hoang vắng như bãi sa mạc, những*

người tài trí phải sống buồn tủi cuộc đời tối tăm. Bốn mươi triệu đồng bào đang rên xiết như bị ném vào đống lửa hoặc xuống nước sâu. Điều này khiến cho những nghĩa binh của đất nước phải chau mày thương xót.

Tất cả những tai hoạ mà Trời giáng xuống đầu chúng ta đã kết thúc từ ngày hôm nay.Trời đã làm cho chúng ta đau khổ nay Trời lại động lòng trắc ẩn trước nỗi khổ đau của chúng ta nên muốn trả lại cho chúng ta sự thịnh vượng. ở bên ngoài chúng ta có những người con tài năng đang học tập ở nước ngoài để về dẫn đường chỉ lối cho chúng ta, ở bên trong chúng ta có những người học thức mang những điều này ra thực hành. Vào năm Mậu Thân chúng ta đã giết kẻ thù ở Hà Nội[2] *và khiến cho chúng phải khiếp sợ. Vào năm Kỷ Dậu, việc tỉnh Lạng Sơn nổi dậy*[3] *làm cho tâm hồn của những người bị áp bức hả hê. Mặt khác, Đông Kinh nghĩa thục đã làm cho tấm lòng chúng ta được khai sáng, tỉnh Quảng Nam chống lại việc đóng thuế thân*[4]*, một người học trò đã hy sinh thân mình để ném trái bom ở Hà Nội*[5]*, (Phan) Xích Long đã nổi dậy ở trong Nam*[6] *. Về đại cục chúng ta đã chiến đấu từ hơn mười năm nay vì nền văn*

---

[2] Chỉ vụ đầu độc trại lính Tây ở Hà Nội vào mùa hè năm 1908.
[3] Chỉ cuộc nổi dậy ở Lạng Sơn năm 1909.
[4] Chỉ phong trào chống thuế ở Quảng Nam và các tỉnh Trung Kỳ năm 1908
[5] Năm 1913, Nguyễn Khắc Cần nhận lệnh của Quang Phục Hội ném bom Khách sạn Hà Nội, giết chết hai võ quan Pháp là Chapuis và Montgrand
[6] Chỉ phong trào yêu nước chống Pháp ở Nam Bộ trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất 1914 - 1918. Phong trào hoạt động dưới hình thức "hội kín" , Phan Xích Long được tôn làm minh chủ

hiến của chúng ta, sức lực chúng ta đã ngày càng mạnh. Tất cả những cố gắng của chúng ta bỏ ra để giành lại non sông đã khiến cho kẻ thù phải khiếp sợ và thức tỉnh tinh thần độc lập của mọi người.

Mặt khác, nay cả Châu Âu đang xao xuyến, bọn giặc Pháp đang gặp khó khăn ở ngay tại đất nước chúng. Người Anh và người Nga đã tiến hành thương lượng những nền hoà bình riêng rẽ với người Đức; như vậy là nước Pháp đã mất đi những cánh tay đắc lực của mình. Nước Thổ Nhĩ Kì và Áo đã cắt đôi nước Ý để rồi tấn công nước Pháp ở điểm chí tử. Thành Paris rồi đây sẽ sụp đổ. Làm sao người Pháp có thể bảo vệ được cho chúng ta khi chính chúng đang bị tấn công ở đất nước mình. Đứng trước sự bất lực của nước Pháp, chúng ta hãy mau chóng lợi dụng cơ hội ngàn năm có một, cơ hội thật hiếm có này để rửa nhục để trả thù.

Vâng lệnh Đức Hoàng Thượng, chúng tôi đã lập những đội quân, cương quyết đánh đuổi kẻ thù do cố gắng chung của cả bên trong lẫn bên ngoài. Chúng tôi đã liên kết với đất nước Trung Quốc, những sĩ quan và binh lính của chúng tôi đã được học tập nghệ thuật quân sự ở những nước lân bang hùng cường như Trung Quốc và đại vương quốc Nhật Bản, họ đã dày dặn trong nhiều chiến trận, sẵn sàng hy sinh thân mình vì Tổ Quốc thân yêu. Với ức vạn thùng súng đạn, với vạn chiếc máy bay, chúng tôi sẽ đánh những đòn sấm sét và chỉ trong một thời gian ngắn nữa, chiến thắng sẽ thuộc về tay chúng ta. Quân lính chúng tôi không làm điều

gì xấu xa, không ăn cướp tài sản của dân. Ở bất cứ nơi đâu, họ chỉ quan tâm tới việc giành lại đất đai của tổ tiên, tiêu diệt loài ngoại bang.

Để khỏi phụ lòng mong đợi của khí thiêng và sông núi, đồng bào hãy cố gắng

hơn nữa để hoàn thành sự nghiệp vĩ đại này, hiên ngang kéo lên ngọn cờ 5 sao của chúng ta tại khắp năm châu.

Đẹp thay cuộc đời mới của đất nước ngàn đời thanh xuân sẽ bắt đầu từ đây. Tất cả chúng ta hãy rũ bỏ ách tôi đòi đã từ lâu đè lên chúng ta.

Đó là những ý tứ rõ ràng của Bản tuyên ngôn này !!!

(Dưới đây là bản Photocopy tài liệu chữ Hán cũng trong hồ sơ lưu trữ nói ở trên :

秋本

太原省光復軍正司令長卿　敦哀告于我全
國父兄子弟曰嗚呼風雨晴冥乾坤板蕩歐風
東漸炎火南消五十年祖國並壇英雄氣河四
千萬胞民水火壯士心悲天竭殺帝子共極憂
而幸上帝啟衷人心思治外欲首出準諸英傑
以為之首倡內又有全國奸人士以為之響從
於申河內殺仇已寒賊斜已日誅上起美大旅
士民其鎮如東京美極之[illegible]民廣帝諸省之祖
饒河城死士之機炮帝於[illegible]之起六十餘年

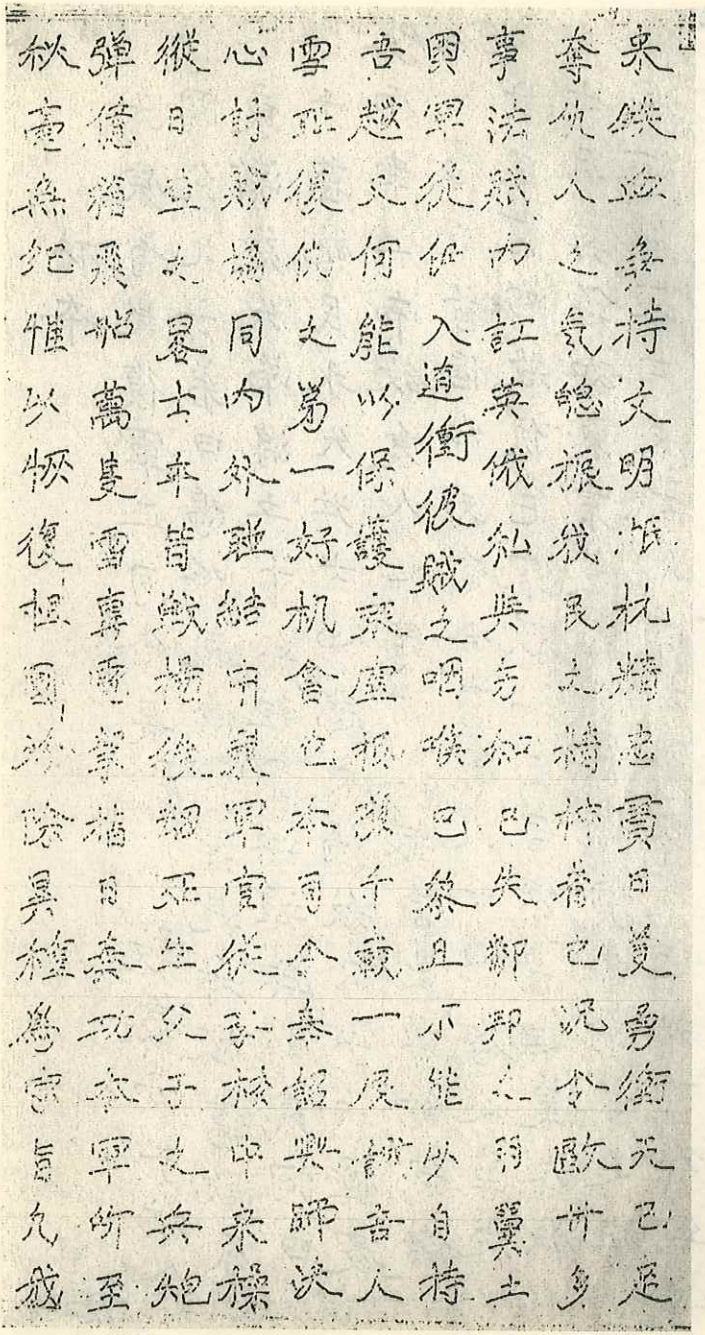

同胞其各自奮共成大事以揚我五星國旗于五
大洲之上吾江山有原望焉憶建億萬世泰河之
偉業正在今朝洗效十年效顰之奇益端賢群力
此仰

大雄帝國元年柒月望

京清司法院譜譯房記錄[illegible]

Phiên âm:

Sao bản : Thái Nguyên tỉnh, Quang phục quân Chánh ty lịch trưởng Trịnh cảm ai cáo vu ngã toàn quốc phụ huynh tử đệ viết : Ô hô phong vũ hối minh, càn khôn bản đãng, Âu phong đông tiệm, viêm hoả Nam tiêu, ngũ thập niên tổ quốc khâu khử, anh hùng khí mẫn, tứ thiên vạn bào dân thuỷ hoả, tráng sĩ tâm bi, thiên hoạ ngã Nam vu tư cực xử, nhi hạnh thượng đế khải ai, nhân tâm tư trị. Ngoại ký hữu xuất dương chư anh kiệt dĩ vi chi thủ xướng. Nội hựu hữu toàn quốc đô nhân sĩ dĩ vi chi hưởng tòng. Mậu Thân, Hà Nội sát cừu dĩ hàn tặc đảm. Kỷ Dậu, Lạng Sơn khởi nghĩa đại chấn sĩ phong, kỳ lục như Đông Kinh nghĩa thục chi giác dân, Quảng Nam chủ tỉnh chi cự thuế, Hà Thành tử sĩ chi đầu pháo, Nam Kỳ Xích Long chi khởi binh. Thập dư niên lai, thiết huyết tranh trì, văn minh để kháng, tinh trung quán nhật, nghĩa dũng xung thiên, dĩ túc đoạt cừu nhân chi khí phách, chấn ngã dân chi tinh thần giả dã. Huống kim Âu châu đa sự, Pháp tặc nội công, Anh Nga tư dữ Đức hoà, dĩ thất lân bang chi vũ dực. Thổ, Áo, quân tòng, Ý nhập đạo xung bỉ tặc chi yết hầu. Ba Lê thả bất năng dĩ tự trì, Ngô Việt hựu hà năng dĩ bảo hộ. Thừa hư để khích, thiên tải nhất thời, thành ngô nhân tuyết sỉ phục cừu chi đệ nhất hảo cơ hội dã. Bản ti kim phụng chiếu hưng sư, quyết tâm thảo tặc, hiệp đồng nội ngoại, liên kết Trung Đông, quân quang tòng học hiệu trung lai, thao túng Nhật Hoa chi lược, sĩ tốt giai chiến trường, hậu kiếp tử sinh phụ tử chi binh.

Pháo đạn ức xương, phi thuyền vạn chích, lôi kích điện xiết chỉ nhật tấu công. Bản quân sở chí, thu hào vô phạm, duy dĩ khôi phục Tổ Quốc, điễn trừ dị chủng vi tông chỉ. Phàm ngã đồng bào, kỳ các tự phấn, cộng thành đại sự, dĩ dương ngã ngũ tinh quốc kỳ vu ngũ đại châu chi thượng, ngô giang sơn hữu nguyện vọng yên y; kiến ức vạn thế thái hà chi vĩ nghiệp, chính tại kim triêu, tẩy sổ thập niên nô lệ chi kỳ, cái đoan tư quần lực. Thử bố

Đại Hùng đế quốc nguyên niên, thất nguyệt, vọng nhật.

Đông Pháp, tư pháp viện, phiên dịch cục , ký lục Lê Đức Hoạt phụng sao y như chính bản.

(Tạ Ngọc Liễn phiên âm)

Vu

Hanoi le 3janvier 1919

Le chef du bureau de traduction

Signé : Litolff

P.P.C (Viết tắt của chữ Pour copie conforme)

Dịch nghĩa :

Tỉnh Thái Nguyên, Quang Phục Quân, Chánh tư lệnh trưởng họ Trịnh đau đớn xin báo với cha, anh, con, em trong cả nước rằng : Ôi, gió mưa mù mịt, trời đất ngả nghiêng, gió Tây thổi dần gió Đông, Nam bang lửa đốt tan tành, Tổ Quốc năm mươi năm biến thành gò đống, anh hùng xót thương; bốn mươi triệu đồng bào sống trong lửa

nước, tráng sĩ bi lòng. Trời giáng hoạ đưa nước Nam ta đến chỗ cùng cực. Nhưng may mắn Thượng đế mở tình thương, nhân tâm nghĩ suy công việc trị bình. Bên ngoài đã có các đấng anh kiệt xuất dương thủ xướng; bên trong lại có các bậc nhân sĩ ở toàn quốc hưởng ứng. Năm Mậu Thân, Hà Nội giết thù khiến giặc run sợ. Năm Kỷ Dậu, Lạng Sơn khởi nghĩa chấn động sĩ phong. Lại như Đông kinh nghĩa thục giác ngộ nhân dân, Quảng Nam các tỉnh chống thuế, Hà thành tử sĩ ném bom, ở Nam Kỳ (Phan) Xích Long khởi binh. Hơn mười năm lại đây máu sắt giăng nhau, văn minh chống chọi, tinh thần hết lòng vì nước, xuyên suốt nhật nguyệt, nghĩa dũng ngút trời, đủ để đoạt khí phách quân thù, làm phấn chấn tinh thần dân ta. Huống chi ngày ngay, Châu Âu lắm chuyện, giặc Pháp bên ngoài rối loạn. Anh, Nga đã hoà với Đức, làm mất lông cánh lân bang. Quân Thổ, Áo, từ Ý tiến vào, xông tới yết hầu giặc kia. Paris không đủ khả năng tự giữ, sao có thể che chở nổi nước Việt ta. Nhân chỗ trống, hở, ngàn năm một thủa, thật là cơ hội tốt nhất cho người mình rửa hận phục thù.

Bản Ti nay vâng chiếu dấy binh, quyết tâm đánh giặc, hiệp đồng trong ngoài, liên kết Trung Nhật, quân sĩ và sĩ quan từ trường võ bị Trung Quốc đến. Nắm lấy mưu kế Nhật, Hoa, quân sĩ đều ở chiến trường, sống chết cha con một lòng. Pháo đạn ức hòm, phi thuyền vạn chiếc, sấm vang chớp giật, hẹn ngày báo công. Bản quân tới đâu, mảy may của dân không phạm; chỉ lấy việc khôi phục Tổ Quốc, giết

trừ loài khác làm tôn chỉ. Hễ là đồng bào ta, ai nấy hãy tự gắng sức, cùng thành việc lớn, để giương lá quốc kỳ năm sao của ta khắp năm châu. Đó là nguyện vọng núi sông ta vậy. Xây dựng cơ nghiệp vĩ đại ức vạn đời cho sơn hà, chính tại buổi nay; rửa nỗi nhục vài mươi năm nô lệ, có lẽ bắt đầu nhờ dựa vào sức chung muôn người. Xin có thông báo này.

Đầu niên hiệu Đại Hùng Đế Quốc
Tháng7 ngày rằm âm lịch.

Đông Dương thuộc Pháp, Viện Tư pháp, Cục Phiên dịch, Ký lục Lê Đức Hoạt vâng sao như bản chính.

Đã xem :
Hà Nội ngày 3 tháng giêng năm 1919
Trưởng phòng dịch thuật
Đã Ký : Litolff
Sao y bản chính
(Tạ Ngọc Liễn dịch)

MẤY NHẬN XÉT SƠ BỘ VỀ HAI BẢN TUYÊN NGÔN

Bản tuyên ngôn thứ nhất được phát vào nửa đêm ngày 14 tháng 7 Đại Hùng năm thứ nhất, tập trung vào việc tố cáo tội ác của thực dân pháp và kêu gọi mọi người đồng tâm hiệp lực chống thực dân để giành lại nền độc lập cho Tổ Quốc :*"Những ai đứng vào hàng ngũ ta, cùng ta tuốt gươm giết giặc, ta rất hoan nghênh; ta để cho mỗi người được thi*

thố tài năng sáng kiến trong cuộc tranh đấu tự do độc lập chung". Tầm nhìn của bản tuyên ngôn này hãy còn giới hạn ở tỉnh Thái Nguyên, như ngay lời mở đầu đã viết :"*Đại đô đốc Trịnh bố cáo cho dân chúng đồng bào được biết*" và ở gần đoạn cuối bằng câu "*Hôm nay ta bắt đầu khôi phục lấy tỉnh Thái Nguyên*". Cuối cùng, tác giả của bản tuyên ngôn này cũng không quên cảnh cáo "*Những kẻ nào vẫn cam tâm nô lệ phò tá quân thù thì hãy coi chừng, ta sẽ lấy đầu không tha*".

Bản tuyên ngôn thứ nhì được phát vào ngày 15 (chứ không phải 14 như Đào Trinh Nhất ghi) tháng 7 Đại Hùng năm thứ nhất[7], ngoài việc nhắc lại việc tố cáo tội ác của thực dân như bản thứ nhất và biểu lộ niềm tin tất thắng vào chính nghĩa của dân tộc, còn có nhiều tính chất như một bản tuyên ngôn độc lập của cuộc khởi nghĩa gửi đồng bào cả nước, bằng ngay câu mở đầu " *Cảm ai cáo vu ngã toàn quốc phụ huynh tử đệ*" (Đau đớn xin báo với cha, anh, con, em trong cả nước rằng) và kết thúc bằng : "*Kiến ức vạn thế thái hà chi vĩ nghiệp, chính tại kim triêu, tẩy sở thập niên nô lệ chi kỳ, cái đoan tư quần lực*" (Xây dựng cơ nghiệp vĩ đại ức vạn đời cho sơn hà, chính tại buổi nay; rửa nỗi nhục vài mươi năm nô lệ, có lẽ bắt đầu nhờ vào sức chung muôn người). Về văn phong, bản tuyên ngôn thứ nhì ngắn gọn, súc tích hơn bản thứ nhất./.

[7] Đối chiếu âm dương lịch là ngày mùng một tháng chín năm 1917 (1-9-1917)

VÀI NÉT VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN NĂM 1917

PGS-PTS DƯƠNG KINH QUỐC
Viện Sử học VN

Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên do Đội Cấn lãnh đạo đã diễn ra cách chúng ta ngày nay tròn 80 năm (1917-1997). Từ đó đến nay, đã có nhiều công trình, bài viết được in ấn, đề cập tới sự kiện lịch sử này, dù trực tiếp hay gián tiếp, dù ở khía cạnh này hay ở khía cạnh khác. Những công trình và bài viết đó đã có tác dụng giúp cho mọi người hiểu biết được ngày càng rõ hơn về cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên; đồng thời cũng gợi ra một số vấn đề lớn để những nhà nghiên cứu tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, chính xác hơn, và có sức thuyết phục hơn. Mặt khác, đó đây ở tư liệu này hay tư liệu khác, cũng còn bộc lộ một số điểm-theo chúng tôi nghĩ-cần được làm sáng tỏ thêm.

Kỷ niệm 80 năm cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 là một dịp tốt để chúng ta cùng chung sức góp phần nhỏ của mỗi

chúng ta vào việc làm đó. Đó cũng là góp phần cùng các nhà nghiên cứu, biên soạn trước đây trong việc duy trì, phát triển cái tinh thần quật cường của khởi nghĩa Thái Nguyên, của các nghĩa sĩ, nghĩa binh và nhân dân ta trong cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917. Đó cũng là chúng ta vừa trân trọng gìn giữ, vừa tiếp tục nuôi dưỡng tinh thần DỰNG NƯỚC-GIỮ NƯỚC của dân tộc ta, cho ngày nay và mãi mãi sau này.

Với suy nghĩ đó, và dựa vào một số tư liệu mới sưu tầm được, chúng tôi chỉ muốn góp phần bổ sung một số dữ kiện trong cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, về vài điểm cụ thể dưới đây :

*Cái chất trong lực lượng chủ chốt của nghĩa quân;

*Giai đoạn đầu của khởi nghĩa Thái Nguyên :''Thái Nguyên độc lập'' ;

*Về "cái chết" của Đội Cấn

*

* *

I. CÁI CHẤT TRONG LỰC LƯỢNG CHỦ CHỐT CỦA NGHĨA QUÂN

Chúng ta đều đã biết, lực lượng chủ chốt của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên gồm hai bộ phận chính: Bộ phận Binh lính Trại lính khố xanh tại tỉnh lỵ Thái Nguyên; và bộ phận Tù nhân-trong đó có chính trị phạm-tại nhà tù tỉnh lỵ Thái Nguyên. Bởi vậy, chúng tôi xin được bắt đầu bằng việc giới thiệu danh sách của 2 bộ phận đó, trong đó có sự giới hạn chủ quan ở bảng danh sách thứ 2.

Chu Văn Yên (Cai Yên, Quyền Yên)

Sinh năm 1891, tại xóm Cao Chùa, xã Yên Mỹ, huyện Đại Từ. Là người tham gia đánh chiếm Kho bạc. Bị bắt và bị kết án tù chung thân, đầy đi Côn Đảo. Được trả tự do năm 1934. Tham gia cách mạng tháng 8-1945. Được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông dương năm 1948.

Ảnh do Giáo sư-Nhà giáo nhân dân Đinh Xuân Lâm cấp.

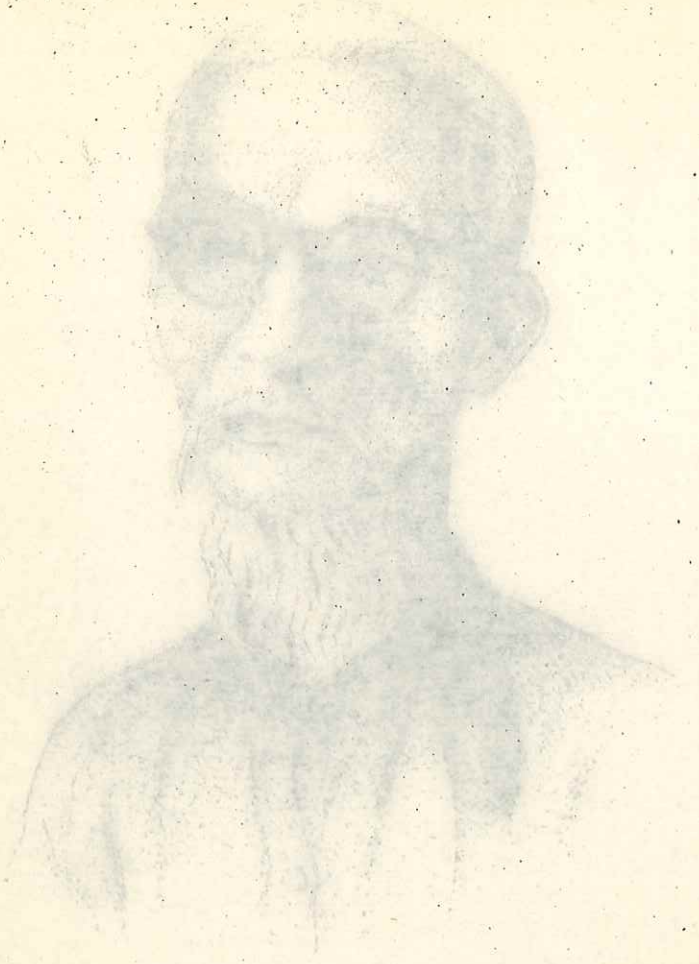

Danh sách binh sĩ ở Trại lính Khố xanh đóng tại tỉnh lỵ Thái Nguyên trước khi cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên 8-1917 bùng nổ[1]

Thứ tự	7 Tên	Số lính	Cấp bậc	Nguyên quán	
				Tỉnh	Huyện (h), Tổng (t),Làng xã (x), Thôn (th)
1	Trịnh Văn Cấn	71	Đội nhất	Vĩnh Yên	h. Bạch Hạc, t.Thượng Trưng, x. Yên Nhiên
2	Dương Văn Giá[2]	697	Đội nhất	Thái Nguyên	Phú Bình, La Đình, úc Sơn, th. Giựa Thôn
3	Phạm Văn Trường (đội thơ lại)	788	Đội nhất (phụ trách hậu cần)	Nam Định	Phong Doanh, Yên Lộc, x.Yên Lộc
4	(Không ghi)	145	Đội nhất	(Không ghi)	(Không ghi)
5	(Không ghi)	405	Đội nhất	(Không ghi)	(Không ghi)
6	Đặng Văn Lự	935	Đội nhì	Hà Nam	(Không ghi)
7	Nguyễn Bá Khôi	1043	Đội nhì	Thái Nguyên	Đại Từ, Hùng Sơn, x.Hùng Sơn
8	Đoàn Văn Năng, 36 tuổi	1338	Đội nhì	Hà Đông	Thượng Phúc, Hạ Hồi, Đức Trạch, Hoà Lương
9	Dương Đình Xuyên	789	Cai nhất	Thái Nguyên	Đại Từ, Tiên Sơn, x.La Bằng
10	Phạm Văn An	710	Cai nhất	Thái Nguyên	Phổ Yên, Hoàng Đầm, Đắc Hiển
11	Nguyễn Văn Hiển	909	Cai nhất	Bắc Ninh	Vũ Giàng, x. Làng Yên
12	Mậm (không ghi họ)	989	Cai nhất	Nam Định	Trực Ninh, Duyên Hưng, Duyên Bình
13	(Không ghi)	76	Cai nhất	(Không ghi)	(Không ghi)
14	Đào Văn Mảnh	641	Cai nhì	Thái Nguyên	Phú Bình, Đức Lân, t.Đức Lân, th. Vàng Thôn

[1]Kho ''Lưu trữ Hải ngoại'' (archives d'outre-Mer - Viết tắt AOM/ của Pháp tại tỉnh Aix -en Provence. Fonds RST, sous série F.68, số 36284. Đây là ký hiệu mà kho AOM sử dụng năm 1987.-Tác giả đã xử lý và hệ thống hoá lại. Về nhân danh, địa danh, nhiều chỗ thiếu dấu, vì tư liệu viết bằng chữ Pháp. Tác giả mong được bạn đọc bổ khuyết cho được chính xác. Xin chân thành cảm ơn, và mong được thông cảm (DKQ/

[2]AOM-Fonds RST, F.68, N.36280: Dương Văn Giá, có chỗ là Dương Thế Giá.

15	Ma Văn Được, 25t.	999	Cai nhì	Thái Nguyên	Phú Lương, Phủ Lý, x.Phú Khuôn
16	Hoàng Đắc Thảy (Thái), 28 t.	881	Cai nhì	Thái Bình	Thuỵ Anh, Quảng Nạp, x. Vạn Đồn
17	Nguyễn Kỳ	846	Cai nhì	Thái Bình	Quỳnh Côi, Quỳnh Ngọc, x. Lương Cụ
18	Phan Văn Ưng	889	Cai nhì	Thái Bình	Trực Định, Thịnh Quang, x.Thịnh Quang
19	Đào Văn Thiêm, 36 t.	1121	Cai nhì	Nam Định	Mỹ Lộc, Đông Phù, x.Đông Phú, th.Nguyên Lộc
20	Hoàng Văn Chu, 39 t.	666	Binh nhất	Thái Nguyên	Định Hoá, Phương Vỹ Thượng, x.Lam Vỹ
21	Hoàng Văn Chúc, 35 t.	707	Binh nhất	Thái Nguyên	Phú Bình, Nhã Lộng, x.Nhã Lộng
22	Ma Văn Thức	764	Binh nhất	Thái Nguyên	Định Hoá, Định Biên Trung, x.Du Nghệ
23	Bạch Đình Dũng	897	Binh nhất	Thái Nguyên	Phú Bình, Thượng Đình, x.Thượng Đình
24	Dương Đình Bảnh	919	Binh nhất	Thái Nguyên	Phú Bình, Thượng Đình, x. Thượng Đình
25	Dương Văn Bộ, hoặc Dương Đình Mỏ, 29t.	922	Binh nhất	Thái Nguyên	Phú Bình, Nhã Lộng, x.Nhã Lộng
26	Dương Văn Thìn	924	Binh nhất	Thái Nguyên	Phú Bình, La Đình, x.úc Sơn
27	Nguyễn Văn Hưởng, 28t.	994	Binh nhất	Thái Nguyên	Phổ An, Hoàng Đẩm, x.Hoàng Đàm
28	Nguyễn Văn Cởn	1002	Binh nhất	Thái Nguyên	Phú Bình, Lý Nhân, x.Lũ Yên
29	Nguyễn Văn Nhiên (Nguyễn Văn Bút) 43t.	551	Binh nhất	Thái Bình	Trực Định, Nam Huân, Cao Bạt, Lụ Thôn
30	Nguyễn Di (Gi), 31t	882	Binh nhất	Thái Bình	Thần Khê, Phúc Khê, x.Thọ Vực
31	Phạm Đăng Cừu	893	Binh nhất	Thái Bình	Thư Trì, Nội Lãng, Lãng Thông (Nội Hoành)
32	Nguyễn Văn Thố	930	Binh nhất	Thái Bình	Kiến Xương, x.Kinh Nhuế
33	Nguyễn Phượng	1185	Binh nhất	Thái Bình	Kiến Xương, Nam Huân, Thân Thượng, Bạt Thôn

34	Bùi Văn Tiềm	1182	Binh nhất	Thái Bình	Thanh Quan, Cát Đàn, x.Hiệp Trung
35	Nguyễn Văn Canh	1124	Binh nhất	Thái Bình	(Không ghi)
36	Vương Xuân Nghinh	380	Binh nhất	Sơn Tây	Yên Sơn, Tiên Lữ, x.Sơn Lộ
37	Nguyễn Duy Chi, 55t.	948	Binh nhất	Hà Đông	Mỹ Đức, Phù Lưu Tế, x.Phù Lưu Tế
38	Vũ Trọng	936	Binh nhất	Nam Định	Vụ Bản
39	Nguyễn Văn Trực, 35t.	1133	Binh nhất	Nam Định	Đại An, Sĩ Lâm, x.Giáo Giục (Giao Lục)
40	(Không ghi)	220	Binh nhất	(Không ghi)	(Không ghi)
41	Nguyễn Văn Hàm, 45t.	300	Binh nhất	Thái Bình	x.Cao ban
42	Nguyễn Hữu My, 34t.	933	Binh nhất	Bắc Ninh	x.Đình Bảng
43	(Không ghi)	963	Binh nhất	Không ghi	(Không ghi)
44	Dương Ranh Lỏi	902	Binh nhì	Thái Nguyên	Phú Bình, La Đình, x.úc Sơn
45	Dương Đình Trọng	1012	Binh nhì	Thái Nguyên	Phú Bình, Nhã Lộng, x.Thuần Phát
46	Dương Văn Thành	1041	Binh nhì	Thái Nguyên	Phú Bình, Nhã Lộng, x.Thuần Phát
47	Dương Văn Kế	1038	Binh nhì	Thái Nguyên	Phú Bình ,Đức Lân, x.Đức Lân
48	Dương Văn Lịch	1060	Binh nhì	Thái Nguyên	Phú Bình, La Đình, x.Phương Độ
49	Dương Văn Nhu	1064	Binh nhì	Thái Nguyên	Phú Bình, Đức Lân, x.Đức Lân
50	Dương Văn Tuế (Tuc)	1134	Binh nhì	Thái Nguyên	Phú Bình,La Đình, x.Xuân La
51	Dương Văn Tuệ, 24t.	1216	Binh nhì	Thái Nguyên	Phú Bình, La Đình, x.Làng cả
52	Dương Văn Cung, 25t.	1218	Binh nhì	Thái Nguyên	Phú Bình, La Đình, x. Phương Độ
53	Dương Văn Dung, 23t.	1217	Binh nhì	Thái Nguyên	Phú Bình, La Đình, x.Đại Đình
54	Dương Văn Nghị	912	Binh nhì	Thái Nguyên	Đồng Hỷ, Huống Thượng, x.Huống Thượng, Làng Thông

55	Dương Công Bảo, 23t.	1145	Binh nhì	Thái Nguyên	Đồng Hỷ, Túc Duyên, x.Sa Cát
56	Dương Văn Khẩu	998	Binh nhì	Thái Nguyên	Phổ Yên, Nghĩa Hương, x.Vân Dương Thượng
57	Dương Văn Lợi,33t.	1083	Binh nhì	Thái Nguyên	Đại Từ, Hương Sơn,x.Mỹ Trang
58	Chu Văn Yên, 26t.	916	Binh nhì	Thái Nguyên	Đại Từ, Hương Sơn,x.Mỹ Trang
59	Nguyễn Văn Phương	1080	Binh nhì	Thái Nguyên	Đại Từ, Ký Phú, x.Ký Phú
60	Đặng Văn Sảo	928	Binh nhì	Thái Nguyên	Vũ Nhai, Phương Đạo, x.Phương Đạo
61	Nguyễn Văn Lạc	1014	Binh nhì	Thái Nguyên	Vũ Nhai, Phương Giao, x.Bình Long
62	Nguyễn Văn Gập (Cập), 28t.	1142	Binh nhì	Thái Nguyên	Vũ Nhai, Tràng Xá, x. Lâu Hạ Sã, Làng Nhân
63	Hà Văn Tâm	1138	Binh nhì	Thái Nguyên	Vũ Nhai, Thượng Nung, x.Thượng Nung
64	Ngô Công Tỉnh	1008	Binh nhì	Thái Nguyên	Phú Bình, La Đình, x.Mai Sơn
65	Nguyễn Văn Giác	1090	Binh nhì	Thái Nguyên	Phú Bình,La Đình, x.Ca Sơn thượng
66	Nguyễn Văn Duyệt, 35t.	1223	Binh nhì	Thái Nguyên	Phú Bình, Nhã Lộng, x.Nhã Lộng
67	Nguyễn Văn Hàm, 22t.	1226	Binh nhì	Thái Nguyên	Phú Bình, Nhã Lộng, x.Nhã Lộng
68	La Đình Cổng	1222	Binh nhì	Thái Nguyên	Phú Bình,Thượng Đình,x.Quan Tràng
69	Nguyễn Văn Tình, 28t.	1031	Binh nhì	Thái Nguyên	Phú Lương, Động Đạt, x.Động Đạt
70	Nguyễn Văn Tư, 25t.	1263	Binh nhì	Thái Nguyên	Phú Lương, Phủ Lý, x.Ôn Lương Hạ
71	Nguyễn Thanh Truyền	1269	Binh nhì	Thái Nguyên	Phú Lương, Yên trạch, x.Yên Trạch
72	Nông Văn Chẩm	1135	Binh nhì	Thái Nguyên	Văn Lãng, Thượng Lương, x.Hạ Lương

73	Tiệu Văn Kinh	1147	Binh nhì	Thái Nguyên	Văn Lãng, Hạ Lãm, x.Hạ Lãm
74	Lương Văn Ban, 29t.	1256	Binh nhì	Thái Nguyên	Văn Lãng, Vị Xuyên, x.Vị Xuyên
75	Trương Văn Minh, 27t.	1255	Binh nhì	Thái Nguyên	Văn Lãng, Thượng Lương,x.Thượng Lương, La Bán
76	Chu Văn Chén	1037	Binh nhì	Thái Nguyên	Phổ Yên, Hoàng Đầm, x.Hoàng Đầm
77	Nguyễn Văn Vấn	1088	Binh nhì	Thái Nguyên	Phổ Yên, Hoàng Đầm, x.Thông Hạc
78	Nguyễn Văn Cang, 27t.	1231	Binh nhì	Thái Nguyên	Phổ Yên, Vạn Phái, x.Nông Vụ
79	Nguyễn Văn Lực	1130	Binh nhì	Thái Nguyên	Đồng Hỷ, Túc Duyên, x.Phù Liễn
80	Nguyễn Văn Ngũ	1229	Binh nhì	Thái Nguyên	Đồng Hỷ, La Dành, x.Hoá Thượng
81	Tăng Văn Thìn	1228	Binh nhì	Thái Nguyên	Đồng Hỷ, Hoá Thượng, x.Hoá Trung
82	Đặng Văn Phùng, 23t.	1259	Binh nhì	Thái Nguyên	Đồng Hỷ, Niệm Cuông, x.Trang Ôn, Làng Thâm
83	Vũ	1291	Binh nhì	Thái Nguyên	Đồng Hỷ, Túc Duyên, x.Phù liễn
84	Ma Đình (Văn) Đê, 24t.	1284	Binh nhì	Thái Nguyên	Định Hoá, Thanh Diều, x.Điềm Mặc
85	Nguyễn Văn Nhiên (hay Nhiêu), 39t.	257	Binh nhì	Sơn Tây	Quốc Oai, Thạch Thất, t.Gia Cát, x. Gia Cát
86	Nguyễn Hương Đài	1327	Binh nhì	Sơn Tây	An Sơn, Tiên Lữ, x.Sơn Lộ
87	Đào Bưu	837	Binh nhì	Thái Bình	Trực Định, Nam Huân, x. Nam Đường
88	Phạm Thoan (phan), 31t.	841	Binh nhì	Thái Bình	Trực Định, Nam Huân, x. Phương Ngải
89	Vũ Văn Y	905	Binh nhì	Thái Bình	Trực Định, Nam Huân, x.Nam Huân, th. Nang
90	Đề	1050	Binh nhì	Thái Bình	Trực Định
91	Dung	1164	Binh nhì	Thái Bình	Trực Định
92	Thức	1187	Binh nhì	Thái Bình	Trực Định
93	Cảnh	1202	Binh nhì	Thái Bình	Trực Định,Nam Huân, x. Cao Bạt
94	Nghĩa	1280	Binh nhì	Thái Bình	Trực Định, Nam Huân, x. Cao Bạt

95	Hà Văn Nhạc	1330	Binh nhì	Thái Bình	Trực Định, Nam Huân, x. Cao Bạt
96	Duy Tình, 22t.	1335	Binh nhì	Thái Bình	Trực Định, Nam Huân, x. Cao Bạt, th, Đông Thôn
97	Nguyễn Xuân Mãn (hoặc Man), 23t.	1340	Binh nhì	Thái Bình	Trực Định, Nam Huân, x. Nam Đường, th. Ly Thôn
98	Đại	1122	Binh nhì	Thái Bình	Trực Định, Nam Huân, x. nam Đường, th. Lụ Thôn
99	Phạm Văn Mễ	1179	Binh nhì	Thái Bình	P.Thái Ninh, h.Thanh Quan, Cát Đàn, x.Hiệp Trung
100	Đặng Văn Thủ (Thu),33t.	1180	Binh nhì	Thái Bình	Kiến Xương,Nam Huân, Giáo Nghĩa, th.Giáo Nghĩa
101	Trần Văn Thô (Sô),24t.	1151	Binh nhì	Thái Bình	Kiến Xương, Đồng Sâm, x.Đức Dương
102	Y	1056	Binh nhì	Thái Bình	Duyên Hà, Thượng Hộ,Gia Lạc
103	Nguyễn Huy Phóng	1191	Binh nhì	Thái Bình	Quỳnh Côi, Quỳnh Ngọc,x.Lương Cụ
104	Phủ	1192	Binh nhì	Thái Bình	Thư Trì, Cự Lâm, x.Cự Lâm
105	Tiến	1211	Binh nhì	Thái Bình	Vũ Tiên, Hội Khê,x.Bính trạt
106	Trần (Văn) khuông, 30t.	1300	Binh nhì	Thái Bình	Vũ Tiên, Hành Nghĩa, Bồng Tiên, th.Đông Thành
107	Long	1326	Binh nhì	Thái Bình	Phủ Thái Ninh, t.Cát Đàn
108	Thiếng	1332	Binh nhì	Thái Bình	Phủ Thái Ninh, t.Cát Đàn, x. Hiệp Trung
109	(Không ghi)	1290	Binh nhì	Thái Bình	Trực Định,x.cổ Nhuế
110	Ba	1306	Binh nhì	Hà Đông	Phú Xuyên, x.Đỗ Xá
111	Lương Công Viễn	1156	Binh nhì	Hà Đông	Thường Tín, Chương Dương, x.Chương Dương
112	Nguyễn Văn Giục	1176	Binh nhì	Hà Nam	Bình Lục, Cổ Viễn, x.Viễn Lại
113	Chỉ (Nguyễn Văn Chỉ),27t.	1193	Binh nhì	Hà Nam	(Không ghi)
114	Trần Văn Hào	1200	Binh nhì	Hà Nam	Bình Lục, Cổ Viễn, x.Tử Thanh
115	Trần Văn Thưởng, 36t.	1334	Binh nhì	Hà Nam	Nam Xương, Ngu Nhuế, x.Tế Xương (hoặc Tế Xuyên)

116	Nguyễn Văn Tiêu	1057	Binh nhì	Nam Định	Mỹ Lộc, Đồng Phù, x.Đồng Phù
117	Đào Văn Tĩnh	1190	Binh nhì	Nam Định	Mỹ Lộc, Đồng Phù, x.Đồng Phù
118	Nguyễn Mỹ (tức Sáu)	1075	Binh nhì	Nam Định	Vụ Bản, Trình Xuyên Hạ, x.Cổ Bản, th.Nhị
119	Sảo	1126	Binh nhì	Nam Định	Trực Ninh, Đồng Thù, x.Đồng Thù
120	Nhĩ	1127	Binh nhì	Nam Định	Trực Ninh, Ngọc Giả Thượng, x.Cát Chử (Trử/
121	Hoàng Văn ý, 26t.	1158	Binh nhì	Nam Định	Trực Ninh, Ngọc Giả Thượng, x.Cát Chử (Trử/
122	Trần Văn Sổ (So)	1203	Binh nhì	Nam Định	Mỹ Lộc, Đồng Phù, x.Vô Hoạn
123	Vượng	1205	Binh nhì	Nam Định	Mỹ Lộc, Đồng Phù, x.Vô Hoạn
124	Nguyễn Văn My,32t.	1208	Binh nhì	Nam Định	Vụ Bản, Trình Xuyên, x.Cổ Bản
125	Vũ Văn Thập	1276	Binh nhì	Nam Định	Đại Can, Cổ Liên, x.Cổ liên
126	Phạm Văn Thực	1287	Binh nhì	Nam Định	Phong Doanh, Yên Lộc, x.Yên Lộc
127	Lương Ngọc Nhĩ	1328	Binh nhì	Nam Định	(Không ghi/
128	Nguyễn Sĩ Niêm (Liêm),19t.	1333	Binh nhì	Nam Định	Đại An, Vĩ Nhế, x.Vĩ Nhế, th.Quảng Nạp
129	Đinh Sĩ Ba	1175	Binh nhì	Ninh Bình	Gia Khánh, Dương Vũ, x.Đồng Trang
130	Lại Văn Châm, 28t.	1271	Binh nhì	Ninh Bình	Yên Khánh, Yên Ninh, x.Yên Ninh, Thượng Thôn
131	Bùi Văn Ngạn, 25t.	1324	Binh nhì	Ninh Bình	Yên Mô, Nộn Khê, x.Khương (Hưng/ Gia
132	Đỗ Tá Ngưỡng (Nhương), 29t.	1159	Binh nhì	Bắc Ninh	Đông Ngàn, Phù Lưu, x. Đình Bảng
133	Lê Văn Trạch, 53t.	1296	Binh nhì	Bắc Ninh	Đông Ngàn, Hạ Dương (Lương), Thôn Hạ
134	Nguyễn Văn Đào, 35t. (tức Nguyễn Trọng Kỳ)	1196	Binh nhì	Hưng Yên	Đông Yên, Phú khê, x.Giế Dương
135	Đỗ Văn Thuyết	1294	Binh nhì	Hưng Yên	Kim Động, Thanh Cụ, x.Hoàng Xá
136	Lê Văn Thiêm, 40t.	371	Binh nhì	Hà Nam	x.Yên Đệ

137	(Không ghi)	480	Binh nhì	(Không ghi)	(Không ghi)
138	(Không ghi)•	1119	Binh nhì	(Không ghi)	(Không ghi)
139	(Không ghi)	1295	Binh nhì	(Không ghi)	(Không ghi)
140	(Không ghi)	1298	Binh nhì	(Không ghi)	(Không ghi)
141	(Không ghi)	1325	Binh nhì	(Không ghi)	(Không ghi)
142	(Không ghi)	1329	Binh nhì	(Không ghi)	(Không ghi)
143	(Không ghi)	1331	Binh nhì	(Không ghi)	(Không ghi)
144	(Không ghi)	1339	Binh nhì	Hà Nam	(Không ghi)

Trích danh sách những tù nhân tại nhà tù Thái Nguyên , trước khi cuộc khởi nghĩa 8-1917 bùng nổ[3]

Toàn bộ danh sách có 215 tù nhân.

Ở đây chỉ điểm tới 48 người, với một số thông tin đáng lưu ý như sau :

1.Lương Ngọc Quyến[4]

*tức : Lương Lập Nham

*tức : Lương Kỳ Dinh

*tuổi : 31

*số tù : 1998

*địa chỉ : Hà Nội, số 4 rue de la Soie [tức phố Hàng Đào]

*mức án và tội danh : *Lao động công ích suốt đời*• *. Từ 1906 đến 1914 hoạt động ở Trung Quốc và ở Bắc Kỳ, đã liên hệ và giúp đỡ quân phiến loạn có vũ trang thực hiện mưu đồ khởi loạn.*

---

[3]AOM-Fonds RST, F.68, số.36283. Tác giả đã xử lý và hệ thống hoá lại.

[4]AOM-Fonds RST, F.68, số.36280, Rapport N.26RC ngày 24-8-1918 : Lương Ngọc Quyến còn có chỗ gọi là Ba Quyên, Ba Quyến nữa.

• ''Lao động công ích'' suốt đời (''Travavaux publics'' à perpétuité), viết tắt là ''T.P''; chứ không phải là ''Khổ sai'' chung thân (''Travaux forcés'' à perpétuité), viết tắt là ''T.F''. Thực chất chỉ là một mức án : ''khổ sai chung thân''. Ngoài ra còn mức hình phạt ''Khổ sai có kỳ'' (''travaux forcés à temps'') -DKQ.

*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án binh Yên Bái.
Bản án ngày 12.4.1915.
*ghi chú : có lẽ đã bị giết trong trại lính khố xanh ở Thái Nguyên [cuối dòng này có đánh dấu ? - DKQ]

2.Hồi Xuân
*tức : Nguyễn Gia Cầu
*tuổi : 30
*số tù : 2280
*địa chỉ : Bắc Ninh, Gia Thuỵ
*mức án và tội danh : *Phát lưu, giam tại một nơi kiên cố. Can tội âm mưu và hành động chuẩn bị chống lại Nhà nước; có liên hệ với kẻ địch.*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án binh Hà Nội.
Bản án số 1502, ngày 15.3.1917.
*ghi chú : có lẽ bị chết đuối khi vượt sông Đồn Đu tại Giang Tiên. Có 4 nhân chứng về việc này. [Cuối dòng này có đánh dấu ? bằng chì đỏ- DKQ]

3.Ba Con
*tức : Ba Nho
*tức : Phạm Ngọc Cẩn
*tức : Phạm Thạnh Lâm Anh
*tuổi : 33
*số tù : 2279
*địa chỉ : Hà Nội, phố Hàng Than
*mức án và tội danh : *Phát lưu.Có âm mưu và hành động chuẩn bị chống lại nền an ninh Nhà nước.*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án binh Hà Nội.
Bản án số 1445, ngày 20.10.1916.
*ghi chú : Thủ cấp đã được đưa từ Phúc Yên về Thái Nguyên ngày 25.9.1917.

Đã được nhận dạng. [sau dòng đánh máy này có đánh dấu ? bằng bút mực]
Bị giết tại Bắc Giang vào tháng 11.1917 (viết bằng bút chì)

4.Vũ Khả Khuyên
*tức : Vũ Sĩ Lập
*tức : Vũ Chi
*tuổi : 34
*số tù : 2278
*địa chỉ : Nam Định, Bách Tính
*mức án và tội danh : *Phát lưu. Giam giữ tại một nơi kiên cố, vì : có âm mưu và hành động chuẩn bị chống lại nền an ninh Nhà nước; có mưu đồ nhằm phá hoại hoặc thay đổi chính phủ.*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án binh Hà Nội.
Bản án số 1445, ngày 20.10.1916.
*ghi chú : Bị đại tá Maillard bắt và giải về Thái Nguyên.

5.Nguyễn Văn Giưa
*tuổi : 23
*số tù : 2113
*địa chỉ : Nam Định, Tương Đông [xã Trung Đông ? (KQ/]
*mức án và tội danh : *10 năm lao động công ích. Thoái hoá trong quân ngũ. 10 năm quản thúc.-Nổi loạn chống người thi hành công vụ. Cướp chuyên nghiệp.*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án binh Hà Nội.
Bản án số 1472, ngày 15.12.1916.
*ghi chú : Bị giết tại doanh trại lính khố xanh, cạnh xác Ba Quyến.

6. Hai Hoà
*tức : Ba Môn
*tuổi : 39

*số tù : 2212
*địa chỉ : Hà Nam, Nội Thôn
*mức án và tội danh : *Tù chung thân. Có âm mưu chống lại nền an ninh của Nhà nước; tòng phạm giết người. Liên hệ với các thủ lĩnh các băng đảng có vũ trang*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án binh Hà Nội.
Bản án số 1450 ngày 18.1.1917

7. Dương Văn Mậu
*tức : Khiêm
*tuổi : 38
*số tù : 1061
*địa chỉ : Bắc Ninh, Hương Vỹ
*mức án và tội danh : *20 năm tù khổ sai và 5năm quản thúc vì can tội giết người, có mưu toan ăn cướp và tàng trữ súng đạn*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà Thượng thẩm (phòng 4/ Hà Nội.
Quyết định của toà ngày 22.1.1914

8. Đào Văn Hùng
*tuổi : 46
*số tù : 1111
*địa chỉ : Bắc Ninh, Yên Phụ
*mức án và tội danh : *20 năm tù lao động công ích. Can tội làm giặc cướp*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án hỗn hợp Bắc Giang.
Bản án số 1, ngày 8.3.1910
Quyết định của Toà số 155, ngày 8.3.1910
*ghi chú : Bị giết ngày 4.9.1917, gần lô cốt trại lính cơ.

---

* 20 ans T.F (tức ''travaux forcés''/; thường gọi nôm na là ''cỏ vê'', tức phát âm trệch, dựa theo từ ''forcé''.

9. Nguyễn Văn Sồi
*tuổi : 28
*số tù : 1116
*địa chỉ : Bắc Ninh, Lạc Thổ
*mức án và tội danh : *13 năm tù lao động công ích. Can tội làm giặc cướp*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án hỗn hợp Bắc Giang.
Bản án số 1, ngày 8.3.1910
Quyết định của Toà số155, ngày 8.3.1910
*ghi chú : Bị giết tại Phúc Yên-Nhận dạng tại Hà Nội.

10. Đào Văn Thứ
*tuổi : 23
*số tù : 1393
*địa chỉ : Hưng Yên, Thuận Mỹ
*mức án và tội danh : *7 năm tù lao động công ích. Tòng phạm làm giặc.*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà Nam án tỉnh Bắc Giang.
Bản án số 29, ngày 23. 5.1908
1 năm tù giam. Can tội vượt ngục.
Toà tiểu hình Hà Nội
Bản án ngày 20.9.1909
20 năm tù giam. Can tội khởi loạn và vượt ngục
Toà án hỗn hợp tỉnh Sơn La
Bản án số 125, ngày 28.11.1910

11. Nguyễn Văn Thông
*tuổi : 31
*số tù : 1495
*địa chỉ : Hưng Yên, Vọng Thẩm
*mức án và tội danh : *15 năm tù lao động công ích. Quản thúc suốt đời vì can tội cướp phá.*

*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà Thượng Thẩm (Phòng 4) Hà Nội.

Quyết định của Toà, ngày 11.3.1915

*ghi chú : Bị Đội Cấn giết tại Giang Tiên ngày 4.9.1917.

12. Hà Văn Tý

*tuổi : 36

*số tù : 1105

*địa chỉ : Phúc Yên, Hữu Bái

*mức án và tội danh : *20 năm tù lao động công ích. Can tội làm giặc cướp*

*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án hỗn hợp Bắc Giang.

Bản án số 1, ngày 8.3.1910

Quyết định của Toà số155, ngày 8.3.1910

13. Nguyễn Văn Lượng

*tuổi : 26

*số tù : 1124

*địa chỉ : Phúc Yên, Tiên Dược

*mức án và tội danh : *20 năm tù lao động công ích. Can tội làm giặc cướp*

*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án hỗn hợp Bắc Giang.

Bản án số 1 và quyết định số 155, ngày 8.3.1910

*Ghi chú : Bị bắt lại ngày 7.9.1917.

14. Nguyễn Văn Ba

*tức : Đội Ba

*tuổi : 56

*số tù : 1122

*địa chỉ : Phúc Yên, Thanh Nhàn

*mức án và tội danh : *20 năm tù lao động công ích. Can tội làm giặc cướp*

*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án hỗn hợp Bắc Giang.
Bản án số 1ngày 8.3.1910
Quyết định của Toà, số 155, ngày 8.3.1910
*Ghi chú : Bị giết tại Phúc Yên, 3.10.1917.

15. Diêu Doan Cung
*tức : Lương Thúc
*tuổi : 28
*số tù : 1898
*địa chỉ : Phú Thọ, Diêu Long
*mức án và tội danh : *5 năm tù giam và 5 năm quản thúc. Can tội phản bội, làm gián điệp; có âm mưu chống lại nền an ninh của Nhà nước, mưu sát cá nhân, lấy cắp và tàng trữ vũ khí.*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án binh tỉnh Yên Bái.
Bản án số 24, ngày 26.1.1916

16.Hà Hoàng Phàm
*tức : Lý Nam
*tức Cai Thế
*tuổi : 46
*số tù : 1905
*địa chỉ : Phú Thọ, Đống Lương
*mức án và tội danh : *Phát lưu, can tội phản bội, làm gián điệp; có âm mưu chống lại nền an ninh Nhà nước, mưu sát cá nhân; lấy cắp và tàng trữ vũ khí*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án binh tỉnh Yên Bái.
Bản án số 24, ngày 26.1.1916

17. Vi Văn Tuyên
*tức Lý Duyệt
*tức Tiến Đức

*tuổi : 26
*số tù : 1900
*địa chỉ : Phú Thọ, Đống Lương
*mức án và tội danh : *5 năm tù giam, và 5 năm quản thúc. Can tội phản bội, làm gián điệp; có âm mưu chống lại nền an ninh Nhà nước, mưu sát cá nhân; lấy cắp và tàng trữ vũ khí*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án binh tỉnh Yên Bái.
Bản án số 24, ngày 26.1.1916
*Ghi chú : Bị bắt lại ngày 7.9.1917.

18. Đặng Ngọc Vỹ
*tức Mỹ Ngọc
*tuổi : 23
*số tù : 1899
*địa chỉ : Phú Thọ, Sơn Thi
*mức án và tội danh : *5 năm tù giam, và 5 năm quản thúc. Can tội phản bội, làm gián điệp; có âm mưu chống lại nền an ninh Nhà nước, mưu sát cá nhân; lấy cắp và tàng trữ vũ khí*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án binh tỉnh Yên Bái.
Bản án số 24, ngày 26.1.1916
*ghi chú : Bị cai Xuyên giết tại Quán Triều ngày 4.9.1917.

19. Hoàng Văn Gạch
*tuổi : 28
*số tù : 1102
*địa chỉ : Hà Nam, Hoà Khê
*mức án và tội danh : *10 năm tù lao động công ích. Can tội làm giặc cướp*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án hỗn hợp tỉnh Bắc Giang.

Quyết định của Toà án số 155 ngày 8.3.1910
Bản án số 1, ngày 8.3.1910
*ghi chú : Bị giết ngày 4.10.1917 tại Phủ Lý.

20. Lý Văn Nương
*tuổi : 22
*số tù : 2305
*địa chỉ : Hải Ninh, Lộc Hồn
*mức án và tội danh : *5 năm tù giam. Can tội khởi loạn*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà Nam án tỉnh Hải Ninh.
Bản án số I, ngày 6.1.1917
*Ghi chú : Bị bắt lại ngày 9.9.1917.

21. Dương Văn Hôm
*tuổi : 34
*số tù : 1921
*địa chỉ : Sơn La, Bản Ven.
*mức án và tội danh : *Phát lưu. Can tội có liên hệ với bọn khởi loạn có vũ trang; giúp bọn này thực hiện ý đồ.*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án binh tỉnh Sơn La.
Bản án số 2, ngày 2.8.1915
*Ghi chú : Bị giết tại Gia Sàng.

22. Hà Văn Văn, lính cơ
*tuổi : 25
*số tù : 1538
*địa chỉ :Cao Bằng, Hàng Hoài
*mức án và tội danh : *5 năm cấm cố. Can tội thoái hoá trong quân ngũ; có âm mưu chống lại nền an ninh Nhà nước.*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án binh tỉnh Lạng Sơn.
Bản án, ngày 15.12.1914

23. Cầm Văn Tu
*tuổi : 41
*số tù : 1920
*địa chỉ : : Hưng Hoá, Hương Hoá
*mức án và tội danh : *Phát lưu. Can tội có liên hệ với bọn khởi loạn có vũ trang; giúp bọn này thực hiện ý đồ.*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án binh tỉnh Sơn La.
Bản án số 2, ngày 2.8.1915
*Ghi chú : Bị giết ngày 4.10.1917 tại Đèo Nứa (Sơn Cốt).
Đã được nhận dạng

24. Trần Văn Ba[5]
*tuổi : 32
*số tù : 1099
*địa chỉ : Hải Dương, Phù Tải
*mức án và tội danh : *20 năm tù lao động công ích. Can tội làm giặc cướp*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án hỗn hợp Bắc Giang.
Bản án số 1, ngày 8.3.1910
Quyết định của Toà án số 155, ngày 8.3.1910

25. Nguyễn Văn Bân
*tuổi : 57
*số tù : 1436
*địa chỉ : Bắc Giang, Trung Đình
*mức án và tội danh : *5 năm tù lao động công ích. Can tội làm giặc cướp*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà Nam án Bắc Giang.
Bản án số 177, ngày30.10.1913
*Ghi chú : Bị bắt lại tại Bắc Giang ngày 7.9.1917.

[5] AOM-Fonds RST, F.68, số 36280 : Trần Văn Ba còn có chỗ gọi là Ba Quốc, Cựu nghĩa binh Đề Thám.

26. Đỗ Văn Tạo
*tuổi : 28
*số tù : 1595
*địa chỉ : Bắc Giang, Phượng Đậu
*Mức án và tội danh : *15 năm tù lao động công ích. Can tội làm giặc cướp*
*Cơ quan xét xử, tuyên án : Toà Nam án Bắc Giang.
Bản án số 41, ngày 8.7.1909
*Ghi chú : Bị giết ngày 14.10.1917 tại Lai Sơn.

27. Hà Văn Hậu
*tức : Quản Hậu
*tuổi : 51
*số tù : 1121
*địa chỉ : Bắc Giang, Thế Lộc
*mức án và tội danh : *20 năm tù lao động công ích. Can tội làm giặc cướp*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án hỗn hợp Bắc Giang.
Bản án số 1, ngày 8.3.1910
Quyết định của Toà án, số 155 ngày8.3.1910

28. Vũ Văn Ngư
*tức : Tổng Ngư
*tuổi : 35
*số tù : 1120
*địa chỉ : Bắc Giang, Lâm Giới
*mức án và tội danh : *20 năm tù lao động công ích. Can tội làm giặc cướp*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án hỗn hợp Bắc Giang.
Bản án số 1, ngày 8.3.1910
Quyết định của Toà án, số 155 ngày 8.3.1910

29. Nguyễn Văn Chỉ
*tức : Bá Chi
*tuổi : 25
*số tù : 1107
*địa chỉ : (không thấy ghi - DKQ)
*mức án và tội danh : *20 năm tù lao động công ích. Can tội làm giặc cướp.*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án hỗn hợp Bắc Giang.
Bản án số 1, ngày 8.3.1910
Quyết định của Toà án, số 155 ngày 8.3.1910

30. Nguyễn VănTrang
*tức : Phó Trang
*tuổi : 44
*số tù : 1112
*địa chỉ : Bắc Giang, Yên Thịnh
*mức án và tội danh : *20 năm tù lao động công ích. Can tội làm giặc cướp*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án hỗn hợp Bắc Giang.
Bản án số 1, ngày 8.3.1910
Quyết định của Toà án, số 155 ngày 8.3.1910
*ghi chú : Bị giết tại Bắc Giang và đã được nhận dạng.

31. Lương Văn Lộc
*tuổi : 26
*số tù : 1108
*địa chỉ : Bắc Giang, Thế Lộc
*mức án và tội danh : *20 năm tù lao động công ích. Can tội làm giặc cướp*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án hỗn hợp Bắc Giang.
Bản án số 1, ngày 8.3.1910
Quyết định của Toà án, số 155 ngày 8.3.1910

32. Nguyễn Văn Lâm
*tuổi : 34
*số tù : 1104
*địa chỉ : Bắc Giang, Hữu Thượng
*mức án và tội danh : *20 năm tù lao động công ích. Can tội làm giặc cướp*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án hỗn hợp Bắc Giang.
Bản án số 1, ngày 8.3.1910
Quyết định của Toà án, số 155 ngày 8.3.1910

33. Dương Văn Ngọc
*tuổi : 39
*số tù : 1098
*địa chỉ : Bắc Giang, Ngọc Thành
*mức án và tội danh : *20 năm tù lao động công ích. Can tội làm giặc cướp*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án hỗn hợp Bắc Giang.
Bản án số 1, ngày 8.3.1910
Quyết định của Toà án, số 155 ngày 8.3.1910

34. Nguyễn Văn Thìn
*tuổi : 30
*số tù : 1103
*địa chỉ : Bắc Giang, Quất Cự
*mức án và tội danh : *13 năm tù lao động công ích. Can tội làm giặc cướp*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án hỗn hợp Bắc Giang.
Bản án số 1, ngày 8.3.1910
Quyết định của Toà án, số 155 ngày 8.3.1910

35. Phạm Văn Mai
*tuổi : 21
*số tù : 1101
*địa chỉ : Bắc Giang, Làng Vẽ
*mức án và tội danh : *13 năm tù lao động công ích. Can tội làm giặc cướp*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án hỗn hợp Bắc Giang.
Bản án số 1, ngày 8.3.1910
Quyết định của Toà án, số 155 ngày 8.3.1910

36. Lý Văn Hai
*tuổi : 18
*số tù : 1128
*địa chỉ : Bắc Giang, Thiên Kỵ
*mức án và tội danh : *13 năm tù lao động công ích. Can tội làm giặc cướp*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án hỗn hợp Bắc Giang.
Bản án số 1, ngày 8.3.1910
Quyết định của Toà án, số 155 ngày 8.3.1910

37. Hoàng Văn Hải
*tuổi : 21
*số tù : 1133
*địa chỉ : Bắc Giang, Hữu Thượng
*mức án và tội danh : *13 năm tù lao động công ích. Can tội làm giặc cướp*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án hỗn hợp Bắc Giang.
Bản án số 1, ngày 8.3.1910
Quyết định của Toà án, số 155 ngày 8.3.1910

38. Trần Bá Cử
*tức : Tú Nghệ
*tuổi : 30

*số tù : 1095
*địa chỉ : Nghệ An, Đại Đồng
*mức án và tội danh : *20 năm tù lao động công ích. Can tội làm giặc cướp*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án hỗn hợp Bắc Giang.
Bản án số 1, ngày 8.3.1910
Quyết định của Toà án, số 155 ngày 8.3.1910

39. Lê Bang
*tức : Cả So
*tuổi : 71
*số tù : 2034
*địa chỉ : Quảng Ngãi, thôn Mỹ Lộc
*mức án và tội danh : *Phát lưu. Can tội âm mưu khởi loạn và âm mưu làm cuộc khởi loạn lớn*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà Nam Án tỉnh Quảng Ngãi
Bản án ngày 8.5.1916
* ghi chú: Bị bắt lại ngày 7.9.1917

40. Nguyễn Xáng
*tuổi : 26
*số tù : 2031
*địa chỉ : Quảng Ngãi, Trung Sơn
*mức án và tội danh : *Phát lưu. Can tội âm mưu khởi loạn và âm mưu làm cuộc khởi loạn lớn*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà Nam Án tỉnh Quảng Ngãi
Bản án ngày 8.5.1916

41. Lê Chỉnh
*tuổi : 18
*số tù : 1985
*địa chỉ : Quảng Ngãi, Trung Sơn
*mức án và tội danh : *Phát lưu. Can tội âm mưu khởi loạn và âm mưu làmcuộc khởi loạn lớn*

*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà Nam Án tỉnh Quảng Ngãi

Bản án ngày 8.5.1916

42. Lê Lua

*tuổi : 17

*số tù : 1987

*địa chỉ : Quảng Ngãi, thôn Lê Thuy

*mức án và tội danh : *Phát lưu. Can tội âm mưu khởi loạn và âm mưu làm cuộc khởi loạn lớn*

*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà Nam Án tỉnh Quảng Ngãi

Bản án ngày 8.5.1916

43. Bùi Nhược

*tuổi : 45

*số tù : 1990

*địa chỉ : Quảng Ngãi, thôn Thanh Hà

*mức án và tội danh : *Phát lưu. Can tội âm mưu khởi loạn và âm mưu làm cuộc khởi loạn lớn*

*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà Nam án tỉnh Quảng Ngãi

Bản án ngày 21.5.1916

44. Châu Dịch

*tuổi : 18

*số tù : 1992

*địa chỉ : Quảng Ngãi, Trung Sơn

*mức án và tội danh : *Phát lưu. Can tội âm mưu khởi loạn và âm mưu làm cuộc khởi loạn lớn*

*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà Nam Án tỉnh Quảng Ngãi

Bản án xét xử ngày 21.5.1916

*ghi chú: Bị bắt lại ngày 9.7.1917

45. Lê Diển

*tuổi : 49

*số tù : 1994
*địa chỉ : Quảng Ngãi, trại Trâu Nhai
*mức án và tội danh : *Phát lưu. Can tội âm mưu khởi loạn và âm mưu làm cuộc khởi loạn lớn*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà Nam án tỉnh Quảng Ngãi
Bản án xét xử ngày 22.5.1916

46. Trương Sy
*tuổi : 39
*số tù : 1908
*địa chỉ : Quảng Ngãi, Hà Môn
*mức án và tội danh : *5 năm đồ dịch. Can tội khởi loạn.*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án Đại Hình Hà Nội
Quyết định của Toà án, số 4, ngày 13.9.1913
* ghi chú: Bị bắt lại ngày 7.9.1917

47. Trương Tắc
*tuổi : 52
*số tù : 1909
*địa chỉ : Quảng Ngãi, Hà Môn
*mức án và tội danh : *8 năm đồ dịch. Can tội khởi loạn.*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án Đại Hình Hà Nội
Quyết định của Toà án, số 4, ngày 13.9.1913
* ghi chú: Bị bắt lại ngày 7.9.1917

48. Trần Văn Sách
*tuổi : 21
*số tù : 1616
*địa chỉ : Yên Bái, Thuỷ Quang
*mức án và tội danh : *10 năm cấm cố, 5 năm quản thúc. Can tội tham gia vào vụ triệt phá làng mạc.*
*cơ quan xét xử, tuyên án : Toà án binh Yên Bái
Bản án số 13, ngày 20.3.1915

Ngoài 48 người kể trên trong tổng số 215 người [6] thuộc danh sách được gọi là " *Danh sách tù phạm vượt ngục Thái Nguyên ngày 30.8.1917*" (Liste des prisonniers évadés du Pénitencier de Thai Nguyên à la date du 30 Aout 1917), thì số người còn lại là 167 người đều đã bị xét xử tại một trong các toà án sau: toà Nam Án, toà Thượng Thẩm, toà Đại hình Hà Nội và toà Tiểu hình Hà Nội. Tội danh của 167 người này được xác định trong số các tội danh dưới đây:

- không trả nợ, quỵt nợ
- ăn cắp, ăn cắp chuyên nghiệp
- sử dụng Thẻ giả
- man trá trong giấy tờ mua bán
- mưu giết người
- lạm thu thuế khoá
- tái phạm đảo ngũ
- lạm dụng lòng tin của người khác
- gây gổ trước
- giết người cướp của
- làm tổn hại đến quần áo, trang phục của nhà nước
- đe doạ giết người
- vượt ngục và trộm cắp
- cố tình giết người

[6] Tư liệu khác cho biết: tổng số tù nhân trong nhà tù tỉnh lỵ Thái Nguyên ngày 30.8.1917 là 214 người, cho tới trước khi khởi nghĩa bùng nổ. Xem công văn ngày 11.10.1917 của Công sứ Thái Nguyên gửi Thống sứ Bắc Kỳ. Song, công văn này lại có đính theo bảng danh sách gồm 215 người mà ở đây chúng tôi đã trích lục. Như vậy, sai số giữa 2 văn bản đương thời lúc đó chỉ là 1 người.

- du đãng chuyên nghiệp
- ăn cắp chuyên nghiệp và có ý đồ giết người
- có hành vi xúc phạm đến bố đẻ, và trộm cắp
- biển thủ vốn
- ăn cắp có vũ khí
- ăn cắp công khai giữa ban ngày
- ăn cắp và có hành động gây thương tích người khác
- giết vợ
- đánh người đến tử thương
- vi phạm mồ mả
- làm hàng giả, lạm dụng lòng tin của người để pha trộn đồng vào các đồ vật bằng vàng, bạc

Xem xét danh sách 48 người kể trên, chúng tôi tạm rút ra một số nhận xét dưới đây:

*Về tuổi đời: người ít tuổi nhất mới có 17 tuổi (Lê Lua, số thứ tự 42), người Quảng Ngãi; người cao tuổi nhất: 71 tuổi (Lê Bang tức Cả So, số 39), cũng người Quảng Ngãi. - 4 người có tuổi đời dưới 20; 17 người tuổi đời từ trên 20 đến dưới 30 tuổi; 16 người tuổi đời từ trên 30 đến dưới 40 tuổi; 6 người tuổi đời từ trên 40 đến dưới 50 tuổi; 4 người tuổi đời từ trên 50 đến dưới 60 tuổi; 1 người trên 70 tuổi.

*Về nguyên quán: 48 tù phạm này là những người thuộc 13 tỉnh Bắc Kỳ (trong đó Hưng Hoá và Phú Thọ chỉ tính là một tỉnh), và 2 tỉnh Trung Kỳ. Tỉnh Bắc Giang có 12 người, xếp thứ nhất. Thứ nhì là tỉnh Quảng Ngãi, 9 người. Tỉnh

Phú Thọ (kể cả Hưng Hoá) đứng thứ ba, 5 người. Tỉnh Bắc Ninh đứng thứ tư, 4 người. Tỉnh Phúc Yênđứng thứ năm, 3 người. Các tỉnh: Hà Nội, Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, mỗi tỉnh có 2 người, đều đứng thứ sáu. Các tỉnh: Hải Dương, Hải Ninh, Cao Bằng, Yên Bái, Sơn La và Nghệ An, mỗi tỉnh có 1 người, đều đứng thứ bảy. Còn một người trong tư liệu này không thấy ghi nguyên quán, song bị xét xử tại tỉnh Bắc Giang: đó là Nguyễn Văn Chỉ, tức Bá Chi, số thứ tự 29 bên trên.

*Về thời điểm "lĩnh án" cuối cùng, trước khi đến nhà tù Thái Nguyên

Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên nổ ra vào đêm 30 rạng ngày 31.8.1917. Khi xảy ra sự kiện này, thì 48 người trong danh sách trên đều đang bị giam tại nhà tù tỉnh lỵ Thái Nguyên. Những người này đã bị giải đến nhà tù Thài Nguyên chính xác vào những ngày nào, chúng tôi chưa có đủ tư liệu cụ thể. Tuy nhiên, dựa vào ngày thành án của từng người, chúng ta có thể xác định được một cách tương đối là: ngày bị đưa đến giam tại Thái Nguyên của họ chỉ có thể là sau ngày thành án của mỗi người:

- Năm 1917 có 3 vụ xét xử và quy án. Trong đó vụ Hồi Xuân, tức Nguyễn Gia Cầu

(số 2 trong danh sách trên)[7] là vụ xét xử cuối cùng, vào ngày 15.3.1917, tức 5 tháng rưỡi trước khởi nghĩa Thái Nguyên. Trước đó là Hai Hoà, tức Ba Môn (số 6) và Lý Văn Nương (số 20).

- Năm 1916 có 14 vụ xét xử và quy án. Vụ xét xử cuối cùng trong năm là vụ Nguyễn Văn Giưa (số 5) vào ngày 15.12.1916. Trước đó là các vụ: Ba Con, tức Ba Nho, tức Phạm Ngọc cẩn, tức Phạm Thạch Lâm Anh (số 3); vụ Vũ Khả Khuyên, tức Vũ Sĩ Lập, tức Vũ Chi (số 4): vụ lê Bang, tức Cả So (số 39); vụ Nguyễn Xáng (số 40); vụ Lê Chỉnh (số 41); vụ Lê Lua (số 42); vụ Bùi Nhược (số 43); vụ Châu Dịch (số 44); vụ Lê Diễn (số 45); vụ Diêu Doan Cung, tức Lương Thúc (số 15); vụ Hà Hoàng Phàm, tức Lý Nam, tức Cai Thế (số 16); vụ Vi Văn Tuyên , tức Lý Duyệt, tức Tiến Đức (số 17); vụ Đặng Ngọc Vỹ, tức Mỹ Ngọc (số 18).

- Năm 1915 có 5 vụ. Vụ xét xử cuối cùng trong năm này là vụ Dương Văn Hôm (số 21)và Cầm Văn Tu (số 23) vào ngày 2.8.1915. Trước đó là các vụ: Nguyễn Văn Thông (số 11); vụ Trần Văn Sách (số 48); và vụ Lương Ngọc Quyến, tức Lương Lập Nham, tức Lương Kỳ Dinh (số 1).

---

[7] Có tài liệu cho rằng " Hồi Xuân , tức Nguyễn Gia Cầu" là hai nhân vật khác nhau. Xin xem: Đào Trinh Nhất, trong cuốn *"Lương Ngọc Quyến và cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917"*,, Quốc Dân Thư Xã xuất bản, Hà Nội, 1946. Ở trang 103, tác giả viết: " *Để Lao Thái Nguyên lúc bấy giờ, ngoài ông Lương Ngọc Quyến, có Ba Chi, Cả Thấu, Hai Vịnh, Nguyễn Gia Cầu, ông Tú Hồi Xuân, Ba Nho, Ba Quốc... tất cả hơn 10 người trọng tù quốc sự,...*"

- Năm 1914 có 2 vụ. Vụ xét xử cuối cùng là vụ Hà Văn Văn (số 22) vào ngày 15.12.1914. Trước đó là vụ Dương Văn Mậu, tức Khiêm (số 7).

- Năm 1913 có 3 vụ. Vụ xét xử cuối cùng là vụ Nguyễn Văn Bân (số 25) vào ngày 30.10.1913. Trước đó là vụ Trương Sy (số 46) và Trương Tắc (số 47).

- Năm 1910 có 20 vụ. Vụ xét xử cuối cùng là vụ Đào Văn Thứ (số 10), ngày 28.11.1910. Vụ trước đó diễn ra ngày 8.3.1910, xét xử 19 người sau : Đào Văn Hùng (số 8), Nguyễn Văn Sồi (số 9), Hà Văn Tý (số 12) , Nguyễn Văn Lượng (số 13), Nguyễn Văn Ba, tức Đội Ba (số 14), Hoàng Văn Gạch (số 19), Trần Văn Ba (số 24), Hà Văn Hậu, tức Quản Hậu (số 27), Vũ Văn Ngư, tức Tổng Ngư (số 28), Nguyễn Văn Chỉ, tức Bá Chi (số 29), Nguyễn Văn Trang, tức Phó Trang (số 30), Lương Văn Lộc (số 31), Nguyễn Văn Lâm (số 32), Dương Văn Ngọc (số 33), Nguyễn Văn Thìn (số 34), Phạm Văn Mai (số 35), Lý Văn Hai (số 36), Hoàng Văn Hải (số 37), Trần Bá Cử, tức Tú Nghệ (số 38).

- Năm 1909 có 1 vụ là vụ Đỗ Văn Tạo (số 26), xét xử ngày 8-7-1909.

* Về "tội danh" :

Xét về "tội danh" của toàn bộ 215 tù nhân bị giam cầm ở nhà tù Thái Nguyên trước khi cuộc khởi nghĩa bùng nổ, chúng tôi có thể khẳng định rằng: Chí ít cũng có 48 tù

chính trị, như danh sách chúng tôi đã trình bầy ở trên. Nếu như kết hợp xem xét các mục "tội danh", mục "địa chỉ", tức nguyên quán của từng người, với mục "cơ quan xét xử ...", chúng ta lại có thể dễ dàng nhận thấy rằng 48 tù chính trị này đều là những người đã từng tham gia phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp của nghĩa quân Đề Thám, hoặc phong trào vận động khởi nghĩa của tổ chức Việt Nam Quang Phục Hội ở miền nam Trung Bộ hồi đầu tháng 5-1916. Tội danh mà Toà án thực dân gán cho một số người là "giặc cướp" (pi rate, pi rate rie), thì thực chất đó là những "nghĩa quân". Bởi vậy, 48 tù chính trị này, ở các mức độ có thể khác nhau, đã vừa là động lực, vừa là chất men tạo nên cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên hồi cuối tháng 8 năm 1917.

Điểm cuối cùng cần lưu ý thêm là : tại khoá họp thường kỳ vào giữa năm 1916 của Hội đồng Chính phủ Đông Dương, khi đề cập đến vấn đề nhà tù ở Bắc Kỳ, bọn thực dân đã nhận định rằng hiện nay nhà tù Thái Nguyên chưa xây dựng xong, cần phải tập trung, khẩn trương xây dựng cho chắc chắn, bổ sung nhân viên cho nhà tù này, khiến cho nhà tù Thái Nguyên ở Bắc Kỳ cũng phải tương tự như nhà tù Côn Đảo ở Nam Kỳ. Chúng coi đây là một nhiệm vụ cấp bách, phải hoàn thành sớm để có nơi giam giữ các tù phạm nguy hiểm cho nền an ninh của chúng.

II. GIAI ĐOẠN ĐẦU CỦA KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN NĂM 1917 "THÁI NGUYÊN ĐỘC LẬP"

Cuộc nổi dậy của binh lính trại lính khố xanh đóng tại tỉnh lỵ tỉnh Thái Nguyên đã nổ ra vào đêm ngày 30 rạng ngày 31 tháng 8 năm 1917.

Tư liệu lưu trữ cho biết những người cầm đầu cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên trong hàng ngũ binh sĩ là Đội nhất Trịnh Văn Cấn (xem số 1 bảng Danh sách trên), Đội nhất Dương Văn Giá (số 2), Đội nhất thơ lại Phạm Văn Trường (số 3), cai nhất Dương Đình Xuyên (số 9). Về phía tù nhân, có Lương Ngọc Quyến (xem bảng Danh sách tù nhân kể trên, số 1), Nguyễn Gia Cầu (số 2), Ba Nho (số 3), Bá chi (số 29) mà nhiều tài liệu gọi là Ba Chi - một trong số thủ lĩnh nghĩa quân Đề Thám.

Binh sĩ đã nổi dậy từ trong doanh trại; đã giết tên Giám binh Nô-en (Noel), tên Phó quản Lập, và một viên đội trực ban trong tuần[8]. Sau khi điều tra, thực dân Pháp đã xác định được người giết và cắt thủ cấp của tên Giám binh Nô-en là 2 binh nhì : một là Nông Văn Chẩm, người Thái Nguyên, số lính 1135 (số 72 bảng Danh sách); và người thứ hai tên là Ba, người Hà Đông, mang số lính 1306 (xem số

---

[8] *AOM - Fonds RST, F.68, số.36250.*

110, Danh sách). Ngày 24-9-1917, Ba đã bị giặc bắt và xử bắn tại Phúc Yên[9].

Hầu hết binh lính đều hưởng ứng cuộc khởi nghĩa. chỉ có khoảng 7 - 8 người ngoan cố chống đối lại thì đều bị nghĩa binh xử chém tại chỗ. Sau đó, nghĩa binh gồm khoảng gần 140 người đã phân ra thành nhiều tốp để tiến về nhà tù Thái Nguyên giải phóng tù nhân nhằm tăng cường lực lượng, và tiến hành đánh chiếm nhiều đồn gác rải rác chốt quanh tỉnh lỵ. Trước khi xuất phát, 4 thủ lĩnh binh sĩ đã tập hợp toàn bộ binh lính tại sân trại và tuyên bố, kêu gọi mọi người sát cánh cùng nhau chiến đấu để "giành lại Nước Nam" (à la conquête du Royaume d'Annam).

Mũi tiến công vào nhà tù tỉnh lỵ Thái Nguyên do Đội nhất Dương Văn Giá chỉ huy[10]. Khi cánh cửa nhà tù bị phá tung, vợ chồng tên giám ngục tên là Lơ (Loew), người Pháp, bị giết ngay tức khắc. Theo lời của nhân chứng Hoàng Van Dau trong buổi bị hỏi cung rất lâu ngày 19.10.1917 do tên công sứ Rôtali (Rotali) thực hiện sau này thì: khi cánh cửa nhà tù vừa mở, Đội Giá đã xuất hiện ngay và tuyên bố: "Chúng tôi quyết giành lại đất nước, chúng tôi đã giết vài kẻ độc ác, các anh phải nghe theo chúng tôi, bằng không cũng sẽ bị giết chết"; còn "*Ba Quyến, được những người lính khiêng trên tay, đã diễn*

---

[9] *AOM - Fonds RST, F.68, số 36284, số 36250*
[10] *AOM - Fonds RST, F.68, S, số 36250*

thuyết về lòng ái quốc và dậy binh sĩ cách đào hầm hào.. Họ (tức Ba Quyến và các viên Đội - nguyên văn tư liệu) - *đã bàn kín với nhau về việc viết thư đề nghị Lương Tam Kỳ tăng viện; nhưng họ không nhận được thư hồi âm*"[11].

Cánh quân của Đội Giá đã lưu lại nhà tù Thái Nguyên này khoảng nửa giờ đồng hồ, kể từ khi cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Sau đó, toàn bộ số tù nhân được giải phóng đã được nghĩa binh đưa về doanh trại thay quần áo và trang bị vũ khí cho họ[12].

Một tốp nghĩa binh khác, gồm 5 lính khố xanh, đã tiến đến trạm bưu điện Thái Nguyên để tịch thu các máy móc truyền tin nhằm cắt đứt mọi thông tin liên lạc của quân địch. Lúc đó là vào khoảng *11 giờ rưỡi đêm ngày 30 rạng ngày 31 tháng 8 năm 1917*[13]

Cho tới chiều tối ngày 31 tháng 8 năm 1917 nghĩa binh tiến hành tịch thu tài sản ở kho bạc và tại các nhà mà chủ nhà là người Pháp đã bỏ chạy. Tại kho bạc, nghĩa binh đã thu được tổng cộng 71.000 đồng Đông Dương các loại, vừa tiền giấy, vừa tiền kim loại. Tư liệu lưu trữ còn cho biết rằng: cho tới 5 giờ sáng ngày 31-8-1917, quân nổi dậy chưa bộc lộ biểu hiện gì là muốn tấn công kho bạc cả, mà chỉ mải lo trang bị vũ khí, chỉnh đốn đội ngũ tại doanh trại

---

[11] *AOM - Fonds RST, F.68, S, số.36280. Tên nhân chứng, nguyên bản không có dấu.*

[12] *AOM - Fonds RST, F.68, S, số.36250.*

[13] Như trên.

lính khố xanh mà thôi. Trong khi đó nhân viên giữ kho bạc thì chỉ mới nghe tiếng súng nổ đầu tiên trong đêm đã cuống quít - khoảng sau 15 phút - đã chuồn sang lánh nạn tại doanh trại quân Pháp đóng gần đấy. Trong trại lính Pháp lúc này có 60 người và hai cỗ súng máy, đặt dưới sự chỉ huy của một tên quan hai. Trại lính Pháp chỉ cách nhà tù chưa đầy 200 mét. Và muốn đến nhà tù phải đi qua cửa Kho Bạc. Còn Kho Bạc chỉ cách nhà tù 50 mét. Quân Pháp thúc thủ trong trại. Quân nổi dậy tự do đi lại và làm chủ tỉnh lỵ Thái Nguyên[14]. Đến đúng 6 giờ ngày 4.9.1917, quân khởi nghĩa bước vào trận chiến đấu quyết liệt với viện binh của địch từ hai mũi Đông, Tây tiến công vào tỉnh lỵ; và quân địch từ trung tâm tỉnh lỵ đánh ra. Đến trưa ngày 5.9.1917, nghĩa quân rút khỏi tỉnh lỵ để tiếp tục chiến đấu[15]

*

* *

Về phía thực dân Pháp thì mãi đến 2 giờ 30 sáng ngày 31-8-1917 Quyền Thống sứ Bắc Kỳ Lơ Ganlăng (Le Gallen) mới nhận được tin báo tỉnh lỵ Thái Nguyên có binh biến, Bưu điện Thái Nguyên đã bị tấn công từ hồi 23 giờ 30 đêm 30 rạng ngày 31 tháng 8 năm 1917. Tuy máy móc truyền tin của bưu điện Thái Nguyên đã bị quân khởi nghĩa

[14] *AOM - Fonds RST, F.68, S, số.36250.*
[15] Như trên.

lấy đi, nhưng viên điện tín viên đã sử dụng một loại máy cũ để truyền một bức điện của viên sĩ quan chỉ huy lực lượng quân đội tại Thái Nguyên về Hà Nội cho viên tướng tư lệnh tối cao Bắc Kỳ để báo tin binh lính trại lính khố xanh tỉnh lỵ và tù nhân ở nhà tù Thái Nguyên đã nổi dậy. Tin khẩn cấp trên đây là do giám đốc sở Bưu điện Hà Nội báo cáo cho quyền Thống sứ Bắc Kỳ biết.

Ngay sau khi nhận được tin cấp báo này, quyền Thống sứ Bắc Kỳ là Lơ Ganlăng đã : Một mặt ra lệnh báo động khẩn cấp cho toàn bộ các đồn bốt xung quanh tỉnh lỵ Thái Nguyên, đặc biệt là đồn Chợ Chu, nơi có một viên tướng đầu thú Lương Tam Kỳ; ra lệnh động viên lực lượng dân dũng (partisan) trong toàn tỉnh, vũ trang cho bọn này và bố trí đóng chốt trên các nẻo đường tiến về Hà Nội; mặt khác trực tiếp gọi điện thoại, khoảng 4 giờ sáng ngày 31.8.1917 cho công sứ Thái Nguyên Đaclơ (Darles) lúc đó đang nghỉ phép tại Đồ Sơn với gia đình, và hạ lệnh cho Đaclơ về ngay Thái Nguyên. Sau khi gọi điện, Lơ Ganlăng còn lập tức đáp xe ô tô riêng xuống ngay Hải Phòng để đón Đaclơ. Nhưng đến Phú Thụy thì hai tên gặp nhau và cùng quay xe ngược lên Thái Nguyên. Tới Đa Phúc, hai tên lại gặp ngay tên tướng tư lệnh tối cao quân đội Bắc Kỳ cũng đang trên đường tiến về Thái Nguyên. Cả ba tên này: Lơganlăng, tướng Michard và Đaclơ lập tức tiếp tục hành trình tiến về Thái Nguyên và dừng chân tại một địa điểm cách Thái

Nguyên 3 km để thị sát và bàn định kế hoạch hành động. Chúng đã nhanh chóng quyết định và thực hiện ngay :

- Công sứ Đaclơ chốt lại Thái Nguyên cùng với lực lượng của hắn gồm hai viên giám binh là Penlơgrini (Pellegrili) và Mactini (Martini) và 40 lính khố xanh đã được chuyển tới bằng ô tô, đã được huy động từ hai tỉnh Hà Nội, Bắc Giang. Đêm 31 tháng 8 năm 1917 đó, lực lượng này đã áp sát dần tỉnh lỵ Thái Nguyên, chỉ còn cách tỉnh lỵ hoảng 2 km và trú tại nhà điền chủ đồn điền Gia Sàng, cách hầm hào của nghĩa quân đào dọc theo hai bên đường cái Hà Nội - Thái Nguyên có 500 mét.

Lơ ganlăng và tướng Misa, ngay chiều 31 tháng 8 năm 1917 đã quay về Đáp Cầu để hội bàn cùng tên sĩ quan tư lệnh Đáp Cầu vào đêm 31.8.1917 rạng ngày 1.9.1917. Kết quả của cuộc hội đàm tay ba này là ngay trong đêm đó, 15 xe cơ giới đã được huy động khẩn cấp trong toàn tỉnh (Bắc Ninh) để chuyển phân đội súng máy (section de mitrailleuse) xuất kích tới Gia Sàng, một trung đội (Compagnie) lính Âu trang bị lựu đạn và một phân đội pháo quá sơn 80 ly (section de 80 de montagne) cũng đã xuất phát từ Đáp Cầu và tới Gia Sàng ngày 1 tháng 9 năm 1917.

Ngày 2.9.1917 hồi 6 giờ sáng, trận đụng đầu đầu tiên giữa nghĩa quân với viện binh của địch đã diễn ra tại cửa ngõ tỉnh Thái Nguyên. Một trung đội bộ binh của địch, dưới sự chỉ huy của tên đại uý Pâyru (Peyroux), có pháo

binh yểm trợ đã tấn công vào quả đồi nằm phía bên trái tuyến đường cái từ Hà Nội lên Thái Nguyên. Nghĩa quân từ trên đồi đã chống cự vô cùng quyết liệt, sau đó rút lui. Trận mở màn này đã khiến cho quân địch chững lại và thấy cần phải tập trung lực lượng mạnh để "đánh mạnh thắng nhanh" (frapper vite et fort). Bởi vậy chúng lại chờ thêm viện binh.

10 giờ sáng ngày 2.9.1917, tên quan tư Becgiê (lieutenant colonel Berger) tới Gia Sàng để thống lĩnh quyền chỉ huy chiến dịch. Cả ngày 2 và 3 tháng 9. 1917, quân địch đã được tăng cường thêm một lực lượng đáng kể như sau :

-120 lính Âu;

-một phân đội pháo quá sơn (súng cối) 80 ly nữa;

-15 lính công binh;

- 150 lính ngụy.

Tất cả lực lượng quân địch hiện có tại Gia Sàng ở thời điểm chiều tối ngày 3.9.1917 đều đã sẵn sàng chuẩn bị khởi sự vào sáng ngày mồng 4.9.1917, theo kế hoạch đã được ấn định của Quan tư Becgiê.

Song, vào hồi 23 giờ đêm ngày mồng 3 rạng ngày 4 tháng 9 năm 1917, nghĩa quân đã bất ngờ mở một đợt tấn công cực mạnh thẳng vào khu chỉ huy của địch ở Gia Sàng. Trận tập kích này kéo dài tới 3 giờ sáng ngày 4 tháng 9.1917 thì nghĩa quân rút lui. Trong trận này nghĩa quân đã giết và chặt đầu tên Giám binh Mactini.

6 giờ sáng ngày mồng 4 tháng 9. 1917 quân địch mới mở chiến dịch tấn công quy mô vào trung tâm tỉnh lỵ Thái Nguyên, như trên đã đề cập[16] .

Từ đây, nghĩa quân Thái Nguyên đã phải đương đầu với một lực lượng lớn của địch, gồm nhiều binh chủng : bộ binh, pháo binh, công binh, cơ giới v.v... và đã được đặt dưới sự chỉ huy tối cao của giới cầm quyền quân sự, có sự hỗ trợ tích cực của giới cầm quyền dân sự. Chiến trường không còn bó hẹp trong phạm vi tỉnh lỵ nữa, mà đã lan rộng ra toàn tỉnh Thái Nguyên, rồi Vĩnh Yên, Phúc Yên, Sơn Tây, Bắc Giang, và cuối cùng lại quay trở lại địa bàn Thái Nguyên, với trận chiến đấu quyết liệt cuối cùng tại Núi Pháo vào ngày 10.1.1918, ngày kết thúc bi hùng của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên do Đội Cấn lãnh đạo[17] .

Như vậy là, nếu tính từ đêm 30 rạng ngày 31 tháng 8 năm 1917 khi cuộc khởi nghĩa bắt đầu bùng nổ, đến hết ngày 10.1.1918 khi cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp dập tắt, thì cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã tồn tại được 4 tháng 11 ngày. Trong khoảng thời gian đó, nghĩa quân đã thực sự làm chủ tỉnh lỵ Thái Nguyên được đúng 5 ngày đêm rưỡi (5ngày rưỡi-5đêm rưỡi), tức 132 tiếng đồng hồ, tính tới trưa ngày 5.9.1917.

---

[16] Như trên.

[17] Về giai đoạn này, nếu có điều kiện, chúng tôi sẽ trình bày chi tiết sau.

Tuy thời gian đó có ngắn ngủi, nhưng người dân Thái Nguyên lúc đó đã từng trực tiếp được hưởng cái vinh dự chan chứa cảm súc là được chiêm ngưỡng lá cờ 5 sao với bốn chữ lớn "Nam Binh Phục Quốc"; tận mắt được đọc, hoặc tận tai được nghe lời Tuyên ngôn *"Thái Nguyên độc lập"* vừa thiết tha, vừa hùng tráng, kiên quyết của thủ lĩnh Đội Cấn; đã từng được đọc 7 chữ *"Đại Hùng Đế Quốc năm thứ nhất"* ngay trên dòng mở đầu bản Tuyên ngôn này[18]. Bản Tuyên ngôn này đồng thời cũng là một bản Hịch kêu gọi toàn thể mọi người có tinh thần tự do và độc lập hãy hợp nhau lại thành "những đạo quân đi giải phóng đất nước", mà "bắt đầu từ tỉnh Thái Nguyên"; kêu gọi mọi người "nổi dậy đánh đổ quân thù", trong "trận chiến đấu cho độc lập tự do".

[18] *AOM - Fonds RST, F.68, số 36289.* Chúng tôi không tìm thấy bản gốc của bản Tuyên ngôn. Chỉ tìm thấy bản dịch ra tiếng Pháp, gồm 3 trang đánh máy. Trên cùng có đính một tờ giấy, viết bút chì mấy chữ sau :"Ng. Tuong Phuong-1.9.1945". Phải chăng đây là bản dịch của Nguyễn Tường Phượng, ngày 1.9.1945 (?).-Chúng tôi đã đối chiếu với hai bản Tuyên ngôn mà Đào Trinh Nhất đã cho công bố trong cuốn "Lương Ngọc Quyến và cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917" xuất bản tại Hà Nội năm 1946, thì thấy có mấy điểm đáng lưu ý như sau : Một là, về nội dung, bản Tuyên ngôn (tiếng Pháp) mà chúng tôi tìm được hoàn toàn giống bản Tuyên ngôn (chữ Việt) mà Đào Trinh Nhất cho rằng đó là bản "Tuyên ngôn thứ nhất, phát hồi nửa đêm, lúc mới khởi nghĩa" (trang 114-122); hai là, bản mà chúng tôi sưu tầm được thì ghi ngày tháng như sau : "Le 15 du 7è moi de la 1ére annee de Dai Hùng Đế Quốc", tức "Ngày 15 tháng 7, Đại Hùng Đế Quốc năm thứ nhất"; đối chiếu với Âm-Dương lịch thì ngày này tương ứng với ngày 1-9-1917. Trong khi đó, bản mà Đào Trinh Nhất lại ghi là "tháng 7 ngày 14"; cũng đối chiếu với Âm-Dương lịch thì ngày này tương ứng với ngày 31.8.1917. Vậy chúng tôi xin nêu ra đây cái nét "đại đồng tiểu dị" nhưng rất quan trọng này để chúng ta cùng tham khảo, nghiên cứu tìm hiểu thêm.

Trên đây, chúng tôi chỉ mới dừng lại ở thời gian đầu của cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên, tức từ đêm 30 rạng ngày 31 tháng 8 năm 1917 cho tới trưa ngày mồng 5 tháng 9 năm 1917, khi nghĩa quân rút khỏi tỉnh lỵ. Vì chưa đề cập tới toàn bộ diễn biến của cuộc khởi nghĩa cho đến phút chót, nên chúng tôi cũng chưa đề cập tới lý thuyết quân sự, tới chiến lược, chiến thuật của cả đôi bên tham chiến: nghĩa quân và quân địch. Tuy nhiên, chúng tôi chỉ đề xuất một nhận định mà có lẽ từ bấy lâu nay dường như không mấy ai lưu ý một cách thoả đáng. Đó là vụ đánh chiếm nhà Bưu điện tại tỉnh lỵ Thái Nguyên. Vụ đánh chiếm này đã không được triệt để. Dường như nghĩa quân còn chưa nhận thức được đầy đủ tầm quan trọng của Bưu điện, do đó đã không cử người đóng chiếm, quản lý và sử dụng khi cần thiết. Bởi vậy cái hệ thống "giao thông huyết mạch vô hình" này đã không những không bị vô hiệu hoá triệt để, mà còn gây ra tính chủ quan cho nghĩa quân. Nghĩa quân đã không biết rằng - như tư liệu đã dẫn bên trên - chỉ sau 3 tiếng đồng hồ mình làm chủ tỉnh lỵ thì tỉnh lỵ đã bị bao vây bí mật bởi các đồn bốt xung quanh ngay từ giờ phút đó để chờ viện binh, trong đánh ra, ngoài đánh vào của kẻ địch. Sự im ắng của trại lính Pháp tại tỉnh lỵ, cách nhà tù có 200 mét, trong mấy ngày; sự biệt vô âm tín của Lương Tam Kỳ , v.v... là những minh chứng cụ thể. Thêm vào đó, nếu dõi theo sự phản ứng hết sức khẩn trương của giới cầm quyền thực dân

ngay sau khi được tin có binh biến như trên đã trình bày, thì có thể khẳng định rằng: Cái kết quả nửa vời của việc tấn công nhà bưu điện tỉnh lỵ đã là cái mầm thất bại không thể tránh được của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, mặc dù tinh thần của quân khởi nghĩa là rất đáng trân trọng.

III. VỀ "CÁI CHẾT" CỦA ĐỘI CẤN

Khởi nghĩa Thái Nguyên đã thất bại sau 4 tháng 11 ngày chiến đấu kiên cường của binh lính, tù phạm và nhân dân tỉnh Thái Nguyên, cùng nghĩa quân và nhân dân các tỉnh bạn - những nơi đã diễn ra chiến dịch đàn áp của thực dân Pháp.

Lực lượng nghĩa quân đã hao mòn dần, theo tháng năm chiến đấu : người thì hy sinh tại trận tiền; người thì bị bắt rồi bị xử tử ngay; người thì bị giặc bắt tống vào nhà tù để đợi ngày ra xét xử; người thì thì bị gục chết sau khi đã bị giam lại vì bệnh tật hoành hành; người thì bị túng thế quá, buộc phải ra đầu thú; người thì thoát khỏi vòng vây ráp của địch đã ra nhập các nhóm nghĩa binh bí mật khác để chờ thời. Một số ít người tuy vẫn tiếp tục chiến đấu trong rừng sâu, nhưng vì thấy đại sự không thành nên đã tự sát, để lại tiếng thơm muôn thuở trong lòng dân và cả trên các trang sử sách của dân tộc Việt Nam chúng ta. Trong số này có " Đại Đô Đốc họ Trịnh", tức Trịnh Văn Cấn, tức "Đội Cấn"- viên Đội nhất trong trại lính khố xanh tỉnh lỵ Thái Nguyên, người Đội nhất mang "số lính 71".

Về "cái chết" của Đội Cấn, do trước đây chưa có đủ tài liệu nên chúng tôi đã cho rằng: Đội Cấn đã tự sát trong trận chiến đấu quyết liệt cuối cùng để bảo vệ căn cứ Núi Pháo, ngày 10 tháng 1 năm 1918[19]. Điều này không hoàn toàn chính xác. Đúng là quân Pháp đã mở đợt tấn công cuối cùng ngày 10.1.1918 vào căn cứ Núi Pháo của nghĩa quân; nhưng Đội Cấn không phải đã tự sát ngày 10.1.1918.

Số tư liệu lưu trữ mà chúng tôi mới thu thập được đã cho biết thêm một số chi tiết có liên quan tới sự hy sinh của Đội Cấn như sau :

*Hồi 10 giờ sáng ngày 11 tháng 1 năm 1918, nghĩa là ngay sau ngày quân Pháp tấn công lần cuối cùng vào Núi Pháo, công sứ tỉnh Vĩnh Yên là Quynliêrê (Culliéret) đã dẫn một người tên là Sỹ tới Thái Nguyên để gặp đại tá Maya (colonel Maillard)-tổng chỉ huy chiến dịch đàn áp cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên. Qua điều tra xét hỏi thì được biết Nguyễn Văn Sỹ người làng Hoàng Xá Hạ huyện Bạch Hạc tỉnh Vĩnh Yên. Thông qua bố của Sỹ và cha cố nhà thờ Hoa Loan, gần Hoàng Xá Hạ, nên chiều ngày 9.1.1918 Nguyễn Văn Sỹ đã tới đầu thú tại Toà công sứ Vĩnh Yên.

Nguyên Văn Sĩ khai: ngày 18.9.1917 khi đội Cấn dẫn quân quạ làng Hoàng Xá Hạ, Đội Cấn đã hạ lệnh chặt đầu

[19] Xem : Dương Kinh Quốc : "Việt Nam những sự kiện lịch sử" , Tập II (1897-1918), NXB KHXH, Hà Nội, 1982, tr.246.

người anh của Sĩ lúc đó đang làm Xã đoàn của làng. Bởi vậy Sĩ đã ôm hận trả thù cho anh nên đã tình nguyện gia nhập đội quân của Đội Cấn ngay lúc đó để chờ cơ hội thuận lợi.

Vào một đêm trong khu rừng Núi Pháo, xung quanh Đội Cấn chỉ còn lại có 4 người . Nguyễn Văn Sỹ cho biết 4 người đó là: bản thân Sỹ; một người tên là Nho, tù phạm trước đây[20] ; một người tên là Tuc mang số lính 1134, là cai lính khố xanh trước đây[21] ; một người mang số lính 1327, nguyênlà đội lính khố xanh trước đây[22] . Đêm đó, Đội Cấn nằm ngủ chập chờn cách Sỹ khoảng 3 mét. Sỹ đã dùng khẩu " mútcơtông" (mousqueton) của mình để hạ sát Đội Cấn bằng hai viên đạn, bắn cách nhau mấy giây. Sau phát thứ nhất, Sỹ thấy Đội Cấn nhỏm dậy, vớ lấy súng ngắn của mình và bắn một phát đạn. Thấy vậy Sỹ nổ phát súng thứ hai, và Đội Cấn đã ngã xuống, bất động. Nghe súng nổ, 3 người kia đang nằm cạnh Đội Cấn đã vùng dậy chạy trốn, bỏ lại 3 khẩu súng mutcơtông. Lúc Sỹ hành động là vào khoảng 21 giờ ngày mồng 5.1.1918. Sỹ đào một huyệt, lấy chiếc chăn của Đội Cấn để cuốn xác Đội Cấn lại rồi đặt

---

[20] Phải chăng đây là Ba Nho, tức Ba Con? Vì khi xem bảng Danh sách tù nhân (số thứ tự 3), ở mục ghi chú về cái chết của Ba Nho, ta thấy có sự nghi ngờ, chưa chắc chắn của giới cầm quyền thực dân .

[21] Đối chiếu với số thứ tự 50 trong bảng Danh sách binh lính , chúng ta được biết số lính 1134 là binh nhì Dương Văn Tuế, người xã Xuân La, Phú Bình, Thái Nguyên.

[22] Đối chiếu với số thứ tự 86 trong bảng Danh sách binh lính, chúng ta được biết số lính 1327 là binh nhì Nguyễn Hương Đài, người xã Sơn lộ, Tiên Lữ, Sơn Tây.

xuống huyệt chôn cùng với 3 khẩu súng mutcơtông của 3 người kia để lại. Sau đó Sỹ tìm đường xuống núi và sáng ngày 6.1.1918 tới Cù Vân.

*Về phía chính quyền thực dân thì chỉ sau 30 phút nắm bắt sơ bộ tình hình, chúng đã triển khai ngay kế hoạch xác minh lời khai của Nguyễn Văn Sỹ. Đại uý Xalen (Capitaine Salel) được giao cho nhiệm vụ này.

Đúng 10 giờ 30 ngày 11.1.1918, đoàn xe xuất phát từ Thái Nguyên . Đoàn gồm: Đại uý Xalen, Công sứ Thái Nguyên Pulanh (Poulin), Công sứ Vĩnh Yên Quynliêrê (Culliéret). Ngoài ra còn có: Nguyễn văn Sỹ dẫn đường, và Phạm Văn Trường (đội thơ lại đã ra đầu thú ngày 22.12.1917) có nhiệm vụ nhận dạng tại chỗ xem có đúng là xác của Đội Cấn không.

Đến Cù Vân, Xalen lấy thêm người, gồm: 15 lính khố xanh do tên chánh quản Ăngđrêani (adjudant chef Andréani) chỉ huy; 8 phu mang theo cuốc, xẻng, chiếu; viên lý trưởng sở tại; tên dẫn đường cho quân Pháp vào Núi Pháo trong trận tấn công ngày 21.12.1917. Khi đi qua chiến địa diễn ra ngày 21.12.1917, mọi người còn thấy 3 xác quân nổi dậy tử trận từ ngày hôm đó. Từ đây, sau gần một tiếng đồng hồ luồn rừng, vượt dốc rất vất vả, mọi người đã tới một khu đất rộng khoảng 2 mét vuông, có mầu đất mới bị xới. Việc khai quật đã được tiến hành. Đoàn đi xác minh đã ghi nhận rằng : Huyệt được đào rất đẹp; thi

thể được bó trong một tấm chăn một cách hết sức cẩn thận; người chết mặc chiếc quần ka ki dài, một áo vét kaki mặc bên trong, còn bên ngoài là một chiếc áo vét khác màu xanh chàm; đầu đội chiếc mũ phớt màu đen; tay phải còn nắm chặt khẩu súng ngắn tự động (Révolver automatique), vỏ đạn còn mắc trong ổ chưa ra hẳn ngoài. Ngoài ra, trên thi thể còn có dấu vết của hai vết thương : một vết ở cẳng chân trái, có ảnh hưởng đến bắp chân, đến phần đùi, trên đầu gối; vết thương này rất nặng, bị vào ngày 21.12.1917 tại trận chiến Núi Pháo; vết thương thứ hai ở dạ dầy, do một viên đạn nhỏ gây nên, có chút máu xung quanh lỗ vào của viên đạn. Bên cạnh thi thể được cuốn trong chăn, còn cuốn theo cả một bộ bàn đèn thuốc phiện nữa. Trong huyệt cũng còn chôn theo 3 khẩu mutcơ tông, trong số đó : 2 khẩu thay băng đạn mới; còn khẩu thứ ba thấy băng đạn đã được bắn đi một viên.

Nhân đây, cũng cần mở dấu ngoặc là, trong một bức thư mật gửi thống sứ Bắc Kỳ ngày 16.1.1918, công sứ Thái Nguyên Pulanh đã nêu một số nhận xét của cá nhân mình trong ngày đi khai quật xác minh như sau: tử thi được khâm liệm vô cùng thận trọng bằng vải thêu, và bằng các tấm chăn, chiếu; trên khu vực mộ, trước khi khai quật, còn thấy dấu vết của một lớp tro, chứng tỏ có nghi thức đốt đồ cúng lễ; việc khâm liệm như vậy, và nhất là việc đào một cái huyệt và chôn cất như vậy, không thể nào một người có thể làm được; việc đó chỉ có thể do 3, 4 người cùng đồng

lòng mới làm được, mới có thể chôn cất theo đại lễ (grande cérémonie) như vậy.

Trở lại công việc của đoàn đi khai quật ngày 11.1.1918 bên trên. Sau khi tử thi được khai quật thì đội thơ lại Phạm Văn Trường đã nhận ra ngay tử thi đó chính là Đội Cấn. Bọn lính đi hộ tống được lệnh đến gần để nhận dạng, cũng thừa nhận đó chính là Đội Cấn. Lập tức tử thi được chuyển về ngay Thái Nguyên. Đến Thái Nguyên đúng 15 giờ 30, tử thi được đưa ngay đến nhà tù để tù nhân nhận dạng một lần nữa.

*Khoảng 16 giờ ngày 11.1.1918, việc mổ khám nghiệm tử thi (autopsie) chính thức bắt đầu. Bác sĩ y khoa Hăngri Butơry (Henri Boutry) được công sứ Thái Nguyên giao cho nhiệm vụ này. Sau khi tuyên thệ, bác sĩ Hăngri Butơry bắt tay vào việc. Kết quả được thể hiện trong bản ''Báo cáo về việc mổ khám nghiệm tử thi'', có ký tên bác sĩ và đề ngày 11.1.1918, tại Thái Nguyên.

Bản báo cáo này đã thể hiện một số nhận xét chuyên môn sau :

*Thi thể được bảo quản tốt; thây không bị cứng đờ; không thấy bị ứ huyết mấy; không thấy bốc mùi; chỉ thấy một vầng tím nhạt ở vùng bụng, dấu hiệu bắt đầu bị thối rữa; do nhiệt độ nơi chôn cất có thấp và tình trạng thân thể gầy gò, phù hợp cho việc bảo quản xác, nên thời điểm chết chỉ có thể xác định cách đây khoảng từ 4 đến 8 ngày.

*Mặt còn nguyên vẹn, cho phép dễ dàng nhận dạng được xác chết; những nhân chứng đều thừa nhận đây là xác của Đội Cấn.

*Xác mặc một chiếc quần dài và 3 áo; áo vét ngoài cùng mầu xanh chàm, không cài khuy; một lỗ thủng duy nhất xuyên qua hai chiếc áo bên trong, tại vùng ngực, giữa hàng khuyết; lỗ thủng trên chiếc áo ngoài bị dám cháy một vùng rộng khoảng 2 xăngtimét đường kính xung quanh lỗ, và tại đấy có một vết lấm chấm mầu hơi đen, là do thuốc súng gây nên; mép viền dọc theo hàng khuyết chỗ dám cháy này đã hơi bị sờn rách đôi chút; cả hai lỗ thủng trên hai chiếc áo này đều có thể đút vừa đầu ngón tay, và xếp chồng lên nhau rất khít.

*Trên cơ thể, có 2 thương tích do đạn gây nên. Một thương tích xẩy ra trước, ở chân trái; đường đạn vào là ở cẳng chân; đường đạn ra là ở phần trên đùi; đạn xuyên qua khớp đầu gối, trong tư thế chân hơi gập[23]; vết thương này đã bị nhiễm trùng nặng, đã sang giai đoạn viêm tấy, hoại thư, mủ chảy xuống tận gót chân; chỉ có giải pháp cắt bỏ cả đùi mới có thể sống, nếu không thì chỉ một thời gian ngắn nữa thôi sẽ dẫn tới cái chết; thực trang vết thương như vậy, xét thấy nó đã xẩy ra cách đây khoảng 15 ngày.

[23]Phải chăng đây là tư thế quỳ bắn từ cao điểm xuống của Đội Cấn trong trận chiến đấu ngày 21.12.1917 tại Núi Pháo, và Đội Cấn đã bị địch bắn từ phía dưới lên khiến Đội Cấn bị thương như vậy.

Thương tích thứ hai ở ngực. Đường đạn vào là điểm dưới của mỏ ác; lỗ đạn ra không thấy; hầu như không có xuất huyết ngoài. Mổ tử thi thấy: tim bị thủng ở tâm thất phải (ventricule droit); màng tim ứ máu; viên đạn sượt cột xương sống, và nằm trong cơ thể, ở khoang thứ 9 sườn trái; đạn cỡ 7,65 ly, thường dùng cho loại súng ngắn tự động kiểu Browning hay Webby; đường đạn đi theo hướng thẳng ngang, hơi lệch trái; đạn được bắn ra ở tầm sát gần, do đó đã gây nên vết cháy xém và vết đen nhạt trên áo kaki.- Ngoài 2 thương tích kể trên, không thấy có một vết thương nào mới cả; cũng không thấy có dấu vết gì chứng tỏ bị hành hung cả.

Báo cáo đã kết luận như sau :

"1) Người chết đã chết được từ 4 đến 8 ngày.

2) Chính là do vết thương ở ngực, không còn nghi ngờ gì nữa, đã dẫn tới cái chết. Vết thương này được tạo ra khi nạn nhân còn đang sống, như đã được minh chứng qua việc tìm thấy có sự ứ máu nhiều và các hạt máu đông ở màng ngoài tim.

3) Giả thuyết về một vụ tự sát không chỉ là khả năng có thật nữa, mà nó còn được bổ sung bởi việc nghiên cứu đường lan của vết thương, bởi viên đạn được bắn ra ở tầm sát gần, và nhất là bởi khi khai quật còn thấy tử thi nắm trong tay phải một khẩu súng ngắn kiểu Webby có cùng

một cỡ đạn như đầu đạn đã tìm thấy trong cơ thể tử thi, và có một viên đạn đã được bắn ra từ khẩu súng này.

Tuy nhiên, đây chỉ là một giả thuyết do việc mổ khám nghiệm tử thi đem lại mà người ta không thể nói khác được; song nó phải được kiểm tra qua công tác điều tra nữa".

Như vậy là, dựa vào những tư liệu đã được trình bày tương đối chi tiết bên trên[24] chúng ta có thể khẳng định rằng: Đội Cấn đã tự sát hồi 21 giờ ngày 5.1.1918 (tức 23 tháng Mười Một năm Đinh Tỵ), tại Núi Pháo, trước sự hiện diện của 4 nghĩa binh còn lại bên cạnh Đội Cấn lúc bấy giờ. Bốn nghĩa binh đó, trong đó có Nguyễn Văn Sĩ, đã lo chôn cất Đội Cấn hết sức chu đáo, trang trọng, và đã đốt cả vàng hương cho chủ tướng của mình[25].

Tư liệu[26] cũng cho biết thêm: chiều 18.9.1917 nghĩa binh Đội Cấn hành quân đến đóng tại làng Hoàng Xá Hạ thuộc huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên lúc bấy giờ. Và chúng ta đã đều rõ rằng nguyên quán của Đội Cấn cũng là huyện Bạch Hạc, Vĩnh Yên. Quân Pháp đã mở đợt tấn công vào làng Hoàng Xá Hạ, ngay ngày hôm sau, 19.9.1917 hồi 15 giờ 30. Sau đợt giao tranh quyết liệt, quân Pháp bị giết

---

[24] *AOM - Fonds RST, F.68, số 36284, số 36258.*

[25] Đào Trinh Nhất-Sách đã dẫn, trang 140-141, cho biết :
-Đội Cấn tự sát ngày 5-1-1918;
-Ba Nho và hai người lính cũng tự vẫn theo Đội Cấn;
-Tên Sĩ đã đào lỗ chôn cả 4 người một huyệt.
Những sự kiện mà tác giả khẳng định như trên, đều không thấy ghi lấy xuất xứ ở nguồn tài liệu nào.

[26] *AOM - Fonds RST, F.68, số 36250.*

tại trận ít nhất 3 tên (trong đó có một viên đội người Pháp, 2 lính Phi), và bị thương 6 tên (4 lính Phi và 2 lính cơ), mà vẫn không sao tiến vào làng được. Chính là từ trận chiến đấu này mà Nguyễn Văn Sĩ đã ra nhập nghĩa quân của Đội Cấn, đã được Đội Cấn thu nạp, đã từng sát cánh cùng Đội Cấn trên bước đường hành quân về Thái Nguyên, đã từng chứng kiến cái chết bi hùng của Đội Cấn tại núi Pháo, và cuối cùng đã từng tham gia khâm liệm, chôn cất Đội Cấn. Vậy khi Nguyễn Văn Sĩ khai báo việc mình theo Đội Cấn là cốt để trả thù cho anh, phải chăng chỉ là cái cớ để được giảm nhẹ án? Hoặc phải chăng Đội Cấn đã quá sơ xuất mà tiếp nhận vào hàng ngũ nghĩa quân một người mà chính mình đã vừa ra lệnh chặt đầu người anh anh ta? Hoặc, phải chăng trong trận quyết tử ngày 09.9.1917 để bảo vệ Hoàng Xá Hạ, bảo vệ nghĩa quân mà hai anh em Nguyễn Văn Sĩ đã sát cánh cùng nghĩa quân, với dân làng, và rồi người anh của Sĩ đã bị chết, nên Đội Cấn đã thu nạp Sĩ vào đội ngũ nghĩa binh? Cho nên, theo chúng tôi nghĩ, vấn đề còn tồn nghi ở đây lại chính là cái chết của người anh của Nguyễn Văn Sĩ - Xã đoàn làng Hoàng Xá Hạ. Lịch sử cũng cần lưu tâm làm cho sáng tỏ.

Tuy nhiên, dù muốn nói gì đi chăng nữa, Nguyễn Văn Sĩ đã phạm vào một trọng tội rất cụ thể và rõ ràng, đó là: Chỉ cho thực dân Pháp biết nơi chôn cất Đội Cấn, khiến cho chúng cấp tốc tiến hành khai quật mộ, rồi mổ xẻ thi hài Đội Cấn, đưa đi một số nơi cho nhận dạng, nhằm vừa tự

trấn an cho chúng, vừa để trấn áp tinh thần quật khởi của nghĩa quân Thái Nguyên, của các tổ chức yêu nước chống Pháp của dân tộc ta hồi bấy giờ.

Cho dù việc làm này của Nguyễn Văn Sĩ là do sức ép của người bố, do sức ép của viên cha cố xứ đạo Hoa Loan, thì - về tội danh này - Nguyễn Văn Sĩ cũng không thể tránh khỏi sự lên án của lịch sử, của truyền thống đạo đức tốt đẹp muôn đời của dân tộc Việt Nam chúng ta.

Hà Nội, tháng 3 năm 1997

BẢN ĐỒ KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN NĂ

"TRUY QUÉT CÁC NHÓM NỔI LOẠN"

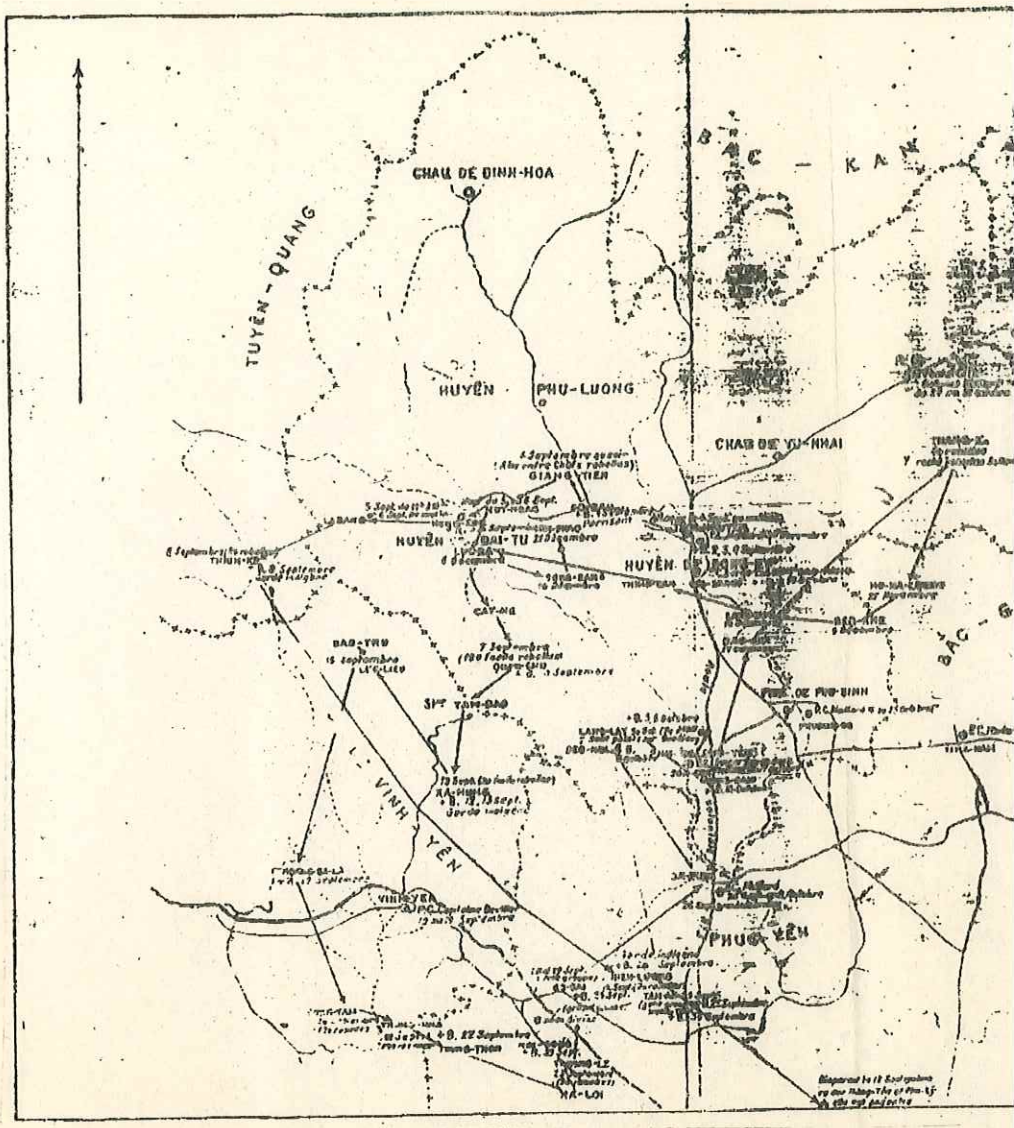

(DIỄN TRÌNH CUỘC ĐÀN ÁP KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊ

Trích trong: Historie Politique et Militaire de la provi
Thai Nguyen.

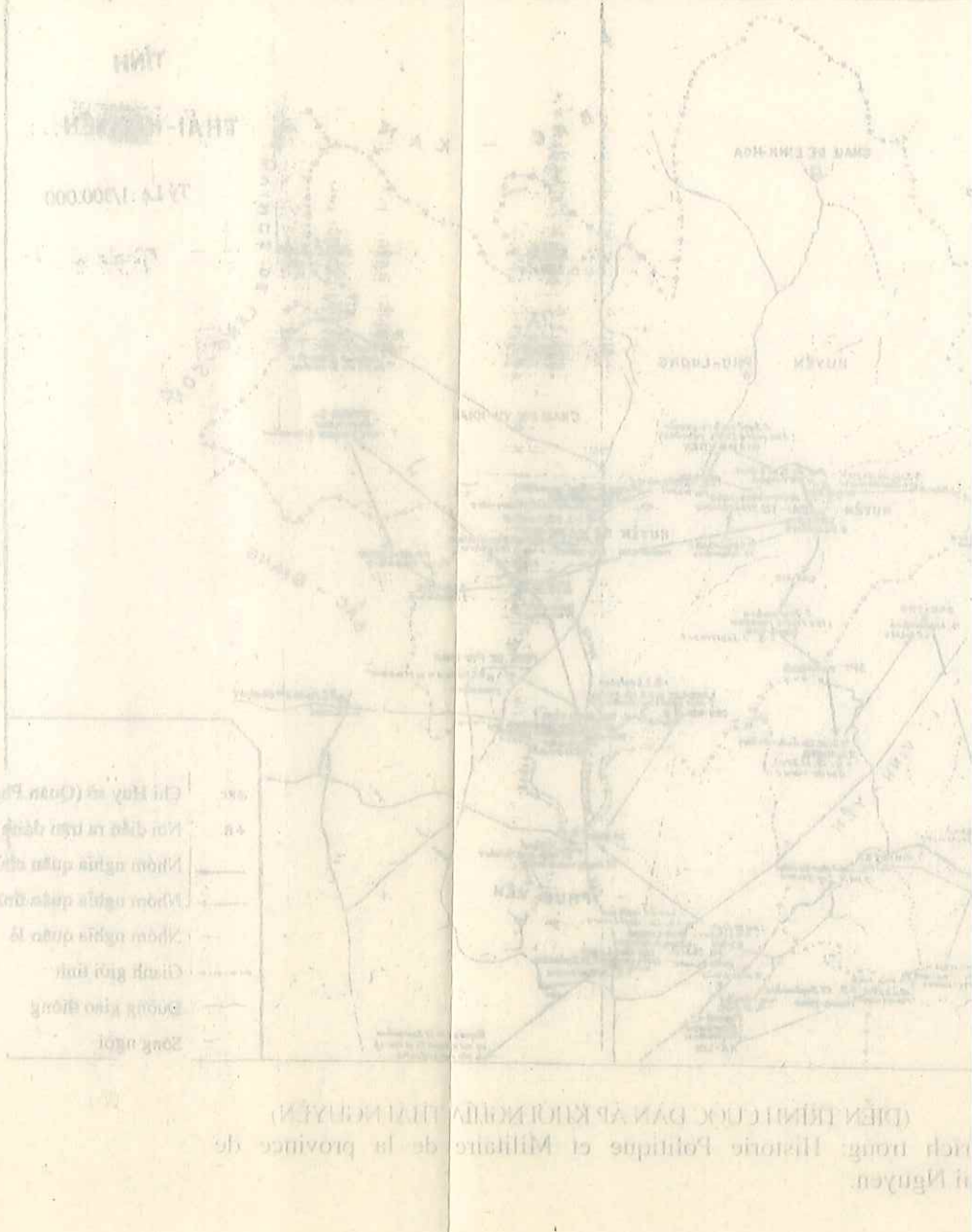

(DIỄN TRÌNH CỦA ĐẢNG BỘ KHỐI NỘI THÁI NGUYÊN)
rch prog: Histoire Politique et Militaire de la province de
i Nguyen

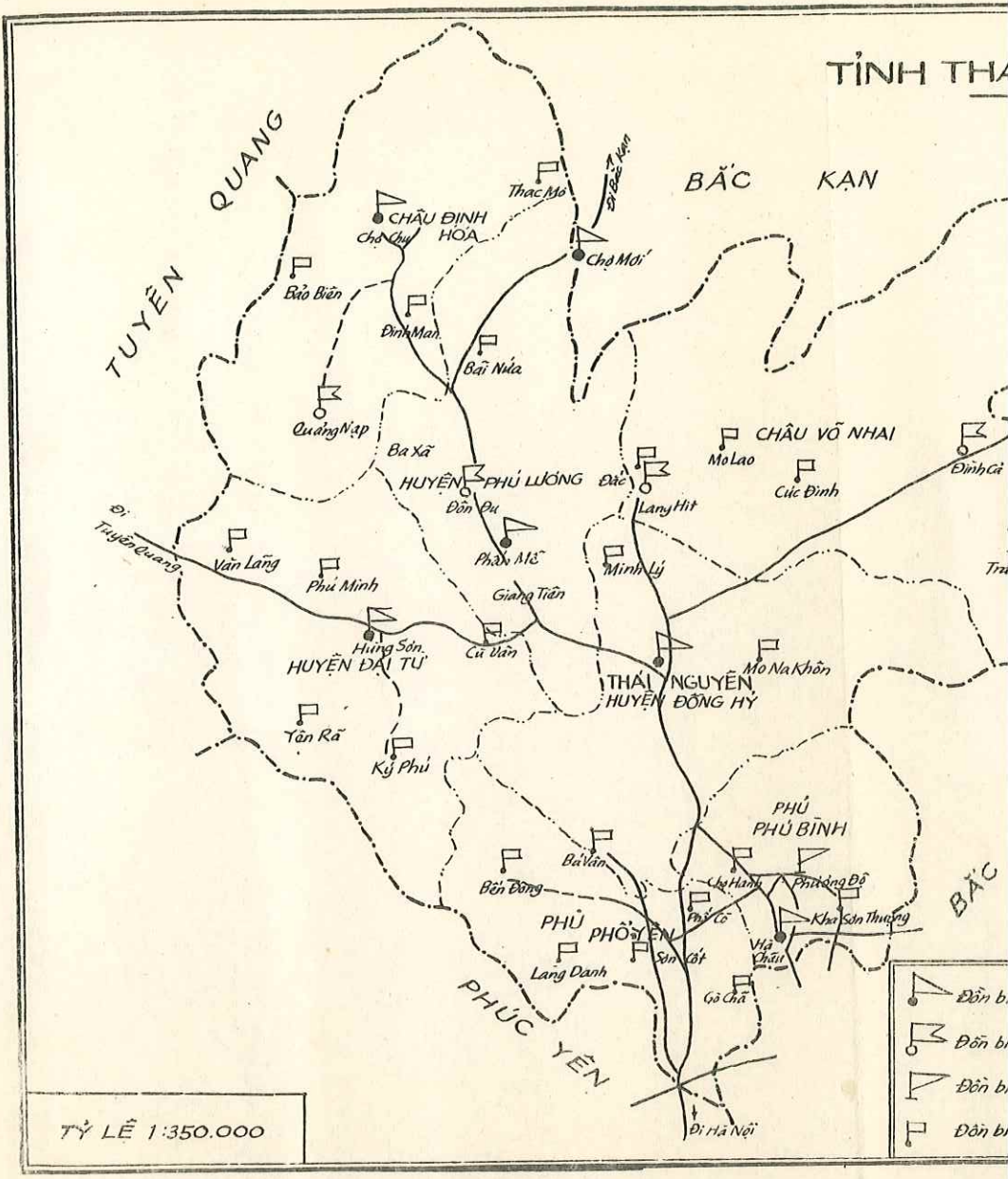

Bản đồ phân bố các vị trí đồn binh của Pháp ở Thái Nguyên (đ
năm 1933), trích trong Historie Politique et Militaire de la provinc
de Thai Nguyen.

plan bộ các vị tri đơn binh của Tiểu đ Thái Nguyên (đến
2). trích trong Histoire Politique et Militaire de la province
Nguyen.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH LIÊN QUAN ĐẾN CUỘC KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN

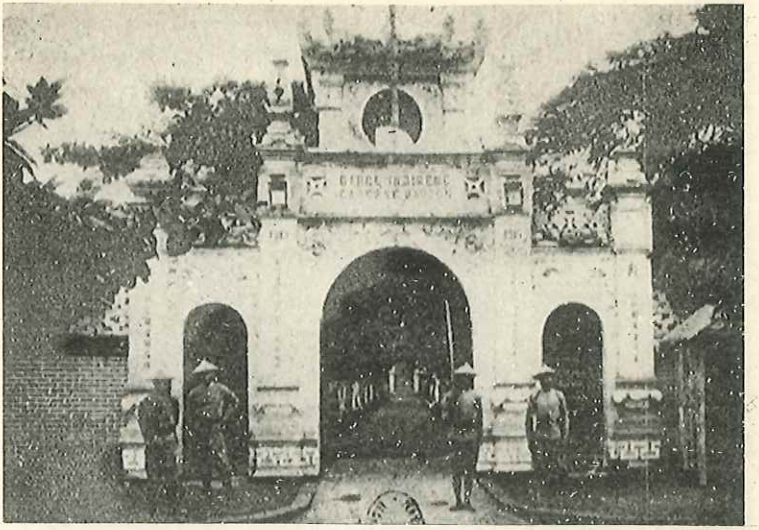

Cổng trại lính khố xanh tỉnh Thái Nguyên xây năm 1913, nơi diễn ra cuộc khởi nghĩa năm 1917.

Trung tâm Lưu trữ Quốc gia các nước Pháp hải ngoại (Alix En Provence), FOM/FOTOS: Série lè, Indochine.

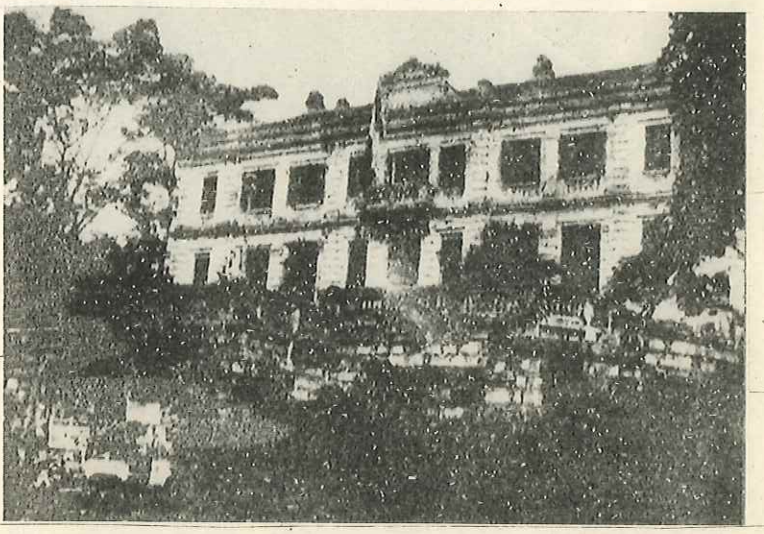

Dinh công sứ tỉnh Thái Nguyên xây dựng năm 1896-1897, ảnh trích trong Historie Politique et Militaire de la province de Thai Nguyen.

Công trại tỉnh kho xanh tỉnh Thái Nguyên xây năm 1913, nơi diễn ra cuộc khởi nghĩa năm 1917.

Trung tâm Lưu trữ Quốc gia các nước Pháp hải ngoại (Aix En Provence), FONDS-COTOS: Série Ic, Indochine.

Dinh công sứ tỉnh Thái Nguyên xây dựng năm 1895-1897, hiện trích trong Histoire Politique et Militaire de la province de Thai Nguyen.

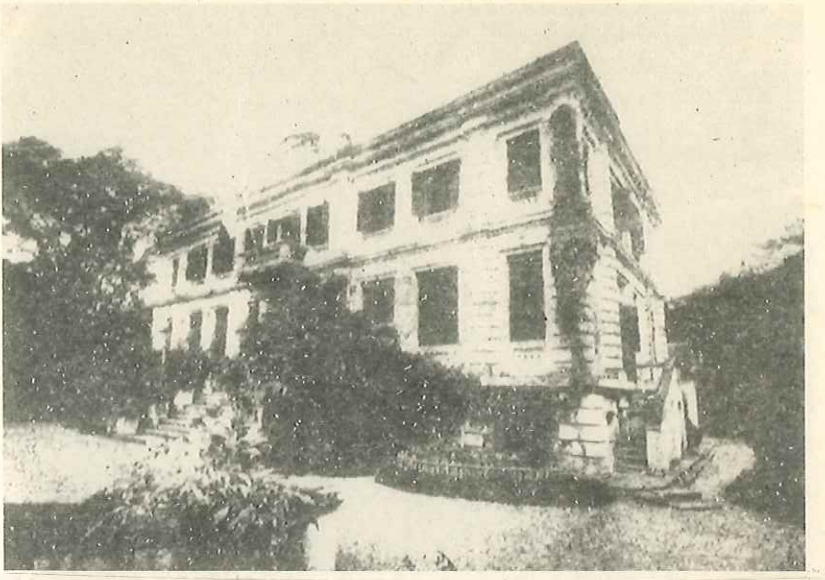

Dinh công sứ tỉnh Thái Nguyên xây dựng năm 1896-1897, ảnh trích trong Historie Politique et Militaire de la province de Thai Nguyen.

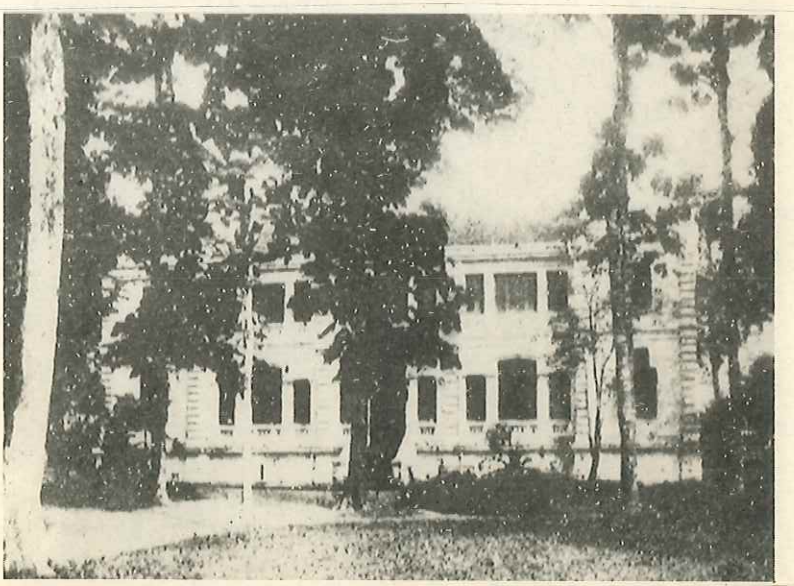

Dinh phó công sứ tỉnh Thái Nguyên xây dựng năm 1897, ảnh trích trong Historie Politique et Militaire de la province de Thai Nguyen.

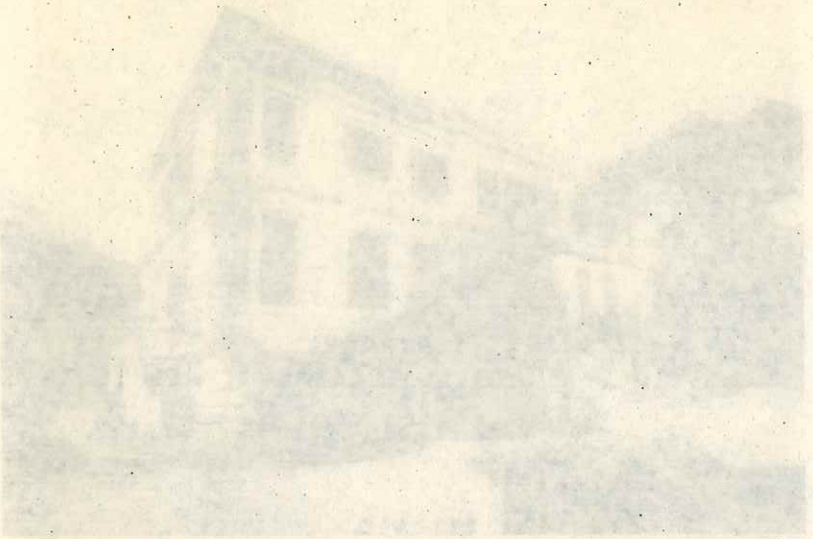

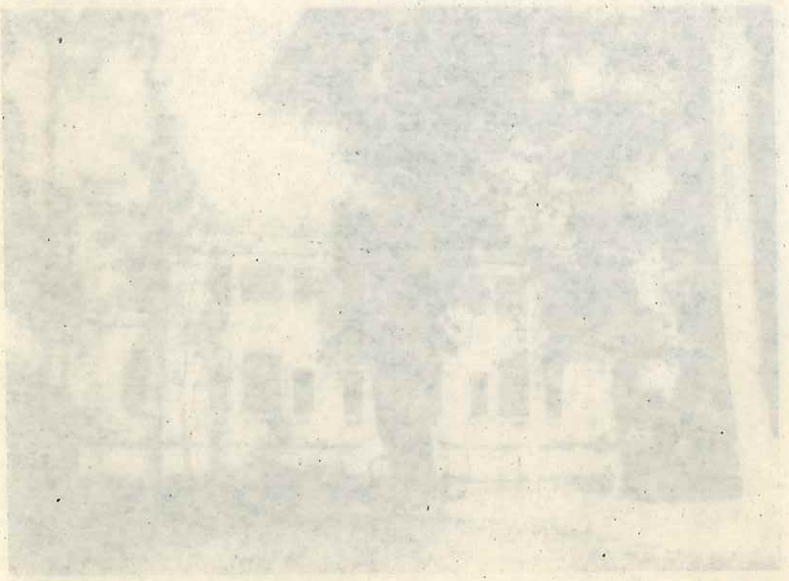

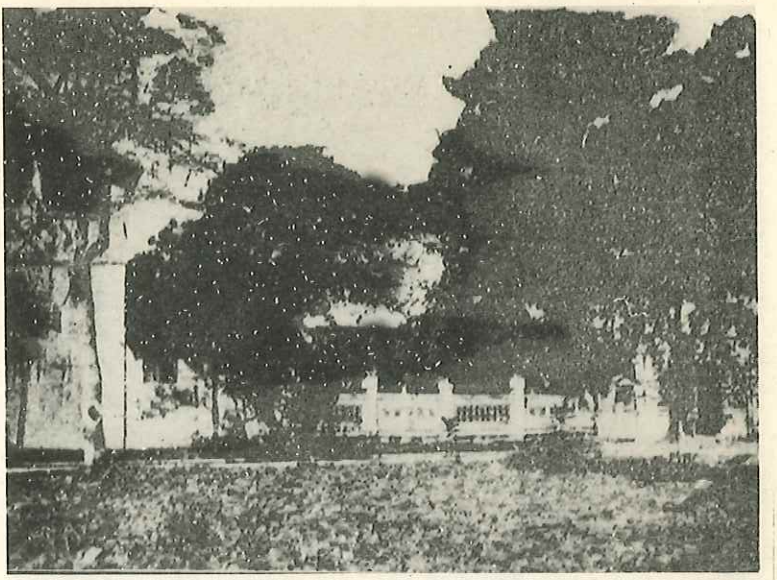

Dinh Tuần phủ và trại lính dõng tỉnh Thái Nguyên xây dựng năm 1909, ảnh trích trong Historie Politique et Militaire de la province de Thai Nguyen.

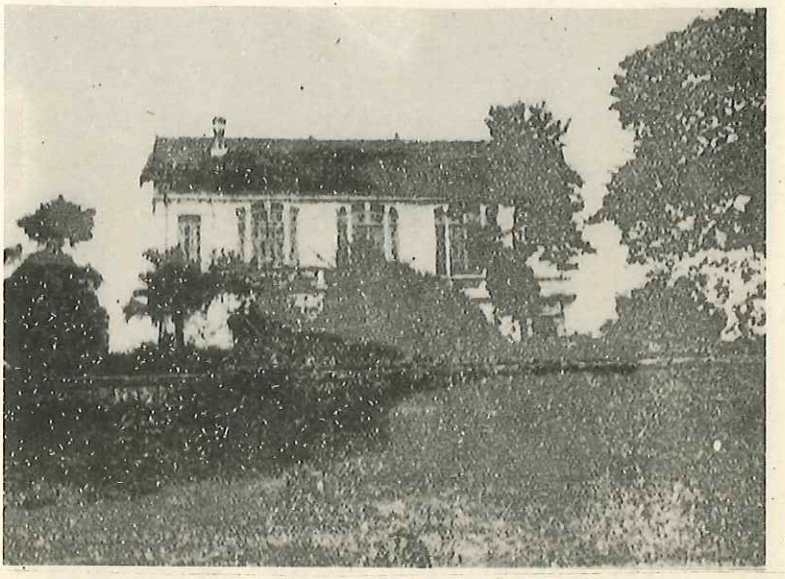

Trụ sở cơ quan Thuế Đoan tỉnh Thái Nguyên xây dựng năm 1905, ảnh trích trong Historie Politique et Militaire de la province de Thai Nguyen.

Dinh Tuần phủ và trại linh đồng tỉnh Thái Nguyên xây dựng năm 1909, ảnh trích trong Histoire Politique et Militaire de la province de Thai-Nguyen.

Trụ sở quan Thục Doãn tiếp Thái Nguyên xây dựng năm 1905, ảnh trích trong Histoire Politique et Militaire de la province de Thai Nguyen.

Bưu điện tỉnh Thái Nguyên xây dựng năm 1897, ảnh trích trong Historie Politique et Militaire de la province de Thai Nguyen.

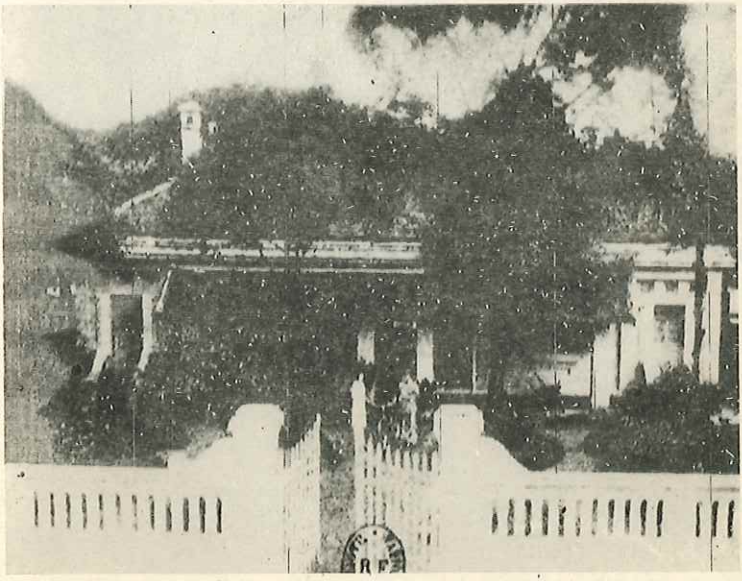

Trụ sở cảnh sát tỉnh Thái Nguyên xây dựng năm 1897, ảnh trích trong Historie Politique et Militaire de la province de Thai Nguyen.

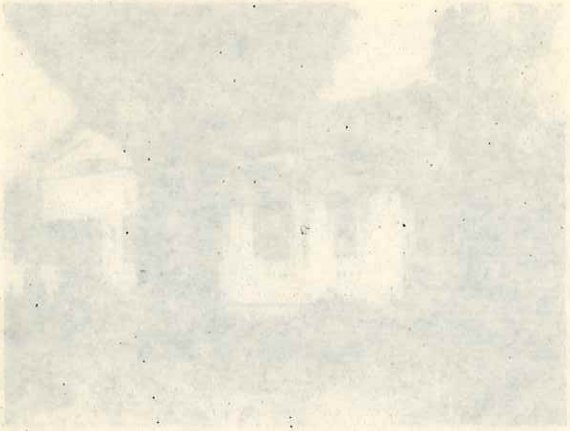

Tra so cảnh sát tỉnh Thai Nguyên xây dựng năm 1897, ảnh trích trong Histoire Politique et Militaire de la province de Thai Nguyen.

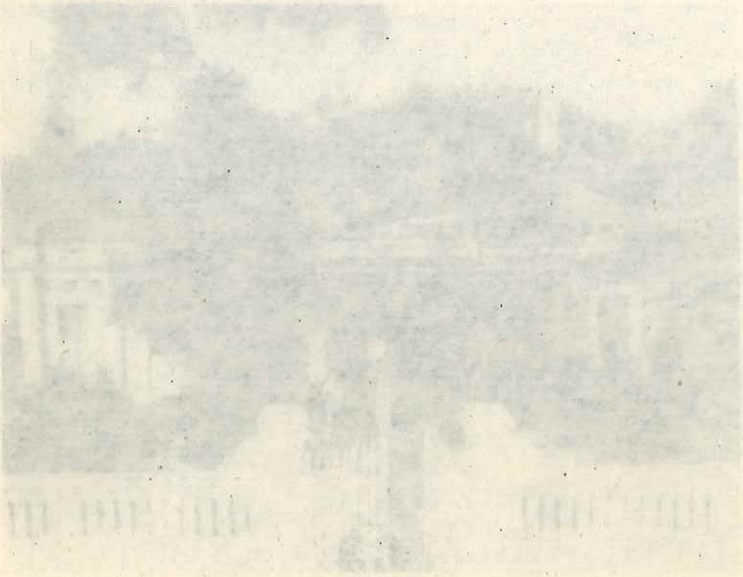

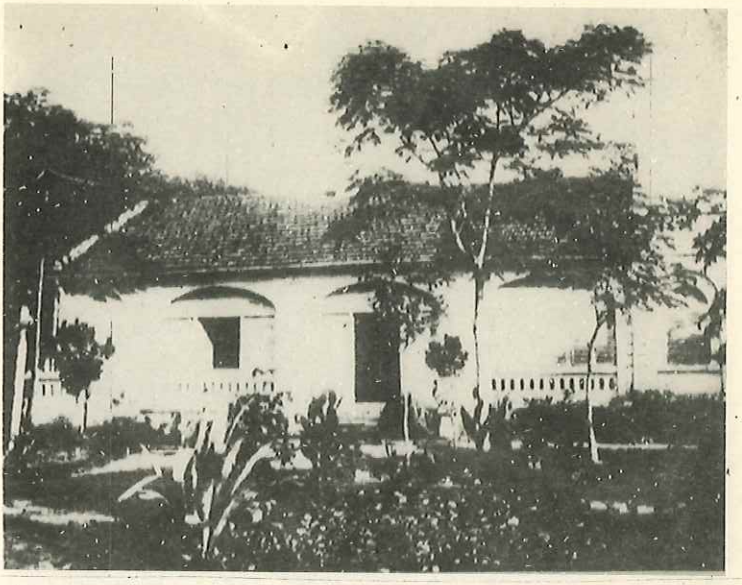

Nhà viên chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên xây dựng năm 1897, ảnh trích trong Historie Politique et Militaire de la province de Thai Nguyen.

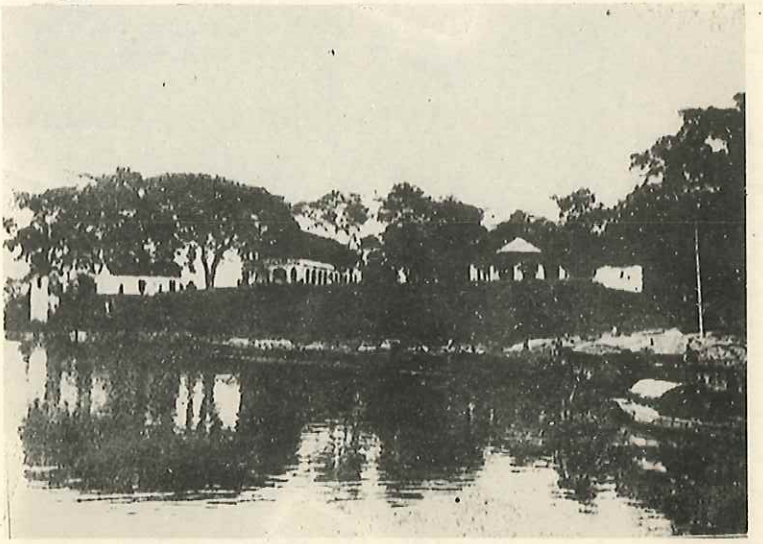

Trại lính thủy tại Thái Nguyên xây dựng năm 1897, ảnh trích trong Historie Politique et Militaire de la province de Thai Nguyen.

Nhà viên chỉ huy quản xứ tỉnh Thái Nguyên xây dựng năm 1892, ảnh trích trong Histoire Politique et Militaire de la province de Thai Nguyen.

Trại lính thủy tại Thái Nguyên xây dựng năm 1892, ảnh trích trong Histoire Politique et Militaire de la province de Thai Nguyen.

BỨC THƯ TAY CỦA LƯƠNG NGỌC QUYẾN GỬI TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG

Tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I (Hà Nội) còn lưu giữ được nhiều tài liệu về Lương Ngọc Quyến. Trong đó đáng chú ý có bức thư do chính Lương Ngọc Quyến viết và gửi đi cho Toàn quyền Đông Dương ngày 3 tháng 7 năm 1916[1], tức hơn một năm trước ngày cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên bùng nổ. Bức thư này đã từng được một số nhà nghiên cứu đề cập, tuy nhiên chưa một ai cho công bố toàn văn tài liệu này. Nhân dịp chuẩn bị tổ chức Hội thảo khoa học nhân 80 năm ngày khởi nghĩa Thái Nguyên, để bạn đọc có thể tham khảo được một cách cụ thể, chúng tôi xin phép công bố toàn văn nguyên bản bức thư trên.

[1] TTLTQG-I, Hồ sơ số 81692, phông RST.

BỨC THƯ TAY CỦA LƯƠNG NGỌC QUYẾN GỬI TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG

Tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I (Hà Nội) còn lưu giữ được nhiều tài liệu về Lương Ngọc Quyến. Trong đó đáng chú ý có bức thư do chính Lương Ngọc Quyến viết và gửi đi cho Toàn quyền Đông Dương ngày 3 tháng 7 năm 1916[1], tức hơn một năm trước ngày cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên bùng nổ. Bức thư này đã từng được một sử nhà nghiên cứu đề cập, tuy nhiên chưa một ai cho công bố toàn văn tài liệu này. Nhân dịp chuẩn bị tổ chức Hội thảo khoa học nhân 80 năm ngày khởi nghĩa Thái Nguyên, để bạn đọc có thể tham khảo được một cách cụ thể, chúng tôi xin phép công bố toàn văn nguyên bản bức thư trên.

---

[1] TTLTQG-I. Hồ sơ số 81092, phông RST.

Hanoi. Le 3/7/1916.

Quan Thống-Sứ.

Khi cuối tháng 5 tây chước, quan-lớn có giậy rằng, bởi vì nhà-pha Côn-lôn chật lắm, hóa ra phải chờ chong một hai tháng nữa nhà-pha mới làm song rồi, thì sẽ cho đi, tôi nghe làm vậy mà tôi thực lấy làm nghĩ lắm, tôi tưởng rằng nhà-pha Côn-lôn là dứt to-lớn ở chong sứ Đông-dương này, dẫu rằng thốt nhiên có năm bẩy mười người tù mà dải tới đến nữa, chắc cũng có chỗ ở, huống chi một hai người như chúng tôi thì có ngại gì, tôi thực khg biết quan-lớn thương cho tôi như thế nào, mà giậy những lời làm vậy, vì bằng bảo rằng nhà-nước để tôi lại đây, để mai sau hoạc có sự gì mà lại muốn hỏi đến tôi chăng, thì tôi chắc từ giờ về sau thực khg còn có một lời gì đáng thưa với nhà-nước được nữa, đã hay rằng chúng tôi là người phản-đối, thì chắc nhà-nước cũng có thể tin-cạy mà cho tự-do ở chong sứ Đông-dương này được, nhưng mà thuộc-địa nhà-nước nào là phụ-châu nào là Vân-thế-giới có chật-hẹp gì, mà khg cho tôi được một miếng đất tự do, và lại nhà nước đã để cho tôi sống, thì chắc hẳn cũng có lòng thương, d nhà-nước đã có lòng thương, mà lại bắt tôi sống một cách gở-lạ thế này, thì thà rằng đem bắn ngày đi, ấy chúng tôi lại cám ơn hơn, vậy nên nay tôi

sin thưa quyết với quan lớn một lời rằng,
quan lớn đã có lòng thương, thì sin cho ở
năm bảy ngày nữa thì cho chúng tôi đi nơi
khác. Chẳng thì sin nhà nước đem bắn ngay
đi. Tôi chiều là cám ơn lắm,

Lương-ngọc-Quyến.

TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA I
BẢN SAO
R.S.T - 81622

MỘT BÀI THƠ CỦA LƯƠNG NGỌC QUYẾN

PGS-PTS CHƯƠNG THÂU
(Sưu tầm, giới thiệu)

KÝ NỘI[1A]

Nguyễn Thị Hồng Đính, vợ Lương Ngọc Quyến, là con gái nhà văn thân yêu nước Nguyễn Hữu Cương, đã từng theo chồng sang Trung Quốc. Sau khi chồng bị bắt, bà Đính rời Trung Quốc lặn lội về Nam Kỳ rồi sang Phnôm Pênh phụng dưỡng bố chồng là Lương Văn Can. Năm 1917, từ trong nhà lao Thái Nguyên, Lương Ngọc Quyến đã gửi bài thơ này cho vợ qua người anh họ là Lương Văn Bao vừa lên thăm và cho biết tình hình gia đình. Bài thơ bị xé ra nhiều mảnh, xem như giấy lộn, ông Bao về nhà mới

ghép lại. Bài thơ chưa kịp gửi đi thì mấy ngày sau đó cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên bùng nổ. (Cũng có người nói ông Quyến làm bài này ở Hoả Lò Hà Nội năm 1915).

Đạo phu phụ[1] cương thường[2] thiên cổ[3]
Tình thê noa[4] ái hộ bách niên[5] (a)
Đêm thanh nhớ đến bạn hiền
Đường xa gửi bức vân tiên[6] tự tình
Kể từ lúc Hải Ninh[7] gặp gỡ
Mối tơ hồng[8] đẹp lửa duyên ta (b)
Hương Giang[9] khi bước chân ra
Cầm thư[10] một gánh, thất gia[11] một đoàn
Khi Thượng Hải[12] chăn loan gối phượng

(1A) Gửi vợ

[1] Đạo phu phụ: đạo chồng vợ.

[2] Cương thường: Tam cương (ba giềng mối, ba mối quan hệ, vua tôi, cha con, chồng vợ), ngũ thường (năm đạo thường: nhân, nghĩa, lễ, tri, tín), những quy tắc đạo lý phong kiến của Nho giáo.

[3] Thiên cổ: nghìn xưa.

[4] Thê noa: vợ con.

[5] Ái hộ bách niên: thương yêu che chở trăm năm.

[6] Bức vân tiên: bức thư viết trên tờ giấy hoa tiên có vẽ mây.

[7] Lương Ngọc Quyến và Nguyễn Thị Hồng Đính gặp nhau ở Móng Cái rồi qua Đông Hưng làm lễ cưới, từ đó bà Đính theo chồng sống bên Trung Quốc.

[8] Tơ hồng: do chữ Hán "xích thắng". Theo *Tục u quái lục*. Vị Cố đời Đường gặp một ông già dưới trăng đang kiểm sổ sách và trong túi ông có cuộn dây tơ đỏ. Vị hỏi thì ông già nói đó là cuốn sổ hôn nhan và cuộn dây tơ hồng để buộc chân những đôi nam nữ hợp duyên với nhau, "tơ hồng" để chỉ nhân duyên.

[9, 10, 12, 14, 15] Tên những nơi hai người đã chung sống với nhau bên Trung Quốc.

[10] Cầm thư: đàn sách.

[11] Thất gia: gia thất, chỉ vợ chồng.

[12]

Lúc Hàng Châu[13] vịnh trúc ngâm mai
Đề huề mấy chú con trai
Nhấp men Ngô Lĩnh[14] đua chài Châu Giang[15]
Ngó gia hương[16] bước sang Lục Tỉnh[17] (c)
Vượt nghìn muôn định tỉnh[18] gia thân[19]
Biết bao trọng nghĩa thâm ân[20]
Trai tài gái nết Tấn Tần đẹp duyên[21]
Bấy nhiêu năm liên uyên tịnh phượng[22]
Dặm nghìn ngoài hiệp xướng hòa chung[23] (d)
Giang sơn trọn một chữ tòng[24]
Những mong Hồng nữ Vệ công sánh tày[25]
Cờ ngũ tinh[26] kéo về phục quốc

13

14, 15 Tên những nơi hai người đã chung sống với nhau bên Trung Quốc.

16 Gia hương: nhà và làng, tức là quê quán cũ.

17 Lục Tỉnh: đất Nam Bộ ngày nay.

18 Định tỉnh: do chữ "hôn định thần tỉnh" nghĩa là buổi tối phải xem cha mẹ có yên giấc không, buổi sớm phải hỏi xem cha mẹ có khoẻ không.

19 Gia thân: cha mẹ. Ở đây chỉ cụ cả Cương, thân sinh bà Đính.

20 Trọng nghĩa thâm ân: ơn sâu nghĩa nặng.

21 Tấn Tần đẹp duyên: Tấn và Tần là tên hai nước đời Xuân Thu bên Trung Quốc. Theo *Tả truyện*, Thái tử Ngũ nước Tấn bị gửi làm con tin bên nước Tần sau được Tần Mục Công gả con gái cho. Từ đó, năm đời liền, con cháu hai họ đều cưới gả cho nhau, đối xử hòa thuận.

22 Liên uyên, tịnh phượng: chim uyên ương đi liền với nhau, chim phượng hoàng sát kề với nhau: hai loài chim này bao giờ con trống, con mái cũng sống đôi với nhau (ý nói vợ chồng gắn bó, hòa thuận).

23 Hiệp xướng hòa chung: tiếng ca, tiếng nhạc hài hòa với nhau (cũng nói chuyện vợ chồng hòa thuận).

24 Trọng một chữ tòng: trọn đạo làm vợ (theo chồng là một trong 3 điều - tam tòng - mà người phụ nữ trong chế độ phong kiến phải theo).

25 Hồng nữ, Vệ công: Lý Tĩnh đời nhà Đường khi còn là một học trò nghèo có dịp ra mắt một nhà quyền quý. Hồng Phất là con gái nhà ấy đoán Lý Tĩnh sau này làm nên bèn bỏ nhà đi theo Lý Tĩnh giúp Đường Thái tông lập nên sự nghiệp lớn, được phong là Vệ quốc công.

Kiệu tân tang sẽ rước ninh gia[27]
Trên vì nước dưới vì nhà
Non sông mở mặt, mẹ cha thỏa lòng
Than vận nước còn trong hội bỉ
Lúc tình cờ phút bị gian nguy
Làm cho Nam, Bắc phân kỳ
Xa xôi luống những tương tư âm thầm
Ngày sáu khắc ruột tằm vấn vít
Đêm năm canh hồn điệp[28] ngẩn ngơ
Đoái thương nấm đất Cần Thơ[29]
Rầu rầu cỏ biếc lờ mờ rêu xanh
Gió ào ào Nam Vinh[30] thung[31] cỗi
Sương mù mù Hà Nội huyên gia[32]
Xiết bao nỗi nước tình nhà
Hỡi nàng giúp đỡ cho ta thế nào?
Ơn phụ mẫu thiên cao địa hậu[33]
Mưu tử tôn dụ hậu quang tiền[34]
Khuyên nàng lập chí cho kiên

---

[26] Ngũ tinh: năm sao. Cờ của Việt Nam QPH có 5 ngôi sao.
[27] Ninh gia: thăm nhà.
[28] Hồn điệp: hồn bướm. Trang Chu nằm mơ thấy mình hóa thành con bướm bay lượn nhởn nhơ. Hồn bướm hay giấc bướm đều chỉ giấc mơ, giấc ngủ.
[29] Cụ cả Cương bố vợ Lương Ngọc Quyến bị án trí ở Cần Thơ rồi mất ở đó.
[30] Nam Vang tức Phnôm Pênh, thủ đô Căm-pu-chia.
[31] Thung: do chữ "xuân" viết nhầm. Theo sách *Trang tử*, xuân là một thứ cây thời thượng cổ, 8000 năm mới qua một mùa của nó. Người đời sau dùng "xuân" để chỉ người cha, với ý mong cho cha sống lâu như cây xuân. Ở đây chỉ cụ Can bị an trí ở Nam Vang. Thung cỗi: cha đã già yếu.
[32] Huyên gia: mẹ. Bà cử Can bấy giờ còn ở Hà Nội.
[33] Thiên cao địa hậu: trời cao đất dày.
[34] Dụ hậu quang tiền: gây dựng người sau rõ ràng người trước. Cả câu nghĩa là: dạy cho con cháu phải làm rạng danh tổ tiên.

Hiếu thân báo tử đắp đền cho anh (e)
Lòng người đã trung thành sốt sắng
Trời xanh kia ai chẳng phụ mình
Mai sau bĩ cực thái hanh[35]
Kéo cờ độc lập giữa thành Thăng Long.
Ba mươi triệu Lạc Long tôn tử[36]
Bốn nghìn năm lịch sử quang vinh
Trời Nam rực rỡ văn minh
Sơn hà rửa sạch hôi tanh giặc thù (g)
Giá nghĩa môn[37] bầy đồ khánh chúc[38]
Nhà Ôn Như[39] hát khúc thăng bình[40] (h)
Rõ ràng phu quý phụ vinh[41]
Tiếng thơm muôn nước phúc thanh một nhà
Nợ trung hiếu nay đà tìm đủ
Chí tang bồng[42] chẳng phụ làm trai
Khi nên trời cũng chiều người
Nàng ơi! Hãy nhớ lấy lời tình chung.

(Theo Thái Bạch, *Thi văn quốc cấm thời thuộc Pháp*,

---

[35]Bĩ cực thái hanh: khổ lắm thì lại đến lúc vui sướng.
[36]Con cháu Lạc Long Quân.
[37]Cổng nhà vợ ông Quyến ở Thái Bình có đề hai chữ "nghĩa môn" từ đời tổ phụ để lại.
[38]Khánh chúc: mừng tiệc vui.
[39]Ôn Như: chỉ nhà vợ Lương Ngọc Quyến. Ôn Như là biệt hiệu của Lương Văn Can.
[40]Thăng bình: đời thái bình.
[41]Phú quý: chồng được sang, vợ được vinh hiển.
[42]Tang bồng: cung bằng gỗ dâu, tên bằng cỏ bồng. Theo *Kinh Lễ*, khi nhà vua sinh con trai, quan coi việc bắn lấy cung bằng gỗ về tên bằng cỏ bồng, bắn 4 phát ra bốn phía và 1 phát lên trời, 1 phát xuống đất, ngụ ý người con trai chí lớn ở 4 phương, tung hoành giữa trời đất, hoạt động giúp nước, giúp đời: "tang bồng" nói về chí làm trai.

Khai Trí, Sài Gòn 1968 kết hợp với tư liệu sưu tầm ở Thái Bình)

Khảo dị:

Trong *Lương Ngọc Quyến và cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên 1917* của Đào Trinh Nhất, cũng có chép bài này, trong đó có một số chữ khác như sau:

a. Tình thê *nô* ái *mộ* bách niên.

b. Mối tơ hồng đẹp lứa *đôi* ta

c. *Nhớ* gia hương bước sang Lục Tỉnh. Chữ "nhớ" đúng hơn là "ngó".

d. *Ngoài nghìn dặm* hiệp ước hòa chung.

e. Hiếu thân *giáo* tử *báo* đền cho anh. Câu này có nghĩa hơn.

g. Sơn hà rửa sạch hôi tanh giặc *Hồ*.

h. *Đường* Ôn Như hát khúc thăng bình.

Hai trang đầu bản phúc trình ngày 3-6-1920 của BAFFELEUF về những thiệt hại của người Âu do cuộc Khởi nghĩa Thái gây ra. Hồ sơ lưu trữ. TTLTQG-I, RST 70.552.

-C O P I E-

N O T E

au sujet des dommages subis par plusieurs Européens lors de la révolte de THAINGUYEN & sa répression

---

Dans la nuit du 30 au 31 Août 1917, les linhs et gradés de la brigade de la garde Indigène de THAINGUYEN se révoltaient. Cette rebellion prenait spontanément un caractère de gravité exceptionnel qui nécessita l'intervention de forces importantes. Une série d'opérations militaires s'en suivit.

A cette occasion, un certain nombre d'européens subirent des dommages importants tant du fait des rebelles que des troupes qui leur furent opposées.

Les uns fonctionnaires obtinrent du Protectorat au titre d'indemnité pour pertes d'effets, réparation du préjudice qu'ils avaient ainsi subis.

Les autres colons, commerçants, entrepreneurs sans attaches administratives, demandèrent vainement à l'autorité locale un traitement analogue et en désespoir de cause s'adressèrent au Conseil du Contentieux.

C'est ainsi que successivement M.M. DANET, entrepreneur à HANOI, Auguste BEPOIX entrepreneur à ThaiNguyen, RAMARONIE et GAUTHIER, entrepreneurs de transport à THAINGUYEN, OLLEAC entrepreneur à DAPCAU, REYNAUD BLANC & Cie, concessionnaires à SONGCOT, la Société civile de Giasang, Mme SEKI KAMENO, sans profession, demeurant à THAINGUYEN déposaient le 6 Juillet 191[illegible] au Secrétariat de ce Conseil des requêtes tendant à obtenir du Gouvernement Général et du Protectorat du Tonkin, réparation du préjudice qui leur avait été causé dans les conditions ci-dessus.....

dessus mentionnées.

Ces requêtes étaient motivées sur les faits suivants de notoriété publique :

Iº) la révolte a eu pour cause :

a)- les mauvais traitements dont linhs et gradés de la Garde Indigène étaient constamment l'objet,

b)- le surmenage qui leur était imposé du fait de multiples corvées, de la surveillance des prisonniers, des gardes de nuit pénibles et sans cesse renouvelées.

2º) l'insuffisance des mesures préventives prises par l'Administration locale malgré les avertissements qui lui avaient été donnés.

3º) l'égalité de tous les citoyens français devant la loi.

Bien que les instances ainsi nées soient encore pendantes devant le Conseil du Contentieux, les intéressés attirant la bienveillante attention de Monsieur le Gouverneur Général LONG sur leurs réclamations en vue de rechercher si celles-ci ne pourraient faire l'objet d'un règlement équitable immédiat./.

Présenté à HANOI, le 3 Juin 1920

signé: BAFFELEUF.

P.C.C.

Le Chef de Service des Affaires administratives et contentieuses du Gouvernement Général

GOUVERNEMENT GÉNÉRAL DE L'INDOCHINE SERVICE DES AFFAIRES ADMINISTRATIVES & CONTENTIEUSES

TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA I
BẢN SAO

R.S.T_ 70.552

KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN
(TRÍCH BẢN PHÚC TRÌNH NGÀY 3 THÁNG 6 NĂM 1920 CỦA BAFFELEUF)[1]

NGUYỄN THỊ HƯƠNG CANH
(Đại học Thái Nguyên)

Cuộc nổi loạn xảy ra vào đêm ngày 30 rạng ngày 31 tháng 8 năm 1917 ở Thái Nguyên là công trình của ba viên đội người Việt trong đội lính khố xanh : Trịnh Văn Cấn, số lính 71, Dương Văn Giá (697), Phạm Văn Trường (765[2]) và hạ sĩ (caporal) người Việt Lương Đình Xuyên (789), với sự tòng phạm (tham gia) của 2 tên lính trong trại là Nông Văn Châm (1135), Ba (1306) và các tù nhân trong trại

[1] TTLTQG-I, Phông RST, Hồ sơ số 70.552.
[2] Có những tài liệu khác ghi số lính của Đội Trường là 788, xem : Echinard Alfred : *Histoire Politique,& Militaire de la province de Thai nguyên*,Imp Trung-Bac Tan Van, Hanoi, 1934, tr.203.

giam là Ba Chi, một lãnh tụ của băng đảng Đề Thám, Lương ngọc Quyến tức Ba Quyến (con trai của Cử Can), Nguyễn Gia Cầu và Ba Nho, những nhà cách mạng nổi tiếng cùng 39 tù nhân chính trị quen biết khác mà trong đó có 13 tên bị án lưu đày 2 năm khổ sai đến chung thân và án từ 13 đến 20 năm tù khổ sai.

Vào nửa đêm, sau khi giết, chém đầu Thanh tra Nô-el và hạ sĩ Đỗ Đức Hoan (1273), trung sĩ Nguyễn Văn Hanh (1337) - những người vừa từ Hà Nội đến được một tuần - bêu đầu họ lên cổng, ba viên đội đã cho họp binh sĩ trong trại, tuyên bố với binh lính rằng họ phải đi theo để chiếm lại vương quốc Annam, ngay lập tức chúng sử bắn (fusiller)[3] 7 hay 8 người lính, đó là những người khẳng định họ từ chối theo quân khởi loạn. Bị khủng bố bằng hành động này, lại được thông báo rằng những người cách mạng sẽ chiếm nhiều tỉnh cùng một lúc, binh lính đã vâng lệnh của những viên đội này và họ được phiên chế thành nhiều nhóm, chia nhau đi đốt văn phòng dinh công sứ, cắt đứt đường điện tín, chiếm nhà lao và nhiều đồn bốt trong toàn thị xã. Những người nổi loạn sau khi giết viên giám thị công chính (Surveillant des travaux publics) Omenetto, giết cả hai vợ chồng viên giám ngục Loew, dưới sự chỉ huy của Đội Giá, họ chiếm nhà tù, giải phóng tù nhân, đưa số tù này sang kho trại lính khố xanh và phát súng cho họ.

[3] Có tài liệu ghi là xử chém (décapiter), như trên, tr.203.

Như thế Đội Cấn tập hợp dưới tay mình 140 lính và 210 tù nhân được vũ trang gồm:

92 súng trường ngắn Lebel kiểu 1892,
75 súng trường to kiểu 1874,
197 súng các bin to kiểu 1874,
1 súng lục Lebel kiểu 1892,
16 kiếm lưỡi lê súng trường 1892,
25.605 viên đạn súng trường Lebel,
36.570 viên đạn súng trường và súng các bin to
259 viên đạn súng lục Lebel

không kể số súng trường và đạn súng săn lấy cắp được sau đó ở các nhà riêng.

Đó là quân số và vũ khí lớn, tương đương với 2 đại đội lính khố đỏ Bắc Kỳ.

Sau khi trang bị quần áo mới lấy từ kho của đội lính khố xanh cho tất cả những người này, Đội Cấn đã bao vây Phòng thu thuế và phong toả tầng 1, nơi có 4 lính gác người Âu, phá két bạc và tầng hầm, cướp đi 71.679 piastre[4]. Tiếp đó quân nổi loạn đã cướp phá Toà Công sứ, Sở Thuế quan và sau đó là Bưu điện, nơi chúng cướp đi 501 piastre và có thể cả các bì thư (plis chargés) nữa. Tất cả những diễn biến này đã xảy ra trong ngày 31 tháng Tám và ngày mùng 1 tháng Chín.

[4] Đồng tiền Đông Dương

Bây giờ hãy xem thái độ của những nhà chức trách như thế nào trong khoảng thời gian này.

Lúc 1 giờ 35 phút sáng ngày 31.8, Giám đốc Bưu điện được một người đưa thư bản xứ của Bưu điện Thái Nguyên báo rằng bưu điện đã bị 5 người lính tự nhận là những người theo chủ nghĩa cải lương (réformínistes) tấn công và ra lệnh cho ông ta phải cắt đứt đường giây liên lạc, mang đi 2 máy điện báo. Ông Giám đốc bưu điện lập tức báo cáo lên Ngài Thống sứ ; cùng giờ đó, Ngài Tổng Tư lệnh tối cao đã nhận được báo cáo bằng điện tín của Phó Tư lệnh ở Thái Nguyên rằng đội lính khố xanh và 250 tù nhân đã nổi loạn.

Vào lúc 4 giờ sáng, tất cả các công sứ của các tỉnh giáp giới với tỉnh Thái Nguyên đã được báo động và được lệnh đi kiểm tra đường xá, triệu tập binh dõng, cử các phái viên mật đi thám thính và tiến hành mọi biện pháp phòng ngừa có hiệu quả ; Thống sứ Bắc Kỳ, tính đến những sự kiện nghiêm trọng, ngay lập tức sau đó đã cùng Tổng Tư lệnh tối cao lên đường đi Thái Nguyên, nơi mà Ngài Công sứ Thái Nguyên trở về trước đó và đã lập một trại ở Gia Sàng cách thành phố 2 cây số.

Ngài tổng tư lệnh, cho rằng trung tá tư lệnh phân đội số 9 của trung đoàn bộ binh thuộc địa đóng quân ở Thái Nguyên gồm 60 người, sau khi đã phái một số đội tuần tra và tách ra đóng tại kho bạc, đã phải giữ thế phòng thủ với 350 lính xung kích được trang bị tốt, nấp ở nhà tù, ở chỗ

đóng quân lính khố xanh, ở lô cốt của quan lại và toà sứ, tất cả mọi vị trí đã được khống chế; Tổng tư lệnh cũng đã biết quân khởi nghĩa đã đào hào trên đường đi Bắc Cạn và trên đường đi Hà Nội.

Trong đêm ngày 31 tháng 8 rạng 1 tháng 9, 14 xe ô tô được trưng tập khẩn cấp dời Hà Nội và một số thị xã để chuyên chở đến Gia Sàng 3 phân đội bộ binh thuộc địa, 1 phân đội lính khố đỏ từ Đáp Cầu sang dưới sự chỉ huy của 1 đại uý, 40 lính khố xanh dưới sự chỉ huy của 1 giám binh đến từ Hà Nội; một phân đội sơn pháo 80 tiến từ Đáp Cầu vào buổi sáng ngày 1 tháng 9.

Quân đội chính quy đã được trưng dụng trực tiếp đặt dưới quyền chỉ huy của Thống sứ. ngày 1 tháng 9, bản thân Thống sứ cũng đến Đáp Cầu và Bắc Ninh. Thống sứ yêu cầu tướng tư lệnh tối cao gửi đội quân cứu viện và thiết lập đường liên lạc cần thiết để tiêu diệt quân phiến loạn tại Thái Nguyên. Các đội quân được đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của trung tá Berger[5] và bao gồm các đơn vị bổ sung thêm vào số những đơn vị đã kể trên :

1 đại đội bộ binh thuộc địa từ Hà Nội
2 phân đội lính khố đỏ lục quân thuộc địa
1 phân đội sơn pháo 80 từ Hà Nội
1 phân đội công binh từ Hà Nội
1 đại đội của binh đoàn số 3 Bắc Kỳ từ Bắc Ninh

[5] Có một số tài liệu ghi Berger là đại tá.

1 phân đội khố đỏ của binh đoàn số 3 Bắc Kỳ từ Bắc Ninh
1 phân đội quân y từ Hà Nội
1 phân đội bộ binh Algérie từ Tuyên Quang
1 phân đội Lê Dương từ Yên Bái
1 lượng lượng cảnh sát trong tỉnh Thái Nguyên

Vào 6 giờ sáng ngày 2 tháng 9, đại đội bộ binh đã tấn công dưới sự yểm trợ của hoả lực pháo binh vào một phân đội quân khởi nghĩa núp dưới hào trên một quả đồi nằm ở bên trái con đường từ Thái Nguyên và chiếm được vị trí này, nhưng ngay sau đấy quân nổi loạn đã phản kích quyết liệt; đã phải tập trung nhiều lực lượng để đủ sức tấn công nhanh và mạnh. 10 giờ sáng cùng ngày, trung tá Berger đến Gia Sàng để trực tiếp chỉ huy chiến dịch; một phân đội lính Âu với quân số 120 người, một phân đội sơn pháo 80 thứ hai, một phân đội công binh 15 người, một phân đội của trung đoàn 3 khố đỏ với 150 người đến ngày 2 và 3 tháng 9 dàn quân dưới quyền của đại tá (colonel). Đại tá quyết định tổ chức tấn công vào thị xã buổi sáng ngày 4 tháng 9; nhưng trong đêm ngày 3 rạng ngày 4 tháng 9, lực lượng quân nổi loạn đã tổ chức một cuộc phản công rất mạnh vào vị trí sở chỉ huy ở Gia Sàng dưới ánh sáng của một đám cháy trong khu người Việt Thái Nguyên. Sau 4 giờ chiến đấu, viên giám binh lính khố xanh, ông Martini, không giữ nổi đã bị quân khởi nghĩa giết chết và bị chém đầu. Quân nổi loạn đã bị đẩy lui một cách khó khăn.

Sáng ngày 4 tháng 9, đội quân gồm 300 lính Âu và 150 lính khố đỏ tấn công vào thị xã bằng hai hướng Đông và Tây và một mũi chính diện và đã chiếm được một phần phía Đông thị xã, thiết lập liên lạc được với vị trí trại lính. Hôm sau, 7 giờ sáng ngày 5 tháng 9, bắt đầu pháo kích vào trại lính khố xanh, dinh công sứ và kho bạc, nơi người ta nghi ngờ vẫn còn quân nổi loạn; cùng ngày, vào buổi trưa, quân đội của chúng ta đã hoàn toàn làm chủ thành phố, 35 loạn quân bị bắt với vũ khí trong tay.

Quân nổi loạn đã thoát ra khỏi thị xã về phía Bắc theo hướng Bắc Cạn, dừng lại nghỉ ở mỏ Phấn Mễ (Phố Giang Tiên), và rồi trước khi chúng gặp lại nhau đã đụng với đội thám thính, chúng dừng lại chuẩn bị, dàn quân ở phía Đông đồn huyện Hùng Sơn. 7 giờ sáng ngày 6 tháng 9, loạn quân tổ chức tấn công đồn này. Quân binh do tri huyện tập hợp đã đánh lại khiến quân nổi loạn phải tháo chạy tán loạn sau 12 giờ giao chiến. Quân phiến loạn chỉ có thể rút lui vào 7 giờ tối, tháo chạy về Cát Nê và đóng quân từ ngày 7 đến 10 tháng 9 trong một ấp người Mán ở phía Nam cách Quân Chu 6 cây số. Bộ chỉ huy quyết định dùng lực lượng trinh sát do những người lính dõng dẫn đường với sự chỉ huy của của một trung uý truy đuổi bọn chúng theo hướng từ phía Bắc, trong khi đó một đội thám thính thứ hai đặt dưới sự chỉ huy của một đại uý từ Bến Đông lại tiến quân truy kích chúng theo hướng từ Nam lên.

Trước khi những sĩ quan này có đủ thời gian để hoàn thành một sứ mệnh khó khăn do trời mưa, các con suối rạch tràn ngập nước, bọn nổi loạn đã dời Quân Chu di chuyển về phía Nam, trèo qua dãy Tam Đảo (tháng 11) và như vậy đã vượt sang Vĩnh Yên, nơi chúng xây dựng công sự tại làng Xa Hung.

Chúng tôi nghĩ rằng chẳng ích gì phải kể ra đây những sự kiện về cuộc chiến đấu đã xảy ra cho đến tận ngày 20 tháng Một năm 1918 trong các tỉnh Thái Nguyên, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bắc Giang, Hưng Yên và Hà Nam. Chỉ cần kết thúc chứng minh rằng chiến dịch này ngay từ đầu là một chiến dịch đặc biệt dữ dội với mức độ tột cùng...

Ba trang trong phúc trình ngày 3-6-1920 của BAFFELEUF về cuộc Khởi nghĩa Thái gây ra.
Hồ sơ lưu trữ. TTLTQG-I, RST 70.552.

Non certainement.

Il était impossible à la lecture des requêtes, même de celle parlant de "mauvais actes" et de "troubles" éventuels dans la province, de prévoir qu'un poste de Garde indigène révolté et commandé par un dôi serait la cause d'événements ayant une violence et des conséquences dommageables si extraordinaires; on ne pouvait prévoir aussi de tels faits parce qu'il n'en était encore jamais passé de semblables en Indochine.

C'est pourquoi, en dépit des "pressentiments" tacites de M. COMMANS, nous pouvons affirmer que les faits qui se sont passés à Thai-Nguyên dans la nuit du 30 au 31 Août 1917 ainsi que tous ceux qui les ont suivis jusqu'à l'étouffement de la sédition au mois de Janvier 1918, étaient imprévus et qu'ils ne pouvaient dans leur gravité être pressentis par un être humain si au courant qu'il fût de l'organisation de la Garde Indigène, de la situation des lieux, de la mentalité des natifs, et même du contenu de 2 lettres anonymes suspectes.

II

La rébellion qui éclata dans la nuit du 30 au 31 Août 1917 à Thai-Nguyên fut l'oeuvre de trois sergents annamites de la Garde Indigène Trinh-van-Cân M° Mle 71, Duong-van-Gia M° Mle 697, Pham-van-Truong M° Mle 768 et du caporal annamite Luong-dinh-Xuyên M° Mle 789, qui avaient pour complices dans le casernement 2 miliciens les nommés Nông-van-Châm M° Mle 1155 et Ba M° Mle 1306, et dans le pénitencier le chef de la bande dite" du Dê-Tham" appelé Ba-Chi, Luong-Ngoc-Quyên dit Ba-Quyên(gendre de Cu-Can), Nguyên-Gia-Câu et Ba-Nho révolutionnaires notoires et 39 autres détenus politiques notoires dont 15 condamnés à la déportation, 2 aux travaux forcés à perpétuité et 13 à 20 ans de travaux forcés.

Suite.....

(Après avoir tué et décapité vers minuit l'inspecteur de la garde indigène M. Noel, l'Adjudant Do-Duc-Hoan Nº 1er 1273 et le Sergent de semaine Nguyên-van-Hanh Nº 1er 1337 récemment arrivé de Hanoï, et fait exposer leurs têtes à la porte, les trois sergents rassemblèrent les miliciens dans le casernement, leur déclarèrent qu'il fallait marcher avec eux à la conquête du royaume d'Annam et fusillèrent aussitôt sept ou huit miliciens qui affirmaient hautement leur refus de les suivre. Terrorisés par cet exemple les gardes, à qui l'on annonçait par surcroît qu'au même instant les révolutionnaires s'emparaient de plusieurs provinces, obéirent aux ordres des sergents et furent divisés en plusieurs détachements chargés d'incendier les bureaux de la Résidence, de couper les communications télégraphiques, de s'emparer du pénitencier et d'occuper de nombreux postes de garde autour de la ville. Les révoltés après avoir assassiné le surveillant des travaux publics M. CRENETTO, tuèrent le gardien chef M. LOEW et sa femme, occupèrent sous les ordres du Dôi-Gia le pénitencier d'où les prisonniers délivrés furent conduits sous escorte au casernement où on les arma.

Le Dôi Cân prit ainsi sous son commandement 140 miliciens et 210 prisonniers ayant comme armement:

92 mousquetons Lebel Modèle 1892,
76 fusils Gras modèle 1874,
197 carabines Gras modèle 1874;
1 révolver Lebel modèle 1892,
16 sabres baïonnettes mousqueton 1892;
25600 cartouches pour mousqueton Lebel,
36570 cartouches pour fusils et carabines Gras,
269 cartouches pour révolver Lebel.

Sans compter les fusils et munitions de chasse volés ensuite chez.....

chez les particuliers.

C'était là un effectif et un armement supérieurs à ceux de deux compagnies de tirailleurs tonkinois.

Après avoir fait habiller de neuf tous ces hommes au magasin de la garde indigène, le dôi Cân fit cerner la perception et bloquer au premier étage les quatre soldats Européens qui en assuraient la garde, fit sauter le coffre fort et le caveau et s'empara de 71.670 piastres. Les révoltés pillèrent ensuite la Résidence, la Recette des Douanes, puis la poste où ils s'emparèrent de 501 piastres et peut-être des plis chargés. Tout ceci se passa dans les journées du 31 Août et du 1er Septembre.

Il est temps d'examiner quelle avait été l'attitude des autorités dans cet intervalle.

M. le Directeur des Postes prévenu le 31 Août à 1 H 35 du matin par le préposé indigène du bureau de Thaï-Nguyên que celui-ci avait été assailli à minuit par cinq miliciens se disant réformistes qui lui avaient ordonné de couper les fils et avaient emporté les deux appareils Morse, en rendit compte immédiatement à MM. le Résident Supérieur; à la même heure, M. le Général Commandant Supérieur était avisé par la voie télégraphique par le Lieutenant Commandant d'Armes à Thaïnguyên que la brigade de garde indigène et 250 prisonniers s'étaient révoltés.

A 4 heures du matin tous les Résidents des provinces limitrophes de celle de Thaï-Nguyên étaient déjà alarmés, invités à surveiller les routes, à convoquer les partisans, à envoyer des émissaires et à prendre toutes précautions utiles; le Résident Supérieur partait ensuite aussitôt avec le Général Commandant Supérieur pour se rendre compte de la gravité des évènements, pour Thaï-Nguyên où le Résident de France les avait précédés en s'établissant à la ferme de.....

VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN NĂM 1917 BẢN KHẨU CUNG NGUYỄN VĂN NHIÊU

LÊ XUÂN PHƯƠNG

Cách đây 70 năm, ngày 30-8-1917, dưới sự lãnh đạo của các ông Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã bùng nổ. Đây là một cuộc khởi nghĩa vũ trang lớn nhất, kéo dài nhất và có tiếng vang lớn nhất ở nước ta trong thời kỳ đại chiến thế giới lần thứ nhất. Nghĩa quân tức "*Nam binh phục quốc*" bao gồm một số binh lính, hạ sĩ quan Việt nam yêu nước trong quân đội Pháp đóng ở Thái Nguyên; một số chính trị phạm bị thực dân Pháp bắt giam ở đây vì tham gia những phong trào yêu nước chống Pháp như phong trào Đông Du, khởi nghĩa Yên Thế, khởi nghĩa Việt Nam Quang phục Hội, v.v... một số nhân dân địa phương, trong đó có 50 công nhân làm việc ở mỏ than Phấn Mễ, mỏ kẽm Lang Hít; một số tù

thường phạm được nghĩa quân giác ngộ - đã nổi dậy giành chính quyền và làm chủ tỉnh lỵ Thái Nguyên trong một tuần lễ (30/8 - 5/9/1917); đã có quốc kỳ (nền vàng với 5 ngôi sao đỏ), quốc hiệu (Đại Hùng) và ra Tuyên ngôn long trọng tuyên bố với nhân dân trong và ngoài nước việc thành lập chính quyền cách mạng ở nước ta.

Thực dân Pháp vô cùng hoảng sợ. Chúng tập trung một lực lượng lớn gồm có: 1086 sĩ quan, hạ sĩ quan, binh lính người Âu, 1626 hạ sĩ quan, binh lính nguỵ: tổng cộng là 2712 tên: chưa kể còn có 1139 lính tập, lính dõng, bồi bếp, có pháo binh, tàu chiến trợ lực; và một màng lưới chức dịch, quan lại người Việt từ cấp xã lên cấp tỉnh ở Thái Nguyên và ở một số tỉnh khác tham gia chỉ điểm, hỗ trợ; để đàn áp cuộc khởi nghĩa.

Tuy nhiên sau khi bắt buộc phải rút lui khỏi tỉnh lỵ Thái Nguyên (5/9/1917), nghĩa quân vẫn tiếp tục hoạt động và đánh địch trên một địa bàn khá rộng gồm một số tỉnh ở trung du và đồng bằng Bắc kỳ như Thái Nguyên, Vĩnh Yên, Sơn Tây, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hưng Yên, Hà Đông, Hà Nam. Sau hơn 6 tháng tồn tại (30/8/1917 - 4/3/1918) cuộc khởi nghĩa đã bị thất bại hoàn toàn. Trong khi hoạt động đánh địch có một số nghĩa quân bị địch bắt.

Sau đây chúng tôi xin giới thiệu nội dung của một bản khẩu cung do Tổng đốc Hà Đông Hoàng Trọng Phu và Kinh lịch Phạm Tuyên tiến hành tra hỏi một trong những

nghĩa quân tham gia khởi nghĩa Thái Nguyên bị địch bắt: ông Nguyễn Văn Nhiêu (tức Quyền Nhiêu), ngày 25 tháng 8 âm lịch Khải Định năm thứ hai (10-10-1917).

Thông qua nội dung của bản khâủ cung này, chúng ta được biết thêm về thành phần và bộ chỉ huy nghĩa quân, diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa, một số hoạt động của bộ phận nghĩa quân của Nguyễn Văn Nhiêu sau khi rút khỏi tỉnh lỵ Thái Nguyên vừa hành quân vừa đánh địch ở Tam Đảo, Vĩnh Yên,Phúc Yên, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Đông; cũng như quan hệ giữa nghĩa quân với nhân dân ở các địa phương mà nghĩa quân giao tiếp.

Chúng tôi xin lưu ý một điều là trong bản khẩu cung, Nguyễn Văn Nhiêu có lẽ muốn đánh lạc hướng dò xét của địch nên đã khai không đúng về nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên: do bị trừng phạt nên " *mới tức giận, khởi loạn để báo thù*" chăng?[1]

Tài liệu này do chúng tôi sưu tầm được trong phòng lưu trữ Hà Đông đã chuyển nộp lên Kho lưu trữ Trung ương, nguyên bản của nó là chữ Nôm, xin chuyển sang bản chữ Việt để tiện dụng.

" *Ngày 25 tháng 8 âm lịch, khải định năm thứ hai*[1]

Bản khẩu cung tên Nguyễn Văn Nhiêu

- Hỏi: Anh tên là gì, bao nhiêu tuổi, làm nghề gì?

[1] Đối chiếu với dương lịch là ngày thứ tư 10 -10 -1917

Nguyên quán của anh ở đâu? Bố mẹ của anh còn sống hay đã chết? Từ trước đến nay anh có bị can án gì không?

- Trả lời: Tôi là Nguyễn Văn Nhiêu, 39 tuổi, nguyên quán ở làng Dã Cát, tổng Dã Cát, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây. Bố tôi là Nguyễn Văn Hiệu ,chết. Mẹ tôi là Nguyễn Thị Mạo còn sống. Tôi sinh được một con gái. Tôi làm lính khố xanh đóng ở tỉnh Thái Nguyên từ năm 1904, số lính 257. Tôi không nhớ rõ tôi được "đóng Bếp" từ năm nào. Năm 1912 trong khi canh gác, tôi ngủ trong phiên gác nên bị giáng chức xuống làm lính.

- Hỏi: Tại sao lính khố xanh ở Thái Nguyên khởi loạn và việc khởi loạn này do ai xướng xuất?

- Trả lời: Ở trại lính khố xanh, có các thày Đội Cấn, thày Đội Giá, thày Đội thư lại, thày Đội Xuyên, thày Đội Năm và thày Đội số lính 935 thường bị quan Giám binh và thày Phó quản Lạp trừng phạt, cho nên các thày Đội ấy mới tức giận khởi loạn để báo thù. Việc khởi loạn này là do các thày Đội Cấn, thày Đội thư lại, thày Đội Năm xướng xuất lên ở trong lính khố xanh. Thày Đội Cấn và thày Đội thư lại nhận nhiệm vụ giết quan giám binh và thày Quản Lạp. Ở nhà giam, thày Đội Năm nhận nhiệm vụ giết hai vợ chồng ông Tây cai quản nhà giam, rồi tháo xiềng xích cho tù nhân ra.

- Hỏi: Trước khi khởi loạn các anh có hội họp bàn định với nhau không?

- Trả lời : Việc khởi loạn này tôi không được biết, và các thày Đội ấy bàn định với nhau từ bao giờ, tôi cũng không rõ. Nhưng tôi dò xét ý tứ thì thấy 6 thày Đội ấy thân thiết với nhau lắm và ngày đêm hay trò chuyện với nhau. Đến trưa ngày 12 tháng 7 âm lịch[2] là ngày Chủ nhật, thày Đội bèn làm một mâm cỗ thịnh soạn với hai chai rượu và mang từ nhà vào trại lính khố xanh, rồi cả 6 thày Đội ấy ăn uống với nhau. Đến đêm hôm 12 vào khoảng 11 giờ thì cuộc khởi loạn xảy ra.

- Hỏi : Khi các thày đội ăn uống với nhau, anh có nghe thấy các thày ấy nói chuyện, bàn bạc gì không ? Thường ngày anh có thấy các thày Đội ấy nói chuyện với tên Ba Quyến hoặc những tên tù nhân khác không ?

- Trả lời: Khi các thày Đội ấy nói chuyện, bàn bạc với nhau, tôi không được biết. Còn tên Ba Quyến tức Thủ Quyến bị giam cầm suốt cả ngày đêm nên tôi không biết các thày Đội ấy có âm mưu gì với Ba Quyến và bọn tù nhân không? Việc canh gác ở nhà giam thì cứ mỗi tối giao cho một thày Đội với 12 tên lính làm nhiệm vụ. Vào tối hôm khởi loạn, thày Đội Năm và bọn lính canh gác ở nhà giam. Đúng 11 giờ đêm ngày 12 tháng 7 âm lịch ở trại lính

---

[2] Đối chiếu với dương lịch là ngày Chủ nhật 29-8-1917. Chúng tôi ngờ rằng ông Nguyễn Văn Nhiều có thể nhớ sai ngày tháng bùng nổ của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên chăng ? Bởi lẽ vào khoảng 22 giờ đêm thứ Hai 30-8-1917 tức là ngày 13-7 âm lịch cuộc khởi nghĩa này mới chính thức bắt đầu với việc nghĩa quân giết tên giám binh Nô-en và những tên tay sai đắc lực của Pháp như Đội Hành, Quản Lạp; giết hai vợ chồng tên Giám ngục Lô-ê nổi tiếng độc ác , tàn bạo.

khố xanh bỗng có một phát súng bắn lên, rồi quan Giám binh, thày Quản Lạp và thày Đội Hành đều bị giết ngay. Trong khi đó bọn lính ở nhà giam nghe thấy tiếng súng nổ ở trại lính khố xanh cũng lập tức bắn một phát súng rồi giết luôn hai vợ chồng ông Tây cai quản nhà giam; đồng thời bắt tù nhân là thợ rèn tháo hết xiềng xích cho các tù nhân khác đang bị giam giữ. Hễ tháo xiềng xích được cho bao nhiêu tù nhân, thày Đội Giá lại giao ngay cho binh lính giải họ vào trại lính khố xanh để phát súng đạn, quần áo cho họ. Khi đã giết được các ông Tây rồi, thày Đội Cấn ra lệnh thổi kèn và sai lính đến canh gác ở trại lính khố xanh và nhà giam như cũ. Do đó các quan Tây và dân phố không ai hay biết gì cả. Khi đưa tù nhân vào trại lính khố xanh, tôi thấy có một tù nhân tên là Ba Chỉ cõng Ba Quyến vào đấy vì Ba Quyến bị giam giữ lâu ngày, hai chân của hắn bị thọt không đi lại được.

- Hỏi: Khi anh thấy tên tù nhân cõng ba Quyến vào trại lính khố xanh thì các thày Đội có mặt ở đấy đối xử với Ba Quyến như thế nào?

- Trả lời: Trong số tù nhân này chỉ có Ba Quyến và một tù nhân nữa gọi là "Quan Hai Tàu", người ở huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh, là được các thày Đội có mặt ở đấy đối xử trọng vọng hơn cả. Trong 4,5 ngày ở tỉnh lỵ Thái Nguyên, hai người này (chỉ Ba Quyến và "Quan Hai Tàu"- chúng tôi chú thích) thường cùng ngồi với các thày Đội làm việc giấy tờ. Ngoài ra còn có tên tù nhân Ba Chỉ, các tên

Cai Cờ và Đồ Ba, là những người rất tin cẩn của các thày Đội. Khi các thày Đội tập hợp tất cả các binh lính lại và hỏi:" Ai không bằng lòng đi theo, đứng ra một bên", thì chỉ có 3 người Cai và 7 người lính kêu van là họ già cả, xin được trở về. Lập tức thày Đội Cấn sai Đồ Ba và Ba Chỉ chém luôn 3 người cai và 7 người lính này, lấy đầu của họ chất đống ở đấy, còn thi thể của họ đem chôn ở sau nhà ông"công táp" khố xanh[3]

- Hỏi: Hiện nay Ba Quyến và "Quan Hai Tàu" ở đâu?

- Trả lời: Sáng ngày 18 tháng 7 âm lịch [4] *Ba Quyến bị trúng đạn trái phá, vỡ đầu chết. Khi đạn trái phá bắn vào trong trại lính khố xanh làm đổ một góc "nhà giấy"*[5]*, gạch đổ đè cả lên người Ba Quyến : thì thày Đội Cấn mới ra lệnh cho chúng tôi bỏ tỉnh lỵ Thái Nguyên để lên làng Gia Tiên là tầng (?) mỏ than. Tôi đã thực sự nhìn thấy Ba Quyến chết. Còn tên "Quan Hai Tàu" hãy còn sống, hắn là một người tài giỏi, nhanh nhẹn lắm.Tôi nghe nói hắn đã sang Nhật học trong 3 năm, rồi hắn lại sang Tàu học thêm 2 năm nữa, làm Quan hai bên Tàu, nên gọi là "Quan Hai Tàu".*

- Hỏi: Việc giết quan Giám binh, thày Quản Lạp, thày Đội Hành và hai vợ chồng ông Tây cai quản nhà giam thì do ai hạ thủ ?

---

[3] Chỉ viên kế toán (comptable)
[4] Đối chiếu với dương lịch là ngày thứ bảy 4 - 9 -1917
[5] Chỉ Văn phòng của trại lính khố xanh

- Trả lời: Việc giết quan Giám binh là do thày Đội Cấn, thày cai Mập và thày cai lính 81 thi hành: thày Đội Xuyên và tên lính số 846 giết thày Quản Lạp; còn thày Đội Hành bị tên lính số 1306 giết chết. Việc giết hai vợ chồng ông Tây cai quản nhà giam là do thày Đội Năm và bọn lính canh gác nhà giam thực hiện.

- Hỏi: Ai giết ông Lục Lộ?[6]

- Trả lời: Sau khi chúng tôi khởi loạn, hai hôm sau thày Đội Xuyên mới đem theo một toán lính và cốt mìn đến phá nhà ông Lục lộ và giết ông ấy.

- Hỏi: Ai phá nhà Giây thép [7]*, phá nhà quan Công sứ và nhà Kho bạc?*[8]

- Trả lời: Đêm 12[9] *sau khi giết các ông Tây, thày Cai Mánh đem theo 5 người lính vào bắt người chủ nhà Giây thép phải cắt giây thép và phá huỷ các máy móc*[10] *. Thày Đội số lính 935 đem theo 20 người lính đến phá nhà quan Công sứ, rồi đóng ở đấy, đánh nhau với lính Tây. Thày Đội Năm đem theo 50 người lính và cốt mìn đến phá nhà Kho*

---

[6] Chỉ tên viên chức làm công tác công chính

[7] Chỉ bưu điện Thái Nguyên

[8] Chỉ ngân hàng Thái Nguyên

[9] Chỉ ngày 12 tháng 7 âm lịch (tức là ngày chủ nhật 29-8-1917). Chúng tôi ngờ rằng ông Nguyễn Văn Nhiêu có thể nhớ sai ngày tháng bùng nổ của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên; sự thực là ngày 30-8-1917

[10] Chỉ việc nghĩa quân bắt tên phụ trách nhà Bưu điện Thái Nguyên phải phá huỷ những phương tiện dùng để thông tin liên lạc với các nơi khác trong và ngoài Thái Nguyên

bạc. Khi ông Kho bạc[11] *chạy sang trại lính Tây, quân lính của thày Đội Năm bèn lấy bạc ở trong kho bạc ra và khiêng vào nhà giam. Số bạc chỉ khiêng được một xắc gạo thôi. Khi các quan Tây lên đánh Thái Nguyên, các thày Đội bèn đem số bạc lấy được ấy đóng vào thùng mang đi, còn thừa bao nhiêu thì các thày cho dân vào lấy. Tôi thấy khiêng đi được 7 khiêng, 4 thùng bạc lớn, 1 thùng bạc hào, 2 thùng bạc giấy.*

- Hỏi: Trong mấy ngày ở Thái Nguyên các anh làm những công việc gì?

- Trả lời: Đêm 12 rạng ngày 13[12] *các thày Đội đã cấp phát cho bọn tù nhân ở nhà giam quần áo lính và súng đạn giống như binh lính khác. Sáng ngày 13*[13] *các thày Đội mới chia quân ra thành 8 bộ phận đóng giữ ở các đường để ngăn cản quân Tây kéo lên Thái Nguyên. Hai bộ phận do thày Đội Giá và thày Đội Xuyên chỉ huy đóng trên đường đi Hà Nội. Một bộ phận do thày Cai Mánh chỉ huy đóng trên đường đi Mỏ Nhai. Một bộ phận của thày Đội Khôi đóng trên đường lên Chợ Chu. Một bộ phận do tên lính khố xanh Phương cai quản đóng trên đường đi Sơn Tây. Một bộ phận của thày Đội Năm đóng ở nhà giam. Một bộ phận của thày*

---

[11] Chỉ viên phụ trách Ngân hàng Thái Nguyên

[12] Chỉ ngày 12 và ngày 13 tháng 7 âm lịch (tức là ngày chủ nhật 29 và ngày thứ hai 30-8-1917). Có thể ông Nguyễn Văn Nhiêu nhớ sai ngày tháng như chúng tôi đã nêu ở chú thích số 2 và chú thích số 9 chăng?

[13] 14Chỉ ngày 13 tháng 7 âm lịch (tức là ngày thứ hai 30-8-1917). Đúng ra là ngày 14 tháng 7 âm lịch (tức là ngày thứ ba 31-8-1917). Có thể ông Nguyễn Văn Nhiêu nhớ sai ngày tháng chăng?

Đội số lính 935 chỉ huy đóng ở dinh quan công sứ. Còn một bộ phận nữa do thày Đội Cấn, thày Đội Thư lại, Ba Quyến và "Quan Hai Tàu" chỉ huy đóng ở trại lính khố xanh để trông nom và thông tin tức cho các bộ phận khác. Trưa ngày 13[14] trong trại lính khố xanh có thiết lập ban thờ, giết hai con gà, làm lễ tế cờ và làm thịt 4 con bò để khao quân; sau đó các toán quân lần lượt kéo đi đóng ở các nơi.

- Hỏi: Các thày Đội khố xanh và tên Ba Quyến đã nhận những chức vụ gì?

- Trả lời: Thày Đội Cấn và thày Đội thư lại làm Chánh tướng, Phó tướng, thày Đội Năm làm quan Năm; thày Đội Giá làm quan Tư; thày Đội Xuyên và thày Đội số lính 935 đều làm quan Ba; thày Đội Khôi, thày Cai Mập, thày Cai Nghị và thày Cai số lính 846 đều làm quan Hai; tên Phương, tên Chén đều làm quan Một[15]. Còn Ba Quyến và "Quan Hai Tàu" không nhận chức vụ gì cả.

- Hỏi: Các anh dựa vào đâu để khởi loạn?

- Trả lời: Tôi nghe nói rằng các thày Đội dự định đến tháng 8 âm lịch mới khởi loạn[16].

---

[15] Những chức vụ chỉ huy mà một số người tham gia nghĩa quân được phong hoặc tự phong như Chánh tướng, Phó tướng, quan Một, quan Hai, quan Ba, quan Tư, quan Năm... xin tạm thời hiểu rằng đó là các chức Tư lệnh trưởng, Tư lệnh phó, Thiếu uý, Trung uý, Đại uý, Thiếu tá, Trung tá...

[16] Đối chiếu với dương lịch là các tháng 9, 10-1917 (16 -9 - 15 -10-1917)

Nhưng khi nghe tin Nhà nước sắp sửa đưa 800 lính khố xanh sang Tây nên việc khởi loạn phải làm ngay. Vả lại các thày Đội ấy lại tin tưởng rằng bọn lính khố đỏ và lính khố xanh ở một số đồn trong tỉnh Thái Nguyên cũng hưởng ứng theo binh lính đóng ở tỉnh lỵ Thái Nguyên để khởi loạn. Nhưng tôi không biết tại sao binh lính tại các đồn ấy lại không về tỉnh lỵ Thái Nguyên như đã ước hẹn để cùng tham gia việc khởi loạn. Chỉ có thày Đội Khôi ở đồn Trường Xá nhận về lãnh lương, rồi cũng gia nhập theo chúng tôi luôn. Thày Đội ở đồn Hà Châu thì bỏ chạy. Ngày 14 tháng 7 âm lịch [17] có một thày Cai và 3 người lính khố đỏ nhân đi tải đồ (?) về tỉnh lỵ Thái Nguyên đã bị thày Đội Cấn bắt vào trại lính khố xanh, cho ăn uống tử tế, cho 20 đồng bạc rồi bảo họ về xúi giục binh lính khố đỏ đóng ở đồn Chợ Chu khởi loạn. Đến sáng ngày 15 [18] bọn lính khố đỏ ấy trở về Chợ Chu, nhưng khi đi qua đồn Lu lại bị quan chỉ huy lính khố xanh ở đồn Lu bắt giữ, tước mất súng nên họ không thể nào thông tin cho binh lính ở đồn Chợ Chu biết được. Chúng tôi đóng giữ ở tỉnh lỵ Thái Nguyên đến ngày 18[19], nhưng không thấy binh lính ở đồn nào về cả, và

---

[17] Đối chiếu với dương lịch là ngày thứ ba 31-8-1917

[18] Chỉ ngày 15 tháng 7 âm lịch (tức là ngày thứ tư 1-9-1917)

[19] Chỉ ngày 18 tháng 7 âm lịch (tức là ngày thứ bảy 4-9-1917). Chúng tôi ngờ rằng ông Nguyễn Văn Nhiêu có thể nhớ sai ngày tháng chăng? Đúng ra là ngày chủ nhật 5-9-1917 (tức là ngày 19 tháng 7 âm lịch) sau khi quân Pháp chiếm lại được tỉnh lỵ Thái Nguyên, nghĩa quân mới chịu rút lui khỏi nơi đây và vừa hành quân vừa đánh địch ở nhiều nơi khác thuộc Thái Nguyên, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Sơn Tây, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hưng Yên, Hà Đông, Hà Nam

lại thấy quân Tây kéo ở Hà Nội lên đông lắm, bắn trái phá vào tỉnh lỵ nên chúng tôi phải chạy lên Giang Tiên một đêm, ngày hôm sau chúng tôi lại kéo sang Hùng Sơn. Khi ở Hùng Sơn ra đi, trời tối và mưa, chúng tôi gồm có 16 người đi chậm, lạc đường nên không biết cánh quân của thày Đội Cấn đi đâu mất.

- Hỏi: Các anh có tất cả bao nhiêu người và dân chúng ở tỉnh lỵ Thái Nguyên có theo các anh không?

- Trả lời: Bọn cu li làm việc ở mỏ than hoặc ở mỏ kẽm theo chúng tôi ước chừng hơn 50 người, còn lính khố xanh và tù nhân theo chúng tôi ước chừng 400 người.

- Hỏi: Toán của các anh có 16 người là những tên nào và từ khi ở Hùng Sơn ra đi cho đến Cốc Thôn, các anh đã đi qua những làng nào?

- Trả lời: Chúng tôi gồm có 7 lính khố xanh mang các số lính sau: 1193, 1171, 1325, 1127, 1306 và 710; tôi và 9 tù nhân khác là: Gạch (ở tỉnh Hưng Yên); Tư Cần (ở làng Đáp Cầu, tỉnh Bắc Ninh), Phó Uyên (ở tỉnh Hưng Yên), Bạ (ở tỉnh Phúc Yên), Phó May (chuyên may quần áo cho vợ ông tây cai quản nhà giam), Thông (không rõ ở tỉnh nào, chỉ biết hắn chuyện việc biên chép cho ông Tây giám ngục), còn 3 tù nhân nữa tôi không biết tên. Người lính số 1036, tên Phó May, tên Thông và một tù nhân nữa (tôi không biết tên), người bị sốt, người bị bệnh thổ tả, người bị

bệnh chân không đi được; nên chúng tôi phải để họ ở lại trong một cái quán ngói ở gần làng Hiền Lương. Súng đạn của họ thì chúng tôi giao cho một người lính khố đỏ về hưu ở Hiền Lương, 2 người làm than ở Phúc Yên và một đứa trẻ con làm việc ở đồn điền Ký Cự gần Tam Đảo cất giấu. Người lính số 710 cũng bị chết vì bệnh sốt nên chúng tôi đã bỏ xác hắn ở lại trong rừng thuộc tỉnh Vĩnh Yên. Từ Hùng Sơn đến Cốc Thôn, chúng tôi đi qua nhiều làng, từ làng này sang làng khác nên không thể nào nhớ hết tên các làng ấy được. Nhưng từ Hùng Sơn (Thái Nguyên) đến Hà Nam, chúng tôi đã đi qua Tam Đảo, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Đông.

- Hỏi: Các anh đã đánh nhau với quan quân mấy trận và trong số các anh có ai bị chết, có ai bị thương không?

_ Trả lời: Chúng tôi đánh nhau với quan quân tất cả 7 trận: 1 trận ở làng Hiền Lương , 1 trận ở làng Tĩnh Quang, 1 trận ở sông Đuống, 1 trận ở chùa Quàn (làng Yên Viên, tỉnh Hưng yên), 1 trận ở đê Vĩnh Thuận (huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông), 1 trận ở làng Hoà Khê và 1 trận ở Cốc Thôn, tỉnh Hà Nam. Trong trận đánh ở Tĩnh Quang , người lính số 1127 bị thương xuyên qua hai má và gẫy hai cái răng. Trong trận đánh ở Cốc Thôn, 2 người lính số 1171 và số 1325 và tên Gạch đều bị thương, chết trận. Sau đó chúng tôi bỏ chạy về Tuyết Sơn.

- Hỏi: Anh nói rằng ngày 13 tháng 7 âm lịch [20] thày Đội Cấn chia quân ra làm 8 bộ phận, vậy toán quân của anh gồm có 16 người thuộc vào bộ phận nào?

- Trả lời: Toán quân của chúng tôi thuộc về bộ phận của tên Phương chỉ huy đóng trên đường đi Sơn Tây.

- Hỏi: Anh cho biết toán quân của anh có 16 người, vậy khi về đến Cốc Thôn các anh còn lại bao nhiêu người, bao nhiêu khẩu súng và số súng ấy hiện nay để ở đâu?

- Trả lời: Chiều ngày 18 tháng 8 âm lịch [21] chúng tôi chạy về đến Cốc Thôn vẫn có đủ cả 16 người và 16 khẩu súng . Nhưng ngay đêm hôm ấy bị quan quân về vây đánh, chúng tôi đã bị chết mất 2 người lính mang số 1171 và 1325 và tên tù nhân Gạch. Chúng tôi đã nhặt được súng của 3 người ấy, rồi phải kéo nhau đi ẩn nấp. Đến gần trưa ngày hôm sau, chúng tôi không có gì ăn, đói quá, phải kéo nhau ra cái đồi gần đấy đào sắn mà ăn. Còn súng đạn thì chúng tôi cất giấu ở một nơi . Bất thình lình lại bị quan quân kéo đến vây đánh, chúng tôi hoảng hốt, không kịp lấy súng đạn, chỉ chạy trốn tay không mà thôi. Tôi với tên lính Nguyễn Văn Tri cùng chạy một lối ra gần đến Tuyết Sơn thì bị bắt. Còn những người kia, chúng tôi không biết họ có chạy thoát được không hay là cũng bị quan quân bắt được rồi?

---

[20] Đối chiếu với dương lịch là ngày thứ hai 30-8-1917. Sự thực là đêm 30-8-1917 (13 tháng 7 âm lịch) cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên mới bùng nổ và ngày hôm sau, thứ ba 31-8-1917 ông Đội Cấn đã chia quân làm 8 bộ phận để bảo vệ tỉnh lỵ Thái Nguyên, chống lại quân Pháp từ Hà Nội kéo lên đánh chiếm

[21] Đối chiếu với dương lịch là ngày thứ tư 3-10-1917

- Hỏi: Khi các anh đi qua các làng thì dân chúng có tiếp đón các anh tử tế không và họ có theo các anh không?

- Trả lời: Khi đi đến các làng , chúng tôi bắt giữ những người "đàn anh" ở trong làng và bắt họ phải làm cơm cho chúng tôi ăn. Nhưng ăn cơm hoặc mua bán thứ gì, chúng tôi đều trả họ tiền rất sòng phẳng. Không có dân chúng nào theo chúng tôi, còn đi đến đâu chúng tôi chỉ bắt một người đi theo làm công việc dẫn đường mà thôi.

- Hỏi: Các anh có muốn kêu xin gì không?

- Trả lời: Việc khởi loạn này là do bè lũ Đội Cấn bắt ép chúng tôi phải đi theo chúng. Nếu chúng tôi không theo, chúng nó sẽ giết chúng tôi ngay. Nay Quan lớn hỏi, chúng tôi cứ thực tình trình bày. Xin Quan trên lượng xét lại cho chúng tôi được nhờ cậy. Nếu cung khai man trá, chúng tôi xin chịu tội.

Nay cung.
Nội đồ: 6 chữ. Di :10 chữ
Thừa nhận cung: Nguyễn Văn Nhiêu, điểm chỉ
Kinh lịch: Phạm Tuyên bút dựng
Le Tổng đốc: Hoàng Trọng Phu

Dưới bản khẩu cung có dấu son khắc 4 chữ triện "Hà Đông tổng đốc"

- Hỏi: Khi các anh đi qua các làng thì dân chúng có tiếp đón các anh tử tế không và họ có theo các anh không?

- Trả lời: Khi đi đến các làng, chúng tôi bắt giữ những người "dân anh" ở trong làng và bắt họ phải làm cơm cho chúng tôi ăn. Nhưng ăn cơm hoặc mua bán thứ gì, chúng tôi đều trả họ tiền rất sòng phẳng. Không có dân chúng nào theo chúng tôi, còn đi đến đâu chúng tôi chỉ bắt một người đi theo làm công việc dân dưỡng mà thôi.

- Hỏi: Các anh có muốn kêu xin gì không?

- Trả lời: Việc khởi loạn này là do bé lũ Đội Cấn bắt ép chúng tôi phải đi theo chúng. Nếu chúng tôi không theo, chúng nó sẽ giết chúng tôi ngay. Nay Quan lớn hỏi, chúng tôi cứ thực tình trình bày. Xin Quan trên lượng xét lại cho chúng tôi được nhờ cậy. Nếu cung khai man trá, chúng tôi xin chịu tội.

Nay cung.

Nội đồ: 6 chữ. Di: 10 chữ

Thừa nhận cung: Nguyễn Văn Nhiêu, điểm chỉ

Kinh lịch: Phạm Tuyên bút dụng

Le Tổng đốc: Hoàng Trọng Phu

Dưới bản khẩu cung có dấu son khắc 4 chữ triện "Hà Đông tổng đốc"

MỤC LỤC
KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN TÁM MƯƠI NĂM NHÌN LẠI

Trang

Lời giới thiệu

Nguyễn Ngô Hai
Ủy viên Trung ương Đảng
Bí thư Tỉnh uỷ tỉnh Thái Nguyên. 3

***PHẦN I:* TỈNH THÁI NGUYÊN VÀ KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN.**

Đất Thái Nguyên và con người Thái Nguyên trong lịch sử với cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917.

Nguyễn Thành Luận
và Nguyễn Thanh Bình
(Sở VH-TT-TT TN) 15

Vài nét về Thái Nguyên những năm tháng trước cuộc Khởi nghĩa của Đội Cấn (8-1917).

PGS-PTS Dương Kinh Quốc (VSH) 33

Trang

Thái Nguyên Khởi nghĩa.

Trần Huy Liệu 47

Khởi nghĩa Thái Nguyên, nguyên nhân và diễn biến.

PGS-PTS Cao Văn Biền (VSH) 59

Khởi nghĩa Thái Nguyên (1917) các đặc điểm hình thành và phát triển.

GS-Nhà giáo Nhân dân Đinh Xuân Lâm (ĐHQGHN) 81

Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917.

PGS Ngô Văn Hòa (VSH) 95

Đội Cấn, con người và sự nghiệp.

PGS Vũ Huy Phúc (VSH) 113

Lương Ngọc Quyến (1885-1917) với cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên.

PGS-PTS Chương Thâu (VSH) 127

Nghĩa sĩ Yên Thế trong cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917.

PGS Nguyễn Văn Kiệm (ĐHSPHN) 137

Nhân dân Phổ Yên trong cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917.

Nguyễn Hữu Khánh (Huyện Phổ Yên) 147

Trang

Thủ lĩnh Ba Chén và nhân dân Hoàng Đàm với cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917.
Lê Ngọc Oanh (Phổ Yên) và Phạm Như Thơm (SVH) 167

Cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên 1917 trong tài liệu lưu trữ của thực dân Pháp.
Đào Thị Diến (TTLTQG-I) 183

***PHẦN II:* KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN SỐNG MÃI**

Cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên với phong trào Châu Á thức tỉnh.
PTS Phạm Quang Trung (SVH) 207

Sáu bài thơ của Ngô Đức Kế về cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên.
PTS Nguyễn Minh Tường 223

Nguyên nhân thất bại của cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên.
PTS Trần Hữu Đính (VSH) 241

Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 và ý nghĩa của nó đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa của nhân dân các dân tộc Thái Nguyên ngày nay.
Lương Đình Lũng
Giám đốc Sở VH-TT-TT tỉnh Thái Nguyên. 255

Trang

Di tích Khởi nghĩa Thái Nguyên hiện trạng và giải pháp.
Đồng Khắc Thọ
Bảo tàng tỉnh Thái Nguyên 267

***PHẦN III:* TƯ LIỆU**

Những bản tuyên ngôn độc lập của cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên.
PGS Ngô Văn Hòa 275

Vài nét về Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917.
PGS-PTS Dương Kinh Quốc 291

Một số ảnh tư liệu liên quan tới cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên - 1917 345

Bức thư viết tay của Lương Ngọc Quyến. 351

Một bài thơ của Lương Ngọc Quyến gửi cho vợ.
PGS-PTS Chương Thâu 353

7. Khởi nghĩa Thái Nguyên (Trích bản phúc trình ngày 3 tháng 6 năm 1920 của BAFFELEUF).
Nguyễn Thị Hương Canh
Đại học Thái Nguyên 355

Về cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, bản khẩu cung của Nguyễn Văn Nhiêu.
Lê Xuân Phương 363

Mục lục 379

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

LƯƠNG ĐÌNH LŨNG
NGUYỄN THÀNH LUẬN
TRẦN ĐỨC CƯỜNG

TỔ CHỨC BẢN THẢO

PHẠM QUANG TRUNG
NGUYỄN THANH BÌNH

BIÊN TẬP

PGS-PTS CAO VĂN BIỀN
PTS PHẠM QUANG TRUNG
NGUYỄN THANH BÌNH

VI TÍNH

QUANG TRUNG

SỬA BẢN IN

DIỄM HẰNG - THU HIỀN

Số lượng 600 bản. GPXB số 03/VHTT-TT của Sở VHTTTT Thái Nguyên, in tại Xí nghiệp in Thái Nguyên. Xong và nộp lưu chiểu tháng 8-1997.

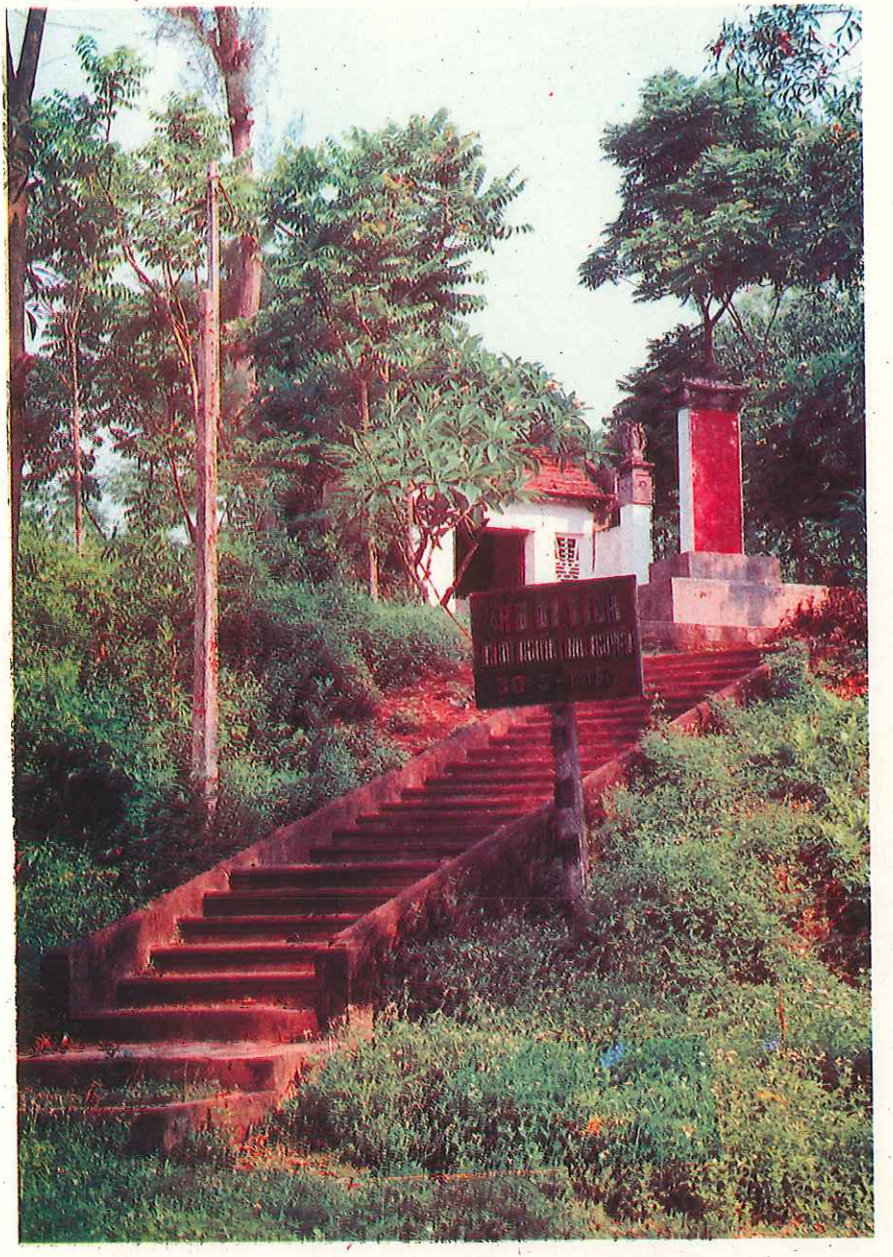

Đền thờ Đội Cấn tại phường Hoàng Văn Thụ Thành phố Thái nguyên

Ảnh: **ĐỒNG KHẮC THỌ**